

NGUYỄN THÁI HÀ (Chủ biên)
NGUYỄN HỮU CHÍNH - BUI ĐÌNH HÀ
ĐẬU QUANG HỒNG - NGUYỄN THỊ VIỆT THUẦN

ÔN LUYỆN THI TRUNG HỌC PHỔ THÔNG QUỐC GIA

MÔN **NGỮ VĂN**



DH
QG
Hà Nội

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

NGUYỄN THÁI HÀ (Chủ biên)
NGUYỄN HỮU CHÍNH - BÙI ĐÌNH HÀ
ĐẬU QUANG HỒNG - NGUYỄN THỊ VIỆT THUẦN

ÔN LUYỆN THI TRUNG HỌC PHỔ THÔNG QUỐC GIA
MÔN NGỮ VĂN

LỜI NÓI ĐẦU

Quán triệt Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI của Đảng về *đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học; khắc phục lối truyền thụ áp đặt một chiều, ghi nhớ máy móc” đồng thời “Đổi mới căn bản hình thức và phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục, đào tạo, bảo đảm trung thực, khách quan”; tại Chỉ thị số 3008/CT-BGDĐT ngày 18 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về *nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục chuyên nghiệp năm học 2014-2015* đã nêu: “Tiếp tục triển khai đổi mới phương pháp dạy và học gắn với đổi mới hình thức, phương pháp thi, kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục theo hướng đánh giá năng lực người học; kết hợp đánh giá trong quá trình với đánh giá cuối kì, cuối năm học”. Theo đó, Quyết định số 3538/QĐ-BGDĐT ngày 09 tháng 9 năm 2014 về *việc Phê duyệt phương án thi tốt nghiệp Trung học phổ thông và tuyển sinh đại học, cao đẳng từ năm 2015* Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định: “Từ năm 2015, tổ chức một cuộc thi quốc gia (gọi là kì thi Trung học phổ thông quốc gia) lấy kết quả để xét công nhận tốt nghiệp Trung học phổ thông và làm căn cứ xét tuyển sinh đại học, cao đẳng”... “Để được xét công nhận tốt nghiệp Trung học phổ thông và xét tuyển sinh vào các trường đại học, cao đẳng, thí sinh phải thi 4 môn (gọi là 4 môn thi tối thiểu) gồm 3 môn bắt buộc là Toán, Ngữ văn, Ngoại ngữ và 1 môn tự chọn trong số các môn Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử và Địa lí”... “Các môn Vật lí, Hóa học, Sinh học, Ngoại ngữ: Thi trắc nghiệm, thời gian thi 90 phút”, ... “Đề thi đánh giá thí sinh ở 4 mức độ nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao, đảm bảo phân hóa trình độ thí sinh”. Nhằm giúp các thầy, cô giáo và học sinh có thêm tài liệu tham khảo trong quá trình rèn luyện các kỹ năng ôn tập theo định hướng trên, các tác giả là Chuyên viên Vụ GDTrH và Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức biên soạn và giới thiệu bộ sách ÔN LUYỆN THI TRUNG HỌC PHỔ THÔNG QUỐC GIA các môn học theo quy định.

Cuốn ÔN LUYỆN THI TRUNG HỌC PHỔ THÔNG QUỐC GIA MÔN NGỮ VĂN được biên soạn với mục đích làm tài liệu ôn tập, củng cố kiến thức kỹ năng Ngữ văn hữu ích để học sinh chuẩn bị cho kì thi Trung học phổ thông quốc gia. Cuốn sách được viết theo thứ tự giới thiệu các đề thi và gợi ý làm bài. Mỗi bài có thể có những cách triển khai và trình bày khác nhau, song đây là những gợi ý để giáo viên có thể cấu tạo ma trận khác nhau nhằm kiểm tra và đánh giá năng lực của học sinh.

Tuy nhiên, nội dung cuốn sách được xem là các phương án giả định để giúp học sinh làm quen với nhiều tình huống khác nhau nhằm rèn luyện kỹ năng giải quyết các tình huống của đề thi. Trong quá trình sử dụng, các thầy, cô giáo có thể linh hoạt cấu tạo, xây dựng các tình huống, tổ hợp câu khác nhau phù hợp với mục đích, yêu cầu ôn tập toàn diện của từng đối tượng học sinh, nhóm học sinh sao cho hiệu quả.

Trong quá trình biên soạn sẽ không tránh khỏi những sơ suất, chúng tôi rất mong nhận được những ý kiến đóng góp để cuốn sách ngày càng hoàn thiện hơn.

NHÓM BIÊN SOẠN

ĐỀ 1

I. Phần đọc hiểu

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi hoặc thực hiện các yêu cầu phía dưới:

*“Mẹ ta không có yếm đào,
Nón mê thay nón quai thao đội đầu.
Rối ren tay bí tay bầu,
Váy nhuộm bùn áo nhuộm nâu bốn mùa.
Cái cò... sung chát... đào chua...
Câu ca mẹ hát gió đưa về trời.
Ta đi trọn kiếp con người,
Cũng không đi hết mấy lời mẹ ru.”*

(Ngôi buồn nhớ mẹ ta xưa - Nguyễn Duy)

Câu 1. Hãy cho biết nội dung chủ yếu của đoạn thơ trên? Cho biết tâm trạng của tác giả qua đoạn thơ?

Câu 2. Theo em, chất dân tộc trong đoạn thơ được thể hiện qua những yếu tố nào?

Câu 3. Biện pháp tu từ nào được tác giả sử dụng trong câu thơ “*Váy nhuộm bùn áo nhuộm nâu bốn mùa*”? Phép tu từ đó đã làm nổi bật hình ảnh nào?

Câu 4. Câu thơ “*Câu ca mẹ hát gió đưa về trời*” gợi cho em biết nhân vật trữ tình đang nhớ về người mẹ trong hoàn cảnh nào? Điều đó có ý nghĩa gì?

Câu 5. Theo em, ngoài lời ru, điều gì từ người mẹ có thể theo em cả cuộc đời?

II. Phần làm văn

Câu 1. Trong truyện ngắn *Thuốc*, Lỗ Tấn đã miêu tả Hạ Du, một người trẻ tuổi *dấn thân* trước sự ngỡ ngàng, dè bieu của mọi người.

Theo em, thế hệ trẻ ngày nay phải sống *dấn thân* như thế nào và vì cái gì? Hãy viết một bài văn trình bày quan niệm của em về vấn đề trên.

Câu 2. Ngôi kể trong mỗi tác phẩm văn học luôn mang đến những hiệu quả nghệ thuật độc đáo. Tác phẩm *Rừng xà nu* (Nguyễn Trung Thành) được kể qua lời của cụ Mết, tác phẩm *Những đứa con trong gia đình* (Nguyễn Thi) được kể qua lời của Việt.

Em hãy phân tích ý nghĩa, giá trị của cách chọn ngôi kể như trên.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phân đọc hiểu

1. Yêu cầu chung

Có những hiểu biết cơ bản về thể thơ lục bát, các biện pháp tu từ trong thơ. Từ những kiến thức đó, học sinh hình thành kỹ năng đọc - hiểu, đọc cảm thụ một đoạn thơ, nắm được tâm trạng, tình cảm của nhân vật trữ tình.

2. Yêu cầu cụ thể

Câu 1. Tình cảm sâu nặng của người con đối với mẹ. Tâm trạng của tác giả vừa yêu thương, nuối tiếc vừa tự hào.

Câu 2. Chất dân tộc được thể hiện qua những yếu tố sau:

- Thể thơ lục bát dân tộc.
- Sử dụng các hình ảnh, thi liệu của ca dao dân ca.
- Âm hưởng ngọt ngào của lời ru.

Câu 3. Tác giả sử dụng phép tu từ hoán dụ. Biện pháp này làm nổi bật hình ảnh người mẹ nghèo, vất vả, gian nan. Đó là người mẹ hi sinh cả cuộc đời mình cho những đứa con, dành trọn tình yêu thương cho con.

Câu 4. “*Gió đưa về trời*” là một cách nói giảm. Người mẹ không còn nữa, hình ảnh của bà được tái hiện bằng ký ức, bằng nỗi nhớ thương của người con. Đoạn thơ là những hoài niệm chân thực của người con về mẹ - những hình ảnh sống mãi trong lòng những đứa con thân yêu. Đó là tình cảm hết sức gần gũi, thiêng liêng.

Câu 5. Học sinh có thể nêu một hoặc vài ý (những tình cảm, những lời dạy bảo, những ước mơ, khát vọng...). Các ý phải hay, hấp dẫn, tình cảm phải sâu sắc, chân thành.

II. Phân làm văn

Câu 1.

a. Yêu cầu chung

- *Về kỹ năng:* Có kỹ năng làm bài văn nghị luận xã hội. Bài viết phải có bố cục chặt chẽ, rõ ràng, có đầy đủ các ý; các ý liên kết chặt chẽ với nhau. Bài làm có lập luận sắc bén, dẫn chứng thuyết phục, suy nghĩ, tình cảm phải sâu sắc, chân thành.

- *Về kiến thức:* Có những hiểu biết và quan niệm đúng đắn về ý nghĩa, mục đích và cách sống. Mỗi em phải nhận thức được cách sống dân thân của Hạ Du và vận dụng vào cuộc sống thực tiễn.

b. Yêu cầu cụ thể

- Giải thích:

+ Hạ Du là một chiến sĩ cách mạng trẻ tuổi, sống dấn thân vì lí tưởng cách mạng. Tuy nhiên, cái chết của Hạ Du còn oan ức bởi vì nhiều người chưa hiểu được cách mạng, chưa hiểu được Hạ Du. Lí tưởng của Hạ Du đẹp nhưng thiếu tính thực tiễn.

+ Sống dấn thân là cách sống dám nghĩ, dám làm vì những mục đích, lí tưởng cao đẹp, mang lại lợi ích cho bản thân và xã hội. Sống dấn thân còn mang ý nghĩa dũng cảm, không sợ hi sinh, thất bại, dám khám phá cái mới, cái đẹp, không rập khuôn theo những cái sáo mòn, nhỏ nhen, tầm thường.

- Bàn luận:

+ Sống dấn thân phải vì mục đích, lí tưởng cao đẹp. Đó là sự xả thân vì nghĩa lớn. Ngày nay, trên con đường khám phá những chân lý khoa học, con người phải biết từ bỏ những ham muốn tầm thường, dám sống cực khổ, dám chấp nhận cực khổ vì ước mơ, lí tưởng của mình.

+ Sống dấn thân cần có đam mê sáng tạo, không suy nghĩ, tư duy và hành động theo lối mòn, ít nhiều chấp nhận rủi ro. Con người phải biết vượt qua chính mình, vượt qua mọi hoàn cảnh khắc nghiệt để chinh phục, khám phá sáng tạo những điều tốt đẹp trong cuộc sống.

+ Sống dấn thân phải gắn với tri thức và lòng dũng cảm. Không có tri thức và lòng dũng cảm, chúng ta rất dễ trở nên liều lĩnh, sống buông thả, bất cần. Đó là cách sống mang đến những tác hại lớn cho bản thân và xã hội.

- Bài học về nhận thức và hành động:

+ Phải biết sống dấn thân, không an phận, thủ thường.

+ Dấn thân phải vì những mục đích, lí tưởng, ước mơ cao đẹp.

+ Dấn thân phải bằng chính tri thức, sự hiểu biết và lòng dũng cảm.

Câu 2.

a. Yêu cầu chung

- *Về kĩ năng:* Có kĩ năng viết bài nghị luận văn học. Bài viết có bố cục, kết cấu rõ ràng, chặt chẽ. Văn viết lưu loát, lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, dẫn chứng chính xác, thuyết phục. Bài viết phải kết có sự phân tích sâu sắc, có cảm xúc chân thành, có những suy nghĩ mới mẻ, độc đáo.

- Về kiến thức: Có những hiểu biết cơ bản về tác giả, tác phẩm và ngôi kể trong mỗi tác phẩm. Ngôi kể phải có tác dụng làm nổi bật giá trị tư tưởng của tác phẩm.

b. Yêu cầu cụ thể

- Về tác giả, tác phẩm và ngôi kể:

+ Về tác giả: Nguyễn Trung Thành và Nguyễn Thi đều là những nhà văn trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ. Từ cuộc chiến đấu của đồng bào Tây Nguyên đến những người nông dân Nam Bộ, cả hai tác phẩm đều mang đến âm hưởng sử thi hào hùng.

+ Tác phẩm: *Rừng xà nu* được kể qua lời cụ Mết, khi Tnú trở về thăm làng sau 3 năm đi “lực lượng”. Đó là câu chuyện của một đời người được kể trong một đêm bên bếp lửa. Tác phẩm *Những đứa con trong gia đình* được kể lại qua dòng hồi tưởng của Việt khi anh bị thương và lạc đồng đội trong một trận đánh. Câu chuyện được kể trong tiếng bom đạn, khói súng, trong những lúc Việt vừa mê vừa tỉnh.

- Ý nghĩa, giá trị của cách chọn ngôi kể như trên:

+ Cả hai tác phẩm đều mang âm hưởng sử thi qua cách chọn thời gian, địa điểm, không khí diễn ra câu chuyện, cách kể của người kể chuyện. Cách kể của cụ Mết là cách kể của sử thi (kể khan) Tây Nguyên, còn lời kể của Việt diễn ra trong không khí hào hùng sục sôi của những năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

+ Ngôn ngữ kể chuyện, tư thế của người kể chuyện là ngôn ngữ, tư thế của người anh hùng thời đại. Đó là người anh hùng với lòng căm thù giặc, lòng dũng cảm, ý chí hiên ngang trước kẻ thù. Hình ảnh của Tnú với 10 ngón tay như bó đuốc, lưỡi mác sáng rực của cụ Mết, ngón tay luôn đặt trên cò súng của Việt tạo nên âm hưởng hào hùng của câu chuyện.

+ Nhân vật người kể chuyện là cụ Mết và Việt - những người trực tiếp tham gia câu chuyện. Nó làm cho câu chuyện vừa chân thật vừa sinh động, hấp dẫn, giọng điệu kể chuyện luôn thay đổi làm nổi bật đặc điểm, tính cách của nhân vật.

+ Điểm nhìn của người kể chuyện tạo cho câu chuyện có kết cấu linh hoạt theo lối dòng hiện. Câu chuyện là sự hòa trộn giữa hiện tại, quá khứ và tương lai. Do đó, kết cấu của truyện là kết cấu tâm lý, góp phần làm nổi bật tính cách anh hùng của mỗi nhân vật. Cuộc đời của Tnú, của Việt là một quá trình gắn bó lâu dài, hết lòng trung thành với cách mạng.

+ Lời kể của cụ Mết có sắc thái thâm trầm, từng trải như những lời răn dạy; lời kể của Việt vừa trẻ thơ vừa chân thật gần gũi, bình dị. Hai cách kể này làm nổi bật hai phong cách: Phong cách Tây Nguyên và phong cách Nam Bộ.

ĐỀ 2

I. Phân đọc hiểu

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi hoặc thực hiện các yêu cầu ở phía dưới:

“Bây giờ thì Chí Phèo đã mùa xong. Hẳn mệt quá, lại vật người ra đất. Hẳn đỡ hai con mắt khê rên: hẳn chỉ còn đủ sức để rên khe khẽ. Từ đống mùa bay lại mùi gì thoảng như mùi rượu, hẳn bỗng nhiên rùng mình.

Thị Nở xích lại. Đặt bàn tay lên ngực hẳn (thị suy nghĩ đến bây giờ mới xong), thị hỏi hẳn:

- Vừa thổ hả?

Mắt hẳn đảo lên nhìn thị, nhìn một loáng rồi lại đỡ ra ngay.

- Đi vào nhà nhé?

Hẳn làm như gạt đầu. Nhưng cái đầu không động đây, chỉ có cái mí mắt là nhích thôi.

- Thì đứng lên.

Nhưng hẳn đứng lên làm sao được. Thị quàng tay vào nách hẳn, đỡ cho hẳn gương ngời. Rồi thị kéo hẳn đứng lên. Hẳn đu vào cổ thị, hai người lao đảo đi về lều.

Không có giường, chỉ có một cái chõng tre. Thị để hẳn nằm lên, và đi nhặt nhanh tất cả những manh chiếu rách đắp lên cho hẳn. Hẳn hết rên. Hình như hẳn ngủ. Thị cũng lim dim chực ngủ. Nhưng trong nhà nhiều muỗi quá. Muỗi nhắc cho thị cái áo quên ngoài vườn. Thị ra vườn. Đôi lọ nhắc cho thị việc đi kín nước, thị mài một mặc áo, kín nước, rồi xách đôi lọ nước đi về nhà.

Trăng chưa lặn, không chừng trời còn khuya. Thị lên giường định ngủ. Nhưng thị nhớ lại việc lạ lùng tối qua. Thị cười. Thị thấy không buồn ngủ, và thị cứ lẩn ra lẩn vào.”

(Chí Phèo - Nam Cao)

Câu 1. Hãy cho biết hoàn cảnh giao tiếp trong đoạn văn: Gồm những nhân vật nào? Gặp nhau trong hoàn cảnh cụ thể nào của mỗi người? Thời gian, địa điểm gặp nhau?

Câu 2. Cho biết sự khác nhau trong ngôn ngữ giao tiếp của Chí Phèo và Thị Nở? Tại sao có sự khác nhau đó?

Câu 3. Câu “Đặt bàn tay lên ngực hẳn (thị suy nghĩ đến bây giờ mới xong), thị hỏi hẳn:” có những thành phần phụ nào? Các thành phần phụ ấy đặt ở vị trí nào trong câu và nhằm mục đích gì?

Câu 4. Đoạn văn “*Nhung hấn đứng lên làm sao được. Thị quàng tay vào nách hấn, đỡ cho hấn gương ngời. Rồi thị kéo hấn đứng lên. Hấn đu vào cổ thị, hai người lão đảo đi về lều.*” sử dụng phép liên kết câu nào? Phép liên kết ấy nhằm mục đích gì?

Câu 5. Cảm nhận của em về giọng điệu của Nam Cao qua đoạn văn trên.

II. Phân làm văn

Câu 1. “*Nhấn nhịn là học phí phải trả để có được thiên nhiên, xã hội và bản thân con người. Nhấn nhịn là phẩm chất của kẻ mạnh có tầm mắt nhìn xa.*”

Bằng những hiểu biết và trải nghiệm của mình, em hãy viết một bài văn bàn luận về ý kiến trên.

Câu 2. Cảm hứng về đất nước đôi khi rất riêng, rất độc đáo. Em hãy phân tích cảm hứng về đất nước qua hai đoạn thơ sau:

“Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi

Đất Nước có trong những cái “ngày xửa ngày xưa...” mẹ thường hay kể.

Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn

Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc

Tóc mẹ thì bới sau đầu

Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn

Cái kèo, cái cột thành tên

Hạt gạo phải một nắng hai sương xay, giã, giần sàng

Đất nước có từ ngày đó.”

(*Đất nước* - Nguyễn Khoa Điềm)

“Sáng mát trong như sáng năm xưa

Gió thổi mùa thu hương cốm mới

Tôi nhớ những ngày thu đã xa.

Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội

Những phố dài xao xác hơi may

Người ra đi đầu không ngoảnh lại

Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy.”

(*Đất nước* - Nguyễn Đình Thi)

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phần đọc hiểu

1. Yêu cầu chung

Có kiến thức cơ bản về tác phẩm Chí Phèo của Nam Cao, các kiến thức về ngôn ngữ trong giao tiếp, các phép liên kết câu, ngôn ngữ cá nhân của nhà văn, của nhân vật. Từ những kiến thức đó, học sinh hình thành kỹ năng đọc - hiểu một đoạn văn theo phong cách nghệ thuật.

2. Yêu cầu cụ thể

Câu 1. Hoàn cảnh giao tiếp trong đoạn văn: Gồm hai nhân vật Chí Phèo và Thị Nở. Chí Phèo đi uống rượu về gặp Thị Nở đi kín nước ở bờ sông. Họ gặp nhau vào một đêm trăng ở khu vườn gần lều của Chí Phèo.

Câu 2. Cả 3 lượt lời đều là của Thị Nở, còn Chí Phèo chủ yếu dùng ngôn ngữ cử chỉ, điệu bộ. Chí Phèo không thể nói vì quá mệt, chỉ còn đủ sức để rên.

Câu 3. Câu trên có hai thành phần phụ: Trạng ngữ chỉ cách thức và phần trong dấu ngoặc đơn dùng để giải thích thêm. Cả hai thành phần này đều được đặt ở đầu câu với mục đích nhấn mạnh hành động, tính cách của Thị Nở.

Câu 4. Đoạn văn sử dụng phép lặp từ “hắn”. Mục đích của tác giả vừa tạo sự liên kết chặt chẽ cho đoạn văn vừa làm nổi bật hành động, tâm lí của Chí Phèo. Chí vừa quá say, quá mệt, vừa muốn làm nũng với Thị Nở.

Câu 5. Học sinh có thể có nhiều cách cảm nhận khác nhau nhưng phải căn cứ trên phong cách ngôn ngữ của Nam Cao và giọng điệu cụ thể của đoạn văn trên. Học sinh phải khai thác được hai ý cơ bản: Một giọng điệu vừa khách quan, dửng dưng, lạnh lùng, vừa ẩn chứa tình cảm sục sôi.

II. Phần làm văn

Câu 1.

a. Yêu cầu chung

- *Về kỹ năng:* Học sinh có kỹ năng làm bài văn nghị luận xã hội về một tư tưởng đạo lý. Bài làm phải có kết cấu đầy đủ, chặt chẽ, ý tứ phải rõ ràng, trong sáng. Bài làm có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa các thao tác lập luận giải thích, bình luận, chứng minh.

- *Về kiến thức:* Có những hiểu biết cơ bản về khái niệm nhẫn nhịn và cách sống nhẫn nhịn trong cuộc sống. Từ những hiểu biết đó, học sinh biết cách nhìn

nhận, đánh giá đầy đủ, toàn diện về một cách sống và lựa chọn cho mình cách sống phù hợp.

b. Yêu cầu cụ thể

- Giải thích:

+ Nhẫn nại là một phẩm chất, một cách sống tốt đẹp mà con người có được qua thực tiễn khắc nghiệt của cuộc sống. Nhẫn nại là luôn bình tĩnh, kiềm chế, bền bỉ chịu đựng, kiên trì nhẫn nại. Thiên nhiên luôn khắc nghiệt, dữ dội; xã hội thì đa dạng với nhiều mối quan hệ, bản thân mỗi người luôn có nhiều ham muốn; do đó, muốn có cuộc sống tốt đẹp, trong nhiều trường hợp, con người phải biết nhẫn nại.

+ Người biết nhẫn nại là người có sức chịu đựng, luôn hiểu biết, chủ động chờ đúng thời cơ. Do đó, nhẫn nại không có nghĩa là yếu đuối mà là phẩm chất của người mạnh mẽ, thông tuệ, có tầm nhìn sâu rộng.

- Bàn luận:

+ Nhẫn nại là một phẩm chất tốt đẹp trên con đường chinh phục tự nhiên, xã hội và con người. Đứng trước một cơn sóng dữ, người nhẫn nại biết nương theo cơn sóng, chứ không buông tay chèo. Trước sự tàn phá của cơn bão, người nhẫn nại không khóc than mà nhật nhặn những gì còn lại và khắc phục thiên tai, ổn định lại đời sống. Trong một xã hội với đủ mọi phức tạp, đan xen nhiều mối quan hệ, người nhẫn nại biết điều hòa các mối quan hệ, hạn chế làm nảy sinh bất hòa, không làm tổn thương người khác. Người nhẫn nại là người biết kiềm chế, vượt qua cám dỗ, vượt qua bất hạnh của cuộc đời để chiến thắng bản thân. Không biết nhẫn nại, con người có thể đánh mất nhiều thứ quan trọng đối với mình.

+ Nhẫn nại thể hiện sức mạnh của trí tuệ và ý chí. Nhẫn nại là sự chờ đợi thời cơ chín mùi nhất. Người nhẫn nại khác với người yếu đuối, sống cam chịu ở chỗ họ luôn chủ động, biết mình phải làm gì, làm vào lúc nào để đạt được thành công. Người nhẫn nại là người chấp nhận khó khăn, sống có lý tưởng, hoài bão. Ngược lại, người không biết nhẫn nại thường là người yếu đuối, nôn nóng và dễ thất bại trong cuộc sống.

+ Tuy nhiên, không phải bất cứ ở đâu, lúc nào con người cũng phải nhẫn nại. Nhẫn nại quá trở thành yếu hèn, nhẫn nhục. Nhẫn nại quá mức đôi khi sẽ khiến hành động thiếu quyết đoán, đánh mất thời cơ, ý chí trở nên bực nhược.

- Bài học về nhận thức và hành động:

+ Luôn nhận biết và rèn cách sống nhẫn nại, theo đuổi đến cùng ước mơ,

con đường mà mình đã lựa chọn. Đừng bao giờ nóng vội, đừng bao giờ buông xuôi trước những khó khăn của cuộc sống.

+ Trong cuộc sống, thời cơ đôi khi chỉ đến một lần, chúng ta phải biết nắm bắt thời cơ, hành động quyết liệt.

+ Luôn rèn luyện cho mình ý chí, nghị lực để vượt qua khó khăn, thử thách, thất bại, nghịch cảnh trong cuộc sống.

Câu 2.

a. Yêu cầu chung

- *Về kĩ năng:* Có kĩ năng cảm nhận thơ và kĩ năng viết bài nghị luận văn học. Bài viết phải có kết cấu đầy đủ, rõ ràng, mạch lạc. Văn viết phải lưu loát, vừa chặt chẽ, sâu sắc vừa có cảm xúc chân thành. Bài làm phải có những phát hiện mới lạ, độc đáo, có tư duy sáng tạo.

- *Về kiến thức:* Có những hiểu biết cơ bản về phong cách của hai nhà thơ, hoàn cảnh sáng tác, giá trị nội dung và nghệ thuật của hai bài thơ. Từ những hiểu biết đó, học sinh phát hiện được những nét riêng, độc đáo trong cách viết về đất nước của hai nhà thơ qua hai đoạn thơ cụ thể.

b. Yêu cầu cụ thể

- *Về tác giả, tác phẩm:*

+ Nguyễn Khoa Điềm là nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ. Thơ ông là sự kết hợp giữa cảm xúc nồng nàn và suy tư sâu lắng. Nguyễn Đình Thi là nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Pháp. Thơ ông là sự biểu hiện của cảm xúc trực tiếp, tươi mới, lãng mạn và đầy chất suy tư.

+ Cả hai bài thơ đều là cảm hứng về đất nước của thế hệ trẻ đang hi sinh cống hiến cho đất nước, là niềm tự hào về đất nước. Nếu như *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi là cảm hứng về đất nước trong cuộc kháng chiến chống Pháp thì *Đất nước* của Nguyễn Khoa Điềm là cảm hứng về đất nước của thế hệ trẻ thời kì chống Mỹ ở các đô thị miền Nam.

- *Cảm hứng về đất nước qua đoạn thơ của Nguyễn Khoa Điềm:*

+ Đất nước không chỉ lớn lao kỳ vĩ mà luôn gần gũi thân thương. Đất nước ở trong cuộc sống của mỗi con người, mỗi gia đình, là phong tục, tập quán, tình yêu thương, sự thủy chung son sắt, đất nước gắn liền với những tháng ngày lao động vất vả gian lao. Đó là tiền đề cho cảm nhận đất nước là của nhân dân.

+ Ẩn chứa trong những hình ảnh gần gũi về đất nước là cảm hứng tự hào về nền văn hóa lâu đời của đất nước, về truyền thống lịch sử vẻ vang của dân tộc, là

những suy tư sâu lắng về cội nguồn dân tộc. Đó là đất nước của những câu chuyện cổ tích sâu lắng, những truyền thuyết quật khởi, những câu tục ngữ ca dao đầy ân nghĩa, thủy chung.

- *Cảm hứng về đất nước của Nguyễn Đình Thi:*

+ Đất nước hiện lên với hoài niệm về mùa thu. Một mùa thu với cảnh vật, màu sắc, hương vị, không khí đầy tâm trạng, hòa quyện giữa quá khứ và hiện tại. Đó là một đất nước gần gũi, thân thương, đầy chất thơ, sâu đậm trong ký ức của mỗi người.

+ Đất nước với mùa thu đẹp, sâu lắng, ảm khuất nỗi buồn. Mùa thu đất nước là mùa thu tâm cảnh của người ra đi với bao nỗi niềm hoài bão. Người ra đi vừa lưu luyến vừa mạnh mẽ dứt khoát với cảm hứng lãng mạn của một thế hệ trẻ tài hoa dẫn thân vì đất nước.

+ Cảm hứng về đất nước được miêu tả qua những hình ảnh tinh tế, chất lọc, giàu chất điện ảnh, qua cảnh vật đầy tâm trạng, lắng đọng. Tất cả được thể hiện qua ngôn ngữ thơ vừa lãng mạn vừa ảm chứa âm hưởng sử thi nồng nàn.

- Học sinh thực hiện các so sánh với cảm hứng về đất nước qua *Nam quốc sơn hà* (Lí Thường Kiệt), *Bạch Đằng giang phú* (Trương Hán Siêu) và *Bình Ngô đại cáo* (Nguyễn Trãi)...

ĐỀ 3

I. Phần đọc hiểu

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi hoặc thực hiện các yêu cầu phía dưới:

“Bà lão đặt đĩa bát xuống, nhìn hai con vui vẻ:

- Chúng mày đợi u nhá. Tao có cái này hay lắm cơ.

Bà lão lật đặt chạy xuống bếp, lễ mễ bung ra một cái nồi khói bốc lên nghi ngút. Bà lão đặt cái nồi xuống bên cạnh mẹt com, cầm cái môi vừa khuấy khuấy vừa cười:

- Chè đây - Bà lão múc ra một bát - Chè khoán đây, ngon đáo để cơ.

Người con dâu đón lấy cái bát, đưa lên mắt nhìn, hai con mắt thị tối lại. Thị điềm nhiên và vào miệng. Tròng cầm cái bát thứ hai mẹ đưa cho, người mẹ vẫn tươi cười, đon đả.

- *Cắm đây mày ạ, hi. Ngon đáo để, cứ thử ăn mà xem. Xóm ta khỏi nhà còn chả có cắm mà ăn đây.*

Tràng cầm đôi đũa, gạt một miếng bỏ vội vào miệng. Mặt hẳn chun ngay lại, miếng cắm đắng chát và nghẹn bứ trong cổ. Bữa cơm từ đây không ai nói câu gì, họ cắm đầu ăn cho xong lần, họ tránh nhìn mặt nhau. Một nỗi tủi hờn len vào tâm trí mọi người."

(*Vợ nhặt* - Kim Lân)

Câu 1. Em hãy cho biết bối cảnh giao tiếp rộng và bối cảnh giao tiếp hẹp trong đoạn văn trên? Qua bối cảnh đó Kim Lân muốn phản ánh điều gì?

Câu 2. Theo em, đoạn văn trên được viết bằng những phong cách ngôn ngữ nào? Hãy chỉ ra một trong những nét đặc trưng của phong cách ngôn ngữ đó?

Câu 3. Bà cụ Tứ đã có 3 lượt lời với ba cách nói khác nhau về món cháo cám. Em hãy cho biết bà cụ Tứ đã thực hiện chiến lược giao tiếp như thế nào? Mục đích của chiến lược giao tiếp ấy là gì?

Câu 4. Khi ăn cháo cám, người vợ nhặt và Tràng đã có những cử chỉ và thái độ khác nhau như thế nào trong giao tiếp? Cử chỉ, thái độ đó thể hiện tính cách gì của mỗi người?

Câu 5. Qua đoạn văn, hãy nêu ngắn gọn cảm nhận của em về tấm lòng của người mẹ.

II. Phân làm văn

Câu 1. Bàn về tầm quan trọng của ngôn ngữ dân tộc, Hoài Thanh trong *Thi nhân Việt Nam* đã trích ý kiến "*Tiếng ta còn, nước ta còn*" của học giả Phạm Quỳnh; Nguyễn An Ninh thì cho rằng "*Tiếng nói là người bảo vệ quý báu nhất nền độc lập của dân tộc*".

Em hãy bàn luận về hai ý kiến trên. Đồng thời qua đó cho biết suy nghĩ của em về việc học tiếng Việt và học ngoại ngữ ngày nay.

Câu 2. Phân tích hình tượng rừng xà nu qua đoạn văn sau:

"Trong rừng ít có loại cây sinh sôi nảy nở khỏe như vậy. Cạnh một cây xà nu mới ngã gục, đã có bốn năm cây con mọc lên, ngọn xanh rờn, hình nhọn mũi tên lao thẳng lên bầu trời. Cũng ít có loại cây ham ánh sáng mặt trời đến thế. Nó phóng lên rất nhanh để tiếp lấy ánh nắng, thứ ánh nắng trong rừng rọi từ trên cao xuống từng luồng lớn thẳng tắp, lóng lánh vô số hạt bụi vàng từ nhựa cây

bay ra, thom mỡ màng. Có những cây con vừa lớn ngang tầm ngực người lại bị đại bác chặt đứt làm đôi. Ở những cây đó, nhựa còn trong, chất dầu còn loãng, vết thương không lành được, cứ loét mãi ra, năm mười hôm thì cây chết. Nhưng cũng có những cây vượt lên được cao hơn đầu người, cành lá sum sê như những con chim đã đủ lông mao, lông vũ. Đại bác không giết nổi chúng, những vết thương của chúng chóng lành như trên một thân thể cường tráng. Chúng vượt lên rất nhanh, thay thế những cây đã ngã... Cứ thế hai ba năm nay rừng xà nu ưỡn tấm ngực lớn của mình ra, che chở cho làng...

Đứng trên đồi xà nu ấy trông ra xa, đến hết tầm mắt cũng không thấy gì khác ngoài những đồi xà nu nối tiếp tới chân trời”.

(Rừng xà nu - Nguyễn Trung Thành)

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phần đọc hiểu

1. Yêu cầu chung

Có kĩ năng đọc hiểu một văn bản kết hợp giữa hai phong cách: Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật và phong cách ngôn ngữ sinh hoạt. Để hiểu được đoạn văn, học sinh phải có kiến thức về bối cảnh, ngữ cảnh giao tiếp, ngôn ngữ giao tiếp và cách thức giao tiếp. Từ đó hiểu được mối quan hệ, tính cách của các nhân vật và ý nghĩa của đoạn trích.

2. Yêu cầu cụ thể

Câu 1. Bối cảnh giao tiếp rộng chính là nạn đói khủng khiếp năm Ất Dậu, bối cảnh hẹp là bữa ăn ngày đói tại nhà Tràng vào buổi sáng sau khi Tràng có vợ. Qua bối cảnh đó, Kim Lân muốn phản ánh nạn đói năm 1945 và tình cảnh thê thảm của người nông dân nghèo trong nạn đói đó.

Câu 2. Đoạn văn là sự kết hợp giữa phong cách ngôn ngữ nghệ thuật và phong cách ngôn ngữ sinh hoạt. Cả hai phong cách đều được thể hiện cụ thể qua từ ngữ vừa được lựa chọn trau chuốt trong miêu tả biểu cảm, vừa rất thông tục qua lời nói của bà cụ Tứ.

Câu 3. Đó là một chiến lược giao tiếp từ xa đến gần, từ cao xuống thấp (từ *có cái này hay lắm* → *chè* → *chè khoán* → *cháo cám*). Mục đích là tạo không khí vui tươi phấn khởi cho gia đình trong nạn đói. Đó là tấm lòng của người mẹ.

Câu 4. Cử chỉ và thái độ của Tràng và người vợ nhặt khác nhau khi ăn cháo cám.

- Người vợ nhặt: Mắt tối lại nhưng vẫn điềm nhiên và vào miệng. Đó là thái độ tẻ nhạt, sâu sắc, ý tứ của người vợ nhặt.

- Tràng: Mặt hần chun lại, ứ nghẹn ở cổ. Đó là thái độ vô tư, thô kệch của Tràng, không để ý đến mọi người xung quanh.

Câu 5. Học sinh có thể cảm nhận bằng nhiều cách khác nhau, có thể cảm nhận một hay một vài ý nhưng phải nói lên được tình yêu thương, tấm lòng của người mẹ.

II. Phần làm văn

1. Câu 1

a. Yêu cầu chung

- Về kĩ năng: Có kĩ năng viết bài nghị luận xã hội về một vấn đề gần gũi, thiết thực với các em học sinh. Bài viết có bố cục đầy đủ, rõ ràng, mạch lạc, lập luận, lí lẽ chặt chẽ, dẫn chứng cụ thể, gần gũi. Học sinh phải có lối viết văn trong sáng, hấp dẫn, có các ý kiến mới lạ, độc đáo, có quan điểm, chính kiến rõ ràng, phù hợp.

- Về kiến thức: Có những hiểu biết cơ bản về ngôn ngữ, về tác động của việc học ngoại ngữ và học tiếng Việt trong cuộc sống. Học sinh phải nhìn nhận vấn đề một cách bao quát, toàn diện và có những trải nghiệm bổ ích trong cuộc sống.

b. Yêu cầu cụ thể

- Giải thích vấn đề:

+ Ý kiến “*Tiếng ta còn, nước ta còn*” nhằm khẳng định ngôn ngữ của chúng ta chính là nền độc lập của chúng ta. Một dân tộc, quốc gia đánh mất ngôn ngữ của mình cũng chính là đánh mất nền độc lập của dân tộc. Có ngôn ngữ thì có văn hóa, có niềm tự hào, có bản sắc dân tộc, ngược lại sẽ trở thành nô lệ.

+ Ý kiến “*Tiếng nói là người bảo vệ quý báu nhất nền độc lập của dân tộc*” cũng nhằm khẳng định vai trò của ngôn ngữ đối với mỗi quốc gia. Một quốc gia biết giữ gìn và phát huy ngôn ngữ của mình thì sẽ không bị đồng hóa, nô dịch về văn hóa, từ đó giữ vững được nền độc lập dân tộc.

- Bàn luận vấn đề: Cả hai ý kiến trên đều khẳng định vai trò của ngôn ngữ trong việc bảo vệ nền độc lập dân tộc. Tuy nhiên, nền độc lập dân tộc cần được hiểu theo hai nghĩa: độc lập về văn hóa và độc lập về chủ quyền biên giới quốc

gia. Do đó, hai ý kiến trên tuy đúng nhưng còn phiến diện, đã tuyệt đối hóa sức mạnh của ngôn ngữ.

+ Một quốc gia độc lập là một quốc gia có bản sắc văn hóa riêng. Hiểu theo nghĩa này thì ý kiến trên hoàn toàn đúng. Ngôn ngữ không chỉ là phương tiện giao tiếp và tư duy mà còn là bản sắc văn hóa của dân tộc. Đánh mất ngôn ngữ cũng là đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc. Hàng nghìn năm Bắc thuộc là hàng nghìn năm dân tộc ta phải đấu tranh với âm mưu đồng hóa ngôn ngữ, văn hóa. Đó là cơ sở để bảo vệ nền độc lập dân tộc.

+ Một quốc gia muốn giữ vững độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ thì phải có sức mạnh về kinh tế và quốc phòng. Ngôn ngữ chỉ là phương tiện giao tiếp, không thể bảo vệ được nền độc lập dân tộc. Mặt khác, một số quốc gia không có ngôn ngữ riêng nhưng vẫn là một quốc gia độc lập (Mĩ, Singapore...) và toàn vẹn lãnh thổ.

+ Với tư cách là một phương tiện để giao tiếp và tư duy, ngôn ngữ là chiếc cầu nối giữa các quốc gia, dân tộc, là phương tiện để phát triển khoa học kỹ thuật, giao lưu học hỏi giữa các quốc gia.

- *Suy nghĩ của bản thân:*

+ Trong thời đại ngày nay, muốn phát triển khoa học, công nghệ, kinh tế, chúng ta nhất thiết phải có trình độ ngoại ngữ. Ngoại ngữ không chỉ giúp chúng ta hợp tác tốt mà còn hiểu và đồng cảm với nhau hơn, làm cho vốn văn hóa phong phú hơn. Do đó, thế hệ trẻ phải học và học tốt ngoại ngữ.

+ Tuy nhiên, trước hết chúng ta phải học tốt tiếng Việt, phải biết giữ gìn sự trong sáng và giàu đẹp của tiếng Việt. Học tốt tiếng Việt không chỉ giúp chúng ta giữ được bản sắc dân tộc mà còn giúp chúng ta học ngoại ngữ tốt hơn. Phải có nền tảng tiếng Việt, yêu tiếng Việt trước khi học ngoại ngữ.

Câu 2.

a. Yêu cầu chung

- *Về kĩ năng:* Biết làm bài văn nghị luận về một đoạn văn, đoạn thơ. Bài làm có bố cục đầy đủ, rõ ràng, mạch lạc. Biết cách phân tích, phát hiện những giá trị nghệ thuật và nội dung của đoạn văn thể hiện qua các chi tiết, hình ảnh, ngôn ngữ, các phương tiện tu từ. Văn viết lưu loát, hấp dẫn, sáng tạo.

- *Về kiến thức:* Có những hiểu biết cơ bản về tác giả, tác phẩm, vị trí đoạn trích. Đọc và hiểu được ý nghĩa của đoạn trích thông qua việc phân tích, phát hiện các giá trị của đoạn văn.

b. Yêu cầu cụ thể

- Về tác giả, tác phẩm và vị trí của đoạn trích:

+ Nguyễn Trung Thành là nhà văn trưởng thành trong kháng chiến chống Mĩ. Ông là nhà văn của núi rừng và con người Tây Nguyên. Sáng tác của ông mang đậm tính sử thi và cảm hứng lãng mạn.

+ Tác phẩm *Rừng xà nu* viết về rừng núi và con người Tây Nguyên qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ. Tác phẩm ra đời khi cuộc kháng chiến chống Mĩ đang diễn ra ác liệt nhất. Đoạn trích là phần mở đầu của tác phẩm với hình ảnh trung tâm là cây xà nu, biểu tượng của thiên nhiên và con người Tây Nguyên.

- Hình tượng rừng xà nu qua đoạn văn:

+ Cây xà nu là biểu tượng cho sức sống mãnh liệt của núi rừng và con người Tây Nguyên. Nó là một loại cây “ham ánh sáng”, “ngọn xanh rờn, hình nhọn mũi tên lao thẳng lên bầu trời”, “phóng lên rất nhanh”. Cứ mỗi cây xà nu ngã xuống thì cây khác lại mọc lên, vết thương của chúng luôn chóng lành với thân thể cường tráng, với tấm ngực ưỡn ra che chở cho dân làng.

+ Cây xà nu còn là biểu tượng cho những đau thương mất mát, có những cây ngã gục, có những cây nhựa ứa ra như máu rồi chết. Đó chính là tiếng thét đau thương căm hờn về tội ác của giặc Mĩ. Đó là sự hủy hoại thiên nhiên, hủy hoại con người. Đoạn văn được viết với cảm hứng phê phán mãnh liệt.

+ Đoạn văn đầy ắp hình ảnh so sánh, nhân hóa độc đáo. Những biện pháp so sánh nhân hóa làm cho đoạn văn vừa sinh động, cụ thể, vừa căng đầy sức sống. Phép nhân hóa đã làm cho cây xà nu trở thành biểu tượng của con người Tây Nguyên. Đó là những người luôn anh dũng hiên ngang dù mất mát đau thương.

+ Đoạn văn có chất thơ hùng tráng với những thủ pháp miêu tả, so sánh, nhân hóa, với những câu văn dài, ngắn đầy nhịp điệu, âm hưởng. Những câu miêu tả sức sống, vẻ đẹp của cây xà nu thì ngắt nhịp ngắn, nhanh, đầy tự hào, những câu miêu tả mất mát thì kéo dài ra, đầy tiếc thương.

+ Hình ảnh những đồi xà nu bất tận chính là lớp lớp những người con Tây Nguyên, người dân Việt Nam nối tiếp nhau đứng dậy, chiến đấu vì hòa bình, độc lập. Đó là một hình ảnh lãng mạn, đầy sức liên tưởng.

+ Hình ảnh rừng xà nu qua đoạn văn vừa mang cảm hứng lãng mạn hào hùng vừa mang âm hưởng sử thi hùng tráng.

ĐỀ 4

I. Phần đọc hiểu

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi hoặc thực hiện các yêu cầu phía dưới:

“Bên cạnh những bóng đen đầy âm ảnh là những vùng biển, những ánh trắng, những con thuyền trôi yên lành giữa không gian trong veo: “Trời yên biển lặng” của họa sĩ Lê Thiết Cương mang đến cảm giác ấm áp, yên bình như ở nhà”. “Tại sao anh vẽ lành thế giữa không khí đang sôi sục thế này?”. “Vĩ tên của bức tranh là Trời yên biển lặng. Tôi vẽ cái hiền lành để nói về cái ác”.

Đào Hải Phong vẽ “Đèn nơi biển đảo” nhưng cũng gợi lên một cảm giác thân thuộc. “Biển đảo của tôi sẽ khiến người xem thấy rằng nơi đó như quê của họ, để họ có ý thức giữ gìn, bảo vệ”.

Còn với Thành Chương, hai tác phẩm “Biển Đông” và “Nơi nước sạch biển xanh” là một cách họa sĩ gửi gắm tình yêu biển đảo của mình. Những gam màu tươi mới thay lời cho khát vọng hòa bình. “Đất nước ta đã trải qua và đã trả giá kinh hoàng cho chiến tranh. Chiến tranh là điều không ai muốn. Chúng ta luôn có tình yêu và khát vọng hòa bình.”

(Theo Hà Hương, Báo Tuổi trẻ, thứ năm ngày 19/06/2014)

Câu 1. Theo em, đoạn văn trên bàn về vấn đề gì? Nêu ngắn gọn thông điệp của mỗi họa sĩ qua tranh của họ.

Câu 2. Phong cách ngôn ngữ chính trong đoạn văn là gì? Đoạn văn có sự kết hợp với phong cách ngôn ngữ khác nữa không?

Câu 3. Cho biết phép liên kết nội dung và liên kết hình thức trong đoạn văn? Giá trị của phép liên kết đó?

Câu 4. Hãy cho biết nghĩa của từ “lời” trong câu “Những gam màu tươi mới thay lời cho khát vọng hòa bình”? Từ “lời” đã được chuyển nghĩa theo phương thức nào?

Câu 5. Nếu vẽ về biển đảo Việt Nam, em sẽ vẽ như thế nào? (Tên bức tranh, nội dung, màu sắc, ý tưởng...)

II. Phần làm văn

Câu 1. Phải luôn có niềm tin về lòng tốt của con người nhưng đừng bao giờ ảo tưởng về điều đó.

Hãy viết một bài văn trình bày những suy nghĩ, trải nghiệm của em về ý kiến trên.

Câu 2. Phân tích đoạn thơ của Tố Hữu và so sánh cái hay, cái đẹp của nó với đoạn thơ của Nguyễn Bính.

“Ta về, mình có nhớ ta
Ta về, ta nhớ những hoa cùng người.
Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.
Ngày xuân mơ nở trắng rừng
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.
Ve kêu rùng rợn phách đồ vàng
Nhớ cô em gái hái măng một mình
Rừng thu trăng rọi hòa bình
Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.”

(Việt Bắc - Tố Hữu)

“Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông,
Một người chín nhớ mười mong một người.
Gió mưa là bệnh của giời,
Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng.
Hai thôn chung lại một làng,
Cớ sao bên ấy chẳng sang bên này?
Ngày qua ngày lại qua ngày
Lá xanh nhuộm đã thành cây lá vàng.”

(Tương tư - Nguyễn Bính)

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phần đọc hiểu

1. Yêu cầu chung

Biết đọc hiểu một văn bản chưa được tiếp xúc thuộc phong cách ngôn ngữ báo chí. Học sinh cần vận dụng những kiến thức tiếng Việt, những vấn đề thời sự nóng, những cảm nhận đơn giản nhất về hội họa để trả lời được các câu hỏi đặt ra.

2. Yêu cầu cụ thể

Câu 1. Đoạn văn bàn về một cuộc triển lãm tranh về biển đảo quê hương. Thông điệp của mỗi họa sĩ được thể hiện rõ trong lời nói của họ.

Câu 2. Phong cách ngôn ngữ chính là báo chí. Tuy nhiên, nó hấp dẫn, thuyết phục khi tác giả kết hợp với phong cách ngôn ngữ chính luận và phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.

Câu 3.

- Liên kết nội dung: Thống nhất chủ đề tranh về biển đảo quê hương.

- Liên kết hình thức: Người viết đều đưa chủ thể (các họa sĩ) lên câu đầu đoạn văn để tạo sự liền mạch, gắn kết.

Câu 4. Từ "lời" trong đoạn văn đã chuyển nghĩa theo phương thức ẩn dụ. Đó không phải là ngôn ngữ của con người mà là ngôn ngữ của màu sắc, của nghệ thuật.

Câu 5. Học sinh có thể sáng tạo bằng nhiều cách khác nhau nhưng phải thể hiện được tình yêu biển đảo, mong ước hòa bình.

II. Phần làm văn

Câu 1

a. Yêu cầu chung

- *Về kĩ năng:* Học sinh có kĩ năng viết bài nghị luận về một tư tưởng đạo lý. Bài viết có bố cục đầy đủ, rõ ràng, diễn đạt lưu loát, lý lẽ, dẫn chứng thuyết phục, sử dụng tốt các thao tác lập luận.

- *Về kiến thức:* Có những suy nghĩ đúng đắn, chín chắn, có cách nhìn bao quát được nhiều mặt của vấn đề. Ngoài ra, các em phải có những trải nghiệm, những nhìn nhận, đánh giá riêng một cách chân thành, trung thực.

b. Yêu cầu cụ thể

- *Giải thích vấn đề:*

+ Đón nhận lòng tốt của người khác chính là đón nhận những điều tốt đẹp. Muốn có được điều đó chúng ta phải có niềm tin về lòng tốt của con người. Có niềm tin tức là chúng ta đã đón nhận nó với một thái độ nâng niu, trân trọng và biết ơn.

+ Tuy nhiên, trong cuộc sống, chúng ta cũng không bao giờ ảo tưởng về lòng tốt của người khác. Đừng bao giờ ỷ lại, ngồi đó đợi người khác ban phát

lòng tốt, đừng bao giờ cho rằng tất cả mọi người đều mang lòng tốt đến cho ta. Bởi vì, điều đó là ảo tưởng, không có thực.

- *Bình luận:*

+ Niềm tin vào lòng tốt của con người không chỉ mang đến cho chúng ta những điều tốt đẹp mà còn chấp cánh cho tâm hồn ta đến với những điều thánh thiện nhất. Ngược lại, nghi ngờ lòng tốt của người khác không chỉ làm cho họ tổn thương mà bản thân ta còn trở thành người hay nghi kỵ, ích kỷ.

+ Ảo tưởng về lòng tốt của con người không chỉ khiến chúng ta mê muội, mù quáng, viển vông mà còn làm cho chúng ta mất phương hướng, lằm đờng, lạc lối trong suy nghĩ và hành động. Không phải ai cũng có lòng tốt và không phải ai cũng tốt mãi với ta.

+ Ca ngợi những người biết nâng niu, quý trọng, biết ơn lòng tốt của người khác, phê phán những người nghi ngờ lòng tốt của người khác, lợi dụng lòng tốt của người khác hay tin tưởng vào lòng tốt của người khác một cách mù quáng.

- *Bài học về nhận thức và hành động:*

+ Cần đón nhận lòng tốt của người khác bằng thái độ trân trọng, có suy xét, không nghi ngờ vô cớ, luôn đối xử với người khác bằng lòng tốt của chính mình.

+ Trong xã hội mà cái xấu, cái ác luôn hiển hiện thì đừng bao giờ ảo tưởng một cách mù quáng về lòng tốt của người khác. Phải luôn biết tự phân đầu, tự vươn lên trong cuộc sống.

Câu 2.

a. Yêu cầu chung

- *Về kĩ năng:* Có năng lực cảm thụ và phân tích một đoạn thơ. Sử dụng năng lực đó để viết bài nghị luận văn học với kết cấu đầy đủ, rõ ràng. Học sinh phải viết văn lưu loát, có cảm xúc chân thành.

- *Về kiến thức:* Có những hiểu biết cơ bản về thơ, về tác giả Tố Hữu và bài thơ *Việt Bắc*, về tác giả Nguyễn Bính và bài thơ *Tương tư*. Đặc biệt, phải nắm chắc phong cách nghệ thuật của mỗi nhà thơ.

b. Yêu cầu cụ thể

- *Về tác giả, tác phẩm:*

+ Tố Hữu là nhà thơ của cách mạng. Thơ ông mang giọng điệu tâm tình ngọt ngào và đậm đà tính dân tộc. Bài thơ *Việt Bắc* là lời chia tay đầy ân nghĩa thủy chung và thể hiện rõ điệu thức đó của thơ ông.

+ Nguyễn Bính là nhà thơ lãng mạn. Thơ ông là thơ của truyền thống dân gian mang vẻ đẹp chân quê. Bài thơ *Tương tư* thể hiện tình cảm bình dị, chân quê, chất phác.

+ Cả Nguyễn Bính và Tô Hữu đều là những nhà thơ rất thành công với thể thơ lục bát.

- *Phân tích đoạn thơ trong bài Việt Bắc:*

+ Sử dụng hình thức đối đáp của ca dao. Hai nhân vật “mình” và “ta” vừa gần gũi, thân thuộc, vừa tạo được sự hô ứng, đồng vọng.

+ Tâm trạng, cảm xúc chung của đoạn thơ là nỗi nhớ, là những kỉ niệm đầy ân nghĩa, thủy chung, son sắt.

+ Con người Việt Bắc vừa bình dị, vừa gần gũi, thân thương. Đó là những người đi nương rẫy, người hái măng, người đan nón. Công việc lao động vừa vất vả vừa gần gũi, bình dị, thân thương.

+ Cảnh rừng Việt Bắc đẹp qua bức tranh bốn mùa xuân, hạ, thu, đông. Đó là một phong cảnh đầy màu sắc (xanh, đỏ, trắng, vàng); đầy âm thanh (ve kêu, tiếng hát). Một khung cảnh Việt Bắc vừa đẹp, vừa tràn đầy sức sống.

+ Thể thơ lục bát sâu lắng, uyển chuyển, đậm đà màu sắc của ca dao dân tộc. Lời thơ bình dị, âm hưởng ngọt ngào, cách ngắt nhịp truyền thống gợi tình cảm ân nghĩa, thủy chung.

- *Đoạn thơ Tương tư của Nguyễn Bính:*

+ Tâm trạng, cảm xúc chung là nỗi nhớ. Đó là nỗi nhớ của một mối tình đơn phương mà thiết tha sâu lắng. Nỗi nhớ của nhân vật trữ tình gắn với tâm trạng chờ đợi khắc khoải, mòn mỏi, thất vọng.

+ Chất chân quê, âm hưởng dân tộc thể hiện qua tâm trạng của nhân vật trữ tình: vừa yêu, vừa hờn giận; vừa trách móc, vừa nhớ nhung tha thiết.

+ Thể thơ lục bát nhuần nhuyễn, sâu lắng, lời thơ bình dị mà chất chứa nhiều tình cảm, nỗi niềm.

- *So sánh hai đoạn thơ:*

+ Đều thể hiện tình cảm, tâm hồn: một là tình cảm keo sơn giữa người đi, kẻ ở, một là tình yêu lứa đôi. Đó là một điệu thức tình cảm thiết tha, sâu nặng.

+ Đều mang đậm màu sắc dân tộc qua thể thơ lục bát mang âm hưởng của ca dao, dân ca.

ĐỀ 5

I. Phân đọc hiểu

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi hoặc thực hiện các yêu cầu ở phía dưới:

*Ta muốn ôm
Cả sự sống mới bắt đầu mơn mơn;
Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,
Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,
Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều
Và non nước, và cây, và cỏ rạng,
Cho chênh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng,
Cho no nê thanh sắc của thời tươi;
- Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi!*

(Vội vàng - Xuân Diệu)

Câu 1. Theo em, qua đoạn thơ, Xuân Diệu muốn nêu một quan niệm về lẽ sống như thế nào?

Câu 2. Các từ “mơn mơn”, “chênh choáng” trong đoạn thơ có nghĩa gì?

Câu 3. Nguồn cảm xúc cuộn cuộn, dâng trào trong đoạn thơ được tạo nên bởi những phép tu từ nào?

Câu 4. Các động từ “riết”, “say”, “thâu” “cắn” có sự phát triển nghĩa theo hướng nào? Nó tạo ra dòng cảm xúc như thế nào?

Câu 5. Theo em, khao khát của Xuân Diệu qua đoạn thơ phải chăng là sống gấp, sống vội? Hãy lí giải ý kiến của em.

II. Phân làm văn

Câu 1. “Những ai không bao giờ bằng lòng với mình sẽ chẳng bao giờ biết quý trọng những gì hiện có. Ngược lại, những người luôn bằng lòng với những gì đã có sẽ không bao giờ có khát vọng và ước mơ vươn lên.”

(Bí mật của hạnh phúc - David Niven, NXB Trẻ, 2013)

Hãy bàn luận ý kiến trên.

Câu 2. Tình huống truyện vừa tạo cho tác phẩm văn học tính hấp dẫn, vừa góp phần làm nổi bật giá trị tư tưởng của tác phẩm.

Hãy phân tích tình huống truyện trong tác phẩm *Vợ nhặt* (Kim Lân), *Chiếc thuyền ngoài xa* (Nguyễn Minh Châu) và *Chữ người tử tù* (Nguyễn Tuân) để làm rõ nhận định trên.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phần đọc hiểu

1. Yêu cầu chung

Có kĩ năng đọc hiểu và cảm thụ một đoạn thơ, hiểu được nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ đó. Học sinh vận dụng các kiến thức về tiếng Việt để thấy được cái hay, cái đẹp của ngôn ngữ thơ.

2. Yêu cầu cụ thể

Câu 1. Quan niệm sống của Xuân Diệu: Phải biết tận hưởng niềm vui trần thế mà tạo hóa đã ban cho con người. Phải tận hưởng tuổi trẻ, mùa xuân và tình yêu.

Câu 2. Từ “*mon mơn*” gợi sự tươi trẻ, tràn đầy sức sống, tràn đầy tình tứ. Từ “*chénh choáng*” gợi cảm giác say sưa, nồng nàn.

Câu 3. Nguồn cảm xúc cuộn cuộn dâng trào trong đoạn thơ được tạo nên bởi phép điệp từ, điệp cú pháp.

Câu 4. Các động từ trong đoạn thơ phát triển nghĩa theo hướng tăng tiến. Nó tạo ra dòng cảm xúc càng lúc càng mạnh mẽ, dâng trào.

Câu 5. Học sinh phải so sánh để thấy rằng đó không phải là quan niệm sống gấp, sống vội. Học sinh tự do nêu ý kiến nhưng phải hay, phù hợp, chân thành và mới mẻ.

II. Phần làm văn

Câu 1

a. Yêu cầu chung

- *Về kĩ năng:* Có năng lực viết bài nghị luận xã hội về một tư tưởng, đạo lý. Bài viết có bố cục đầy đủ, rõ ràng, mạch lạc. Học sinh biết vận dụng các thao tác lập luận giải thích, bình luận, chứng minh để giải quyết yêu cầu của đề một cách thuyết phục, sáng tạo.

- *Về kiến thức:* Có những kiến thức cơ bản về đời sống xã hội, có suy nghĩ chín chắn, nhận thức đúng đắn, tình cảm trong sáng, thái độ trung thực. Từ vấn

đề nêu trên, học sinh biết rút ra bài học nhận thức cho bản thân, có thái độ rõ ràng và có trách nhiệm đối với bản thân, xã hội.

b. Yêu cầu cụ thể

- *Giải thích: Học sinh giải thích rõ cả hai vế của nhận định:*

+ Những người không bao giờ bằng lòng với chính mình là những người luôn có khát vọng mãnh liệt vươn lên phía trước, vươn tới những cái mới tốt đẹp hơn hiện tại.

+ Ngược lại, những người luôn bằng lòng với những gì đã có thường không có khát khao vươn lên, không có chí tiến thủ, họ luôn là “người trong bao”. Do đó, họ thiếu khát vọng và ước mơ vươn lên.

- *Bình luận vấn đề:*

+ Trong cuộc sống đôi khi phải biết bằng lòng với chính mình, khả năng, năng lực của mỗi người là có giới hạn và phải biết chấp nhận kết quả đạt được khi đã làm hết khả năng. Luôn muốn đạt được những gì vượt quá khả năng, điều kiện mà mình có là ảo tưởng, xa rời thực tế, là không chỉ không quý trọng những gì hiện có mà còn có thể đánh mất nó. Cần biết dừng lại đúng lúc.

+ Ngược lại, luôn bằng lòng với chính mình là căn bệnh yếu đuối, nhút nhát. Đó là con người tầm thường, không có khát vọng và ước mơ vươn lên. Họ chỉ biết bám lấy quá khứ, hiện tại và sống trong lụi tàn. Đó không phải là người có ý chí, nghị lực, họ khó có thể thành công trong cuộc sống.

+ Cần biết cân bằng trong cách sống, không cực đoan, thái quá. Không bao giờ bằng lòng với mình khi chưa cố gắng hết khả năng và phải biết nâng niu, quý trọng những gì đã đạt được.

- *Bài học nhận thức và hành động:*

+ Phải biết sống với những gì đang có nhưng không được thực dụng, yếu đuối, hèn nhát mà phải luôn có ước mơ, ý chí vươn lên.

+ Ước mơ, ý chí phải phù hợp với bản thân. Không ước mơ viễn vông, không ảo tưởng về bản thân.

Câu 2.

a. Yêu cầu chung

- *Về kĩ năng:* Có kĩ năng làm bài nghị luận văn học. Bài làm có kết cấu đầy đủ, rõ ràng, mạch lạc, văn viết lưu loát, lập luận chặt chẽ. Học sinh phải có khả năng phân tích, so sánh, đối chiếu và khái quát hóa vấn đề.

- *Về kiến thức:* Nắm được phong cách tác giả, nội dung và nghệ thuật của tác

phẩm. Cụ thể, học sinh phải nhớ được các chi tiết, tình tiết tạo nên tình huống truyện và chỉ ra ý nghĩa của tình huống truyện đó.

b. Yêu cầu cụ thể

- Về tác giả, tác phẩm:

+ Kim Lân là nhà văn chuyên viết về nông thôn và người nông dân. Tác phẩm *Vợ nhặt* phản ánh tình cảnh thê thảm của người nông dân Việt Nam trong nạn đói năm Ất Dậu.

+ Nguyễn Minh Châu là nhà văn tinh anh và tài năng vào bậc nhất của văn học Việt Nam thời kỳ đổi mới. Tác phẩm *Chiếc thuyền ngoài xa* là những suy ngẫm của ông về nghệ thuật và cuộc đời.

+ Nguyễn Tuân là nhà văn tài hoa uyên bác với cảm hứng lãng mạn. Tác phẩm *Chữ người tử tù* là cảm hứng về cái đẹp, cái thiện trước cái xấu và cái ác.

- Tình huống truyện trong tác phẩm *Chiếc thuyền ngoài xa*, một tình huống có ý nghĩa khám phá, phát hiện.

+ Sau bao ngày chờ đợi, Phùng đã chụp được một tấm ảnh với vẻ đẹp tận thiện, tận Mỹ. Đó là vẻ đẹp của chiếc thuyền giữa biển mờ sương, một vẻ đẹp toàn bích. Thế nhưng, Phùng cũng cay đắng nhận ra, trên chiếc thuyền ấy là người đàn bà xấu xí, nhẵn nhụi, nghèo khổ, người đàn ông vũ phu, đánh vợ để giải tỏa bức bối của cuộc sống. Nghệ thuật thì ở xa và đẹp nhưng cuộc đời thì rất gần và nghiệt ngã.

+ Phùng xông vào cứu người đàn bà, cùng với Đẩu mời người đàn bà ấy đến tòa án để khuyên nên ly dị chồng. Thế nhưng, tại đây, Phùng lại khám phá ra người đàn bà làng chài và khám phá ra chính mình. Người đàn bà xấu xí, cam chịu ấy lại là người thấu hiểu mọi lẽ đời, Phùng có lòng tốt nhưng lòng tốt đặt không đúng chỗ.

- Tình huống truyện trong *Vợ nhặt* của Kim Lân, đó là tình huống “nhặt” được vợ:

+ Tràng là một thanh niên xấu xí, thô kệch, sống ở xóm ngụ cư. Chỉ với những lời chọc gheo bâng quơ ngoài chợ, chỉ bằng bốn bát bánh đúc, Tràng đã “nhặt” được một người vợ “rách như tổ đĩa”, nhặt ngay giữa chợ trong cái đói quay quắt.

+ Tràng mà cũng có vợ, lại có vợ ngay lúc nạn đói quay quắt, cái chết luôn hiển hiện. Chính vì vậy, cái sự “nhặt” vợ của Tràng làm cho tất cả đều ngạc nhiên. Cả xóm ngụ cư ngạc nhiên, bà cụ Tứ ngạc nhiên và ngay cả Tràng cũng

ngạc nhiên. Tràng đã có vợ chi với bốn bát bánh đúc và một xu dầu. Một tình huống bất ngờ nhưng hợp lý.

+ Tình huống truyện nói lên tình cảnh thê thảm của người nông dân nghèo khổ. Cái giá của con người quá rẻ rúng, hôn nhân lợm lặt như cục đất, củ khoai. Tình huống truyện vừa có ý nghĩa nhân văn vừa có giá trị phê phán mãnh liệt.

- *Tình huống truyện trong Chữ người tử tù:*

+ Huân Cao, một con người tài hoa, viết chữ đẹp. Chữ của ông không chỉ “*đẹp lắm, vuông lắm*” mà còn mang cái “*hoài bão tung hoành của cả một đời người*”. Viên quản ngục là người say mê cái tài của Huân Cao. Họ sẽ là tri kỉ khi gặp nhau. Vậy mà họ lại gặp nhau trong nghịch cảnh: Huân Cao là tử tù dưới sự cai quản của viên quản ngục. Một tình huống đối lập gay gắt.

+ Huân Cao là người tử tù nhưng khí phách hiên ngang, được biệt đãi, là người ban phát và răn dạy. Viên quan ngục thì cúi cung phục vụ, luôn khúm núm nhận và nghe lời răn dạy. Lại là một sự đối lập gay gắt.

+ Tình huống truyện có ý nghĩa ca ngợi cái đẹp và cái thiện. Cái đẹp bất chấp uy quyền và cái thiện bất chấp ngục tù, bất chấp cái xấu và cái ác.

- Cả ba tình huống truyện đều bất ngờ, hấp dẫn, tạo được bước ngoặt và kịch tính cho truyện. Tất cả đều có một điểm chung, đó là nghệ thuật đối lập, tương phản, mang những ý nghĩa nhận thức độc đáo, mới mẻ, đầy khám phá.

- Mỗi tình huống truyện đều góp phần làm nổi bật chủ đề tư tưởng của tác phẩm. Tình huống truyện trong *Chiếc thuyền ngoài xa* là mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống. Tình huống truyện trong *Vợ nhặt* phản ánh tình cảnh thê thảm của người nông dân Việt Nam trong nạn đói năm 1945. Còn tình huống truyện trong *Chữ người tử tù* là sự chiến thắng của cái tâm, cái tài trước cái xấu và cái ác.

ĐỀ 6

I. Phần đọc hiểu

Đọc đoạn văn sau, trả lời các câu hỏi hoặc thực hiện các yêu cầu phía dưới:

“*Tất cả hàng tổng trong buổi phiên này. Từ những người đàn bà nghèo ăn mặc rách rưới, cho đến các bà tổng, bà lý váy sồi, thắt lưng đũi và áo bông mềm,*

túi nặng những tiền. Một, hai cô trên tinh, chừng con gái ông thừa hay ông chủ ty ở huyện, vui đùa đi lại trong chợ, răng trắng và môi đỏ. Tâm thấy họ hình như vô tâm và sung sướng lắm thì phải: các cô bá vai nhau mua hết thức này thức nọ, không tiếc tiền, ngây thơ như con trẻ. Tâm và Liên nhìn nhau mỉm cười.

Gần trưa, cậu giáo ra. Vẫn con người mảnh dẻ và nho nhã trong chiếc áo lương cũ. Bốn mắt nhìn nhau: Tâm má đỏ bừng, tay không biết làm gì. Cậu giáo ngượng ngịu, nửa muốn ngồi xuống bên hàng, nửa không dám. Chỉ có Liên là tinh nghịch, sống sượng lại hay nói đùa:

- Kìa ông giáo, mời ông mua hàng của em nó đi.

Rồi cô ngã đầu ra sau, cười ngặt nghẽo, trong lúc Tâm đưa mắt trách và cậu giáo sẽ mỉm cười.”

(*Cô hàng xóm*, Tập truyện ngắn *Gió đầu mùa*, Thạch Lam, NXB Văn học, 2005)

Câu 1. Trong đoạn văn trên, tác giả đã miêu tả khung cảnh nào? Tác giả miêu tả với một thái độ tình cảm như thế nào?

Câu 2. Ba nhân vật Tâm, Liên và ông giáo giao tiếp với nhau bằng cử chỉ, thái độ như thế nào? Qua đó, hãy cho biết mối quan hệ, tình cảm của các nhân vật?

Câu 3. Câu “Kìa ông giáo, mời ông mua hàng của em nó đi”, nghĩa tình thái được thể hiện qua từ nào? Nó thể hiện thái độ như thế nào của người nói?

Câu 4. Đọc câu cuối và cho biết nghĩa của từ “sẽ”?

Câu 5. Theo em, tại sao trong đoạn văn trên, Thạch Lam không chọn ngôi kể là Tâm, một nhân vật trực tiếp tham gia câu chuyện?

II. Phần làm văn

Câu 1. Hôm cả lớp 12A hăng say đi hiến máu nhân đạo thì Thành lại lặng lẽ bỏ đi. Trong buổi sinh hoạt lớp, một số bạn thẳng thắn phê phán Thành, một số im lặng còn một số thì tỏ thái độ thông cảm.

Nếu là em, em sẽ tỏ thái độ như thế nào? Hãy viết một bài văn trình bày thái độ của em.

Câu 2. Nguyễn Đình Thi trong văn bản *Mấy ý nghĩ về thơ* cho rằng nhịp điệu của thơ không chỉ là nhịp điệu của ngôn ngữ mà còn là nhịp điệu của tâm hồn. Hãy phân tích hai đoạn thơ sau để làm rõ ý trên.

“Con sóng dưới lòng sâu

Con sóng trên mặt nước

Ôi con sóng nhớ bờ
Ngày đêm không ngủ được
Lòng em nhớ đến anh
Cả trong mơ còn thức”

(Sóng - Xuân Quỳnh)

“tiếng ghi ta nâu
bầu trời cô gái ấy
tiếng ghi ta lá xanh biết mấy
tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan
tiếng ghi ta ròn ròn
máu chảy”

(Đàn ghi ta của Lor-ca - Thanh Thảo)

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phần đọc hiểu

1. Yêu cầu chung

Đọc hiểu một đoạn văn bản nghệ thuật mới, chưa được học, đòi hỏi học sinh phải có kỹ năng cảm nhận, phân tích và khái quát được ý chính. Ngoài ra, học sinh phải có các kiến thức về ngữ cảnh giao tiếp, nhân vật giao tiếp và nghĩa của từ trong câu để hiểu sâu hơn đoạn văn.

2. Yêu cầu cụ thể

Câu 1. Tác giả miêu tả khung cảnh của mỗi buổi chợ phiên. Tác giả đã thể hiện tình cảm vừa gần gũi vừa trân trọng, quý mến.

Câu 2. Tâm và ông giáo thì vừa ngược ngạo vừa ẹ thẹn, còn Liên thì tự nhiên, vô tư (*Tâm má đỏ bừng bừng, ông giáo ngược ngạo. Liên tinh nghịch, cười ngất nghêo*). Họ đều là những người gần gũi, thân quen với nhau. Ông giáo và Tâm có tình cảm kín đáo, Liên như một đứa em gái.

Câu 3. Trong câu, nghĩa tình thái được thể hiện qua từ “*kìa*”. Nó thể hiện một thái độ ngạc nhiên, bất ngờ và chứa đựng ẩn ý chọc đùa.

Câu 4. Từ “*sẽ*” trong câu không nhằm chỉ một hoạt động trong tương lai mà là chỉ mức độ của sự việc “*mim cười*”. “*Sẽ*” trong câu có nghĩa là sẽ sàng.

Câu 5. Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng vẫn làm toát lên được ý: Nếu chọn ngôi kể là Tâm thì sẽ không làm bộc lộ hết được thái độ tình cảm “*tình trong như đã mặt ngoài còn e*” của Tâm và ông giáo.

II. Phần làm văn

1. Câu 1

a. Yêu cầu chung

- *Về kĩ năng:* Học sinh có kĩ năng làm bài văn nghị luận về một hiện tượng trong đời sống. Bài làm phải có kết cấu đầy đủ, rõ ràng, mạch lạc; biết sử dụng tổng hợp các thao tác giải thích, bình luận, chứng minh để thuyết phục người đọc. Học sinh phải chọn lối hành văn giàu trí tuệ nhưng cũng phải có cảm xúc chân thành, thẳng thắn.

- *Về kiến thức:* Đây là một hiện tượng khá gần gũi với học sinh. Mỗi học sinh phải nắm bắt được những giá trị trong cuộc sống, hình thành kĩ năng ứng xử một cách có văn hóa, phù hợp và thể hiện được tinh thần sáng.

b. Yêu cầu cụ thể

- *Giải thích vấn đề:* Hiến máu nhân đạo là một hoạt động mang tính nhân văn cao cả, nhất là đối với giới trẻ. Đó là một hoạt động tự nguyện, tự giác, không vụ lợi. Lớp 12A hăng say tham gia là một điều tốt. Trường hợp bạn Thành không tham gia cần phải tìm hiểu rõ nguyên nhân. Thành không tham gia là do ích kỷ, hèn nhát hay vì lý do sức khỏe? Các bạn có nên đưa ra trước lớp một việc tế nhị như vậy không? Có cần phải phê phán Thành không? Thái độ im lặng của một số bạn có chấp nhận được không?

- Bình luận vấn đề:

+ Hiến máu nhân đạo là một hoạt động tự giác. Ai không tham gia là một việc hết sức tế nhị. Do đó, đưa việc Thành không tham gia vào buổi sinh hoạt lớp là việc làm không nên. Trong cuộc sống có nhiều việc phải đưa ra suy xét, phán quyết công khai nhưng cũng có những việc phải hết sức tế nhị. Đưa việc Thành ra công khai sẽ làm cho bạn ấy cảm thấy xấu hổ, bị tổn thương và càng xa lánh tập thể hơn.

+ Cần tìm hiểu rõ nguyên nhân Thành không tham gia hiến máu. Nếu do Thành ích kỷ, hèn nhát thì cần động viên, nếu do sức khỏe của Thành yếu thì phải hết sức thông cảm. Không thể có lòng tốt khi không đủ điều kiện, nó sẽ gây hại cho chính bản thân mình và cho người khác.

+ Người thẳng thắn phê phán là sai nhưng cũng không đáng trách, người tỏ

thái độ thông cảm là người hiểu rõ vấn đề. Chỉ có người im lặng là người không có lập trường, ba phải, cơ hội, đó là người đáng trách.

- *Bài học về nhận thức và hành động:*

+ Luôn sống tốt, sống có ích với mọi người trong khả năng và điều kiện của bản thân, không sống vô trách nhiệm nhưng cũng không nhiệt tình thái độ.

+ Nhận xét, đánh giá một người phải luôn suy xét cẩn thận, không được vội vàng; ứng xử với người trong tập thể phải tế nhị, có văn hóa.

+ Phải có thái độ yêu ghét, đúng sai rõ ràng, không ba phải, cơ hội.

2. Câu 2

a. Yêu cầu chung

- *Về kĩ năng:* Có năng lực cảm thụ cái hay, cái đẹp của thơ ca, nhất là nhịp điệu trong thơ ca. Từ sự cảm thụ đó, biết cách trình bày một bài nghị luận văn học với kết cấu đầy đủ, chặt chẽ, mạch lạc; biết cách phân tích, tổng hợp, đánh giá một đoạn thơ. Văn viết lưu loát, có hồn, có cảm xúc.

- *Về kiến thức:* Nắm vững kiến thức về tác giả, phong cách sáng tác. Với hai đoạn thơ, cần nắm được toàn bài thơ và vị trí đoạn trích. Trong mỗi đoạn trích cần làm nổi bật nhạc điệu của ngôn ngữ và nhạc điệu của tâm hồn.

b. Yêu cầu cụ thể

- *Về tác giả, tác phẩm:*

+ Xuân Quỳnh là một nhà thơ đầy nữ tính, giàu lòng trắc ẩn và luôn da diết trong khát vọng tình yêu. Bài thơ *Sóng* mang âm hưởng dạt dào, vừa mãnh liệt vừa sâu lắng của tình yêu.

+ Thanh Thảo là nhà thơ với cái tôi nội cảm, với những liên tưởng tự do phóng túng theo hướng tượng trưng siêu thực. Bài thơ *Đàn ghi ta của Lor-ca* là cảm hứng bi phẫn về cái chết của Lor-ca.

+ Cả hai bài thơ đều được cấu trúc bởi phong nền của nhịp điệu: nhịp điệu của con sóng và nhịp điệu của cây đàn ghi ta.

- *Nhịp điệu của sóng:*

+ Thể thơ năm chữ gọi cái nhịp nhàng của sóng, cách ngắt nhịp, phối âm linh hoạt, sự luân phiên bằng - trắc khắc họa nhịp điệu lúc êm dịu, khoan thai, lúc dồn dập, dữ dội. Sự luân phiên giữa sóng và em, giữa "lòng sâu" và "mặt nước" cũng tạo nên nhịp điệu, sự hô ứng, trùng điệp của những con sóng miên man bất tận ngày đêm vỗ bờ.

+ Mượn hình tượng sóng để diễn đạt những cung bậc khác nhau của tình yêu. Tự bản thân hình tượng đã gợi lên những liên tưởng về nhịp điệu.

+ Nhiều cung bậc khác nhau của tình yêu và nỗi nhớ trong đoạn thơ. Đó là một tình yêu, một nỗi nhớ sâu lắng (*dưới lòng sâu*), một tình yêu và nỗi nhớ mãnh liệt (*trên mặt nước*), một tình yêu tràn ngập cả không gian (*bờ*), thời gian (*ngày đêm*) và đi cả vào trong tiềm thức. Sắc thái cảm xúc, nhịp điệu của tâm hồn luôn thay đổi với nhiều cung bậc khác nhau. Đó chính là nhịp điệu của tâm hồn.

- *Nhạc điệu của đàn ghi ta:*

+ Bài thơ *Đàn ghi ta của Lor-ca* mở đầu và kết thúc bởi chùm hợp âm “*li la li la*”. Đoạn thơ nằm giữa chính là những nốt thăng của chùm hợp âm đó. Bài thơ là sự mô phỏng âm thanh của đàn ghi ta, là chất nhạc dân gian của người nghệ sĩ hát rong xứ An-đa-lu-xi-a.

+ Đoạn thơ có vần đuổi nhau liên hồi, cách ngắt nhịp phóng khoáng ngẫu hứng, không sử dụng dấu câu cũng mang đến cho đoạn thơ âm hưởng miên man bất tận.

+ Các biện pháp chuyển đổi cảm giác từ âm thanh thành màu sắc, hình khối tạo nên những chuỗi phản ứng dây chuyền. Đó chính là chuỗi của âm thanh trong tâm hồn con người. Âm nhạc đã thành số phận, thành ám ảnh về những suy tưởng (*nâu*), hi vọng (*xanh*), đau đớn (*vỡ tan*), cái chết (*máu chảy*). Tất cả tạo nên âm hưởng day dứt khôn nguôi.

- *So sánh:*

+ Cả hai đoạn thơ đều có kết cấu nhạc điệu. Nhạc điệu của tiếng sóng và nhạc điệu của đàn ghi ta. Tuy nhiên, nếu sóng là nhạc điệu của tình yêu thì *Đàn ghi ta của Lor-ca* là nhạc điệu của sự mát mát bi phần.

+ Cả hai đoạn thơ đều có cảm xúc dâng trào mãnh liệt. Nếu như sóng là cảm xúc mang màu sắc lãng mạn thì *Đàn ghi ta của Lor-ca* mang cảm xúc của những suy tưởng, triết luận.

ĐỀ 7

I. Phần đọc hiểu

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi hoặc thực hiện các yêu cầu ở phía dưới:

“Em ơi buồn làm chi

Anh đưa em về sông Đuống

Ngày xưa cát trắng phẳng lì
Sông Đuống trôi đi
Một dòng lấp lánh
Năm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kì

Xanh xanh bãi mía bờ dâu
Ngô khoai biêng biếc
Đứng bên này sông sao nhớ tiếc
Sao xót xa như rụng bàn tay.”

(*Bên kia sông Đuống* - Hoàng Cầm)

Câu 1. Đoạn thơ bộc lộ tâm trạng, cảm xúc nào của nhà thơ?

Câu 2. Đoạn thơ được viết theo thể thơ nào? Tác dụng của thể thơ trong việc biểu đạt nội dung đoạn thơ?

Câu 3. Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu thơ “*Năm nghiêng nghiêng trong kháng chiến trường kì*”? Giá trị của biện pháp tu từ đó?

Câu 4. Câu thơ “*Sao xót xa như rụng bàn tay*” sử dụng biện pháp tu từ nào? Giá trị biểu cảm của biện pháp tu từ đó?

Câu 5. Sông Đuống là cảm hứng về quê hương của Hoàng Cầm. Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 10 câu) nói về cảm hứng của các nhà văn, nhà thơ về những dòng sông.

II. Phần làm văn

Câu 1. Trong cuộc sống, đôi khi chúng ta phải đối diện với *dư luận xã hội*. Có những người luôn thay đổi theo *dư luận xã hội*, có người lại bất chấp *dư luận xã hội*.

Hãy viết một bài văn trình bày quan niệm và trải nghiệm của em trước dư luận xã hội.

Câu 2. Truyện ngắn *Vợ nhặt* (Kim Lân) đặt trong bối cảnh nạn đói khủng khiếp năm Ất Dậu. Tuy nhiên, Kim Lân lại tập trung miêu tả hai bữa ăn: Bữa ăn Tràng đãi người vợ nhặt ngoài chợ và bữa ăn ở gia đình Tràng.

Em hãy phân tích diễn biến, ý nghĩa của hai bữa ăn đó.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phần đọc hiểu

1. Yêu cầu chung

Câu này yêu cầu kiểm tra năng lực đọc - hiểu, đọc cảm thụ một đoạn thơ đồng thời kiểm tra các kiến thức về tu từ, thể thơ. Mặt khác, học sinh phải biết vận dụng những kiến thức này để hiểu và cảm thụ sâu sắc hơn đoạn thơ.

2. Yêu cầu cụ thể

Câu 1. Tâm trạng của tác giả là đau đớn, xót xa, tiếc thương. Nguồn cảm xúc dâng trào trong đoạn thơ là cảm xúc về quê hương và tình yêu quê hương, đất nước.

Câu 2. Đoạn thơ được viết theo thể thơ tự do. Thể thơ đã biểu đạt được cảm xúc dâng trào, mãnh liệt của nhà thơ.

Câu 3. Câu thơ đã sử dụng biện pháp tu từ nhân hóa. Hình ảnh con sông “*nằm nghiêng nghiêng*” như là hình ảnh của một người đầy trần trụi, đau xót.

Câu 4. Câu thơ sử dụng biện pháp tu từ so sánh để biến cái trừu tượng thành cái cụ thể, biến nỗi đau tinh thần thành nỗi đau da thịt.

Câu 5. Học sinh có thể vận dụng các kiến thức đã học để phát biểu về cảm hứng của các nhà văn, nhà thơ như Tế Hanh (*Nhớ con sông quê hương*), Hoàng Phủ Ngọc Tường (*Ai đã đặt tên cho dòng sông?*), Nguyễn Tuân (*Người lái đò Sông Đà*)... Tất cả đều là những cảm hứng về quê hương, đất nước.

II. Phần làm văn

1. Câu 1

a. Yêu cầu chung

- Học sinh phải có năng lực viết bài nghị luận xã hội: kết cấu đầy đủ, chặt chẽ, rõ ràng, mạch lạc; sử dụng thành thạo các thao tác lập luận như giải thích, bình luận, chứng minh; kết hợp tốt các phương thức biểu đạt.

- Học sinh phải có những kiến thức và trải nghiệm trong thực tiễn. Mỗi học sinh có quan điểm riêng nhưng phải có cái nhìn đúng đắn, toàn diện, phù hợp với chuẩn mực xã hội; suy nghĩ, hành động phải chân thành, nghiêm túc.

b. Yêu cầu cụ thể

- *Giải thích vấn đề:* Dư luận xã hội là một trong những kênh thông tin quan trọng có ảnh hưởng đến đời sống xã hội và mỗi cá nhân. Trong thực tế, mỗi

người đều có cách hành xử khác nhau trước dư luận xã hội: có người luôn bị động, bị cuốn theo dư luận xã hội, nhưng có những người luôn bất chấp dư luận xã hội.

- *Bình luận:*

+ Cả hai cách sống trên đều thái quá, lệch lạc, không phải là những cách sống hay. Đó đều là những con người hoặc không có bản lĩnh, hoặc luôn bất chấp mọi thứ.

+ Phải có cách nhìn toàn diện, bình tĩnh trước dư luận xã hội. Phải biết xác định dư luận nào đúng, dư luận nào không đúng, dư luận nào có cơ sở, dư luận nào chỉ là tin đồn thất thiệt... Như vậy, mới có thể xác định cho mình cách hành động đúng.

- *Bài học về nhận thức và hành động, học sinh có thể có những ý như sau:*

+ Phải luôn suy xét một cách kỹ lưỡng, thận trọng trước dư luận.

+ Chọn cho mình cách sống đúng đắn, nhân văn.

+ Đón nhận mọi dư luận xã hội bằng thái độ cầu thị.

2. Câu 2

a. Yêu cầu chung

- *Về kĩ năng:* Biết làm bài văn nghị luận văn học. Bài làm có kết cấu đầy đủ, rõ ràng, văn viết lưu loát, chặt chẽ, có cảm xúc chân thành, sử dụng thành thạo các thao tác lập luận phân tích, chứng minh.

- *Về kiến thức:* Nắm được những nét cơ bản về tác giả Kim Lân và tác phẩm *Vợ nhặt*. Đọc, nhớ được các chi tiết, hiểu được ý nghĩa và giá trị của các chi tiết trong văn bản.

b. Yêu cầu cụ thể

- *Về tác giả, tác phẩm:* Kim Lân là nhà văn chuyên viết về nông thôn và người nông dân. Tác phẩm *Vợ nhặt* lấy bối cảnh nạn đói khủng khiếp năm Ất Dậu để phản ánh tình cảnh thê thảm của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám.

- *Bữa ăn thứ nhất:*

+ Bối cảnh, diễn biến: Tràng là một chàng trai thật thà nhưng thô kệch, nghèo nàn, ế vợ, làm nghề đẩy xe thóc. Còn người vợ nhặt thì lang thang đói rách thảm hại. Hai người xa lạ gặp nhau qua câu đùa cợt, người đàn bà gợi ý ăn, được mời ăn và cắm đầu ăn, bất chấp danh dự, nhân phẩm.

+ Ý nghĩa: Bữa ăn thể hiện khát vọng sống, khát vọng sinh tồn mãnh liệt của con người. Nó thể hiện rõ quan niệm: Trong cái đói, con người ta không nghĩ đến cái chết mà chỉ nghĩ đến sự sống.

- Bữa ăn thứ hai:

+ Bối cảnh, diễn biến: Đó là buổi sáng mà mỗi người đều tràn ngập niềm vui và hạnh phúc. Tràng thì vui sướng tràn ngập trong lòng, bà cụ Tứ chỉ nói chuyện vui, người vợ nhặt đã trở thành người con dâu đảm đang, có trách nhiệm. Tuy nhiên, bữa ăn ngày đói vẫn rất thảm hại với món “chè khoán” đắng chát. Dù vậy nỗi buồn chỉ thoáng qua và trong đầu mỗi người là một tương lai tươi sáng.

+ Ý nghĩa: Trong cái đói, cái khổ, cái chết chực chờ, con người luôn biết dựa vào nhau, yêu thương và luôn vững tin vào tương lai. Đây chính là bữa ăn của tình yêu, của niềm tin.

- Cả hai bữa ăn, một mặt phản ánh cái đói khủng khiếp, một mặt thể hiện sự cảm thông, sự thấu hiểu sâu sắc của Kim Lân đối với những người nông dân. Nó thể hiện tư tưởng nhân văn, nhân đạo sâu sắc của tác giả.

3. Lưu ý: Ngoài những ý trên học sinh có thể trình bày những ý khác nhưng phải hợp lý, thuyết phục, đặc biệt là những suy nghĩ mới mẻ, sáng tạo.

ĐỀ 8

I. Phần đọc hiểu

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi hoặc thực hiện các yêu cầu ở phía dưới:

“Bi kịch ấy họ gửi cả vào tiếng Việt. Họ yêu vô cùng thứ tiếng trong mấy mươi thế kỷ đã chia sẻ vui buồn với cha ông. Họ dồn tình yêu quê hương trong tình yêu tiếng Việt. Tiếng Việt, họ nghĩ là tấm lụa đã hứng vong hồn những thế hệ qua. Đến lượt họ, họ cũng muốn mượn tấm hồn bạch chung để gửi nỗi băn khoăn riêng.

Nhưng do đó trong thất vọng sẽ nảy mầm hi vọng.

Chưa bao giờ như bây giờ họ hiểu câu nói can đảm của ông chủ báo Nam Phong: “Truyện Kiều còn, tiếng ta còn; tiếng ta còn, nước ta còn”.

Chưa bao giờ như bây giờ họ cảm thấy tinh thần nòi giống cũng như các thể thơ xưa chỉ biến thiên chứ không sao tiêu diệt.

Chưa bao giờ như bây giờ họ thấy cần phải tìm về dĩ vãng để vin vào những gì bất diệt đủ bảo đảm cho ngày mai”.

(*Thi nhân Việt Nam - Hoài Thanh*)

Câu 1. Em hãy cho biết trong đoạn văn trên, Hoài Thanh bàn về vấn đề gì?

Câu 2. Đoạn văn trên được viết theo phong cách ngôn ngữ nào? Sức thuyết phục của đoạn văn được thể hiện qua điều gì?

Câu 3. Trong 5 câu đầu, tác giả chủ yếu sử dụng phép liên kết câu nào? Giá trị của phép liên kết đó?

Câu 4. Ba câu cuối của đoạn văn, tác giả sử dụng biện pháp tu từ nào? Tác dụng của biện pháp tu từ đó?

Câu 5. Hãy đặt tên cho đoạn văn trên.

II. Phần làm văn

Câu 1. Trong bài thơ *Tập đi*, nhà thơ Trần Mạnh Hào cho rằng cuộc đời của mỗi người là những tháng ngày tập đi. Tuy nhiên “*Tập đi suốt cả cuộc đời - Mà chân chưa chắc là đôi chân mình*”.

Phải chăng có những người mà cả cuộc đời luôn đi bằng đôi chân của người khác? Em hãy viết một bài văn bàn về những người ấy.

Câu 2. Trong văn chương, âm thanh đôi khi thể hiện những ý đồ nghệ thuật độc đáo.

a. Cảm nhận của em về âm thanh tiếng sáo trong đêm tình mùa xuân (*Vợ chồng A Phủ - Tô Hoài*).

b. So sánh âm thanh tiếng sáo trong đêm tình mùa xuân với âm thanh trong buổi sáng Chí Phèo tỉnh rượu sau khi gặp Thị Nở (*Chí Phèo - Nam Cao*).

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phần đọc hiểu

1. Yêu cầu chung

Học sinh phải biết cách đọc - hiểu một văn bản nghị luận văn học. Ngoài việc nắm chắc nội dung của đoạn văn, học sinh phải có những kiến thức về phong cách văn bản, các biện pháp tu từ, liên kết câu và giá trị của những biện pháp đó.

2. Yêu cầu cụ thể

Câu 1. Đoạn văn trên, nhà phê bình Hoài Thanh bàn về tiếng Việt trong thơ mới. Tình yêu đất nước trong thơ mới được thể hiện qua tình yêu tiếng Việt.

Câu 2. Đoạn văn trên được viết theo phong cách ngôn ngữ chính luận, sức thuyết phục được thể hiện ở phương pháp lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc bén, với văn phong nhiệt huyết, tình cảm nồng nàn.

Câu 3. Trong 5 câu đầu, tác giả sử dụng phép lặp (họ) để tạo sự liên kết. “Họ” ở đây chính là những nhà thơ mới. Do đó, lặp từ “họ” thể hiện sự xuất hiện đông đảo, sự khẳng định bản lĩnh, tài năng của những nhà thơ mới. Phép lặp còn làm cho kết cấu đoạn văn chặt chẽ, thuyết phục.

Câu 4. Ba câu cuối, tác giả dùng phép lặp cú pháp, tạo nên những đợt sóng ngôn từ, thể hiện cảm hứng khẳng định mãnh liệt.

Câu 5. Học sinh đặt tiêu đề phải ngắn gọn, phù hợp với nội dung, nghệ thuật của đoạn văn. Ưu ái những tiêu đề mang tính hàm ý, những tiêu đề có tính ẩn dụ cao.

II. Phân làm văn

1. Câu 1

a. Yêu cầu chung

- Về kĩ năng: Có năng lực tìm ý, năng lực viết bài nghị luận xã hội. Bài viết có kết cấu đầy đủ, rõ ràng, mạch lạc. Biết sử dụng tổng hợp các thao tác lập luận và các phương thức biểu đạt, có lí lẽ, dẫn chứng thuyết phục.

- Về kiến thức: Học sinh có những hiểu biết và kiến thức thực tiễn. Mỗi học sinh phải có cách nhìn nhận, đánh giá vấn đề một cách toàn diện, đúng đắn, phù hợp với đạo lý sống của con người. Đồng thời, học sinh phải có cách nhìn riêng, độc đáo, nhân văn.

b. Yêu cầu cụ thể

- Giải thích vấn đề: Tập đi được hiểu theo nghĩa là quá trình sống, phấn đấu và trưởng thành của mỗi con người. Tuy nhiên, bên cạnh những người sống, trưởng thành bằng chính năng lực của mình thì cũng có những người chỉ biết sống dựa dẫm, ỷ lại, cơ hội. Họ đi lên bằng đôi chân của người khác.

- Bình luận vấn đề:

+ Những người đi lên bằng đôi chân của người khác là những người không có cả tài lẫn tâm, không có ý chí và nghị lực. Cái danh, nếu có được cũng chỉ là danh

hảo. Những người đi lên bằng đôi chân của người khác là những người đáng phê phán. Tuy nhiên, có những người không ý thức được rằng họ đi bằng đôi chân người khác. Họ là những người lạc lối, vừa đáng trách vừa đáng thương.

+ Ngược lại, có những người đi lên bằng chính tài năng, nghị lực của mình. Họ là những người vừa có tài, vừa có tâm, nhất là có lòng tự trọng, ý thức tự lập. Có những người, dù hoàn cảnh bất hạnh nhưng vẫn luôn cố gắng vươn lên, sống tự lập, không dựa dẫm, ỷ lại.

- Bài học về nhận thức và hành động:

+ Sống trung thực, tự lập, không dựa dẫm, ỷ lại, cơ hội.

+ Đừng ham cái danh hảo, đừng sống đạo đức giả tạo.

+ Sống tự lập nhưng luôn biết đưa tay ra để giúp đỡ người khác.

Câu 2

a. Yêu cầu chung

- Về kĩ năng: Biết làm bài văn nghị luận văn học, có kĩ năng đọc - hiểu văn bản. Bài làm có kết cấu đầy đủ, rõ ràng, mạch lạc, văn viết lưu loát, có cảm xúc chân thành. Học sinh phải biết vận dụng tổng hợp các thao tác lập luận phân tích, chứng minh, so sánh.

- Về kiến thức: Nắm được những nét cơ bản về tác giả Tô Hoài và tác phẩm *Vợ chồng A Phủ*, tác giả Nam Cao và tác phẩm *Chí Phèo*.

b. Yêu cầu cụ thể

- Về tác giả, tác phẩm:

+ Tô Hoài là nhà văn có hiểu biết sâu sắc về phong tục văn hóa các vùng miền, nhất là vùng cao Tây Bắc. Tác phẩm *Vợ chồng A Phủ* đã phản ánh nổi thống khổ của đồng bào dân tộc Mông dưới ách cai trị của tầng lớp thống trị phong kiến miền núi.

+ Nam Cao là nhà văn hiện thực xuất sắc, tác phẩm *Chí Phèo* phản ánh sự tha hóa, lưu manh hóa của người nông dân lương thiện.

+ Cả hai tác phẩm đều phản ánh hiện thực với tư tưởng nhân đạo sâu sắc.

- Âm thanh tiếng sáo trong tác phẩm *Vợ chồng A Phủ*:

+ Mị làm con dâu gạt nợ cho nhà thống lý Pá Tra: Mị sống làm lữ, cam chịu làm thân trâu ngựa. Mị coi như mình đã chết.

+ Trong đêm tình mùa xuân, Mị nghe “tiếng sáo vọng lại, thiết tha, bồi hồi”.

Mị hát nhảm theo tiếng sáo. Mị uống rượu, Mị thắp đèn, Mị muốn đi chơi. Tiếng sáo còn gọi cho Mị tình yêu, tuổi trẻ. Tiếng sáo ấy chính là tiếng gọi của tình yêu, của khát vọng sống.

+ Mị còn nghe tiếng sáo “văng vẳng”, tiếng sáo đưa Mị đi khi Mị bị trói. tiếng sáo kết hợp với hơi rượu nồng nàn làm cho lòng ham sống của Mị trở dậy. Mị không có cảm giác bị trói, chỉ thấy “nồng nàn, tha thiết nhớ”. Đó chính là tiếng sáo của sự thức tỉnh.

+ Tiếng sáo như hợp cùng với màu sắc rực rỡ của mùa xuân làm cho tác phẩm mang đậm chất thơ. Đó chính là chất thơ của cuộc sống.

- *Âm thanh trong buổi sáng Chí Phèo tỉnh rượu:*

+ Chí nghe tiếng chim hót, tiếng của những người đi chợ, tiếng anh thuyền chài gõ mái chèo đuổi cá: Đó chính là những âm thanh cuộc sống đang réo gọi Chí Phèo. Âm thanh của sự thức tỉnh.

+ Chí Phèo suy ngẫm: Hắn đã từng có ước mơ, hắn thấy mình già và cô độc, và yếu đuối. Hắn không thể ác, hắn phải làm người lương thiện. Âm thanh cuộc sống đã gọi cho Chí Phèo những suy nghĩ đúng đắn về con đường lương thiện, là âm thanh phục thiện.

+ Âm thanh buổi sáng khi Chí tỉnh rượu làm cho tác phẩm mang đầy chất thơ.

- Âm thanh của tiếng sáo, của cuộc sống là những âm thanh thức tỉnh, âm thanh đầy chất thơ của cuộc sống, thể hiện tư tưởng nhân đạo sâu sắc của Tô Hoài và Nam Cao.

ĐỀ 9

I. Phần đọc hiểu

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi hoặc thực hiện các yêu cầu ở phía dưới:

“01.01.1970

Thêm một tuổi đời, vậy là cái tuổi ba mươi đâu còn xa nữa. Vài năm nữa mình trở thành một chị cán bộ già dặn đứng đắn. Nghĩ đến đó mình thấy buồn. Tuổi xuân của mình đã qua đi trong lửa khói, chiến tranh đã cướp mất hạnh phúc trong tình yêu và tuổi trẻ. Ai lại không tha thiết với mùa xuân? Ai lại không muốn cái sáng ngời trong đôi mắt và trên đôi môi căng mọng khi cuộc đời còn ở

tuổi hai mươi? Nhưng... tuổi hai mươi của thời đại này đã phải dẹp lại những ước mơ hạnh phúc mà lẽ ra họ phải có...”

(*Nhật ký Đặng Thùy Trâm* - NXB Hội Nhà văn, 2005)

Câu 1. Hãy cho biết những tâm sự của tác giả vào ngày 01 tháng 01 năm 1970?

Câu 2. Hai câu hỏi trong đoạn văn là loại câu hỏi nào? Ý nghĩa của các câu hỏi đó?

Câu 3. Nhân vật “minh” trong đoạn văn và nhân vật “minh” trong câu thơ “*Ta về, mình có nhớ ta*” (*Việt Bắc* - Tố Hữu) có những điểm nào giống và khác nhau về ngôi thứ và hoàn cảnh giao tiếp?

Câu 4. Đoạn văn sử dụng những phương thức biểu đạt chính nào?

Câu 5. Trình bày suy ngẫm của em về hai dấu chấm lửng ở cuối đoạn văn.

II. Phần làm văn

Câu 1. Có một vụ tai nạn giao thông, nạn nhân đang quần quai. Có người lấy điện thoại ra quay phim, chụp ảnh; có người không ngớt chỉ trỏ, hỏi han; có người nhanh chóng lạng lẽ rời đi; và cũng có người lao vào sơ cứu, đưa nạn nhân đi bệnh viện.

Hãy viết một bài văn nêu suy nghĩ của em về những người ấy.

Câu 2. Phân tích hai đoạn văn sau:

“Hùng vĩ của Sông Đà không phải chỉ có thác đá. Mà nó còn là những cảnh đá bờ sông, dựng vách thành, mặt sông chỗ ấy chỉ lúc đúng ngọ mới có mặt trời. Có chỗ vách đá thành chẹt lòng Sông Đà như một cái yết hầu. Đứng bên này bờ nhẹ tay ném hòn đá qua bên kia vách. Có quãng con nai con hổ đã có lần vọt từ bờ này sang bờ kia. Ngồi trong khoang đò qua quãng ấy, đang mùa hè mà cũng thấy lạnh, cảm thấy mình như đứng ở hè một cái ngõ mà ngóng vọng lên một khung cửa sổ nào trên cái tầng nhà thứ mấy nào vừa tắt phụt đèn điện.”

(*Người lái đò Sông Đà* - Nguyễn Tuân)

“Trước khi về đến vùng châu thổ êm đềm, nó đã là một bản trường ca của rừng già, rầm rộ giữa bóng cây đại ngàn, mãnh liệt qua những ghềnh thác, cuộn xoáy như cơn lốc vào những đáy vực bí ẩn, và cũng có lúc nó trở nên dịu dàng và say đắm giữa những dặm dài chói lọi màu đỏ của hoa đỗ quyên rừng. Giữa lòng Trường Sơn, sông Hương đã sống một nửa cuộc đời của mình như một cô gái Di-gan phóng khoáng và man dại. Rừng già đã hun đúc cho nó một bản lĩnh gan dạ, một tâm hồn tự do và trong sáng.”

(*Ai đã đặt tên cho dòng sông?* - Hoàng Phủ Ngọc Tường)

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phần đọc hiểu

1. Yêu cầu chung

- Có kĩ năng đọc hiểu văn bản, nhất là một văn bản mới được tiếp xúc lần đầu và lại là nhật ký của một cá nhân. Không những đọc - hiểu, học sinh phải có sự đồng cảm với chính tác giả. Đó là một người con gái anh hùng khá nổi tiếng, được nhiều thế hệ trẻ ngưỡng mộ.

- Học sinh phải có những kiến thức về phương thức biểu đạt, về câu hỏi tu từ và hiểu nghĩa của từ trong một văn cảnh cụ thể.

2. Yêu cầu cụ thể

Câu 1. Đó là tâm sự của một bác sĩ trẻ giữa chiến trường ác liệt, trong thời khắc của năm mới. Một tâm sự tiếc nuối tuổi xuân nhưng cũng sẵn sàng hiến dâng tuổi xuân. Nó còn là một cái nhìn mới nhưng rất thật về chiến tranh.

Câu 2. Hai câu hỏi trong đoạn văn là những câu hỏi tu từ. Mục đích: khẳng định ai cũng thiết tha với mùa xuân, với tuổi trẻ.

Câu 3. Nhân vật “minh” trong đoạn văn là ngôi thứ nhất, là lời xưng hô. Còn nhân vật “minh” trong câu thơ là ngôi thứ hai, là lời gọi đáp. Cả hai nhân vật này đều nằm trong hoàn cảnh giao tiếp độc thoại, gợi tình cảm thiết tha, sâu lắng.

Câu 4. Đoạn văn chủ yếu sử dụng phương thức tự sự kết hợp biểu cảm.

Câu 5. Đây là một câu hỏi sáng tạo, học sinh có thể trình bày suy ngẫm một cách tự do nhưng phải phù hợp với nội dung đoạn văn, với chức năng của dấu chấm lửng và phải có sự đồng cảm với tác giả.

II. Phần làm văn

1. Câu 1

a. Yêu cầu chung

- *Về kĩ năng:* Học sinh phải có kĩ năng viết bài nghị luận về một hiện tượng trong đời sống. Bố cục bài viết phải đầy đủ, rõ ràng, văn phong phải trong sáng, lời lẽ, dẫn chứng phải thuyết phục. Người viết phải có thái độ trung thực, chân thành.

- *Về kiến thức:* Học sinh phải có những hiểu biết cơ bản về giá trị sống và thực sự có kĩ năng sống. Mỗi học sinh phải biết phân biệt đâu là tốt/xấu, sự sẻ chia/lòng ích kỷ, sự đồng cảm/thối vô cảm. Từ đó mỗi em đều có suy nghĩ và hành động vừa trách nhiệm, vừa nhân văn.

b. Yêu cầu cụ thể

- *Giải thích:* Khi một tai nạn giao thông xảy ra, việc ưu tiên là phải cứu người bị nạn và tránh ùn tắc giao thông. Để làm được việc đó, đòi hỏi mỗi người phải có lòng tốt, sự hiểu biết, tử tế và nhất là phải hành động cứu người ngay lập tức. Có người không ngần ngại cứu giúp người gặp nạn, tuy nhiên, có những người không những không cứu giúp mà còn sợ liên lụy, hoặc tò mò đứng lại gây ùn tắc giao thông. Đó là hai mặt của đời sống xã hội, thể hiện rất cụ thể đạo đức và văn hóa ứng xử của con người.

- Bàn luận:

+ Những người thiếu đạo đức và văn hóa: Họ chỉ lo chụp ảnh, quay phim, thờ ơ và vô cảm trước hoạn nạn của người khác; người chỉ trích, hỏi han vì sự hiếu kỳ, tính tò mò ích kỷ của cá nhân; người lặng lẽ bỏ đi vì sợ liên lụy, sợ ảnh hưởng đến lợi ích của bản thân. Họ là những kẻ vô cảm, ích kỷ, đáng bị phê phán.

+ Những người có đạo đức, văn hóa: Họ có lòng tốt, sự sẻ chia, đồng cảm. Họ sẵn sàng giúp người gặp nạn dù có thể đôi lúc bị thiệt thòi. Đó là một cách sống nhân đạo, vị tha và giàu tính hi sinh. Họ đáng được trân trọng.

+ Tuy nhiên, trong thực tế, tốt xấu lẫn lộn, đôi khi lòng tốt của con người bị lợi dụng, thậm chí bị dè bieu, nên có những người có lòng tốt nhưng lại sợ liên lụy, sợ bị hiểu nhầm. Đây là những người đáng trách nhưng có thể được thông cảm phần nào.

- Bài học nhận thức và hành động:

+ Lòng tốt là điều đáng quý của con người. Nhưng trước hết, mỗi người phải hành xử có trách nhiệm, có văn hóa, không thờ ơ, vô cảm trước nỗi đau, hoạn nạn của người khác.

+ Trong cuộc sống, càng giúp đỡ được nhiều người càng tốt, nhất là trong những hoàn cảnh đặc biệt. Mỗi người, nếu có điều kiện hãy cư xử và hành động một cách có đạo đức, văn hóa.

+ Đừng bao giờ nghi ngờ, đừng bao giờ lợi dụng hay chà đạp lên lòng tốt của người khác.

2. Câu 2

a. Yêu cầu chung

- *Về kĩ năng:* Có kĩ năng viết bài nghị luận văn học, nhất là kĩ năng phân tích một đoạn văn. Mỗi đoạn văn trong đề đều có những giá trị nội dung và nghệ

thuật đặc sắc. Học sinh phải khai thác được cái hay, cái đẹp của mỗi đoạn văn, chất trí tuệ và chất trữ tình trong mỗi đoạn. Ngoài ra, học sinh phải biết cách thực hiện các thao tác so sánh.

- *Về kiến thức*: Có những hiểu biết cơ bản về phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân và Hoàng Phủ Ngọc Tường; nắm được đặc điểm của thể loại ký, giá trị của hai văn bản *Người lái đò Sông Đà* và *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*.

b. Yêu cầu cụ thể

- *Về tác giả*: Nguyễn Tuân là nhà văn vừa tài hoa vừa uyên bác, Hoàng Phủ Ngọc Tường là nhà văn hướng nội mê đắm.

- *Về tác phẩm*: Cả hai tác phẩm đều viết theo thể loại bút ký phóng túng, tự do, thể hiện cảm hứng mãnh liệt về vẻ đẹp của những con sông. Đó là một sông Đà vừa hung bạo, vừa trữ tình; một sông Hương vừa mãnh liệt, vừa sâu lắng như một người tình của lịch sử và thi ca xứ Huế.

- *Chất tài hoa, uyên bác trong đoạn trích Người lái đò Sông Đà*:

+ Tác giả đã công phu quan sát dòng sông: từ phía trên những vách đá, từ dưới mặt sông để thấy những “thành chẹt”, “yết hầu”, các ngõ hun hút, sâu thẳm, chỉ đúng ngọ mới có mặt trời. Đó là sự quan sát tỉ mỉ, công phu, không chỉ bằng mắt mà bằng mọi giác quan của một cái tôi phóng túng, rợn ngợp trước sự hùng vĩ của thiên nhiên.

+ Tác giả đã diễn đạt công phu quan sát đó bằng những phương tiện ngôn ngữ tài hoa. Đó là những câu văn toàn thanh trắc, những câu văn nhịp dài ngắn khác nhau gợi hình ảnh một dòng sông không chỉ hùng vĩ mà còn đầy bí hiểm, bất trắc.

+ Tác giả đã thực sự phá cách trong cách so sánh, liên tưởng đầy bất ngờ. Cái sâu thẳm, hun hút của con sông giữa núi rừng được liên tưởng với cái ngõ phố của nhà cao tầng đứng vào thời điểm phụt tắt đèn điện. Đầy bất ngờ, đầy cảm giác và ấn tượng. Điều này chỉ có ở một cái tôi tài hoa, uyên bác.

+ Tác giả sử dụng các phép đảo ngữ như câu “*Hùng vĩ của Sông Đà...*”, “*Có chỗ vách đá thành chẹt lòng Sông Đà...*” tạo tính chất mạnh mẽ, dữ dội của con sông. Đó không chỉ là một địa danh mà là cái kỳ vĩ của con sông, là cảm xúc mãnh liệt của người viết được biểu đạt bằng phương tiện ngôn ngữ độc đáo, tài hoa.

- *Sông Hương với bút pháp hướng nội, mê đắm*:

+ Từ nguồn cội, sông Hương là “*bản trường ca của rừng già*”. Đó là một vẻ đẹp vừa mãnh liệt, vừa bí hiểm. Vẻ đẹp ấy hiện lên qua các động từ mạnh, đầy

chất tạo hình: “rằm rộ”, “mãnh liệt”, “cuộn xoáy”. Các động từ trên kết hợp với phép điệp cú pháp gọi lên âm vang của rừng già.

+ Sông Hương còn mang một vẻ đẹp đầy cá tính. Đó là cá tính của cô gái Di-gan phóng khoáng, man dại. Dòng sông không chỉ có cá tính, có hồn mà còn ẩn chứa nguồn sức trẻ, tình yêu và khát vọng kiếm tìm. Điều đó hiện lên qua bút pháp hướng nội mê đắm.

+ Đoạn văn sử dụng phép nhân hóa độc đáo làm cho con sông có hồn, có tính cách: Tên con sông là tên người con gái. Người con gái ấy đang trên đường đi tìm người tình của mình là kinh đô Huế. Nó ra đi trong bản trường ca đầy mê hoặc, trong màu đỏ đỏ quỳên đầy say đắm.

- *So sánh*: Với cảm xúc, tình yêu mãnh liệt, cả hai nhà văn đều đã tái hiện sống động hình ảnh thiên nhiên hùng vĩ. Bằng việc lựa chọn thể loại ký tự do, phóng túng, cái “tôi” của mỗi nhà văn được thể hiện một cách chân thực, sống động, tài hoa.

ĐỀ 10

I. Phần đọc hiểu

“Mẹ ru cái lẽ ở đời

Sữa nuôi phần xác hát nuôi phần hồn

Bà ru mẹ... Mẹ ru con

Liệu mai sau các con còn nhớ chăng

Nhìn về quê mẹ xa xăm

Lòng ta - chỗ ướt mẹ nằm đêm mưa

Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa

Miệng nhai cơm búng lưỡi lừa cá xương.”

(Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa - Nguyễn Duy)

Đọc đoạn thơ trên và thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Đoạn thơ được tác giả viết theo thể thơ nào?

Câu 2. Nêu nội dung chính của đoạn thơ.

Câu 3. Các yếu tố nghệ thuật nào được tác giả sử dụng trong đoạn thơ?

Câu 4. Hình ảnh người mẹ hiện lên qua kí ức của người con như thế nào?

II. Phân làm văn

Câu 1. Hãy viết bài văn (khoảng 600 từ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về câu nói sau:

“Nơi nào có ý chí và những con sóng thì nơi đó có cách để lướt sóng”.

(Nick Vujicic)

Câu 2. *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành (*Ngữ văn 12*, Tập hai, NXB Giáo dục, 2014) là một tác phẩm mang đậm chất sử thi. Anh/chị hãy làm sáng tỏ đặc điểm này qua chủ đề, hình tượng nhân vật, bức tranh thiên nhiên, giọng kể và ngôn ngữ của tác phẩm.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phân đọc hiểu

1. Yêu cầu chung

- Câu này kiểm tra năng lực đọc hiểu văn bản của thí sinh, đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức và kĩ năng đọc hiểu một văn bản văn học thuộc thể thơ trữ tình để làm bài.

- Đề không yêu cầu đọc hiểu mọi phương diện của đoạn trích, chỉ kiểm tra một số khía cạnh. Cảm nhận của thí sinh có thể phong phú nhưng cần nắm bắt được thể thơ, tâm tình của tác giả, thấy được các yếu tố nghệ thuật được dùng trong đoạn trích, cũng như hình ảnh của người mẹ hiện lên qua kí ức của người con.

2. Yêu cầu cụ thể

Câu 1. Đoạn thơ được tác giả viết theo thể thơ lục bát.

Câu 2. Nội dung chính của đoạn thơ: công lao sinh thành, dưỡng dục của mẹ; sự hi sinh thầm lặng, rất đỗi bình thường, giản dị mà cao cả của mẹ; niềm thương nhớ và tấm lòng kính yêu của tác giả đối với mẹ.

Câu 3. Các yếu tố nghệ thuật được tác giả sử dụng trong đoạn thơ:

+ Từ ngữ giàu hình ảnh: *phần xác, phần hồn, com búng, lưỡi lừa...*

+ Vận dụng ca dao:

Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa

Miệng nhai com búng lưỡi lừa cá xương.

+ Giọng điệu: trữ tình, sâu lắng, tràn đầy cảm xúc,...

Câu 4. Hình ảnh người mẹ hiện lên với vẻ đẹp nhân hậu của người phụ nữ Việt Nam qua tấm lòng, kí ức sâu thẳm của đứa con hiếu thảo.

II. Phân làm văn

1. Câu 1

a. Yêu cầu chung

- Câu này kiểm tra năng lực viết bài nghị luận xã hội của thí sinh, đòi hỏi thí sinh phải huy động những kiến thức về đời sống xã hội, kĩ năng tạo lập văn bản và khả năng bày tỏ suy nghĩ của mình để làm bài.

- Thí sinh có thể làm bài theo nhiều cách khác nhau, nhưng phải có lí lẽ và căn cứ xác đáng; được tự do bày tỏ suy nghĩ của mình, nhưng phải có thái độ chân thành, nghiêm túc, phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.

b. Yêu cầu cụ thể

* Giới thiệu vài nét về cuộc đời và nghị lực đáng khâm phục của Nick Vujicic.

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận.

* Giải thích:

“*Ý chí*”: là hoài bão, quyết tâm, lý tưởng, sự kiên định của con người.

“*Con sóng*”: là hình ảnh ẩn dụ, là những thử thách, biến cố, khó khăn mà ta bất ngờ gặp phải trong cuộc sống.

* Bàn luận:

- Để vượt qua những “con sóng” trong cuộc đời, con người cần có “ý chí”.

- Khi đã có “ý chí”, người ta nhất định sẽ tìm được cho mình cách “lướt sóng” - cách vượt qua những con sóng, những trở ngại, khó khăn của bản thân trên đường đời để đạt được thành công.

- Tác dụng của ý chí:

+ Ý chí mang đến cho ta niềm tin và sức mạnh, ngay cả khi chúng ta làm những việc nhỏ.

+ Ý chí khi gặp những “con sóng” sẽ phát huy mạnh mẽ hơn tác dụng của mình. Nó sẽ giúp ta chinh phục mọi khó khăn phía trước, vươn tới thành công.

- Phản đề:

+ Phê phán những người buông xuôi, nản chí khi mới gặp thử thách, khó khăn nào đó.

+ Những người hiểu sai về ý chí, biến nó thành sự cứng đầu, bảo thủ, một mực lao vào những “con sóng” mà không suy xét kĩ càng.

* Bài học nhận thức và hành động:

- + Rèn luyện những kĩ năng sống cần thiết, đặc biệt là ý chí.
- + Bên cạnh ý chí, còn cần đến một mục tiêu rõ ràng để đạt được thành công.

2. Câu 2

a. Yêu cầu chung

- Câu này kiểm tra năng lực viết bài nghị luận văn học của thí sinh, đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức về tác phẩm văn học, kĩ năng tạo lập văn bản và khả năng cảm thụ văn chương của mình để làm bài.

- Thí sinh có thể phân tích và kiến giải theo những cách khác nhau, nhưng phải có lí lẽ, có căn cứ xác đáng, không được thoát li văn bản tác phẩm.

b. Yêu cầu cụ thể

* Giới thiệu khái quát về tác giả Nguyễn Trung Thành, tác phẩm *Rừng xà nu*, vấn đề đặt ra trong đề bài.

* Giải thích: Thế nào là tác phẩm văn chương mang tính sử thi?

- Tác phẩm văn chương được coi là mang tính sử thi khi nó khai thác và phản ánh xung đột của dân tộc với kẻ thù xâm lược, thể hiện những vấn đề lớn của cả cộng đồng.

- Trong tác phẩm *Rừng xà nu*, tính sử thi biểu hiện qua chủ đề, hình tượng nhân vật, bức tranh thiên nhiên, giọng kể, lời văn. Tất cả các yếu tố trên hài hòa với nhau tạo nên tính sử thi - nét đặc sắc của tác phẩm.

* Tính sử thi thể hiện trong truyện ngắn *Rừng xà nu*

- *Chủ đề:*

+ Nhà văn Nguyễn Trung Thành đã quan tâm đến những vấn đề liên quan đến vận mệnh của dân tộc trong những năm tháng đế quốc Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh cục bộ xâm lược miền Nam nước ta (1965).

+ Tác giả không những đã phản ánh được cuộc kháng chiến anh dũng của nhân dân Tây Nguyên, nhân dân miền Nam mà còn khẳng định một chân lý của thời đánh Mỹ: "*Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo!*" - phải dùng bạo lực cách mạng để tiêu diệt bạo lực phản cách mạng. Đây chính là cội nguồn sức mạnh của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước.

Chính chủ đề ấy đã nêu bật tính sử thi của tác phẩm.

- *Hình tượng nhân vật:*

Nhân vật Tnú tiêu biểu, đại diện cho cộng đồng về cả sức mạnh, phẩm chất cũng như lý tưởng, lẽ sống trong những năm tháng chống Mỹ cứu nước:

+ Tnú là con người trung thực, gan góc, dũng cảm, mưu trí. Chất Tây Nguyên này có trong con người Tnú từ khi anh còn nhỏ.

+ Tnú là người có tính kỷ luật cao, tuyệt đối trung thành với cách mạng.

+ Tnú có tình yêu thương sâu sắc, mãnh liệt đối với núi nước quê hương và sự căm thù giặc.

+ Ở Tnú, đôi bàn tay là hình ảnh mang tính cách, dấu ấn cuộc đời anh rõ nhất. Với đôi bàn tay mỗi ngón chi còn hai đốt, Tnú vẫn cầm vũ khí, vẫn đi tìm thằng Dục để trả thù.

Sức mạnh của Tnú là sức mạnh của cả Tây Nguyên. Tính sử thi của tác phẩm hội tụ, phát sáng ở nhân vật này.

- *Bức tranh thiên nhiên:*

+ Hình ảnh thiên nhiên trong truyện ngắn *Rừng xà nu* được khắc họa đậm chất sử thi: cây xà nu như hóa thân của con người Tây Nguyên đau thương và anh dũng. Cả rừng xà nu không cây nào không bị thương, song còn rất nhiều cây xà nu khác đã vượt lên đau thương để sống. Sức sống bất diệt của cây xà nu biểu hiện sinh động, phong phú ở nhiều phương diện khác nhau.

- Xây dựng hình tượng cây xà nu, rừng xà nu, Nguyễn Trung Thành đã tạo một bối cảnh không gian mang tính sử thi: mở đầu và kết thúc tác phẩm là hình ảnh hàng vạn cây xà nu thành đồi, thành rừng nối tiếp nhau chạy tới chân trời tạo nên một vẻ đẹp hùng vĩ và bất diệt của thiên nhiên Tây Nguyên, làm nền cho cuộc đời bi tráng của Tnú và cuộc nổi dậy của dân làng Xô Man.

Chính bức tranh thiên nhiên này đã làm nổi bật chủ đề của tác phẩm.

- *Giọng kể và ngôn ngữ âm vang tính sử thi:*

+ Giọng kể trang trọng, lời kể gợi nhớ tới lời kể “khan” ở các dân tộc thiểu số Tây Nguyên. Đọc tác phẩm, ta thấy có hai giọng kể đan xen hài hòa với nhau. Đó là giọng dẫn chuyện của nhà văn và giọng của cụ Mết khi kể câu chuyện bi tráng của nhân vật Tnú, của dân làng Xô Man cho mọi người nghe nhân đêm Tnú về thăm làng.

+ Ngôn ngữ trong truyện ngắn *Rừng xà nu* mang tính anh hùng ca, đậm tính sử thi.

Lưu ý: Trong quá trình làm bài, thí sinh cần biết chọn lọc và phân tích các dẫn chứng để làm rõ lần lượt từng yếu tố đã tạo nên chất sử thi trong truyện ngắn *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành như đề bài yêu cầu.

* *Nhận xét, đánh giá:*

- Âm hưởng sử thi là âm hưởng chung của văn học Việt Nam thời kì kháng chiến và cũng là nét đặc sắc riêng của truyện ngắn *Rừng xà nu*. Ở tác phẩm này, màu sắc sử thi được tạo nên từ sự tổng hòa của tất cả các yếu tố trên trong từng trang viết, từ những dòng đầu cho đến câu văn kết thúc tác phẩm.

- Ở truyện ngắn *Rừng xà nu*, nhà văn đã chọn cảm hứng sử thi là chủ đạo để phản ánh con người, cuộc sống, thiên nhiên. Chính cảm hứng sử thi, chất sử thi của tác phẩm *Rừng xà nu* mới đủ sức phản ánh, truyền tải hào khí anh hùng của dân tộc Việt Nam trong những ngày tháng hùng hực tinh thần đánh Mĩ.

- *Rừng xà nu* đã góp phần kêu gọi, cô vũ động viên cả dân tộc ra trận với tinh thần quyết chiến, quyết thắng giặc Mĩ xâm lược.

ĐỀ 11

I. Phần đọc hiểu

Đọc đoạn thơ trên và thực hiện các yêu cầu sau:

*“Trên đường ta đi đánh giặc
Ta về Nam hay ta lên Bắc,
Ở đâu
Cũng gặp
Những ngọn đèn dầu
Chong mắt
Đêm thâu
Những ngọn đèn không bao giờ nhắm mắt
Như những tâm hồn không bao giờ biết tắt,
Như miền Nam
Hai mươi năm
Không đêm nào ngủ được,
Như cả nước
Với miền Nam
Đêm nào cũng thức...”*

(*Ngọn đèn đứng gác* - Chính Hữu)

Câu 1. Nêu nội dung của đoạn thơ.

Câu 2. Hình ảnh *ngọn đèn* trong đoạn thơ tượng trưng cho điều gì?

Câu 3. Tác giả đã sử dụng các yếu tố nghệ thuật nào trong đoạn thơ?

Câu 4. Các từ và cụm từ *chong mắt, không bao giờ nhắm mắt, không đêm nào ngủ được, đêm nào cũng thức* gọi cho anh/chị những cảm nhận gì? Để hiểu được các từ và các cụm từ trên, anh/chị phải dựa vào nghĩa nào của từ?

II. Phần làm văn

Câu 1. Từ truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu, hãy viết bài văn (khoảng 600 từ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về vấn đề: “*Trẻ em sẽ sống ra sao nếu bạo lực gia đình xảy ra?*”

Câu 2. Phân tích vẻ đẹp của cảnh sắc thiên nhiên sông Hương gắn với thủy trình sông Hương qua bài bút kí “*Ai đã đặt tên cho dòng sông?*” của nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường (phần trích trong *Ngữ văn 12*, Tập một, NXB Giáo dục, 2014).

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phần đọc hiểu

1. Yêu cầu chung

- Câu này kiểm tra năng lực đọc hiểu văn bản của thí sinh, đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức và kĩ năng đọc hiểu một văn bản văn học thuộc thể thơ trữ tình để làm bài.

- Đề không yêu cầu đọc hiểu mọi phương diện của đoạn trích, chỉ kiểm tra một số khía cạnh. Cảm nhận của thí sinh có thể phong phú nhưng cần nắm bắt được tâm tình của tác giả, hiểu được giá trị biểu đạt của tiếng Việt, chỉ ra được các yếu tố nghệ thuật trong đoạn thơ.

2. Yêu cầu cụ thể

Câu 1. Đoạn thơ thể hiện hình ảnh những con người Việt Nam luôn sẵn sàng chiến đấu với kẻ thù bằng một ý chí quyết tâm cao độ, không ngừng nghỉ.

Câu 2. Hình ảnh *ngọn đèn* tượng trưng cho con mắt của người dân Việt Nam trong thời kì chiến tranh chống Mĩ giải phóng đất nước; còn tượng trưng cho tinh thần, khí phách của con người Việt Nam.

Câu 3. Các yếu tố nghệ thuật:

- Thể thơ tự do, ngắt nhịp linh hoạt.

- Nghệ thuật đối lập: *Ta về Nam - ta lên Bắc.*

- Sử dụng từ mang tính tượng hình, giàu hình ảnh...

Câu 4. Các từ và cụm từ *chong mắt, không bao giờ nhắm mắt, không đêm nào ngủ được, đêm nào cũng thức* gợi nên những cảm nhận về trạng thái tâm hồn của người dân Việt Nam trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc: trạng thái sẵn sàng chiến đấu theo lời kêu gọi, trạng thái tinh táo trong trận chiến, trạng thái vui mừng cùng các chiến thắng,... Tất cả biểu hiện một ý chí quyết chiến, quyết thắng.

- Để hiểu được ý nghĩa của những từ trên, chúng ta phải đặt nó trong đúng văn cảnh và hiểu theo nghĩa chuyển của từ.

II. Phần làm văn

1. Câu 1

a. Yêu cầu chung

- Câu này kiểm tra năng lực viết bài nghị luận xã hội của thí sinh, đòi hỏi thí sinh phải huy động những kiến thức về đời sống xã hội, kỹ năng tạo lập văn bản và khả năng bày tỏ suy nghĩ của mình để làm bài.

- Thí sinh có thể làm bài theo nhiều cách khác nhau, nhưng phải có lí lẽ và căn cứ xác đáng; được tự do bày tỏ suy nghĩ của mình, nhưng phải có thái độ chân thành, nghiêm túc, phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.

b. Yêu cầu cụ thể

* Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: Tác phẩm *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu và vấn đề “*Trẻ em sẽ sống ra sao nếu bạo lực gia đình xảy ra?*”

* Giới thiệu ngắn gọn tác phẩm *Chiếc thuyền ngoài xa* và giải thích:

- Trong truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa*, khi Phác chứng kiến cảnh bố đánh mẹ trên bãi phá thì em đã có thái độ và hành động như thế nào?

- Truyện gợi ra cho người đọc những suy nghĩ về vấn đề: Bạo lực gia đình và tương lai của trẻ em nếu sống trong một gia đình luôn bị bạo hành.

- *Bạo lực gia đình* là gì?

* Bàn luận:

- Thực trạng bạo lực gia đình trong xã hội ngày nay? (dẫn chứng và phân tích dẫn chứng).

- Nguyên nhân dẫn đến bạo lực gia đình:

+ Do bản tính con người, tư tưởng lạc hậu.

+ Do nghèo đói, cơm áo gạo tiền đè nặng (Trong truyện là do cái nghèo, “giá mà chúng tôi có chiếc thuyền to hơn”,...)

+ Do nhận thức của một số người còn thấp.

- Tác hại:

+ Gia đình không hạnh phúc, dễ dẫn đến cảnh đổ vỡ.

+ Đối với trẻ em (vấn đề bàn luận chính):

. Trẻ em là những mầm non tương lai của đất nước, cần được giáo dục trong môi trường tốt để có cơ hội phát triển đầy đủ và toàn diện nhất.

. Bạo lực gia đình xảy ra làm ảnh hưởng đến khả năng phát triển của trẻ.

. Gây ra những nhận thức sai lệch về cuộc sống xung quanh, trẻ dễ bắt chước những hành động bạo lực của người lớn.

. Hình thành những vết đen trong nhân cách của trẻ. Những “vết đen” ấy sẽ càng lớn dần theo thời gian, hủy hoại nhân cách của trẻ. Đây là một trong những con đường ngắn nhất dẫn đến tệ nạn xã hội,...

- Giải pháp ngăn chặn bạo lực gia đình:

+ Đối với gia đình: Các bậc cha mẹ cần hoàn thiện bản thân mình, xóa bỏ bạo lực gia đình.

+ Đối với nhà trường: Có định hướng và giáo dục học sinh về tác hại của bạo lực đối với gia đình, xã hội và chính bản thân mỗi người.

+ Đối với xã hội: Tuyên truyền về tác hại của bạo lực gia đình đến với mỗi người, giáo dục thông qua các phương tiện truyền thông, có biện pháp và cách xử lý đúng đắn đối với những gia đình xảy ra bạo lực. Hỗ trợ những gia đình nghèo (việc làm, lương thực, đảm bảo việc đến trường cho trẻ,...)

+ Đối với cá nhân mỗi trẻ: Cần nhận ra tác hại của bạo lực, từ đó tránh và có những hành động đúng đắn đối với mỗi trường hợp cụ thể,...

* Bài học nhận thức và hành động:

Chiếc thuyền ngoài xa của Nguyễn Minh Châu nêu lên thực trạng đáng chú ý trong xã hội, nhất là xã hội phát triển như hôm nay: bạo lực gia đình. Qua đó thể hiện những bài học nhận thức sâu sắc về vai trò của gia đình trong việc phát triển, định hình nhân cách, hành động cho trẻ.

2. Câu 2

a. Yêu cầu chung

- Câu này kiểm tra năng lực viết bài nghị luận văn học của thí sinh, đòi hỏi

thí sinh phải huy động kiến thức về tác phẩm văn học, kỹ năng tạo lập văn bản và khả năng cảm thụ văn chương của mình để làm bài.

- Thí sinh có thể phân tích và kiến giải theo những cách khác nhau, nhưng phải có lí lẽ, có căn cứ xác đáng, không được thoát li văn bản tác phẩm.

b. Yêu cầu cụ thể

* Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm

- Giới thiệu nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường và bài bút kí *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*

- Giới thiệu vẻ đẹp của cảnh sắc thiên nhiên sông Hương gắn với thủy trình sông Hương.

* Phân tích

- Nội dung: Vẻ đẹp của cảnh sắc thiên nhiên sông Hương gắn với thủy trình sông Hương:

+ Ở thượng lưu:

. Khởi nguồn của dòng chảy, giữa lòng Trường Sơn hùng vĩ, con sông mang vẻ đẹp hoang dại, “phóng khoáng” đầy cá tính.

. Ra khỏi vùng núi, sông Hương mang một vẻ đẹp “dịu dàng và trí tuệ” như “người mẹ phù sa của một vùng văn hóa xứ sở”.

+ Ở ngoại vi thành Huế: Sông Hương đã thay đổi tính cách:

. Giữa cánh đồng Châu Hoá đầy hoa dại: Sông Hương là “cô gái đẹp ngủ mơ màng” được người tình mong đợi đến đánh thức.

. Uốn mình theo những “đường cong thật mềm”, màu nước như biển ảo, phản quang “sớm xanh, trưa vàng, chiều tím” lúc qua những dãy đồi núi phía tây nam thành phố.

. Có lúc mang vẻ đẹp “trầm mặc”, lúc lại mang vẻ đẹp “như triết lí, như cổ thi” khi qua bao lăng tẩm đền đài,...

+ Giữa lòng thành phố Huế:

. Sông Hương “vui tươi hẳn lên giữa những biển bãi xanh biếc của ngoại ô Kim Long” rồi “kéo một nét thẳng thực yên tâm theo hướng tây nam - đông bắc”, rồi “uốn một cánh cung rất nhẹ sang đến Cồn Hến” khiến “dòng sông mềm hẳn đi, như một tiếng “vâng” không nói ra của tình yêu”.

. Sông Hương chảy chậm, điệu chảy lững lờ với đường nét tinh tế, đẹp như “điệu slow tình cảm dành riêng cho Huế”, như “người tài nữ đánh đàn lúc đêm khuya” vì quá yêu và không muốn rời xa thành phố thân thương.

+ Trước khi từ biệt Huế: Sông Hương “lưu luyến” đôi dòng gặp lại thành phố như nổi vương vấn, “lãng lơ kín đáo của tình yêu”,...

- Nghệ thuật:

+ Sáng tạo những trang văn đẹp, được tạo bởi kho từ vựng súc tích nhưng phong phú, uyển chuyển và giàu hình ảnh.

+ Biện pháp ẩn dụ, nhân hóa, so sánh,... gắn liền với những liên tưởng bất ngờ, thú vị.

+ Kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất trí tuệ và chất trữ tình, bút pháp kể và tả làm nổi bật vẻ đẹp của dòng sông,...

Lưu ý: Trong quá trình phân tích, thí sinh cần chọn những dẫn chứng chính xác, cụ thể để làm nổi bật vẻ đẹp của cảnh sắc thiên nhiên sông Hương.

* Đánh giá chung:

- Bài bút kí nói chung và đoạn trích nói riêng là kết tinh và tổng hòa đẹp đẽ tình yêu say đắm đối với dòng sông, với quê hương xứ sở và tài năng của một cây bút giàu trí tuệ, am hiểu sâu rộng về văn hóa, lịch sử, địa lý và văn chương cùng một sức liên tưởng, tưởng tượng phong phú, độc đáo.

- Hình tượng sông Hương trong bài bút kí in đậm dấu ấn phong cách Hoàng Phủ Ngọc Tường: sự kết hợp giữa chất trí tuệ và chất trữ tình, giữa khả năng nghị luận sắc bén với những suy tư đa chiều; cùng lối hành văn hướng nội, phóng túng, lời văn đẹp,...

Lưu ý: Thí sinh chỉ đạt điểm tối đa khi đạt được cả yêu cầu về kĩ năng và kiến thức.

ĐỀ 12

I. Phân đọc hiểu

Câu 1.

“Chỉ có thuyền mới hiểu

Biển mênh mông nhường nào

Chỉ có biển mới biết

Thuyền đi đâu, về đâu

Những ngày không gặp nhau
Biển bạc đầu thương nhớ
Những ngày không gặp nhau
Lòng thuyền đau rạn vỡ”

(Thuyền và biển - Xuân Quỳnh)

Đọc đoạn thơ trên và thực hiện các yêu cầu sau:

- Đoạn thơ trên viết về đề tài gì?
- Đoạn thơ trên gợi liên tưởng đến tác phẩm nào cùng một đề tài mà anh/chị đã học trong chương trình Ngữ văn 12?
- Những biện pháp tu từ nào được sử dụng trong đoạn thơ? Nêu tác dụng của những biện pháp tu từ đó.

Câu 2. “*Mỗi lần thất vọng hay gặp thất bại trong cuộc sống, tôi lại nghĩ đến câu chuyện của một cậu bé gần nhà.*

Ngày đó, em đang tranh tài với các bạn cùng lớp một vai diễn trong vở kịch của trường. Mẹ em nói với tôi rằng em đã đặt hết tâm huyết vào vai diễn thử này, mặc dầu trong thâm tâm bà biết rằng con trai bà không đủ năng khiếu. Đến ngày nhà trường quyết định chọn ai vào vai, tôi theo mẹ em đến trường để đón em sau giờ tan học.

Vừa nhìn thấy mẹ, em chạy vội đến, đôi mắt sáng long lanh ngập tràn hạnh diện và thích thú:

- Mẹ ơi mẹ thử đoán xem nào?

Em la toáng lên và như không thể chờ được, bằng giọng hồn hén, xúc động, em nói luôn câu trả lời mà sau này trở thành bài học cho tôi:

- Con được cô chọn là người vỗ tay và reo hò, mẹ ạ!”

Đọc văn bản trên và thực hiện các yêu cầu sau:

- Nêu ý nghĩa văn bản trên.
- Anh/chị hãy thử đặt nhan đề cho văn bản trên.
- Các cụm từ “*chạy vội đến*”, “*đôi mắt sáng long lanh*” thể hiện tâm trạng gì của cậu bé?

II. Phần làm văn

Câu 1. Trong tác phẩm *Một người Hà Nội* của nhà văn Nguyễn Khải (Ngữ

văn 12, Tập một, NXB Giáo dục, 2014), bà Hiền có những suy nghĩ và lối sống rất thức thời.

Từ lối sống thức thời của nhân vật bà Hiền, hãy viết bài văn (khoảng 600 từ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về lối sống “thức thời” của con người trong xã hội hiện nay.

Câu 2. *“Những đường Việt Bắc của ta
Đêm đêm rầm rập như là đất rung
Quân đi điệp điệp trùng trùng
Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan.
Dân công đỏ đuốc từng đoàn
Bước chân nát đá, muôn tàn lửa bay.
Nghìn đêm thăm thẳm sương dày
Đèn pha bật sáng như ngày mai lên.
Tin vui chiến thắng trăm miền
Hoà Bình, Tây Bắc, Điện Biên vui về
Vui từ Đồng Tháp, An Khê
Vui lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng.”*

*(Việt Bắc - Tố Hữu, Ngữ văn 12, Tập một,
NXB Giáo dục, 2014, tr.112-113)*

Phân tích đoạn thơ trên. Từ việc phân tích đó, anh/chị có suy nghĩ gì về sức mạnh của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm?

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phần đọc hiểu

1. Câu 1

a. Yêu cầu chung

- Câu này kiểm tra năng lực đọc hiểu văn bản của thí sinh, đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức và kĩ năng đọc hiểu một văn bản văn học thuộc thể thơ trữ tình để làm bài.

- Đề không yêu cầu đọc hiểu mọi phương diện của đoạn trích, chỉ kiểm tra một số khía cạnh. Cảm nhận của thí sinh có thể phong phú nhưng cần nắm bắt

được đề tài mà tác giả đề cập trong đoạn trích, thấy được tác dụng của các biện pháp tu từ được dùng trong đoạn trích, cũng như việc nhớ lại nét tương đồng với tác phẩm khác của cùng tác giả.

b. Yêu cầu cụ thể

Câu a. Đoạn thơ viết về đề tài tình yêu.

Câu b. Đoạn thơ trên gợi liên tưởng đến tác phẩm *Sóng* của Xuân Quỳnh cùng viết về đề tài tình yêu.

Câu c. Các biện pháp tu từ được sử dụng và tác dụng của chúng:

- Đoạn thơ sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ, nhân hóa, lặp cú pháp.

+ Ẩn dụ: *Thuyền, biển* là hình ảnh chỉ chàng trai và cô gái đang yêu.

+ Nhân hóa: *Thuyền và biển* mang sắc thái, tâm trạng, tình cảm như con người. "*Biển bạc đầu thương nhớ*", "*Lòng thuyền đau rạn vỡ*".

+ Lặp cú pháp: *Chỉ có thuyền mới hiểu*

Biển mệnh mông nhường nào /

Chỉ có biển mới biết

Thuyền đi đâu, về đâu;...

- Tác dụng của việc sử dụng các biện pháp tu từ: làm cho đoạn thơ giàu hình ảnh, giàu sức gợi cảm, góp phần bộc lộ một tình yêu mãnh liệt, một nỗi nhớ da diết của nhân vật trữ tình.

2. Câu 2

a. Yêu cầu chung

- Câu này kiểm tra năng lực đọc hiểu văn bản của thí sinh, đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức và kỹ năng đọc hiểu một văn bản văn học thuộc thể thơ trữ tình để làm bài.

- Đề không yêu cầu đọc hiểu mọi phương diện của đoạn trích, chỉ kiểm tra một số khía cạnh. Cảm nhận của thí sinh có thể phong phú nhưng cần nắm bắt được đề tài mà tác giả đề cập trong đoạn trích, thấy được tác dụng của các biện pháp tu từ được dùng trong đoạn trích, cũng như việc nhớ lại nét tương đồng với tác phẩm khác của cùng tác giả.

b. Yêu cầu cụ thể

Câu a. Ý nghĩa văn bản: Sự nỗ lực hết mình đôi khi không mang lại kết quả như ta mong muốn, nhưng nếu chúng ta vui vẻ đón nhận và tự hào về công việc mình đang làm thì chúng ta luôn thành công và hạnh phúc.

Câu b. Nhan đề: Người vồ tay và reo hò; Bài học về cách chấp nhận;...

Câu c. Các cụm từ “*chạy vội đến*”, “*đôi mắt sáng long lanh*” thể hiện tâm trạng hào hứng, vui vẻ, phấn khởi của cậu bé khi được cô giáo chọn làm người vồ tay và reo hò. Dù không được chọn vào vai diễn của vở kịch nhưng cậu bé biết cách chấp nhận công việc được cô giáo giao cho,...

II. Phần làm văn

1. Câu 1

a. Yêu cầu chung

- Câu này kiểm tra năng lực viết bài nghị luận xã hội của thí sinh, đòi hỏi thí sinh phải huy động những kiến thức về đời sống xã hội, kỹ năng tạo lập văn bản và khả năng bày tỏ suy nghĩ của mình để làm bài.

- Thí sinh có thể làm bài theo nhiều cách khác nhau, nhưng phải có lí lẽ và căn cứ xác đáng; được tự do bày tỏ suy nghĩ của mình, nhưng phải có thái độ chân thành, nghiêm túc, phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.

b. Yêu cầu cụ thể

* Giới thiệu vấn đề cần nghị luận.

* Giải thích:

- Lối sống “*thức thời*”: là nhận thức được thời cuộc, sống phù hợp với sự thay đổi của cuộc sống xung quanh.

- Lối sống thức thời của bà Hiền trong tác phẩm được thể hiện: Sau ngày Hà Nội giải phóng, bà Hiền bán một trong số hai ngôi nhà mình sở hữu; ngăn cản chồng mua cái máy in để kinh doanh nhỏ; lại chọn nghề bán hoa giấy, nhàn nhả mà đủ ăn. Vì theo bà, “*chế độ không muốn cá nhân làm giàu, đủ ăn, thiếu ăn chút lại càng hay*”.

Đây là lối sống tích cực, sống phù hợp với thời đại, thích nghi với những biến động của thời cuộc.

* Bàn luận:

- Thức thời là một lối sống tích cực, có ích trong cuộc sống và hết sức cần thiết đối với mỗi người.

- Nguyên nhân: Sự thay đổi chóng ngợp mỗi giây mỗi phút của thời đại bắt buộc con người phải thay đổi những quan điểm, cách nhìn,... sao cho phù hợp với xung quanh.

- Tác dụng:

+ Giúp con người bắt kịp xu hướng chung, làm việc và sáng tạo phù hợp, cho năng suất cao trong lao động.

+ Giúp con người hòa nhập với cộng đồng, không trở nên “đị biệt” hay chậm tiến so với nhịp bước thời đại.

- Phản đề: Bên cạnh đó, lối sống thức thời có phần thiên về những mặt tiêu cực: phụ thuộc quá nhiều vào vẻ bề ngoài; thức thời quá mức sẽ dẫn đến lối sống thực dụng, chạy theo tiền tài, danh vọng, chỉ nghĩ đến lợi ích bản thân; a dua, chạy theo “mốt” mới nhất, cho hợp thời, hiện đại; nhiều người chạy theo lối sống thời thượng mà đánh mất bản thân, bỏ quên gia đình, bè bạn; làm mai một, băng hoại những giá trị đạo đức, văn hóa, đôi khi là phủ nhận những truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, xem đó như những cái lỗi thời, lạc hậu;...

* Bài học nhận thức và hành động:

- Lối sống thức thời có những mặt tích cực và tiêu cực song song cùng tồn tại. Cho nên, mỗi người phải có nhận thức đúng đắn, sống cho phù hợp, thích nghi với bước tiến của xã hội nhưng vẫn gìn giữ chủ kiến đúng đắn của bản thân.

- Phải cố gắng nỗ lực, không ngừng học hỏi, mở rộng tầm nhìn để bắt kịp theo xu hướng chung của cuộc sống hiện đại ngày nay, sao cho bản thân không trở nên lạc hậu trước sự phát triển vượt bậc của xã hội.

- Bảo vệ lập trường, chủ kiến của bản thân trước những luồng tư tưởng khác nhau, nhưng phải thiết thực, có cơ sở hợp lí,...

- Dành riêng cho bản thân những “khoảng lặng” để nhìn lại, suy ngẫm về lẽ sống của cá nhân, về những gì mình đã thực hiện và chưa thực hiện trong quá khứ, từ đó vạch ra hướng đi đúng đắn để phấn đấu cho hiện tại và tương lai.

2. Câu 2

a. Yêu cầu chung

- Câu này kiểm tra năng lực viết bài nghị luận văn học của thí sinh, đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức về tác phẩm văn học, kĩ năng tạo lập văn bản và khả năng cảm thụ văn chương của mình để làm bài.

- Thí sinh có thể phân tích và kiến giải theo những cách khác nhau, nhưng phải có lí lẽ, có căn cứ xác đáng, không được thoát li văn bản tác phẩm.

b. Yêu cầu cụ thể

* Giới thiệu khái quát về nhà thơ Tố Hữu, hoàn cảnh ra đời của bài thơ *Việt Bắc*, nội dung, vị trí đoạn trích trên.

*** Phân tích**

- Nội dung:

Mượn lời đáp của người về xuôi, nhà thơ bộc lộ nỗi nhớ da diết với Việt Bắc; qua đó, dựng lên hình ảnh chiến khu trong kháng chiến anh hùng, đặc biệt là khí thế hào hùng của cuộc kháng chiến chống Pháp, khung cảnh hùng tráng của Việt Bắc trong chiến đấu và niềm tin chiến thắng:

+ Toàn cảnh quân dân ta ra trận chiến đấu với khí thế hào hùng, sôi sục, khẩn trương.

+ Những chiến thắng tung bừng trên khắp mọi miền đất nước liên tục được báo về chiến khu.

- Nghệ thuật:

+ Đoạn thơ mang âm hưởng hùng ca, mang đậm chất sử thi: thể hiện được sức mạnh của cả một dân tộc chiến đấu vì độc lập, tự do của Tổ quốc.

+ Giọng thơ hào hùng, sôi nổi.

+ Xây dựng nhiều hình ảnh chọn lọc, có sức gợi cảm.

+ Sử dụng các biện pháp tu từ: so sánh, thậm xưng, trùng điệp, từ láy, điệp từ, liệt kê,...

+ Chất dân tộc đậm đà,...

*** Đánh giá chung:**

- Chỉ qua đoạn thơ ngắn, Tố Hữu đã thể hiện được không khí cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta một cách cụ thể và sinh động.

- Tố Hữu đã thành công khi kết hợp nhuần nhuyễn nội dung chính trị và cảm xúc trữ tình. Đoạn thơ đã góp phần tạo nên sự thành công của bản hùng ca, khúc tình ca Việt Bắc.

Lưu ý: Trong quá trình làm bài, thí sinh cần phân tích các yếu tố nghệ thuật để làm nổi bật giá trị nội dung của đoạn thơ.

*** Suy nghĩ về sức mạnh của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm:**

- Trong cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, nhân dân ta đã dồn toàn thể sức người, sức của cho kháng chiến, tất cả đều suy nghĩ "*quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh*".

- Sức mạnh của dân tộc ta chính là sức mạnh của sự đoàn kết, của lòng yêu nước được kết tinh từ hàng ngàn năm lịch sử.

- Họ sẵn sàng hi sinh xương máu của mình để góp phần giải phóng quê hương, đất nước...

Lưu ý: Thí sinh chỉ đạt điểm tối đa khi đạt được cả yêu cầu về kỹ năng và kiến thức.

ĐỀ 13

I. Phần đọc hiểu

*“O du kích nhỏ gương cao sáng
Thằng Mĩ lênh khênh bước cúi đầu
Ra thế to gan hơn béo bụng
Anh hùng đâu cứ phải mày râu?”*

(Tấm ảnh - Tố Hữu)

Đọc bài thơ trên và thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Bài thơ đề cập đến nội dung gì?

Câu 2. Chỉ ra biểu hiện của nhân vật sử thi trong bài thơ.

Câu 3. Chỉ ra các biện pháp nghệ thuật đặc sắc được sử dụng trong bài thơ và nêu tác dụng của chúng.

II. Phần làm văn

Câu 1. Trong tiểu thuyết *Hội chợ phù hoa*, nhà văn Anh William Makepeace Thackeray (1811 - 1863) viết:

“Cuộc đời này là một tấm gương, mỗi người đều có thể qua đó soi thấy bóng dáng của mình. Nếu anh chau mày với nó, nó sẽ ném lại cho anh một khuôn mặt chanh chua. Nếu anh mỉm cười với nó, cùng vui với nó, nó sẽ là người bạn vui vẻ, thân thiện với anh. Cho nên các bạn thanh niên hãy chọn lấy con đường của mình giữa hai con đường đó”.

Hãy viết một bài văn (khoảng 600 từ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến trên.

Câu 2. Anh/chị hãy phân tích hình tượng ông lái đò qua tùy bút *Người lái đò Sông Đà* (đoạn trích trong *Ngữ văn 12*, Tập một, NXB Giáo dục, 2014) để làm rõ những nét độc đáo trong cách miêu tả nhân vật của Nguyễn Tuân.

GỢI Ý LÀM BÀI

1. Phần đọc hiểu

1. Yêu cầu chung

- Câu này kiểm tra năng lực đọc hiểu văn bản của thí sinh, đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức và kĩ năng đọc hiểu một văn bản văn học thuộc thể thơ trữ tình để làm bài.

- Đề không yêu cầu đọc hiểu mọi phương diện của đoạn trích, chỉ kiểm tra một số khía cạnh. Cảm nhận của thí sinh có thể phong phú nhưng cần nắm bắt được tâm tình của tác giả, thấy được tác dụng của các biện pháp nghệ thuật được dùng trong đoạn trích, cũng như biểu hiện của nhân vật sử thi trong bài thơ.

2. Yêu cầu cụ thể

Câu 1. Nội dung bài thơ: Cô (o) du kích nhỏ áp giải tên lính Mĩ (phi công Mĩ) to lớn bị bắt sống.

Câu 2. Biểu hiện của nhân vật sử thi trong bài thơ: Bài thơ đã miêu tả hình ảnh một nữ du kích có vóc dáng nhỏ bé đang cầm súng áp giải một viên lính Mĩ to lớn hơn cô rất nhiều. Bức chân dung đã kết tinh tư thế hiên ngang, khí phách anh dũng kiên cường của nhân vật khi đối mặt với kẻ thù.

Cô du kích là biểu tượng đẹp cho lí tưởng và sức mạnh của cả dân tộc Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ.

Câu 3. Các biện pháp nghệ thuật được sử dụng và tác dụng của chúng trong đoạn thơ:

- Nghệ thuật tương phản: *O du kích nhỏ >< thằng Mĩ lênh khênh*
Gương cao súng >< bước cúi đầu

→ Nghệ thuật tương phản đã làm bật nổi tư thế hiên ngang của cô du kích áp giải tên lính Mĩ.

- So sánh: *To gan hơn bèo búng* → Chủ nghĩa anh hùng được kết tinh từ tinh thần yêu nước, sự anh dũng bất khuất của nhân dân ta trong chiến tranh chống quân xâm lược Mĩ.

- Từ láy tượng hình: *lênh khênh* → vừa gợi hình dáng cao lớn của tên phi công vừa thể hiện thái độ xem thường của tác giả.

- Hoán dụ: *To gan* - chỉ tinh thần ngoan cường của cô gái

Bèo búng - mỉa mai sự thất bại, thua trận của kẻ thù

- Câu hỏi tu từ “*Anh hùng đâu cứ phải mày râu?*” → khẳng định phẩm chất anh hùng của cô du kích nói riêng và phụ nữ Việt Nam nói chung trong cuộc đấu tranh giữ nước.

II. Phân làm văn

1. Câu 1

a. Yêu cầu chung

- Câu này kiểm tra năng lực viết bài nghị luận xã hội của thí sinh, đòi hỏi thí sinh phải huy động những kiến thức về đời sống xã hội, kỹ năng tạo lập văn bản và khả năng bày tỏ suy nghĩ của mình để làm bài.

- Thí sinh có thể làm bài theo nhiều cách khác nhau, nhưng phải có lí lẽ và căn cứ xác đáng; được tự do bày tỏ suy nghĩ của mình, nhưng phải có thái độ chân thành, nghiêm túc, phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.

b. Yêu cầu cụ thể

* Giới thiệu vấn đề cần nghị luận.

* Giải thích:

- Tấm gương là đồ vật cho mọi người thấy nguyên vẹn hình ảnh phản chiếu của chính mình.

- Cuộc đời là một tấm gương đặc biệt, nó không phản chiếu hình ảnh của bạn mà chiếu trả lại bạn cái nhìn của những người khác. Mọi cách ứng xử của bạn dù là tiêu cực hay tích cực đều được đáp trả tương xứng.

- Nhà văn William Makepeace Thackeray muốn khuyên chúng ta nên chọn lựa một thái độ sống, một cách ứng xử đúng đắn với cuộc đời, với mọi người xung quanh và với chính bản thân mình.

* Bàn luận:

- Cuộc sống có quy luật nhân quả: *gieo nhân nào gặt quả đấy*. Gieo vào cuộc đời tình yêu, niềm tin, bạn sẽ nhận được hạnh phúc, thành công. Gieo vào cuộc đời nổi hằn học, bạn sẽ chỉ nhận được sự thách thức, đe dọa... Trong thực tế, chúng ta đối xử với ai đó như thế nào thì người đó cũng có quyền đối đãi với chúng ta như thế.

- Nếu khao khát cuộc sống tươi sáng, đẹp đẽ thì chúng ta hãy sống như thế. Thay vì chau mày với cuộc đời, chúng ta hãy cười nói vui vẻ để hình ảnh mỗi người tìm thấy trong tấm gương không lồ ấy chính là mình - đáng yêu, đáng quý, đáng trân trọng.

* Bài học nhận thức và hành động: Hãy lạc quan, yêu cuộc đời, yêu mọi người và cố gắng hoàn thiện bản thân mình hơn.

2. Câu 2

a. Yêu cầu chung

- Câu này kiểm tra năng lực viết bài nghị luận văn học của thí sinh, đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức về tác phẩm văn học, kĩ năng tạo lập văn bản và khả năng cảm thụ văn chương của mình để làm bài.

- Thí sinh có thể phân tích và kiến giải theo những cách khác nhau, nhưng phải có lí lẽ, có căn cứ xác đáng, không được thoát li văn bản tác phẩm.

b. Yêu cầu cụ thể

* Giới thiệu khái quát về tác giả Nguyễn Tuân, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm.

* Qua việc miêu tả vẻ đẹp và sự hùng dũng của dòng sông, tác giả làm nổi bật hình ảnh người lái đò tài hoa, trí dũng tuyệt vời - một thứ *vàng mười* của đất nước trong thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội.

* Phân tích hình tượng người lái đò Sông Đà:

- Là vị chi huy trên "*cái thuyền sáu bơi chèo*" trong cuộc chiến đấu không cân sức với thiên nhiên dữ dội, hiểm độc.

- Ông lái đò là một con người từng trải, hiểu biết, tài trí, rất thành thạo trong nghề lái đò.

- Ông lái đò rất mực dũng cảm trong những chuyến vượt thác đầy nguy hiểm.

- Ông có phong thái ung dung pha chút nghệ sĩ.

- Nguyên nhân chiến thắng của ông lái đò: phẩm chất ngoan cường, dũng cảm và quyết đoán nhất là kinh nghiệm sông nước.

Lưu ý: Thí sinh có ý thức chọn và phân tích các dẫn chứng để làm nổi rõ đặc điểm, tính cách của nhân vật trong tác phẩm.

* Đánh giá chung:

- Ông lái đò là một hình tượng đẹp về người lao động mới. Hình tượng người lái đò sông Đà tiêu biểu cho người lao động bình dị vừa cần cù, dũng cảm vừa khéo léo tài hoa - một chất *vàng mười* của Tây Bắc.

- Qua hình tượng này, Nguyễn Tuân thể hiện quan niệm: người anh hùng đâu chỉ có trong chiến đấu mà có thể xuất hiện hàng ngày trong cuộc sống lao động bình dị. Ông lái đò chính là một người anh hùng như thế.

* Những nét độc đáo trong cách miêu tả nhân vật ông lái đò của Nguyễn Tuân:

- Nguyễn Tuân chú ý tô đậm nét tài hoa, nghệ sĩ ở ông lái đò: nét tài hoa, nghệ sĩ của con người không chỉ thể hiện trong hoạt động sáng tạo nghệ thuật mà còn trong nhiều lĩnh vực hoạt động khác nữa.

- Nguyễn Tuân có ý thức tạo nên tình huống đầy thử thách để nhân vật bộc lộ rõ phẩm chất của mình: càng nhấn mạnh thách thức ghê gớm của “thạch trận” sông Đà, tác giả càng khắc họa sinh động sự từng trải, mưu mẹo, quyết đoán và gan dạ của ông lái đò.

- Nhà văn đã sử dụng từ ngữ phong phú, sống động, giàu hình ảnh và có sức gợi cảm cao; những ví von, so sánh, liên tưởng, tương tượng độc đáo, bất ngờ và rất thú vị,...

Lưu ý: Thí sinh chỉ đạt điểm tối đa khi đạt được cả yêu cầu về kĩ năng và kiến thức.

ĐỀ 14

I. Phần đọc hiểu

Đọc câu chuyện sau và trả lời các câu hỏi hoặc thực hiện các yêu cầu ở phía dưới:

Giá trị của sự đau khổ

Một người nuôi trai lấy ngọc luôn suy nghĩ làm thế nào để tạo được viên ngọc trai tốt nhất, đẹp nhất trên đời. Ông ra bãi biển để chọn một hạt cát. Để chọn được hạt cát theo ý muốn, ông đã hỏi từng hạt cát có muốn biến thành ngọc trai không. Các hạt cát đều lắc đầu nguầy nguậy khiến ông sắp tuyệt vọng.

Đúng lúc đó có một hạt cát đồng ý. Các hạt cát khác đều giễu nó ngốc, chui đầu vào trong vỏ trai, xa lánh người thân, bạn bè, không thấy ánh mặt trời, trăng sao, gió mát, thậm chí thiếu cả không khí, chỉ có bóng tối, ướt lạnh, cô đơn, rất đau buồn, thử hỏi có đáng không? Nhưng hạt cát vẫn theo người nuôi trai về không một chút oán than.

Vật đổi sao dời, mấy năm qua đi, hạt cát đã trở thành viên ngọc lung linh, đắt giá, còn những bạn bè chế giễu nó ngốc thì vẫn chỉ là những hạt cát...

(Theo Quà tặng cuộc sống)

Câu 1. Câu chuyện có ý nghĩa gì?

Câu 2. Phương thức biểu đạt nào được sử dụng trong câu chuyện trên?

Câu 3. Anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 10 câu) trình bày suy nghĩ của mình về kết thúc của câu chuyện.

II. Phần làm văn

Câu 1. Trong cuộc sống hiện nay, vì bận quá nhiều việc nên đôi khi ta đã lơ là, ít quan tâm, chia sẻ với mọi người, thậm chí vô trách nhiệm với những người xung quanh, nhất là những cảnh đời đang gặp khó khăn, trắc trở,...

Hãy viết một bài văn trình bày quan niệm và trải nghiệm của anh/chị về vấn đề: Làm thế nào để tâm hồn con người bớt chai sạn trong cuộc sống hiện nay?

Câu 2. Phân tích, so sánh vẻ đẹp nhân vật Huân Cao trong truyện ngắn *Chữ người tử tù* với nhân vật người lái đò trong tùy bút *Người lái đò Sông Đà* để thấy được sự thống nhất và khác biệt trong cách nhìn về con người của nhà văn Nguyễn Tuân trước và sau Cách mạng tháng Tám.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phần đọc hiểu

1. Yêu cầu chung

Câu này yêu cầu kiểm tra năng lực đọc - hiểu, đọc cảm thụ một câu chuyện; đồng thời kiểm tra các kiến thức về nội dung câu chuyện, về phương thức biểu đạt, về tu từ. Mặt khác, thí sinh phải biết vận dụng những kiến thức này để hiểu và cảm thụ sâu sắc hơn câu chuyện.

2. Yêu cầu cụ thể

Câu 1. Ý nghĩa của câu chuyện: Từ hạt cát bình thường để trở thành viên ngọc trai lung linh, quý giá phải trải qua một quá trình thử thách, trải qua những gian nan, vất vả, nhọc nhằn,... Vì thế, mỗi chúng ta đừng nên ngại khó, ngại khổ mà hãy đương đầu với những chông gai, trắc trở trên đường đời,... Chính sự khổ đau, cay đắng của cuộc đời là điều kiện tôi luyện con người trở thành người hữu ích.

Câu 2. Phương thức miêu tả, tự sự, biểu cảm được sử dụng trong câu chuyện trên.

Câu 3. Thí sinh có thể vận dụng các kiến thức đã học để phát biểu suy nghĩ của mình về kết thúc của câu chuyện.

II. Phần làm văn

1. Câu 1

a. Yêu cầu chung

- Thí sinh phải có năng lực viết bài nghị luận xã hội: kết cấu đầy đủ, chặt chẽ, rõ ràng, mạch lạc; sử dụng thành thạo các thao tác lập luận như giải thích, bình luận, chứng minh, phân tích, bác bỏ; kết hợp tốt các phương thức biểu đạt.

- Thí sinh phải có những kiến thức và trải nghiệm trong thực tiễn. Mỗi thí sinh có quan điểm riêng nhưng phải có một cách nhìn đúng đắn, toàn diện, phù hợp với chuẩn mực xã hội; suy nghĩ, hành động phải chân thành, nghiêm túc.

b. Yêu cầu cụ thể

- Giải thích: “chai sạn” là sự vô tâm lẫn vô tình giữa con người với con người, thái độ thờ ơ, ghẻ lạnh với chính mình và với người khác, lối sống vị kỉ, chỉ quan tâm chăm chút đến lợi ích của riêng mình,...

- Bình luận:

+ Thực trạng “chai sạn” tâm hồn của con người trong cuộc sống hiện nay.

+ Nguyên nhân:

. Khách quan: Nhịp sống công nghiệp hóa, hiện đại hóa hối hả, tấp nập, con người chọn lối sống vội hơn, gấp hơn, có phần ích kỉ hơn; sự tác động của môi trường xung quanh,...

. Chủ quan: Ý thức và quan niệm sống của cá nhân có phần sai lệch.

+ Hậu quả:

. Mối quan hệ giữa người với người trở nên rạn nứt, sứt mẻ. Niềm tin dành cho thế giới xung quanh giảm dần; nhân cách con người dần bị mài mòn.

. Hàng loạt các tệ nạn xã hội diễn ra.

. Gánh nặng cho xã hội: vừa phải chăm lo cho đời sống vật chất, vừa phải giải quyết vấn nạn chai sạn, thờ ơ, ghẻ lạnh của con người khiến xã hội chậm phát triển.

+ Làm thế nào để tâm hồn bớt chai sạn?

. Sống chan hòa, thân thiện, đoàn kết với mọi người xung quanh.

. Sẵn sàng quan tâm giúp đỡ, cứu mang người khác khi họ gặp khó khăn, bất hạnh.

. Có ý thức rèn luyện nhân cách, phê phán, ngăn chặn những hiện tượng chai sạn, vô cảm đang diễn ra.

+ **Phản đề:** Phê phán những cá nhân góp phần làm gia tăng vấn nạn chai sạn trong cuộc sống.

- Bài học nhận thức và hành động:

. Sống và cống hiến hết mình, không nề hà, ngại ngần khi giúp đỡ người khác.

. Đưa ra sáng kiến cá nhân để trả lời câu hỏi đề yêu cầu.

2. Câu 2

a. Yêu cầu chung

- **Về kĩ năng:** Biết làm bài văn nghị luận văn học. Bài làm có kết cấu đầy đủ, rõ ràng, văn viết lưu loát, chặt chẽ, có cảm xúc chân thành, sử dụng thành thạo các thao tác lập luận phân tích, chứng minh,...

- **Về kiến thức:** Nắm được những nét cơ bản về tác giả Nguyễn Tuân và truyện ngắn *Chữ người tử tù*, tùy bút *Người lái đò Sông Đà*. Đọc, nhớ được các chi tiết, hiểu được ý nghĩa và giá trị của các chi tiết trong văn bản để làm nổi bật vẻ đẹp nhân vật Huân Cao và người lái đò. Từ đó, thấy được sự thống nhất và khác biệt trong cách nhìn về con người của nhà văn Nguyễn Tuân trước và sau Cách mạng tháng Tám.

b. Yêu cầu cụ thể

- Về tác giả, tác phẩm: Nguyễn Tuân là nhà văn tài hoa, uyên bác, là người suốt đời đi tìm cái đẹp. Ông có một vị trí quan trọng và đóng góp không nhỏ đối với nền văn học Việt Nam hiện đại; giới thiệu đề bài.

- Giới thiệu chung: có thể giới thiệu khái quát về hai tác phẩm; phong cách của nhà văn Nguyễn Tuân;...

- Sự thống nhất trong cách nhìn về con người: thể hiện trong cách miêu tả nhân vật mang những vẻ đẹp giống nhau:

+ Con người tài hoa:

. Huân Cao có tài viết chữ đẹp.

. Người lái đò có tài vượt thác leo ghềnh.

+ Khí phách anh dũng:

. Huân Cao gây dựng sự nghiệp anh hùng nhưng thất bại.

. Người lái đò: cuộc đời cầm lái vật lộn với dòng sông hung dữ, luôn chiến thắng thiên nhiên hung bạo.

+ Nghệ thuật khắc họa nhân vật:

. Trong *Chữ người tử tù*: dựng nên tình huống tương phản để làm nổi bật tính cách; giọng văn chậm rãi, lời văn trang trọng gợi không khí cô kính để làm nổi rõ nhân cách nhân vật,...

. Trong *Người lái đò Sông Đà*: xây dựng tình huống vượt thác đầy kịch tính, tương phản lực lượng giữa thiên nhiên và con người để làm nổi bật tính cách anh dũng, tài trí, chất nghệ sĩ của nhân vật; tiết tấu nhanh, hơi văn dồn dập gợi không khí căng thẳng của trận quyết đấu,...

- Sự khác biệt trong cách nhìn về con người trước và sau Cách mạng tháng Tám thể hiện trong cách miêu tả về đẹp khác nhau:

+ Huân Cao: kiêu nhân vật tài năng hiếm có

. Là nhân vật toàn tài, năng lực phi phàm.

. Có tâm hồn trong sáng, cao thượng.

+ Người lái đò: người lao động bình dị dễ tìm thấy trong cuộc sống

. Người anh hùng bình dị, trầm lặng.

. Là người yêu lao động, say mê nghề nghiệp.

Lưu ý: Trong quá trình làm bài, thí sinh chọn và phân tích dẫn chứng trong hai tác phẩm để làm sáng tỏ nét giống và khác nhau trong vẻ đẹp của hai nhân vật Huân Cao và người lái đò.

- Cái nhìn của Nguyễn Tuân về con người và thế giới

+ Cả hai nhân vật đều thống nhất ở điểm nhìn: khám phá tính cách ở phương diện tài hoa nghệ sĩ nên tạo ra một phong cách nhất quán trước và sau Cách mạng tháng Tám là chất tài hoa tài tử,...

+ Trước năm 1945, quan niệm về cái tài hoa của Nguyễn Tuân đối lập với xã hội, nhân vật là con người lạc loài trong thế giới tĩnh, ngưng đọng của “một thời vang bóng”. Qua nhân vật và cùng với nhân vật, nhà văn thể hiện cái nhìn khinh bạc đối với xã hội đương thời,...

+ Còn sau năm 1945, con người tài hoa và cái tài hoa chan hòa trong đời sống, được chất lọc từ đời sống, trong thế giới luôn vận động, biến đổi không ngừng. Qua đó, nhà văn thể hiện cái nhìn tin yêu, ca ngợi cuộc sống mới, con người mới,...

Lưu ý: Ngoài những ý trên, thí sinh có thể trình bày những ý khác nhưng phải hợp lý, thuyết phục, đặc biệt khuyến khích những suy nghĩ mới mẻ, sáng tạo.

ĐỀ 15

I. Phần đọc hiểu

Đọc câu chuyện sau và trả lời các câu hỏi hoặc thực hiện các yêu cầu ở phía dưới:

Cái lạnh

Sáu con người, do tình cờ của số phận, mắc kẹt trong một cái hang rất tối và lạnh. Mỗi người còn một que củi nhỏ trong khi đồng lửa chính đang lụi dần.

Người phụ nữ đầu tiên định quăng que củi vào lửa, nhưng đột nhiên rút tay lại. Bà vừa nhìn thấy một khuôn mặt da đen trong nhóm người da trắng.

Người thứ hai lướt qua các bộ mặt quanh đồng lửa, thấy một người trong số đó không đi chung nhà thờ với ông ta. Vậy là thanh củi cũng bị thu về.

Người thứ ba trầm ngâm trong một bộ quần áo nhàu nát. Ông ta kéo áo lên tận cổ, nhìn người đối diện nhủ thầm: “Tại sao mình lại phải hy sinh thanh củi để sưởi ấm cho con heo béo ị giàu có kia?”

Người đàn ông giàu lui lại một chút, nhắm tịt: “Thanh củi trong tay, phải khó nhọc lắm mới kiếm được, tại sao ta phải chia sẻ nó với tên khố rách áo ôm lười biếng đó?”

Ánh lửa bùng lên một lần cuối, soi rõ khuôn mặt người da đen đang đánh lại, lộ rõ những nét hằn thù: “Không, ta không cho phép mình dùng thanh củi này sưởi ấm những gã da trắng!”

Chỉ còn lại người cuối cùng trong nhóm. Nhìn những người khác trầm ngâm trong im lặng, anh ta tự nhủ: “Mình sẽ cho thanh củi, nếu có ai đó ném phần của họ vào đồng lửa trước”.

Cứ thế, đêm buông dần. Sáu con người nhìn nhau căng thẳng, tay nắm chặt những khúc củi. Đồng lửa chỉ còn than đỏ rồi lụi tắt. Sáng hôm sau, khi những người cứu hộ tới nơi, cả sáu người đều đã chết cứng.

(Theo Lời nói của trái tim, NXB Văn hóa Sài Gòn)

Câu 1. Câu chuyện có ý nghĩa gì?

Câu 2. Phương thức biểu đạt nào được sử dụng trong câu chuyện trên?

Câu 3. Các cụm từ “nhìn nhau căng thẳng”, “tay nắm chặt những khúc củi” gợi cho anh/ chị suy nghĩ gì về cách đối xử giữa người với người, nhất là trong cơn hoạn nạn?

Câu 4. Anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 10 câu) trình bày suy nghĩ của mình về cách nghĩ và hành động của sáu con người trong câu chuyện trên.

II. Phần làm văn

Câu 1. “*Nếu cuộc đời là một bộ phim, tôi muốn là vai phụ xuất sắc nhất*”.

Anh/chị có đồng tình với ý kiến trên không? Hãy viết một bài văn ngắn trình bày quan điểm của mình.

Câu 2. Em hãy phân tích vẻ đẹp tính cách và tâm hồn của các nhân vật Tràng, người “vợ nhặt”, bà cụ Tứ trong truyện ngắn *Vợ nhặt* của nhà văn Kim Lân (phần trích trong *Ngữ văn 12*, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011).

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phần đọc hiểu

1. Yêu cầu chung

Câu này yêu cầu kiểm tra năng lực đọc - hiểu, đọc cảm thụ một câu chuyện; đồng thời kiểm tra các kiến thức về nội dung câu chuyện, về phương thức biểu đạt, về cách dùng từ. Mặt khác, thí sinh phải biết vận dụng những kiến thức này để hiểu và cảm thụ sâu sắc hơn câu chuyện.

2. Yêu cầu cụ thể

Câu 1. Trước những khó khăn, thử thách trong cuộc sống, con người cần hỗ trợ, giúp đỡ nhau. Nếu ai cũng nhỏ nhen, ích kỉ, chỉ khư khư giữ lợi ích cho riêng mình mà vô cảm trước những khó khăn, đau khổ của đồng loại thì họ không chỉ chết về thể xác mà còn chết về tâm hồn.

Câu 2. Phương thức miêu tả, tự sự, biểu cảm được sử dụng trong câu chuyện trên.

Câu 3. Các cụm từ “*nhìn nhau căng thẳng*”, “*tay nắm chặt những khúc củi*” gợi nên những suy nghĩ gì về cách đối xử giữa người với người, nhất là trong cơn hoạn nạn đó là: sự ích kỷ, tị nạnh, đố kỵ,...

Câu 4. Thí sinh có thể vận dụng các kiến thức đã học để phát biểu suy nghĩ của mình về cách nghĩ và hành động của sáu con người trong câu chuyện một cách hợp lí.

II. Phần làm văn

1. Câu 1

a. Yêu cầu chung

- Thí sinh phải có năng lực viết bài nghị luận xã hội: kết cấu đầy đủ, chặt

chẽ, rõ ràng, mạch lạc; sử dụng thành thạo các thao tác lập luận như giải thích, bình luận, chứng minh, phân tích, bác bỏ; kết hợp tốt các phương thức biểu đạt.

- Thí sinh phải có những kiến thức và trải nghiệm trong thực tiễn. Mỗi thí sinh có quan điểm riêng nhưng phải có một cách nhìn đúng đắn, toàn diện, phù hợp với chuẩn mực xã hội; suy nghĩ, hành động phải chân thành, nghiêm túc.

b. Yêu cầu cụ thể

- Giải thích:

+ Trong một bộ phim luôn có diễn viên chính và diễn viên phụ.

+ Câu nói thể hiện ước mong làm vai phụ của bộ phim - nhưng đó là vai phụ xuất sắc nhất. Đây là ước mơ không hề tầm thường, nhỏ bé.

+ Người nói muốn khẳng định ước mơ làm một người bình thường giữa cuộc sống đời thường - nhưng phải là một người bình thường đặc biệt - người có ích cho xã hội.

- Bình luận:

+ Công hiến cho sự phát triển của thế giới không chỉ có những vĩ nhân mà còn có những người lao động hết sức bình thường: công nhân, nông dân,...

+ Trình bày quan điểm của mình: Thực ra vấn đề *chúng ta là ai* không quan trọng bằng việc *chúng ta nỗ lực để trở thành những người có ích*. Bởi muốn thành người nổi tiếng hay người bình thường nhưng có ích cho xã hội, chúng ta đều phải cố gắng vươn lên trong cuộc sống, đều phải lao động và cống hiến hết mình.

+ Cuộc đời của mỗi người không phải là một bộ phim, vậy nên hãy sống thực với chính cuộc đời này, hãy sống một cuộc sống bình thường mà có ý nghĩa.

- Bài học nhận thức và hành động:

+ Sống và cống hiến hết mình, biết nghĩ đến người xung quanh để cuộc sống tốt đẹp hơn.

+ Đưa ra sáng kiến cá nhân để trả lời câu hỏi mà đề yêu cầu.

2. Câu 2

a. Yêu cầu chung

- *Về kĩ năng*: Biết làm bài văn nghị luận văn học. Bài làm có kết cấu đầy đủ, rõ ràng, văn viết lưu loát, chặt chẽ, có cảm xúc chân thành, sử dụng thành thạo các thao tác lập luận phân tích, chứng minh,...

- *Về kiến thức*: Nắm được những nét cơ bản về tác giả Kim Lân và truyện ngắn *Vợ nhặt*. Đọc, nhớ được các chi tiết, hiểu được ý nghĩa và giá trị của các

chi tiết trong văn bản để làm nổi bật vẻ đẹp tính cách và tâm hồn các nhân vật trong truyện ngắn *Vợ nhặt*.

b. Yêu cầu cụ thể

- Về tác giả, tác phẩm: Giới thiệu tác giả Kim Lân, hoàn cảnh ra đời truyện ngắn *Vợ nhặt*, vẻ đẹp tính cách và tâm hồn của các nhân vật Tràng, người “vợ nhặt”, bà cụ Tứ.

- Nội dung:

Các nhân vật trong tác phẩm được tác giả miêu tả với hình dáng bên ngoài xấu xí, khắc khổ, tiều tụy nhưng tính cách bên trong đẹp đẽ, cao cả.

+ Nhân vật Tràng: là người lao động nghèo, ngoại hình thô kệch, vụng về trong ăn nói giao tiếp nhưng vui tính, dễ gần, được trẻ con yêu quý, có lòng cuu mang yêu thương đồng loại, đặc biệt có khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc và có ý thức xây dựng hạnh phúc. Buổi sáng đầu tiên khi có vợ, thấy nhà cửa sạch sẽ, gọn gàng, Tràng cảm thấy yêu thương và gắn bó, có trách nhiệm với gia đình, nhận ra bốn phận phải lo lắng cho vợ con sau này.

+ Nhân vật người “vợ nhặt”: là nạn nhân của nạn đói. Những xô đẩy của hoàn cảnh đã khiến “thị” “chao chát, chông lòn” tiều tụy, rách rưới và chấp nhận làm “vợ nhặt”, nhưng khi về làm vợ Tràng thì có nhiều thay đổi, người đàn bà này đã bộc lộ tính cách dịu hiền, chịu thương, chịu khó chăm lo việc nhà chồng, đặc biệt là “thị” có khát vọng sống, khát khao mái ấm gia đình, có niềm tin vào tương lai.

+ Nhân vật bà cụ Tứ: là người mẹ nghèo khổ, vẻ ngoài bủng beo, u ám, khắc khổ nhưng đó là người mẹ rất mực yêu thương con, thương dâu; đồng cảm sâu sắc với người cùng cảnh ngộ, luôn an ủi động viên con sống tốt, có niềm tin vào tương lai, hạnh phúc tươi sáng.

- Nghệ thuật:

+ Xây dựng được tình huống truyện độc đáo.

+ Cách kể chuyện tự nhiên, hấp dẫn; dựng cảnh sinh động, có nhiều chi tiết đặc sắc.

+ Nhân vật được khắc họa sinh động, đối thoại hấp dẫn, ấn tượng, thể hiện tâm lí nhân vật tinh tế.

+ Ngôn ngữ mộc mạc, giản dị nhưng chất lọc và giàu sức gợi.

Lưu ý: Ngoài những ý trên, thí sinh có thể trình bày những ý khác nhưng phải hợp lý, thuyết phục, đặc biệt khuyến khích những suy nghĩ mới mẻ, sáng tạo.

ĐỀ 16

I. Phần đọc hiểu

Đọc câu chuyện sau và trả lời các câu hỏi hoặc thực hiện các yêu cầu ở phía dưới:

Nhà bác học qua sông

Một hôm, có một nhà bác học ngồi trên một con thuyền qua sông. Ngồi không, cảm thấy buồn chán, nhà bác học bèn nói chuyện với người chèo thuyền. Ông ta ngẩng cao đầu, kêu ngạo hỏi:

- Anh có nghiên cứu triết học không? Đó là thứ học vấn cần thiết nhất trên thế giới đấy!

Im lặng hồi lâu, người chèo thuyền trả lời một cách ngượng ngập:

- Tôi suốt ngày chỉ biết chèo thuyền, không có thời gian nghiên cứu triết học.

- Như vậy là anh đã lãng phí mất một nửa cuộc đời rồi - nhà bác học nói.

Nói xong ông ta quay mặt ra ngoài, ngắm nhìn sông nước, không nói chuyện với người chèo thuyền nữa.

Nào ngờ, một lúc sau, trời nổi giông bão, con thuyền đã xa bờ, chao đảo trong sóng gió, lúc nào cũng như sắp bị chìm.

Bỗng nhiên, một cơn gió lớn thổi đến, con thuyền nhỏ bị lật, cả nhà bác học và người chèo thuyền đều bị rơi xuống nước.

- Ông có biết bơi không? - Người lái thuyền hét lớn, hỏi nhà bác học.

Lúc này, nhà bác học đã bị chìm đến cổ, lập cập trả lời:

- Không biết!

- Vậy thì ông đã lãng phí cả cuộc đời mình rồi...! - người chèo thuyền nói.

(200 bài học đạo lí, NXB Văn hóa Thông tin, 2011)

Câu 1. Câu chuyện có ý nghĩa gì?

Câu 2. Phương thức biểu đạt nào được sử dụng trong câu chuyện trên?

Câu 3. Thái độ của nhà bác học gợi cho em suy nghĩ gì về cách nhìn đối với người thấp hơn mình?

Câu 4. Anh/chị hãy viết thêm đoạn kết của câu chuyện bằng một đoạn văn (khoảng 10 câu).

II. Phần làm văn

Câu 1: *Đừng theo lối mòn, hãy băng qua nơi không có dấu chân để tạo nên con đường.*

(Ralph Waldo Emerson)

Suy nghĩ của anh/chị về ý kiến trên.

Câu 2: *“Nhật” vợ - câu chuyện bi đát về tình cảnh túng quẫn trong nạn đói hay câu chuyện về niềm tin, niềm lạc quan vượt lên cái đói, cái chết để được sống và hạnh phúc?*

Qua việc tìm hiểu tình huống truyện trong truyện ngắn *Vợ nhật* của nhà văn Kim Lân, anh/chị hãy bình luận ý kiến trên.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phần đọc hiểu

1. Yêu cầu chung

Câu này yêu cầu kiểm tra năng lực đọc - hiểu, đọc cảm thụ một câu chuyện; đồng thời kiểm tra các kiến thức về nội dung câu chuyện, về phương thức biểu đạt, về biện pháp tu từ. Mặt khác, thí sinh phải biết vận dụng những kiến thức này để hiểu và cảm thụ sâu sắc hơn câu chuyện.

2. Yêu cầu cụ thể

Câu 1.

- Câu chuyện ngắn gọn nhưng thấm thía, đã đúc kết bài học sâu sắc về cuộc sống, gợi ra suy nghĩ cho người đọc: hậu quả của việc thiếu kỹ năng sống cùng thói kiêu ngạo, coi thường người khác mà nhà bác học kia nhận lấy.

- Câu chuyện nhắc nhở mỗi người nên khiêm tốn khi đánh giá bản thân và đừng bao giờ đánh giá thấp người khác.

Câu 2. Phương thức miêu tả, tự sự, biểu cảm được sử dụng trong câu chuyện trên.

Câu 3. Thí sinh vận dụng kiến thức, kỹ năng sống của mình để bàn về thái độ của nhà bác học khi nhìn nhận người khác.

Câu 4. Thí sinh có thể vận dụng các kiến thức đã học để phát biểu suy nghĩ của mình về kết thúc của câu chuyện.

II. Phân làm văn

1. Câu 1

a. Yêu cầu chung

- Thí sinh phải có năng lực viết bài nghị luận xã hội: kết cấu đầy đủ, chặt chẽ, rõ ràng, mạch lạc; sử dụng thành thạo các thao tác lập luận như giải thích, bình luận, chứng minh, phân tích, bác bỏ; kết hợp tốt các phương thức biểu đạt.

- Thí sinh phải có những kiến thức và trải nghiệm trong thực tiễn. Mỗi thí sinh có quan điểm riêng nhưng phải có một cách nhìn đúng đắn, toàn diện, phù hợp với chuẩn mực xã hội; suy nghĩ, hành động phải chân thành, nghiêm túc.

b. Yêu cầu cụ thể

- Giải thích: lối mòn, con đường

Ý nghĩa câu nói: Là một lời khuyên đúng đắn và sâu sắc, hướng con người đến một lối sống tích cực, chủ động, dẫn thân trước mọi hoàn cảnh. Suy cho cùng, để tạo được một giá trị mới, như hình ảnh “con đường” trong câu nói, thì đòi hỏi con người cần phải biết vượt qua lối tư duy, cách suy nghĩ quen thuộc, có sẵn để bước vào con đường mới, xác lập các giá trị mới.

- Bàn luận:

+ Khi con người đi *theo lối mòn* là đi theo lối đã định sẵn, con người sẽ thụ động trước hoàn cảnh, lúc đó sẽ bó hẹp tư duy và sự sáng tạo của bản thân.

+ Khi con người biết *băng qua nơi không có dấu chân để tạo nên con đường* thì sẽ tạo nên tính cách chủ động trước hoàn cảnh. Đó là lối sống tích cực, sáng tạo, tiên phong và dẫn thân.

+ Thấy được ý nghĩa của lối sống tích cực, chủ động để tạo ra các giá trị mới, có ý nghĩa cho cá nhân và xã hội.

+ Để cho mỗi con người “*đừng theo lối mòn*” và “*băng qua nơi không có dấu chân để tạo nên con đường*”, cần phải đảm bảo những yếu tố: khách quan, chủ quan.

+ Phản đề: Phê phán lối sống thụ động, dựa dẫm, ỷ lại, làm theo thói quen của một bộ phận trong xã hội, đặc biệt là giới trẻ hiện nay.

+ Bên cạnh đề cao lối sống tích cực, chủ động tự mình xác lập ra con đường thì cũng cần biết rút ra kinh nghiệm, kế thừa những giá trị tốt đẹp từ những người đi trước.

- Bài học nhận thức và hành động: Từ việc thể hiện những hiểu biết của bản thân về câu nói, thí sinh biết rút ra bài học nhận thức và hành động cho riêng mình.

2. Câu 2

a. Yêu cầu chung

- Về kĩ năng: Biết làm bài văn nghị luận văn học. Bài làm có kết cấu đầy đủ, rõ ràng, văn viết lưu loát, chặt chẽ, có cảm xúc chân thành, sử dụng thành thạo các thao tác lập luận phân tích, chứng minh,...

- Về kiến thức: Nắm được những nét cơ bản về tác giả Kim Lân và truyện ngắn *Vợ nhặt*. Đọc, nhớ được các chi tiết, hiểu được ý nghĩa và giá trị của các chi tiết trong văn bản để làm nổi bật ý kiến: “*Nhật*” vợ - câu chuyện bi đát về tình cảnh túng quẫn trong nạn đói hay câu chuyện về niềm tin, niềm lạc quan vượt lên cái đói, cái chết để được sống và hạnh phúc?

b. Yêu cầu cụ thể

- Giới thiệu vấn đề cần nghị luận.

- Giải thích:

+ “*Nhật*” vợ - câu chuyện bi đát về tình cảnh túng quẫn trong nạn đói:

Câu chuyện về anh Tràng nhặt được vợ được diễn ra trên bối cảnh tăm tối, bi đát nhất của lịch sử dân tộc - nạn đói năm 1945. Vì túng quẫn, con người đã “đến” với nhau trong một hoàn cảnh hết sức éo le, bi đát. Cả anh Tràng, cả người vợ nhặt và bà cụ Tứ đều đã cùng trải qua những tình huống khôn cùng nhất trong nạn đói.

+ “*Nhật*” vợ - câu chuyện về niềm tin tưởng, lạc quan vượt lên trên cái đói, cái chết để được sống và hạnh phúc: Giữa sự túng đói quay quắt, giữa tình cảnh khôn cùng ấy, con người vẫn vượt lên cái chết, cái thảm đạ để được sống, khát khao hạnh phúc, để mà vui, mà hi vọng.

Như vậy, hai ý kiến trên không mâu thuẫn mà bổ sung cho nhau: *Nhật* vợ là tình huống vừa buồn vừa vui, vừa bi vừa hài, vừa éo le cảm động vừa tràn đầy niềm lạc quan, tin tưởng.

* *Nhật* vợ - câu chuyện éo le, bi đát về tình cảnh túng quẫn trong nạn đói:

+ Ở tình huống ấy, mọi giá trị bị đảo lộn. Hôn nhân là chuyện trọng đại, hoá thành chuyện tầm phào. Một câu hò vu vơ trở thành một lời hứa hẹn, một lời mời trở thành lời cầu hôn, bốn bát bánh đúc trở thành lễ vật ngày cưới. Đám cưới kì lạ đã được diễn ra như thế. Và xót xa hơn, giá trị người vợ được ví như một miếng ăn, hay món nợ đeo bòng. Những gì thiêng liêng, đáng quý bỗng chốc lại như bị hạ thấp xuống hàng bèo bọt, rẻ rúng. Cưới vợ mà thành nhặt vợ, nên

người vợ đã thành vợ nhặt. Do đói khát, cùng quẫn, người đàn bà kia mới lấy Tràng, vậy ra cái trở trêu lại trở thành cơ may để Tràng lấy được vợ một cách đáng thương.

+ Người đàn bà kia, để được sống, thị theo không một người đàn ông xa lạ về nhà làm vợ. Nói cách khác, thị bám lấy Tràng như người chết đuối vớ được cọc. Tình cảnh khốn quẫn khiến thị không nghĩ được sâu xa. Chỉ cần được sống qua từng thời khắc, con người đã cúi đầu, hạ mình một cách xót xa, tủi nhục,... Cô dâu về nhà chồng trong bộ quần áo tả tơi như tổ đũa, trong ánh mắt ái ngại, lo lắng của người dân xóm ngụ cư, và trên tất cả là với một ý thức thân phận ngậm ngùi, cay đắng, một nỗi lo âu không biết mình có được chấp nhận hay không.

+ Một chi tiết hiện thực đến tàn nhẫn là bữa cơm mừng nàng dâu mới của người mẹ nghèo ở cuối truyện. Bữa cơm ngày cưới chỉ độc có bát cháo trắng, một đĩa rau chuối thái rối, một nhúm muối và cả một nồi cháo cám đắng nghét. Bà cụ Tứ đã phải “tiếp đãi” nàng dâu mới bằng một thứ thức ăn vốn không dành cho con người.

** Nhặt vợ - câu chuyện về niềm tin, niềm lạc quan vượt lên cái đói, cái chết để được sống và hạnh phúc:*

+ Sự chiến thắng của con người đối với hoàn cảnh éo le, tăm tối. Cái đói, cái chết không ngăn cản được con người khao khát hạnh phúc

. Câu chuyện bắt đầu từ một chuyện đùa, nhưng đùa mà hóa ra thật. Hai con người ấy, rất cần cho nhau, người đàn bà vì bản năng ham sống mãnh liệt mà chấp nhận thân phận “vợ nhặt”, Tràng cần có người đàn bà để có được một gia đình. Trong tình cảnh ngay cả mạng sống của mình cũng chưa chắc đã được đảm bảo mà con người vẫn không thôi nghĩ về hạnh phúc và trân trọng hạnh phúc của mình. Đó là tư cách làm người trong mỗi con người.

. Niềm khao khát cuộc sống gia đình khiến Tràng vượt qua hoạn nạn để lấy vợ, bản năng tự nhiên giúp con người tuyên chiến với cái chết để giữ bằng được hạnh phúc.

+ Thể hiện trong sự vận động của các tình tiết trong mạch truyện: đi từ bóng tối ra ánh sáng, u ám đến rực rỡ, từ bế tắc khốn cùng đến hi vọng, lạc quan, từ cái chết đến sự sống,...

. Khi đôi trai gái dẫn nhau về xóm ngụ cư, họ đã đi giữa sự bủa vây của cái chết, cái chết hiện ra với rất nhiều bộ mặt. Nhưng sự sống vẫn không hề chán nản, những con người vẫn lạc quan, vẫn tự tin, vẫn gắn bó với nhau, và hướng về tương lai phía trước.

. Trước khi đôi trai gái dẫn nhau về thì bao trùm lên xóm ngụ cư là cái bóng âm u âm đạm chết chóc. Nhưng đôi trai gái đi đến đâu, cảnh vật sáng lên đến đó. Có một cái gì tươi mát làm cho gương mặt u tối hắc hác bỗng sáng hẳn lên.

. Truyện mở đầu bằng buổi chiều xám xịt, kết thúc bằng buổi sáng bình minh rực rỡ với hình ảnh lá cờ đỏ thắm, điều đó chứng tỏ sự vận động của cốt truyện đã đi từ bóng tối ra ánh sáng.

+ *Thể hiện trong sự biến đổi tâm trạng và tính cách của các nhân vật:*

. Nhờ có hạnh phúc, có gia đình, Tràng đã trở nên người có trách nhiệm hơn: *bây giờ hẳn mới thấy hẳn nên người*. Đặc biệt, sau đêm tân hôn, Tràng như đã trở thành người đàn ông trưởng thành thực sự.

. Người con trai bỗng dung may mắn có được vợ cũng khiến bà cụ Tứ trở nên vui tươi, tràn đầy hi vọng. Sau những lo lắng, tủi hờn thương xót, người mẹ già nua, lợm khộm ấy đã vun vén nhà cửa cho con, hướng dẫn động viên con trai con dâu vun vén cửa nhà, hướng tới tương lai.

. Sự biến đổi ở người vợ nhặt là rõ ràng nhất. Từ tình cảnh vất vưởng lang thang đầu đường xó chợ, thị đã có một nơi nương tựa ấm áp qua ngày. Từ chỗ tận cùng của cái đói, cận kề cái chết, thị đã được sống, chia sẻ với cuộc sống gia đình. Từ chỗ chao chát, chòng lòn khiến thị trở nên hiền thực, đảm đang. Từ chỗ liều mình, nông nổi, cặn nghĩ thị đã sớm bộc lộ sự ý tứ, sâu sắc trong lời ăn, tiếng nói, hành động của mình,...

- Bình luận:

+ Như vậy, “*nhặt*” vợ là tình huống truyện độc đáo đã làm bật nổi được bức tranh tăm tối, túng quẫn của cuộc sống người dân trong nạn đói ghê gớm, nó góp phần tạo nên giá trị hiện thực và ý nghĩa tố cáo cho truyện. Nhưng tình huống vợ nhặt cũng là tình huống chứa đầy niềm tin và hi vọng. Đây là chiều sâu nhân đạo trong tư tưởng Kim Lân. Hai ý kiến không mâu thuẫn mà hợp nhất lại tạo nên cái nhìn hoàn chỉnh về tình huống truyện *Vợ nhặt*, nó góp phần định hướng cho người đọc khi tiếp cận vẻ đẹp của tác phẩm cũng như giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc của thiên truyện.

+ Nghệ thuật xây dựng tình huống: Tình huống đơn giản mà hấp dẫn, ở đó, nhà văn đã tạo ra được những xung đột, nghịch lí tưởng chừng không thể dung hoà: con người đi tìm sự giàu có về tinh thần trong hoàn cảnh cực kì nghèo khó

về vật chất; hạnh phúc lứa đôi nảy sinh trong nỗi tuyệt vọng và đói khát, sự sống nảy sinh giữa cái chết, hi vọng nảy sinh trong cơ cực, chua chát. Nhà văn cũng đã xây dựng được một tình huống độc đáo dồn nén, có kịch tính, thể hiện bản lĩnh của một ngòi bút tài năng,...

Lưu ý: Ngoài những ý trên, thí sinh có thể trình bày những ý khác nhưng phải hợp lý, thuyết phục, đặc biệt khuyến khích những suy nghĩ mới mẻ, sáng tạo.

ĐỀ 17

I. Phần đọc hiểu

Đọc đoạn thơ sau và trả lời theo câu hỏi:

*Ta chào Việt Bắc, ta xuôi,
Quê hương cách mạng muôn đời suy tôn.
Mẹ nghèo vẫn cố nuôi con:
Lúc bùi măng nứa, khi ngon củ mài,
Sẻ từng hạt muối cắn đôi,
Nhà sàn chung ở, chăn sui đắp cùng.
Khi lên: non nớt, ngại ngừng,
Khi về: thép ở trong lòng đã tôi.
Xưa nay ly biệt ngậm ngùi,
Giờ đây đưa tiễn là vui lên đường.
Rời quê hương, đến quê hương,
Thủ đô năm cánh sao vàng chờ ta.
Tám năm Hà Nội cách xa,
Tám lòng Việt Bắc cùng ta trở về.*

(*Ta chào Việt Bắc, về xuôi* - Xuân Diệu)

Câu 1. Anh/chị hãy cho biết, đoạn thơ trên được viết bằng thể thơ gì? Qua đoạn thơ, tác giả muốn thể hiện điều gì?

Câu 2. Chỉ ra biện pháp nghệ thuật và hiệu quả của nó được nhà thơ sử dụng trong câu thơ:

*"Khi lên: non nớt, ngại ngần,
Khi về: thép ở trong lòng đã tôi."*

Câu 3. Đọc đoạn thơ, anh/chị có liên tưởng với đoạn trích, tác phẩm nào đã học trong chương trình Ngữ văn 12? Hãy chỉ ra những điểm tương đồng giữa đoạn trích, tác phẩm đã học với đoạn thơ này.

Câu 4. Cảm nhận về đoạn thơ trên, một học sinh đã viết như sau:

Qua những giọng thơ viết về Việt Bắc đã cho người đọc thấy được tình cảm tha thiết, sâu nặng của thi nhân đối với mảnh đất này.

Theo anh/chị, với cách viết như vậy, bạn học sinh đã mắc những lỗi nào? Hãy nêu cách chữa.

II. Phần làm văn

Câu 1. Nếu ai hỏi anh/chị rằng: *có phải vào đại học là con đường lập nghiệp duy nhất của bạn hay không?* Anh/chị sẽ trả lời như thế nào?

Câu 2. Người lính là một hình tượng trung tâm của văn học Việt Nam giai đoạn từ Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến năm 1975, nhưng ở mỗi tác giả lại có những khám phá riêng. Theo anh/chị, đâu là khám phá riêng của Quang Dũng trong bài thơ *Tây Tiến*? (Ngữ văn 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2013).

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phần đọc hiểu

1. Yêu cầu chung

- Đây là một đoạn trích không có trong chương trình SGK nhưng cùng chủ đề hoặc đề tài, thể loại với các văn bản đã học; thí sinh sẽ sử dụng kiến thức Văn học, tiếng Việt đã học trong chương trình, vốn hiểu biết về cuộc sống... để giải quyết các vấn đề đặt ra trong câu hỏi.

2. Yêu cầu cụ thể

Câu 1. Đoạn thơ trên được viết bằng thể thơ lục bát; đoạn thơ là sự thể hiện tình cảm nhớ thương tha thiết, tấm lòng biết ơn sâu sắc của người ra đi với người dân Việt Bắc, quê hương cách mạng anh hùng...

Câu 2. Biện pháp nghệ thuật được nhà thơ sử dụng trong câu thơ: phép điệp, phép đối, ẩn dụ; vừa có tác dụng nhấn mạnh ý, vừa tạo nhịp thơ cân đối hài hoà, hình ảnh thơ giàu sức gợi, hàm súc cô đọng...

Câu 3.

- Liên tưởng với đoạn trích đã học trong chương trình Ngữ văn 12: *Việt Bắc* của nhà thơ Tố Hữu hay *Tiếng hát con tàu* của nhà thơ Chế Lan Viên...

- Những điểm tương đồng: thể thơ lục bát (*Việt Bắc*), hình ảnh thơ bình dị, thân thuộc gắn liền với cuộc sống người dân Việt Bắc, giọng thơ trữ tình, nhẹ nhàng sâu lắng...; thể hiện tình cảm thấm thiết, son sắt, thủy chung của nhà thơ đối với con người, quê hương cách mạng...

Câu 4.

- Xác định lỗi: Lỗi chính tả: *giòng*; ngữ pháp: câu thiếu chủ ngữ và vị ngữ, ở câu trên mới chỉ có trạng ngữ và vị ngữ.

- Sửa lỗi và viết lại: Qua những **dòng** thơ viết về Việt Bắc, **tác giả (Xuân Diệu)** đã cho người đọc thấy được tình cảm tha thiết, sâu nặng của thi nhân đối với mảnh đất này.

Ở lỗi ngữ pháp, học sinh sẽ có nhiều cách chữa, trên đây chỉ là một cách. Vì vậy, giám khảo cần linh động để đánh giá đúng cách chữa lỗi của thí sinh.

II. Phần làm văn

1. Câu 1

a. Yêu cầu chung

- *Về kĩ năng:* Biết cách trả lời câu hỏi dưới hình thức làm một bài văn nghị luận xã hội; biết sử dụng và vận dụng các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt một cách hợp lí; kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát; luận điểm rõ ràng, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- *Về kiến thức:* Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng phải bám sát yêu cầu của đề bài và thể hiện được nhận thức đúng đắn, với những định hướng cơ bản sau:

b. Yêu cầu cụ thể

- Nêu được vấn đề cần nghị luận

- Trước khi đi vào bàn luận vấn đề, thí sinh cần phải trình bày được những hiểu biết của mình về: con đường đại học, lập nghiệp...

- Bày tỏ suy nghĩ của người viết về ý kiến: thí sinh có thể không đồng tình, đồng tình hoặc chỉ đồng tình với một phần của ý kiến. Dù theo hướng nào thì khi bàn bạc cũng cần phải có lí lẽ xác đáng và với một thái độ chân thành, nghiêm túc, thiện chí và cầu tiến.

Từ việc thể hiện suy nghĩ của người viết về ý kiến, đề bài cũng là dịp để cho thí sinh bày tỏ quan điểm của bản thân về lựa chọn con đường lập nghiệp một cách đúng đắn; từ nhận thức đến hành động cụ thể.

2. Câu 2

a. Yêu cầu chung

- *Về kĩ năng*: Biết cách trả lời câu hỏi dưới hình thức làm một bài văn nghị luận văn học; biết huy động các thao tác lập luận và xác định một số thao tác lập luận chính để làm bài; kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- *Về kiến thức*: Trên cơ sở những hiểu biết về Quang Dũng, bài thơ *Tây Tiến* và những tác phẩm đã học viết về người lính, thí sinh phải làm rõ những khám riêng của Quang Dũng về hình tượng người lính trong tác phẩm;

b. Yêu cầu cụ thể

Có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau, song cần làm rõ được nội dung yêu cầu cơ bản sau:

* Nêu được vấn đề cần nghị luận

* Khái quát chung về hình tượng người lính trong tác phẩm văn học

* Khám phá riêng về hình tượng người lính của Quang Dũng trong bài thơ *Tây Tiến*:

- Hình tượng người lính trong bài thơ được hiện lên với vẻ đẹp hào hùng, hào hoa, lãng mạn.

- Viết về người lính, Quang Dũng không né tránh hiện thực, hiện thực trong *Tây Tiến* được hiện lên một cách chân thực rõ nét với hoàn cảnh khó khăn, gian khổ, khốc liệt, hy sinh, mất mát.... Cái hùng và cái bi hoà quyện, xuyên thấm vào nhau tạo nên vẻ đẹp bi tráng - thần thái chung của bức tượng đài tập thể về người lính...

- Những khám phá về hình tượng người lính được Quang Dũng chuyển tải qua những hình thức nghệ thuật độc đáo: bút pháp lãng mạn; những sáng tạo độc đáo về sử dụng ngôn ngữ, hình ảnh; giọng điệu hào hùng, bi tráng...

* Đánh giá, mở rộng và nâng cao vấn đề:

Lưu ý chung

- Đây là đáp án mở, thang điểm không quy định điểm chi tiết đối với từng ý nhỏ, chỉ nêu mức điểm của các phần nội dung lớn nhất thiết phải có.

- Chỉ cho điểm tối đa theo thang điểm với những bài viết đáp ứng đầy đủ những yêu cầu đã nêu ở mỗi câu, đồng thời phải được triển khai chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, có cảm xúc.

- Khuyến khích những bài viết có sáng tạo. Chấp nhận bài viết không giống đáp án, có những ý ngoài đáp án, nhưng phải có căn cứ xác đáng và lí lẽ thuyết phục.

- Không cho điểm cao đối với những bài chỉ nêu chung chung, sáo rỗng.

- Cản trừ điểm đối với những lỗi về hành văn, ngữ pháp và chính tả.

ĐỀ 18

I. Phần đọc hiểu

Đọc đoạn thơ sau và trả lời theo nội dung câu hỏi dưới:

“Anh bỗng nhớ em như đông về nhớ rét

Tình yêu ta như cánh kiến hoa vàng

Như xuân đến chim rừng lông trở biếc

Tình yêu làm đất lạ hoá quê hương”.

(Tiếng hát con tàu - Chế Lan Viên)

Câu 1. Qua đoạn thơ, tác giả muốn thể hiện điều gì?

Câu 2. Chỉ ra các biện pháp tu từ được tác giả sử dụng và nêu hiệu quả nghệ thuật của nó.

Câu 3. Nhận xét về cách sử dụng ngôn ngữ, hình ảnh của tác giả.

Câu 4. Hãy tìm ra câu thơ thể hiện rõ nhất chất suy tưởng và triết lí của nhà thơ Chế Lan Viên? Và lí giải vì sao câu thơ đó lại chứa đựng chất suy tưởng, triết lí?

II. Phần làm văn

Câu 1. Trong khảo sát nghiên cứu của Viện Nghiên cứu Giáo dục cho thấy, hơn 80% học sinh, sinh viên Việt Nam lạc quan và có nhiều ước mơ đẹp cho

tương lai nhưng lại thiếu hẳn khả năng hoạch định tương lai, đặc biệt là kỹ năng mềm và thái độ dám dấn thân vào đời. (Theo Hồng Hạnh, Báo điện tử Dân trí, ngày 10/10/2009)

Anh/ chị viết bài văn (khoảng 400 từ) trình bày suy nghĩ của mình về vấn đề trên.

Câu 2. Cảm nhận của anh (chị) về hai đoạn văn sau:

“*Khi Chí Phèo mở mắt thì trời sáng đã lâu. Mặt trời chắc đã lên cao, và nắng bên ngoài chắc là rực rỡ. Cứ nghe chim riu rít bên ngoài đủ biết. Nhưng trong cái lều ảm thấp vẫn mới chỉ hơi lờ mờ. Ở đây người ta thấy chiều lúc xế trưa và gặp đêm khi bên ngoài vẫn sáng. Chưa bao giờ Chí Phèo nhận thấy thế bởi chưa bao giờ hết say.*

Nhưng bây giờ thì hẳn tỉnh. Hẳn băng khuâng như tỉnh dậy sau một cơn say rất dài. Cũng như những người say tỉnh dậy, hẳn thấy miệng đắng, lòng mơ hồ buồn. Người thì bần rùn, chân tay không buồn nhấc. Hay là đói rượu? Nghĩ đến rượu, hẳn hơi rùng mình. Ruột gan lại nôn nao lên một tí. Hẳn sợ rượu cũng như những người ốm thường sợ cơm. Tiếng chim hót ngoài kia vui vẻ quá! Có tiếng cười nói của những người đi chợ. Anh thuyền chài gõ mái chèo đuổi cá. Những tiếng quen thuộc ấy hôm nào chả có. Nhưng hôm nay hẳn mới nghe thấy.... Chao ôi là buồn!(...). Tỉnh dậy hẳn thấy hẳn già mà vẫn còn cô độc. Buồn thay cho đời! Có lí nào như thế được? Hẳn đã già rồi hay sao? Ngoài bốn mươi tuổi đầu... Dẫu sao đó không phải tuổi mà người ta bắt đầu sửa soạn. Hẳn đã tới cái dốc bên kia của đời. Ở những người như hẳn, chịu đựng biết bao nhiêu là chất độc, dày đoạ, cực nhục, mà chưa bao giờ ốm, một trận ốm có thể gọi là dấu hiệu báo rằng cơ thể đã hư hỏng nhiều. Nó là một cơn mưa gió cuối thu cho biết trời gió rét, nay mùa đông đã đến. Chí Phèo hình như đã trông trước thấy tuổi già của hẳn, đói rét và ốm đau, và cô độc, cái này còn đáng sợ hơn đói rét và ốm đau”.

(Trích Chí Phèo - Nam Cao, SGK Ngữ văn 11, Tập 1,
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2013, tr149-150)

“*Sáng hôm sau, mặt trời lên bằng con sào, Tràng mới trở dậy. Trong người êm ái, lờng lờ như vừa người ở trong giấc mơ đi ra. Việc hẳn có vợ đến hôm nay hẳn vẫn còn ngỡ ngàng như không phải.*

Hẳn chấp hai tay sau lưng lững thững bước ra sân. Ánh nắng buổi sáng mùa hè sáng loá xói vào hai con mắt còn cay sè của hẳn. Hẳn chớp chớp liên hồi mấy cái, và bỗng vừa chợt nhận ra, xung quanh mình có cái gì vừa thay đổi mới mẻ, khác lạ. Nhà cửa, sân vườn hôm nay đều được quét tước, thu dọn sạch sẽ gọn

gàng. Mấy chiếc quần áo rách như tổ đĩa vẫn vắt khươm mười niên ở một góc nhà đã thấy đem ra sân hong. Hai cái ang nước vẫn để khô cong ở dưới gốc ổi đã kín nước đầy ăm ắp. Đống rác mùn tung bành ngay lối đi đã hót sạch.

Ngoài vườn người mẹ đang cúi húi giấy những búi cỏ mọc nham nhỡ. Vợ hẳn quét lại cái sân, tiếng chổi từng nhát kêu sần sạt trên mặt đất. Cảnh tượng thật đơn giản, bình thường nhưng đối với hẳn lại rất thấm thía cảm động. Bỗng nhiên hẳn thấy hẳn thương yêu gắn bó với cái nhà của hẳn lạ lùng. Hẳn đã có một gia đình. Hẳn sẽ cùng vợ sinh con đẻ cái ở đây. Cái nhà như cái tổ ấm che mưa che nắng. Một nguồn vui sướng, phấn chấn đột ngột tràn ngập trong lòng. Bây giờ hẳn mới thấy hẳn nên người, hẳn thấy hẳn có bổn phận phải lo lắng cho vợ con sau này. Hẳn xăm xăm chạy ra giữa sân, hẳn cũng muốn làm một việc gì để dự phần tu sửa lại căn nhà”.

(Trích *Vợ nhặt* - Kim Lân, SGK Ngữ văn 12, Tập 2, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2013, tr.30)

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phần đọc hiểu

1. Yêu cầu chung

- Câu này kiểm tra năng lực đọc hiểu của thí sinh; đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức và kỹ năng đọc hiểu một văn bản thuộc thơ trữ tình để làm bài.

- Đề chỉ kiểm tra một số khía cạnh. Cảm nhận của thí sinh có thể phong phú nhưng cần thấy được nội dung tư tưởng, đặc sắc nghệ thuật của khổ thơ.

2. Yêu cầu cụ thể

Câu 1. Qua đoạn thơ tác giả muốn thể hiện tình cảm gắn bó tha thiết với nhân vật trữ tình “em” một đối tượng để tác giả bộc lộ tình cảm với nhân dân, với mảnh đất Tây Bắc của Tổ quốc. (1,0 điểm)

Câu 2. - Biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ: nhân hoá, so sánh

- Tác dụng: Nhấn mạnh nỗi nhớ, tình cảm sâu nặng của nhân vật trữ tình với em - nhân dân, với mảnh đất Tây Bắc. Khẳng định tình yêu thiết tha được ví như đồng nhớ rét, cánh kiến với hoa vàng và chim rừng với mùa xuân.

Tác giả sử dụng ngôn ngữ, hình ảnh hết sức mộc mạc, giản dị nhưng giàu giá trị tạo hình và biểu cảm.

- Câu thơ thể hiện tính chất triết lí, suy tưởng “*Tình yêu làm đất lạ hoá quê hương*”. Câu thơ trên thể hiện rõ một triết lí nhân sinh ở đời. Tình yêu, sự gắn bó sẽ làm cho những mảnh đất lạ trở thành quê hương thân thiết trong mỗi người. Cũng giống như: “*Khi ta ở chỉ là nơi đất ở/ Khi ta đi đất bỗng hoá tâm hồn*”.

II. Phân làm văn

1. Câu 1

a. Yêu cầu chung,

- Câu này kiểm tra năng lực viết bài nghị luận xã hội của thí sinh nên đòi hỏi phải huy động những hiểu biết về đời sống xã hội, kĩ năng tạo lập văn bản và bày tỏ quan điểm, chính kiến của bản thân.

- Thí sinh có thể làm theo nhiều cách khác nhau nhưng cần dựa vào lí lẽ và căn cứ xác đáng; được tự do thể hiện chính kiến của mình nhưng phải có thái độ chân thành, nghiêm túc và phù hợp với chuẩn mực của xã hội.

b. Yêu cầu cụ thể

* Giải thích ý kiến:

- Lạc quan: có cách nhìn, thái độ tin tưởng ở tương lai tốt đẹp.

- Ước mơ: mong muốn thiết tha điều tốt đẹp trong tương lai.

→ Học sinh, sinh viên Việt Nam luôn biết ước mơ, có cái nhìn lạc quan vào cuộc sống và luôn tin tưởng vào tương lai tốt đẹp.

- Hoạch định: vạch rõ, định rõ vấn đề.

- Kĩ năng mềm: khả năng vận dụng các kiến thức thu nhận vào thực tế đời sống như: làm việc nhóm, giao tiếp, xử lí tình huống trong thực tiễn,...

- Dấn thân: dốc sức lao vào hoạt động hay công việc nào đó, bất chấp gian nan, nguy hiểm.

→ Học sinh sinh viên Việt Nam lại thiếu đi những hoạch định trong công việc, thiếu kĩ năng sống và làm việc đồng thời không quyết đoán, không dám dốc hết sức lực vào đam mê, công việc của mình.

- Hiểu khái quát về ý kiến: Ý kiến đã cho thấy mặt tích cực cũng như những hạn chế của học sinh, sinh viên Việt Nam. Từ đây gợi lên nhiều suy nghĩ cho giới trẻ.

* Bàn luận ý kiến:

- Thí sinh cần làm rõ: ý kiến trên đúng hay sai? đã đúng trên mọi đối tượng của học sinh sinh viên chưa?

- Thí sinh có thể đồng tình, không đồng tình hay đồng tình một phần nào đó về ý kiến, nhưng cần phải có lí lẽ, căn cứ xác đáng và nhất là có thái độ đúng đắn, bàn luận nghiêm túc có thiện chí.

*** Bài học nhận thức và hành động:**

Từ suy nghĩ của bản thân, thí sinh có thể rút ra nhiều bài học hành động khác nhau. Dưới đây là một số ý tham khảo:

- Giới trẻ cần phải biết ước mơ, có hoài bão và tinh thần lạc quan trong cuộc sống, song bên cạnh có ước mơ, hoài bão cao đẹp thì cần rèn luyện cho bản thân những kĩ năng mềm, biết hoạch định công việc và nhất là biết dần thân, dám nghĩ dám làm.

- Phê phán những hiện tượng sống thiếu ý chí, tinh thần lạc quan và không biết vận dụng những cái học được vào thực tiễn cuộc sống; sống dựa dẫm vào người khác,..

2. Câu 2

a. Yêu cầu chung

- Câu này kiểm tra năng lực viết bài nghị luận văn học của thí sinh nên đòi hỏi phải huy động những kiến thức về tác phẩm văn học, lí luận văn học để viết bài cảm nhận văn học.

- Thí sinh có thể cảm nhận theo nhiều cách khác nhau nhưng cần chú trọng bám sát vào văn bản và trình bày thành bài văn với ngôn ngữ trong sáng, bố cục rõ ràng...

b. Yêu cầu cụ thể

*** Vài nét về tác giả, tác phẩm và đoạn văn.**

- Nam Cao là cây bút truyện ngắn xuất sắc của trào lưu hiện thực phê phán, thành công nổi bật ở đề tài người nông dân nghèo và trí thức nghèo trước Cách mạng tháng Tám với cái nhìn hiện thực sắc nét và cảm quan nhân đạo sâu sắc. *Chí Phèo* là một kiệt tác của Nam Cao viết về đề tài người nông dân. Đoạn văn trong tác phẩm đã thể hiện bước chuyển biến tâm lí của nhân vật Chí Phèo sau hôm gặp Thị Nở.

- Kim Lân là một trong những nhà văn có đóng góp cho văn xuôi hiện đại Việt Nam. Ông được mệnh danh là nhà văn của nông thôn và nông dân Bắc Bộ. Ông có lối viết chân thật, xúc động về cuộc sống và người dân quê. *Vợ nhặt* là tác phẩm thể hiện tài năng bậc thầy của Kim Lân. Đoạn văn thể hiện những thay đổi lớn trong cuộc đời của nhân vật Tràng sau đêm tân hôn.

** Cảm nhận về đoạn văn*

- Cảm nhận đoạn văn trong truyện ngắn *Chí Phèo* (Nam Cao)

+ Đoạn văn trong tác phẩm *Chí Phèo* của Nam Cao nằm ở giữa tác phẩm sau cái hôm gặp gỡ Thị Nở ở vườn chuối gần bờ sông. Sáng hôm sau tinh dậy Chí Phèo đã có nhiều thay đổi trong ý thức, cảm xúc trước cuộc sống.

• Đoạn văn diễn tả những diễn biến tâm lý hết sức độc đáo của Chí Phèo (cảm nhận được những âm thanh của cuộc sống mặc dầu ngày nào cũng có nhưng lần này hẳn mới nghe thấy; hẳn đã tỉnh rượu và hẳn thấy mơ hồ buồn; từ tỉnh rượu đến tỉnh ngộ của nhân vật Chí).

• Đoạn văn cũng cho thấy sự thay đổi trong tính cách của Chí Phèo từ một con quỷ dữ của làng Vũ Đại, hẳn đang dần hướng đến cuộc sống của một con người.

• Đoạn văn đã cho thấy tài năng miêu tả cũng như cảm quan nhân đạo của nhà văn Nam Cao.

- Cảm nhận đoạn văn trong truyện ngắn *Vợ nhặt* (Kim Lân)

+ Đoạn văn trong tác phẩm *Vợ nhặt* của Kim Lân nằm ở phần sau khi Tràng đưa thị về làm vợ. Sáng hôm sau Tràng tinh dậy thấy mọi thứ đã thay đổi và trong Tràng cũng có nhiều biến đổi sâu sắc.

• Đoạn văn diễn tả diễn biến tâm lý của nhân vật Tràng sau khi lấy thị về làm vợ (hắn nhận ra có cái gì đó vừa thay đổi mới mẻ; hẳn thấm thía cảm động và bỗng nhiên thấy yêu thương gắn bó với cái nhà của hắn lạ lùng; hẳn nghĩ đến tương lai và muốn làm cái gì để dự phần tu sửa lại căn nhà).

• Sự thay đổi tính cách của nhân vật cũng được thể hiện rõ nét trong đoạn văn (từ một anh cu tràng ngọc nghếch, xấu trai trở thành một người biết lo toan cuộc sống gia đình).

• Đoạn văn cũng cho thấy tài năng tái hiện hiện thực và cảm quan nhân đạo của nhà văn Kim Lân.

** Đánh giá chung:*

- Cùng viết về đề tài người nông dân trong xã hội cũ, với những diễn biến tâm lý hết sức tinh tế “phép biện chứng tâm hồn” nhưng mỗi nhà văn lại thể hiện được nét riêng trong cách khám phá và thể hiện. Mỗi đoạn văn trong mỗi tác phẩm sẽ gắn liền với chủ đề và sự lí giải chủ đề riêng của mỗi nhà văn: Là sự thức tỉnh phần người, phần lương thiện (*Chí Phèo*, Nam Cao) và niềm tin bất diệt về sức sống và khả năng hồi sinh của con người trong cái đói, cái nghèo và cận

kề với cái chết. (*Vợ nhặt*, Kim Lân); Sau đoạn văn Chí Phèo sẽ thay đổi trở thành người lương thiện nhưng kết thúc vẫn rơi vào bế tắc còn trong *Vợ nhặt* kết thúc là một hướng giải thoát cho nhân vật của nhà văn Kim Lân.

- Những điểm tương đồng và khác biệt trên đã cho thấy tài năng cũng như phong cách của hai nhà văn trong việc khám phá hiện thực và thể hiện tư tưởng nhân đạo.

ĐỀ 19

I. Phần đọc hiểu

Đọc đoạn thơ sau và trả lời theo nội dung câu hỏi dưới:

*“Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông
Một người chín nhớ mười mong một người
Gió mưa là bệnh của giời
Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng
Hai thôn chung lại một làng,
Cớ sao bên ấy chẳng sang bên này?
Ngày qua ngày lại qua ngày
Lá xanh nhuộm đã thành cây lá vàng”*

(*Tương tư* - Nguyễn Bính)

Câu 1. Qua đoạn thơ, tác giả muốn thể hiện điều gì?

Câu 2. Chỉ ra các biện pháp tu từ được tác giả sử dụng và nêu hiệu quả nghệ thuật của nó.

Câu 3. Nhận xét về cách sử dụng ngôn ngữ, hình ảnh của tác giả.

Câu 4. Hãy chỉ dấu ấn thơ ca dân gian được Nguyễn Bính sử dụng qua đoạn thơ trên. Theo anh/ chị, so với thơ ca dân gian, Nguyễn Bính có những sáng tạo độc đáo, mới mẻ ở chỗ nào?

II. Phần làm văn

Câu 1. “...Tuổi trẻ bây giờ có tiềm năng lớn về tri thức, thông tin, sức bật. Nhưng, vì sao hầu hết người lớn chúng ta đều cảm thấy họ dường như chưa lớn,

chưa thể hiện được bản lĩnh trong mọi vấn đề của xã hội cũng như chính cuộc đời họ.” (GS.TS Lê Ngọc Trà, trong bài phỏng vấn “Tuổi trẻ: Giàu thông tin, nhưng còn bản lĩnh?”)

Anh/chị có đồng tình với ý kiến trên không? Hãy trao đổi với GS.TS Lê Ngọc Trà và bày tỏ quan điểm sống của chính mình.

Câu 2. Một trong những nét đặc trưng phong cách nghệ thuật của nhà văn Nguyễn Tuân là luôn khám phá con người dưới phương diện tài hoa nghệ sĩ.

Qua nhân vật Huấn Cao trong truyện ngắn *Chữ người tử tù* và người lái đò trong tùy bút *Người lái đò Sông Đà*, anh/chị hãy bình luận nhận định trên.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phần đọc hiểu

1. Yêu cầu chung

- Câu này kiểm tra năng lực đọc hiểu của thí sinh; đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức và kỹ năng đọc hiểu một văn bản thuộc thơ trữ tình để làm bài.

- Đề chi kiểm tra một số khía cạnh. Cảm nhận của thí sinh có thể phong phú nhưng cần thấy được nội dung tư tưởng, đặc sắc nghệ thuật của đoạn thơ.

2. Yêu cầu cụ thể

Câu 1. Qua đoạn thơ tác giả muốn thể hiện tình cảm vừa nhớ thương, vừa hờn dỗi, trách móc của nhân vật trữ tình trong tình yêu. Nỗi tương tư của nhân vật người con trai đối với con gái.

Câu 2. Biện pháp tu từ: Hoán dụ, nhân hoá, so sánh, điệp từ, điệp ngữ, câu hỏi tu từ. Các biện pháp tu từ đã thể hiện được cách giải bày kín đáo, tế nhị; nhấn mạnh nỗi nhớ nhung, thương cảm và sự hờn dỗi, trách móc người mình yêu. Khẳng định nỗi nhớ thương ấy lan truyền cả không gian đất trời.

Câu 3. Tác giả sử dụng ngôn ngữ, hình ảnh hết sức mộc mạc, giản dị nhưng giàu giá trị tạo hình và biểu cảm mang đậm dấu ấn chân quê.

Câu 4.

- Dấu ấn thơ ca dân gian trong đoạn thơ trên: thể thơ lục bát truyền thống; ngôn ngữ hình ảnh giản dị phù hợp với lời ăn tiếng nói hàng ngày của người bình dân; sử dụng thành ngữ; những cảm xúc trong tình yêu được bắt gặp trong thơ ca truyền thống...

- Dấu ấn cá nhân, sáng tạo rõ nét trong cách sử dụng ngôn ngữ, diễn đạt; diễn tả được cảm xúc tinh tế của con người trong tình yêu với nhiều cung bậc, trạng thái khác nhau, đậm dấu ấn cái tôi, khác với thơ ca cổ điển mang tính phi ngã.

II. Phần làm văn

1. Câu 1

a. Yêu cầu chung

- Câu này kiểm tra năng lực viết bài nghị luận xã hội của thí sinh nên đòi hỏi phải huy động những hiểu biết về đời sống xã hội, kỹ năng tạo lập văn bản và bày tỏ quan điểm, chính kiến của bản thân.

- Thí sinh có thể làm theo nhiều cách khác nhau nhưng cần dựa vào lí lẽ và căn cứ xác đáng; được tự do thể hiện chính kiến của mình nhưng phải có thái độ chân thành, nghiêm túc và phù hợp với chuẩn mực của xã hội.

b. Yêu cầu cụ thể

* Giải thích ý kiến

- Tiềm năng: khả năng, năng lực tiềm tàng.

Giới trẻ có khả năng, năng lực tiềm tàng về những hiểu biết, về thông tin cũng như khả năng phản ứng nhanh nhạy vươn lên mạnh mẽ.

- Chưa lớn: thiếu trải nghiệm, chưa có kinh nghiệm trong cuộc sống.

- Bản lĩnh: đức tính tự quyết định một cách độc lập thái độ, hành động của mình, không vì áp lực từ bên ngoài mà thay đổi quan điểm của bản thân.

Ý kiến đã cho thấy tính hai mặt của giới trẻ hiện nay. Mặc dầu có nhiều tiềm năng về tri thức, thông tin và sức bật nhưng họ lại hạn chế ở việc trải nghiệm cũng như bản lĩnh của bản thân trước cuộc đời; thiếu những trải nghiệm trong cuộc sống, chưa có lập trường, quan điểm cũng như tự chịu trách nhiệm đối với bản thân mình. Từ ý kiến trên gợi lên cho giới trẻ nhiều suy nghĩ riêng và từ đó đi đến bài học nhận thức, hành động.

* Bàn luận ý kiến, trao đổi với GS.TS Lê Ngọc Trà:

Thí sinh có thể đồng tình hoặc không đồng tình hoặc chỉ đồng tình một phần với ý kiến của GS.TS Lê Ngọc Trà. Dù theo khuynh hướng nào thì khi trao đổi cũng cần phải có căn cứ xác đáng, có thái độ bàn bạc nghiêm túc, thiện chí và tích cực.

* Bài học nhận thức và hành động (Quan điểm sống của bản thân)

- Việc trao đổi với GS.TS Lê Ngọc Trà là dịp để tự đề ra quan điểm sống cho bản thân, đề ra phương hướng hành động để thực hiện quan điểm sống đó.

- Qua trao đổi thí sinh cần phải biết cắt nghĩa lí giải vấn đề;

- Thí sinh tự bày tỏ, bộc lộ quan điểm sống của bản thân nhưng phải hướng đến một lối sống có lý tưởng cao đẹp, đặc biệt phải gắn với sứ mệnh của thanh niên trong thời đại mới.

2. Câu 2

a. Yêu cầu chung

- Câu này kiểm tra năng lực viết bài nghị luận văn học của thí sinh nên đòi hỏi phải huy động những kiến thức về tác phẩm văn học, lí luận văn học để viết bài cảm nhận văn học.

- Thí sinh có thể cảm nhận theo nhiều cách khác nhau nhưng cần chú trọng bám sát vào văn bản và trình bày thành bài văn với ngôn ngữ trong sáng, bố cục rõ ràng...

b. Yêu cầu cụ thể

* Vài nét về tác giả, tác phẩm và nhân vật:

- Nguyễn Tuân được mệnh danh là người suốt đời đi tìm cái đẹp. Phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân trước và sau cách mạng vừa mang tính thống nhất vừa thể hiện sự chuyển biến.

- Vài nét về vị trí của hai tác phẩm: *Chữ người tử tù* là một trong những thành công nổi bật của tập *Vang bóng một thời* ca ngợi vẻ đẹp của những con người tài hoa, nghệ sĩ. *Người lái đò Sông Đà* là thiên tùy bút tiêu biểu nhất trong tập *Tùy bút Sông Đà* ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên và con người Tây Bắc. Huân Cao và ông lái đò là những nhân vật tiêu biểu trong sáng tác của Nguyễn Tuân. Đó đều là những con người tài hoa nghệ sĩ.

* Giải thích ý kiến:

- Nhận định đặt ra vấn đề về phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân: khám phá con người trên phương diện tài hoa, nghệ sĩ.

- Đây là một nhận định đúng về nhân vật trong các sáng tác của Nguyễn Tuân, đó là lớp nhân vật tài hoa, nghệ sĩ (những con người có tài năng hơn người, tài năng ấy được nâng lên thành nghệ thuật và ở họ còn có một tâm hồn

nghệ sĩ). Điều này thể hiện rõ qua nhân vật Huấn Cao trong *Chữ người tử tù* và Ông lái đò trong *Người lái đò Sông Đà*.

* Bình luận ý kiến trên qua phân tích nhân vật Huấn Cao và Ông lái đò.

- Vấn đề con người tài hoa nghệ sĩ trong sáng tác của Nguyễn Tuân không đơn thuần chỉ những người lao động trong nghệ thuật mà con người dù làm bất cứ ngành nghề nào tài năng của họ cũng đạt đến thành thạo, điêu luyện và trở thành những con người tài hoa, nghệ sĩ.

+ Huấn Cao có tài viết chữ đẹp, dưới bàn tay của Huấn Cao, viết chữ Hán đã được nâng lên thành một thứ nghệ thuật - nghệ thuật thư pháp: thể hiện qua ước muốn, khát khao của quản ngục có được chữ Huấn Cao treo trong nhà như một báu vật; qua tương truyền (cả vùng tỉnh Sơn đều biết tài viết chữ của Huấn Cao); qua lời nói của Huấn Cao (những nét chữ vuông tươi tắn nó nói lên hoài bão tung hoành của một đời con người). Bên cạnh đó Huấn Cao là người có tâm hồn nghệ sĩ, người có thiên lương trong sáng, không chỉ vậy ông còn cảm hoá, truyền dạy thiên lương cho người khác; nét tài hoa, nghệ sĩ được Nguyễn Tuân đặc tả ở cảnh cho chữ.

+ Ông lái đò: Dưới “tay lái ra hoa” của ông lái đò, công việc lái đò đã trở được nâng lên thành một nghệ thuật - nghệ thuật vượt thác: Tài vượt thác, leo ghềnh, nắm chắc binh pháp của thần sông thần đá; thuộc quy luật phục kích của lũ đá nơi ải nước hiểm trở này; thuyền như một mũi tên tre xuyên nhanh qua hơi nước,... Bên cạnh đó ông lái đò còn là người có tâm hồn nghệ sĩ: sau khi vượt qua ghềnh thác sông Đà ở thượng nguồn, ông hoà mình vào cuộc sống thanh bình và thiên nhiên tươi đẹp ở hạ lưu.

- Xây dựng nhân vật Huấn Cao, ông lái đò là những con người tài hoa, nghệ sĩ, tác giả ca ngợi, khám phá cái đẹp và gửi đến người đọc những thông điệp thâm mỹ khác nhau.

- Bên cạnh những điểm thống nhất trong phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân là việc khám phá con người ở phương diện tài hoa, nghệ sĩ qua nhân vật Huấn Cao và nhân vật ông lái đò, tác giả còn tạo nên sự phong phú, đa dạng, chuyển biến trong việc khám phá: con người tài hoa, nghệ sĩ ở nhân vật Huấn Cao là con người ở thời kì vang bóng, xuất chúng, đặc tuyển còn ông lái đò là người của hiện tại, người anh hùng trong cuộc sống đời thường...

* Đánh giá chung

- Nhận định trên đã thể hiện được phong cách nghệ thuật độc đáo của nhà văn Nguyễn Tuân trong cách xây dựng nhân vật.

- Bên cạnh nét phong cách đó, người đọc còn bắt gặp một Nguyễn Tuân với phong cách “ngông” của một nhà văn uyên bác; luôn đặt nhân vật vào những hoàn cảnh thử thách; tô đậm và khắc chạm vào tâm trí độc giả bằng những ấn tượng, va đập mạnh. Nguyễn Tuân là nhà văn của việc sáng tạo trong ngôn ngữ, độc đáo điều luyện trong liên tưởng, so sánh...

ĐỀ 20

I. Phần đọc hiểu

Đọc kỹ đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

“Hắn vừa đi vừa chửi. Bao giờ cũng thế, cứ rượu xong là hắn chửi. Bắt đầu hắn chửi trời. Có hề gì? Trời có của riêng nhà nào? Rồi hắn chửi đời. Thế cũng chẳng sao: đời là tất cả nhưng chẳng là ai. Tức mình, hắn chửi ngay tất cả làng Vũ Đại. Nhưng cả làng Vũ Đại ai cũng như: “Chắc nó trừ mình ra!”. Không ai lên tiếng cả. Tức thật! Ờ! Thế này thì tức thật! Tức chết đi được mất! Đã thế, hắn phải chửi cha đứa nào không chửi nhau với hắn. Nhưng cũng không ai ra điều. Mẹ kiếp! Thế có phi rượu không? Thế thì có khổ hắn không? Không biết đứa cha chết mẹ nào lại để ra thân hắn cho hắn khổ đến nông nổi này?”.

(Trích *Ngữ văn 11* - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2013)

Câu 1. Đoạn văn trên kể về nhân vật nào, trích từ tác phẩm, tác giả nào? Khi tác giả sử dụng những ngôi kể thứ ba thì có tác dụng gì?

Câu 2. Qua đoạn văn nhà văn muốn thể hiện điều gì?

Câu 3. Nhận xét về cách sử dụng ngôn ngữ của tác giả và nêu hiệu quả của các biện pháp nghệ thuật sử dụng trong đoạn văn?

Câu 4. Ý nghĩa chi tiết “tiếng chửi” của Chí Phèo qua đoạn văn trên?

II. Phần làm văn

Câu 1. Trong bức tâm thư của một bạn du học sinh người Nhật gửi người Việt, tác giả đó có đoạn viết:

“Tôi tự hào vì nơi tôi lớn lên, không có rừng vàng biển bạc. Nhưng “trong đêm tối nhất, người ta mới thấy được, đâu là ngôi sao sáng nhất”. Thế đây, với một xứ sở thua thiệt về mọi mặt, nghèo tài nguyên, hàng năm gánh chịu sự đe dọa của hàng trăm trận động đất lớn nhỏ lại oằn mình gánh chịu vết thương

chiến tranh nặng nề, vươn lên là cách duy nhất để nhân dân Nhật tồn tại và cho cả thế giới biết “Có một nước Nhật như thế”.

Tôi tự hào vì đất nước tôi không có bề dày văn hiến lâu đời nên chúng tôi sẵn sàng học hỏi và tiếp nhận tinh hoa mà các dân tộc khác “chia sẻ”. Từ trong trũng nước, mỗi đứa trẻ đã được học cách cúi chào trước người khác. Cái cúi chào ấy là đại diện cho hệ tư tưởng của cả một dân tộc biết trọng thị, khiêm nhường nhưng tự trọng cao ngời.

Tôi tự hào vì đất nước tôi được thử thách nhiều hơn bất kỳ ai. Khi thảm họa động đất sóng thần kép diễn ra, cả thế giới gần như “chấn động”. Chấn động vì giữa hoang tàn, đổ nát, đói khổ và biệt lập, người ta chỉ nhìn thấy từng dòng người kiên nhẫn xếp hàng nhận cứu trợ và cúi đầu từ tốn cảm ơn. Không có cảnh hôi của, lên giá, cướp bóc, bạo lực nào diễn ra giữa sự cùng khổ. Chỉ chưa đầy một năm sau khi hàng loạt thành phố bị xóa sổ hoàn toàn, sự sống lại bắt đầu hồi sinh như chưa từng có biến cố nào đã xảy ra. Thế đấy, không có những thành tích to lớn để nói về nước Nhật nhưng thương hiệu “made in Japan”, là thương hiệu uy tín vượt trên mọi khuôn khổ, tiêu chuẩn khắt khe, được toàn cầu tôn trọng nhất mà tôi từng biết.”

(Theo báo điện tử: Báo mới ngày 25/03/2014)

Anh/ chị có đồng tình với suy nghĩ của tác giả đó không? Hãy viết một bài văn trao đổi với bạn du học sinh đó và gửi tới bạn đó thông điệp: **Tôi có nước Việt để tự hào.**

Câu 2. Về vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong bài thơ *Sóng* của Xuân Quỳnh (Ngữ văn 12, tập 1, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2013), có ý kiến cho rằng: “Hiện lên trong bài thơ là vẻ đẹp truyền thống của tâm hồn người phụ nữ”, còn ý kiến khác lại khẳng định: “Vẻ đẹp hiện đại là nét nổi bật của tâm hồn người phụ nữ trong bài thơ *Sóng*”.

Bằng hiểu biết về bài thơ *Sóng*, anh chị hãy bình luận nhận định trên.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phần đọc hiểu

1. Yêu cầu chung

- Câu này kiểm tra năng lực đọc hiểu của thí sinh; đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức và kĩ năng đọc hiểu một đoạn văn bản thuộc tác phẩm tự sự để làm bài.

- Đề chi kiểm tra một số khía cạnh. Cảm nhận của thí sinh có thể phong phú nhưng cần thấy được nội dung tư tưởng, đặc sắc nghệ thuật của văn bản.

2. Yêu cầu cụ thể

Câu 1. Đoạn văn kể về nhân vật Chí Phèo, trích từ tác phẩm cùng tên của nhà văn Nam Cao. Tác giả sử dụng ngôi kể thứ ba nhằm tạo nên tính chân thực khách quan của các chi tiết, sự kiện.

Câu 2. Đoạn văn, khắc họa được tâm trạng uất ức, tức tưởi của Chí. Chí Phèo dùng tiếng chửi để giao tiếp với đồng loại nhưng đáp trả lại Chí là sự im lặng đến ghê rợn của xã hội loài người.

Câu 3. Tác giả sử dụng ngôn ngữ tự nhiên, giản dị giàu giá trị tạo hình và biểu cảm. Các biện pháp nghệ thuật như: điệp từ, điệp ngữ, liệt kê nhằm nhấn mạnh tính trùng điệp cũng như cái đa dạng của đối tượng chửi của Chí Phèo.

Câu 4. Qua “tiếng chửi” của Chí Phèo, Nam Cao đã khắc họa chân thực, sinh động bi kịch của nhân vật Chí: Bi kịch tha hóa và bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người.

- Thấy được chiều sâu của cái nhìn hiện thực nghiêm ngặt và tư tưởng nhân đạo sâu sắc, mới mẻ của Nam Cao khi khám phá về người nông dân.

II. Phần làm văn

1. Câu 1

a. Yêu cầu chung

- Câu này kiểm tra năng lực viết bài nghị luận xã hội của thí sinh nên đòi hỏi phải huy động những hiểu biết về đời sống xã hội, kỹ năng tạo lập văn bản và trao đổi, khẳng định niềm tự hào về quê hương đất nước.

- Thí sinh có thể làm theo nhiều cách khác nhau nhưng cần dựa vào lí lẽ và căn cứ xác đáng; được tự do thể hiện chính kiến của mình nhưng phải có thái độ chân thành, nghiêm túc và phù hợp với chuẩn mực của xã hội.

b. Yêu cầu cụ thể

* Giải thích nội dung

- Tự hào: Lấy làm hài lòng, hãnh diện về cái tốt đẹp mà mình có.

- Bạn du học sinh người Nhật đã lấy làm hãnh diện và biết bao tự hào về con người, đất nước của mình. Một đất nước không có tài nguyên, chịu thua thiệt về mọi mặt nhưng vẫn biết vươn lên. Một đất nước không có nền văn hiến lâu đời

nhưng sẵn sàng tiếp nhận tinh hoa văn hoá dân tộc khác. Một đất nước chịu nhiều thiên tai nhưng vẫn biết vươn lên xây dựng nên một thương hiệu “*made in Japan*”.

- Bạn người Nhật đã hãnh diện, tự hào về đất nước như vậy, còn bạn sẽ tự hào về đất nước Việt Nam như thế nào?

* Bàn luận ý kiến, trao đổi với bạn du học sinh:

- Thí sinh có thể đồng tình, không đồng tình hay đồng tình một phần nào đó về những cảm xúc chia sẻ của bạn học sinh qua bức tâm thư, nhưng cần phải có lí lẽ, căn cứ xác đáng và nhất là có thái độ đúng đắn, bàn luận nghiêm túc có thiện chí.

- Từ việc trao đổi những cảm xúc suy nghĩ của bản thân đối với bạn du học sinh người Nhật, thí sinh biết gửi đến thông điệp cho bạn đó với chủ đề: Tôi có một nước Việt Nam để tự hào, với những gợi ý sau:

+ Tự hào về một đất nước có nền văn hóa, văn hiến lâu đời của cha ông ta; tự hào về một dân tộc giàu truyền thống yêu nước, truyền thống nhân đạo.

+ Tự hào về con người Việt Nam thân thiện, hiếu khách, yêu chuộng hòa bình chịu thương chịu khó, biết vươn lên trong mọi hoàn cảnh của cuộc sống...

+ Tự hào về những con người quả cảm anh dũng, trí tuệ, bản lĩnh - một Việt Nam bé nhỏ nhưng làm nên những chiến công khiến cho các nước đế quốc, thực dân, cường quốc phải nể phục.

+ Tự hào về đất nước nhiều danh lam thắng cảnh, về phong tục tập quán,...

+ Từ việc tự hào về đất nước, bài viết cũng là dịp để cho thí sinh nhìn nhận một cách nghiêm túc về đất nước mình về những hạn chế, tồn tại, yếu kém để từ đó có những biện pháp khắc phục.

* Bài học nhận thức và hành động:

Từ việc gửi tới thông điệp cho bạn du học sinh người Nhật, thí sinh có thể rút ra nhiều bài học hành động khác nhau. Dưới đây là một số ý tham khảo:

- Giới trẻ cần phải biết trân trọng những giá trị mà nhân dân, dân tộc đã làm nên; giữ gìn phát huy truyền thống dân tộc, song cũng phải biết tiếp thu, chọn lọc những tinh hoa văn hóa của nhân loại; kết hợp giữa truyền thống và hiện đại; dân tộc và quốc tế.

- Cần rèn luyện cho bản thân không chỉ biết tự hào về đất nước mà phải nỗ lực, dấn thân vào việc xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước.

- Phê phán những hiện tượng sống thiếu thờ ơ, vô cảm với đất nước, phản động...

2. Câu 2

a. Yêu cầu chung

- Câu này kiểm tra năng lực viết bài nghị luận văn học của thí sinh nên đòi hỏi phải huy động những kiến thức về tác phẩm văn học, lí luận văn học để viết bài bình luận ý kiến bàn về văn học.

- Thí sinh có thể cảm nhận theo nhiều cách khác nhau nhưng cần chú trọng bám sát vào văn bản và trình bày thành bài văn với ngôn ngữ trong sáng, bố cục rõ ràng...

b. Yêu cầu cụ thể

* *Vài nét về tác giả, tác phẩm:*

- Xuân Quỳnh là nhà thơ trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống Mĩ, là nhà thơ có nhiều đóng góp cho thơ ca hiện đại Việt Nam. Thơ Xuân Quỳnh là tiếng lòng của một tâm hồn phụ nữ nhiều trắc ẩn, vừa hồn nhiên, tươi tắn vừa chân thành, đằm thắm và luôn da diết trong khát vọng về hạnh phúc bình dị, đời thường.

- *Sóng* được sáng tác năm 1967 là bài thơ đặc sắc viết về tình yêu, rất tiêu biểu cho phong cách thơ Xuân Quỳnh. Đặc biệt là thể hiện được vẻ đẹp trong tình yêu của hình tượng người phụ nữ.

* *Giải thích về ý kiến:*

- Ý kiến thứ nhất: tập trung đề cao, ca ngợi những vẻ đẹp truyền thống của tâm hồn người phụ nữ trong tình yêu.

- Ý kiến thứ hai: tập trung đề cao vẻ đẹp hiện đại của tâm hồn người phụ nữ trong tình yêu.

- Hai ý kiến tương chừng như đối lập, nhưng lại bổ sung, thống nhất với nhau, làm nên nét riêng của bài thơ *Sóng* của Xuân Quỳnh.

* *Bình luận ý kiến:*

- Hai ý kiến trên là hai cách đánh giá, nhìn nhận về hai vẻ đẹp trong tâm hồn người phụ nữ.

+ Ý kiến một: tập trung khẳng định những vẻ đẹp truyền thống (phân tích: tình yêu gắn liền với nỗi nhớ da diết, khao khát được giải bày, kiếm tìm; tình yêu luôn gắn liền với sự thủy chung son sắt: *Dẫu xuôi về phương Bắc.../ Hướng về anh một phương*); một cảm xúc và hành động của nhân vật trữ tình “em” đầy nữ tính.

+ Ý kiến hai: đề cao vẻ đẹp hiện đại trong tâm hồn người phụ nữ (phân tích: tình yêu mãnh liệt; táo bạo; khát vọng có được tình yêu lớn lao, tình yêu phải hướng tới sự vĩnh hằng, bất tử: *Làm sao được tan ra/Thành trăm con sóng nhỏ/Giữa biển lớn tình yêu/Để ngàn năm còn vỗ*).

* *Đánh giá chung:*

- Bài thơ thể hiện được vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu, một tình yêu hiện đại, mới mẻ nhưng không tách rời vẻ đẹp truyền thống.

- Để làm nên nét độc đáo trong vẻ đẹp tâm hồn người phụ nữ đang yêu trong bài thơ *Sóng*, Xuân Quỳnh đã sử dụng các biện pháp nghệ thuật như: ẩn dụ; so sánh (mượn hình tượng sóng để thể hiện tình yêu một cách sinh động, gợi cảm); sử dụng thành công thể thơ năm chữ với nhịp điệu linh hoạt, nhịp nhàng gợi âm vang của sóng; ngôn từ giản dị, trong sáng, hình ảnh thơ giàu sức gợi...

ĐỀ 21

I. Phân đọc hiểu

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các yêu cầu bên dưới:

"Tôi lên vùng Cấm Sơn

Đi tìm thăm bộ đội

Đây bốn bề núi, núi

Heo hút vắng tâm người

Đèo cao rồi lũng hẹp

Dã túp lều chơi vui

Bộ đội đóng ở đó

Cách xa hẳn cuộc đời"

(*Lên Cấm Sơn* - Thôi Hữu).

Câu 1. Đoạn thơ trên đã sử dụng phương thức biểu đạt nào? Đọc đoạn thơ, em có liên tưởng đến những bài thơ nào đã được học trong sách giáo khoa *Ngữ văn 12*, tập 1?

Câu 2. Những biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ? Tác dụng của những biện pháp tu từ đó?

Câu 3. Nhận xét về những từ ngữ, hình ảnh sau: *núi, đèo cao, lưng hẹp, túp lều; heo hút, chơi vui?*

Câu 4. Lý giải sự khác biệt của từ “chơi vui” trong hai câu “*Dẫm túp lều chơi vui*” (*Lên Cấm Sơn* của Thôi Hữu) và “*Nhớ về rừng núi, nhớ chơi vui*” (*Tây Tiến* của Quang Dũng).

II. Phần làm văn

Câu 1. Seneca cho rằng: “*Đời không phải chỉ là tốt hay xấu, nó là nơi cái thiện và cái ác cùng hiện diện*”.

Ý kiến của anh/chị. Hãy viết bài văn ngắn trình bày quan điểm của mình.

Câu 2. Cảm nhận của anh/chị về hình ảnh giọt nước mắt của nhân vật quân ngục sau khi Huân Cao cho chữ trong truyện ngắn *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân và hình ảnh giọt nước mắt Chí Phèo sau khi thưởng thức bát cháo hành của Thị Nở trong truyện ngắn *Chí Phèo* của Nam Cao.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phần đọc hiểu

1. Yêu cầu chung

- Câu này kiểm tra năng lực đọc hiểu của thí sinh; đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức và kỹ năng đọc hiểu một đoạn thơ trữ tình.

- Đề chỉ kiểm tra một số khía cạnh. Cảm nhận của thí sinh có thể phong phú nhưng cần thấy được nội dung tư tưởng, đặc sắc nghệ thuật của văn bản.

2. Yêu cầu cụ thể

Câu 1. Đoạn thơ sử dụng các phương thức biểu đạt: tự sự, miêu tả và biểu cảm.

Từ nội dung đoạn thơ giúp ta liên tưởng đến bài thơ *Tây Tiến* của Quang Dũng, *Tiếng hát con tàu* của Chế Lan Viên.

Câu 2. Tác giả sử dụng biện pháp tu từ: Điệp từ “núi”, sử dụng từ láy: “chơi vui” và “heo hút” nhằm nhấn mạnh sự trùng điệp của núi non và sự hoang vu, lạnh lẽo của vùng Cấm Sơn.

Câu 3. Những từ ngữ, hình ảnh trên đã gợi lên được cái cảm giác hoang vu, heo hút, lạnh lẽo nơi núi rừng vùng Cấm Sơn. Từ đó tác giả khắc họa những khó khăn, gian khổ mà người lính phải trải qua.

Câu 4.

- “chơi vui” trong câu “*Dã túp lều chơi vui*” chỉ độ cao không vững vàng của núi rừng Cẩm Sơn.

- “chơi vui” trong câu “*Nhớ về rừng núi, nhớ chơi vui*” chỉ tâm trạng chênh chao, diệu vợi, nỗi nhớ không định hình, lượng hóa được của nỗi nhớ cái “tôi” trữ tình Quang Dũng.

- Lí giải: từ “chơi vui” trong bài *Lên Cẩm Sơn* gọi không gian; còn bài thơ *Tây Tiến* từ “chơi vui” gọi tâm trạng.

II. Phần làm văn

1. Câu 1

a. Yêu cầu chung

- Câu này kiểm tra năng lực viết bài nghị luận xã hội của thí sinh nên đòi hỏi phải huy động những hiểu biết về đời sống xã hội, kĩ năng tạo lập văn bản và bày tỏ quan điểm, chính kiến của bản thân.

- Thí sinh có thể làm theo nhiều cách khác nhau nhưng cần dựa vào lí lẽ và căn cứ xác đáng; được tự do thể hiện chính kiến của mình nhưng phải có thái độ chân thành, nghiêm túc và phù hợp với chuẩn mực của xã hội.

b. Yêu cầu cụ thể

** Giải thích ý kiến:*

- Tốt và thiện: chỉ những biểu hiện đáng quý về tư cách đạo đức, hành vi được mọi người đánh giá cao.

- Xấu: chỉ phẩm chất kém, đáng chê thuộc loại có thể gây hại hoặc mang lại điều không hay, đáng phàn nàn trái ngược với tốt.

- Ác: là việc gây hoặc thích gây tai họa, đau khổ đối với người khác trái ngược với thiện.

- Hiểu khái quát ý kiến: Cuộc đời của mỗi con người chúng ta tồn tại luôn mang hai mặt tốt - xấu, thiện - ác nhưng điều quan trọng là chúng ta thể hiện nó như thế nào trong cuộc sống.

** Bàn luận ý kiến:*

- Thí sinh cần làm rõ: ý kiến trên đúng hay sai? đúng sai trên những phương diện nào?

- Thí sinh có thể đồng tình, không đồng tình hay đồng tình một phần nào đó

về ý kiến, nhưng cần phải có lí lẽ, căn cứ xác đáng và nhất là có thái độ đúng đắn, bàn luận nghiêm túc có thiện chí.

- Cuộc sống của mỗi người và xã hội luôn tồn tại nhiều mặt mâu thuẫn, đối lập như: sống - chết, xấu - tốt, thiện - ác, giàu - nghèo; và trong cuộc sống còn tồn tại sự thống nhất trong các mặt đối lập...

- Vấn đề của mỗi người là ở chỗ: biết nhận định rõ đâu là thiện, đâu là ác và biết cách phát triển cái thiện, đẩy lùi và triệt tiêu cái ác, cảm hóa được cái ác. Có như thế chúng ta mới “điều hòa” được cuộc sống của bản thân và làm cho xã hội tốt đẹp hơn.

** Bài học nhận thức và hành động:*

Từ suy nghĩ của bản thân, thí sinh có thể rút ra nhiều bài học hành động khác nhau. Dưới đây là một số ý tham khảo:

- Mỗi người phải chung tay hành động, biết lựa chọn những gì là tốt đẹp, lương thiện góp phần vì một xã hội tốt đẹp công bằng, văn minh và giàu mạnh.

- Cần rèn luyện, tu dưỡng đạo đức nhân cách để trở thành những người có ích trong xã hội biết nhìn nhận, đánh giá đúng các hiện tượng trong cuộc sống và giữ được bản lĩnh của bản thân.

- Xã hội ngày nay vẫn tồn tại những tiêu cực, những hiện tượng xấu, cái ác vẫn ngự trị và nhiều khi nó trá hình, ẩn nấp khó nhận diện ra, vì vậy con người phải biết nhận chân các giá trị để đẩy lùi cái ác, phát huy và hướng đến cái thiện để xây dựng một cuộc sống tốt đẹp hơn.

2. Câu 2

a. Yêu cầu chung

- Câu này kiểm tra năng lực viết bài nghị luận văn học của thí sinh nên đòi hỏi phải huy động những kiến thức về tác phẩm văn học, lí luận văn học để viết bài cảm nhận văn học.

- Thí sinh có thể cảm nhận theo nhiều cách khác nhau nhưng cần chú trọng bám sát vào văn bản và trình bày thành bài văn với ngôn ngữ trong sáng, bố cục rõ ràng...

b. Yêu cầu cụ thể

** Giới thiệu vài nét về tác giả, tác phẩm và vấn đề cần nghị luận:*

- Nguyễn Tuân - nhà văn suốt đời đi tìm cái đẹp, mang phong cách của tài hoa, uyên bác “ngông”, là nhà văn nổi bật của văn xuôi lãng mạn Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám.

- Nam Cao là cây bút truyện ngắn xuất sắc của trào lưu hiện thực phê phán, thành công nổi bật ở đề tài người nông dân và trí thức tiểu tư sản trước Cách mạng tháng Tám với cái nhìn hiện thực sắc nét và cảm quan nhân đạo sâu sắc.

- Hình ảnh nước mắt của Quán ngục sau khi nhận được chữ của Huân Cao trong *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân và của Chí Phèo lúc thương thức bát cháo hành của Thị Nở trong *Chí Phèo* của Nam Cao là hình ảnh mang nhiều ý nghĩa sâu sắc thể hiện tài năng của hai nhà văn tiêu biểu của văn xuôi hiện đại Việt Nam.

* *Cảm nhận về hình ảnh giọt nước mắt của Chí Phèo và viên quản ngục*

- Hình ảnh nước mắt của quản ngục sau khi Huân Cao cho chữ trong *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân:

+ Quán ngục - một cai tù sống trong chốn đen tối, nơi hiện hữu của những trận tra tấn đòn roi, đại diện cho giai cấp thống trị lại có một sở thích đáng trân trọng: chơi chữ, luôn mong muốn và khát khao xin được chữ của Huân Cao. Sau khi nhận được chữ, quản ngục vái người tù một vái mà giọt nước mắt rì vào kẽ miệng “kẻ mê muội này xin bái lĩnh”.

+ Giọt nước mắt ấy là giọt nước mắt khóc vì tiếc một người tài cao, khí phách như Huân Cao mà phải chịu án chém. Khóc vì xúc động trước lời khuyên chân thành của Huân Cao giành cho quản ngục “*Người nên dời chốn ở đi. Ở đây khó giữ thiên lương cho lành vững*”.

+ Quán ngục khóc vì ý thức của cá nhân, thức tỉnh lương tri của chính mình, nhận ra bản chất của cái đẹp phải gắn liền với cái thiện chứ không phải gắn với cái ác, cái xấu.

+ Giọt nước mắt cũng là kết thúc cuộc đời nhem nhuốc, nhờ bản để bắt đầu cuộc đời mới: nho nhã, thiên lương,...

- Hình ảnh nước mắt của Chí Phèo lúc thương thức bát cháo hành của Thị Nở trong *Chí Phèo* của Nam Cao:

+ Cuộc đời của một thanh niên canh điền hiền lành, khỏe mạnh sau 7-8 năm đi tù về đã thoái hóa, biến chất thành con quỷ dữ của làng Vũ Đại, sống bằng nghề rạch mặt ăn vạ. Trước tình cảm chân thành, sự chăm sóc chu đáo, tận tình của người đàn bà như Thị đã làm cho Chí không khỏi ngạc nhiên, bồi hồi, xúc động.

+ Chí đã khóc vì xúc động trước tình cảm chân thành của Thị. Từ trước đến nay Chí chưa bao giờ được ai chăm sóc nhất là từ bàn tay người đàn bà.

+ Giọt nước mắt của Chí cũng là giọt nước mắt của sự thức tỉnh, ăn năn, nhận ra bản chất cuộc đời mình chỉ chìm ngập trong men say.

- Giọt nước mắt của Chí cũng chính là việc rũ bỏ quá khứ tối tăm của mình để hướng đến cuộc sống của con người nhất là người lương thiện. Chí muốn làm hòa với mọi người.

** Đánh giá chung:*

- Qua giọt nước mắt của Quán ngục, Nguyễn Tuân đã gửi tới thông điệp cho người đọc về cái đẹp: cái đẹp không thể chung sống với cái xấu, cái ác, cái bất lương; thiên chức của cái đẹp là thức tỉnh con người - cái đẹp cứu rỗi thế giới.

- Qua giọt nước mắt của Chí Phèo, nhà văn đã khắc họa bức tranh hiện thực của người nông dân trước Cách mạng bị đẩy vào con đường cùng và chính tình yêu thương con người của Thị Nở đã cảm hóa và thức tỉnh con người Chí Phèo; nhà văn đã thể hiện cảm quan nhân đạo của mình: dù trong hoàn cảnh nào thì Nam Cao vẫn luôn đặt trọn niềm tin vào con người.

ĐỀ 22

I. Phần đọc hiểu

Đọc đoạn thơ sau và trả lời theo nội dung câu hỏi dưới:

*“Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ
Mặt trời chân lí chói qua tim
Hồn tôi là một vườn hoa lá
Rất đậm hương và rộn tiếng chim”*

(Từ ấy - Tố Hữu)

Câu 1. Qua đoạn thơ, tác giả muốn thể hiện điều gì?

Câu 2. Chỉ ra các biện pháp tu từ được tác giả sử dụng và nêu hiệu quả nghệ thuật của nó.

Câu 3. Nhận xét về cách sử dụng ngôn ngữ, hình ảnh của tác giả.

Câu 4. Đoạn thơ đã thể hiện nét đặc trưng phong cách thơ Tố Hữu là: *thơ trữ tình chính trị*. Anh/ chị hãy chỉ ra đặc trưng đó.

II. Phần làm văn

Câu 1.

“- Em Nguyễn Mạnh Tiến, học sinh lớp 11 ở TPHCM cho hay: từ nhỏ, em đó nghĩ sau mình sẽ thành thầy giáo khi nhiều thế hệ trong gia đình đều công tác trong ngành giáo dục. Bố mẹ Tiến hiện đang là quản lý tại các trường học, họ xác định con sẽ theo nghề như một điều hiển nhiên. Lên cấp 3, Tiến nhận ra mình thích làm việc trong lĩnh vực du lịch, đi đây đó, khám phá những vùng miền, văn hoá... Để xác định rõ hơn về đam mê của mình, Tiến tham ra rất nhiều chương trình ngoại khóa, đi du lịch, đọc nhiều tài liệu liên quan nhưng câu gặp không ít rào cản từ gia đình.

“Bố mẹ nói nếu chọn nghề khác phải tự lo liệu, gia đình không ai ủng hộ. Nếu theo nghề giáo, bố mẹ hỗ trợ rất nhiều nhưng lại không ủng hộ đam mê của em. Bố mẹ thường nói theo nghề giáo phải thật sự yêu thích mà sao còn cố ép em?”, Tiến bức bối.

- Có đam mê đối với công việc tạo mẫu tóc nên em Lê Ngọc Thùy, học sinh lớp 12, ngụ ở Q.10, TPHCM dự tính sau khi tốt nghiệp sẽ đi học nghề trước khi học nâng cao về lĩnh vực này. Mơ ước và dự tính đó như biến em thành “tội đồ” trong gia đình vốn có truyền thống trong ngành y.

Thùy đã nói rõ mình không đủ khả năng, cũng không có tố chất để làm bác sĩ nhưng bố mẹ em gạt đi, khẳng định nhà mình có gen về nghề, học y ra sẽ không phải lo lắng về chỗ làm hay tương lai về sau. Thùy phản kháng, khư khư bảo vệ sở thích “làm tóc” của mình liền bị bố, hiện đang là trưởng khoa tại một bệnh viện, quát rằng nghề của Thùy đó được chọn từ khi cô còn trong bụng mẹ, không theo thì “mày không phải con của bố”.

Cả nhà quay sang tạo áp lực với Thùy, người mẹ còn khóc lóc bỏ ăn để gây sức ép với con. Cuối cùng, cô nữ sinh chấp nhận nộp hồ sơ ngành y theo ý bố mẹ với tâm trạng chán chường, bi quan”.

(Theo báo điện tử Dân trí)

Suy nghĩ của anh/chị về hiện tượng trên.

Câu 2. Bàn về vẻ đẹp hình tượng nhân vật Tnú trong tác phẩm *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành (*Ngữ văn 12*, tập 2, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2013), có ý kiến cho rằng: “Hiện lên ở Tnú là vẻ đẹp của con người sử thi, con người anh hùng”, còn ý kiến khác lại khẳng định: “Vẻ đẹp giản dị, đời thường là nét tiêu biểu của Tnú trong tác phẩm”.

Bằng hiểu biết về tác phẩm *Rừng xà nu*, anh chị hãy bình luận nhận định trên.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phần đọc hiểu

1. Yêu cầu chung

- Câu này kiểm tra năng lực đọc hiểu của thí sinh; đòi hỏi thí sinh phải huy động kiến thức và kỹ năng đọc hiểu một văn bản thuộc thơ trữ tình để làm bài.
- Đề chỉ kiểm tra một số khía cạnh. Cảm nhận của thí sinh có thể phong phú nhưng cần thấy được nội dung tư tưởng, đặc sắc nghệ thuật của khổ thơ.

2. Yêu cầu cụ thể

Câu 1. Qua đoạn thơ tác giả muốn thể hiện niềm hân hoan, hạnh phúc trước bước ngoặt cuộc đời của người thanh niên trẻ tuổi đã tìm được lí tưởng sống để phụng sự, để dẫn thân. Đó là lí tưởng cộng sản, lí tưởng cách mạng.

Câu 2.

- Biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ trên: ẩn dụ, so sánh, điệp từ.
- Tác dụng: Làm cho ngôn ngữ giàu giá trị tạo hình, biểu cảm, giàu tính biểu tượng, có sức gợi. Qua đó, tác giả khẳng định, ngợi ca ánh sáng chân lí, ánh sáng cách mạng soi chiếu vào tim như cái nắng của mùa hạ hết sức mạnh mẽ, rực rỡ. Khẳng định vẻ đẹp của tâm hồn con người khi bắt gặp lí tưởng sống như khu vườn tràn ngập mùi hương và tiếng chim.

Câu 3. Tác giả sử dụng ngôn ngữ, hình ảnh hết sức mộc mạc, giản dị nhưng giàu giá trị tạo hình và biểu cảm, tính biểu tượng cao. Đặc biệt là các từ *bùng, chói, rất đậm* thể hiện được ý nghĩa biểu tượng, khẳng định sức mạnh của ánh sáng cách mạng.

Câu 4. Đoạn thơ thể hiện đặc trưng phong cách thơ trữ tình chính trị của Tố Hữu:

- + Trữ tình: thể hiện cảm xúc nồng nàn, nhẹ nhàng mà tha thiết; ngôn ngữ giàu giá trị tạo hình, biểu cảm, tính nhạc.
- + Chính trị: liên quan đến những vấn đề chính trị, vấn đề lớn trong cuộc đời của tác giả, gắn liền với con đường cách mạng dân tộc: người thanh niên bắt gặp lí tưởng cộng sản, ánh sáng của Đảng và cách mạng; thể hiện những quan điểm, suy nghĩ trước lẽ sống lớn của con người.

II. Phần làm văn

1. Câu 1

a. Yêu cầu chung

- Câu này kiểm tra năng lực viết bài nghị luận xã hội của thí sinh nên đòi hỏi

phải huy động những hiểu biết về đời sống xã hội, kỹ năng tạo lập văn bản và bày tỏ quan điểm, chính kiến của bản thân.

- Thí sinh có thể làm theo nhiều cách khác nhau nhưng cần dựa vào lí lẽ và căn cứ xác đáng; được tự do thể hiện chính kiến của mình nhưng phải có thái độ chân thành, nghiêm túc và phù hợp với chuẩn mực của xã hội.

b. Yêu cầu cụ thể

** Giải thích hiện tượng:*

- Chọn nghề là một trong những hiện tượng được dư luận xã hội quan tâm hiện nay. Lựa chọn theo năng lực, sở trường, theo nhu cầu xã hội hay theo truyền thống gia đình là vấn đề đã và đang gây nhiều “đau đầu” cho giới trẻ hiện nay.

- Hiện tượng trên của hai bạn trẻ là số ít trong thực trạng chọn nghề của giới trẻ hiện nay. Hai bạn đã có những đam mê, những ước muốn được đi theo năng lực, sở trường của mình nhưng áp lực từ gia đình đã dẫn đến những lựa chọn mang tính gượng ép, gây không ít những tâm lí bức bối, chán chường.

** Bàn luận về hiện tượng:*

- Thí sinh cần làm rõ: hiện tượng trên nhiều hay ít? Có phải tất cả các bạn trẻ đều gặp phải tình huống này hay không? đánh giá về hiện tượng trên (thực trạng, hậu quả,...).

- Thí sinh có thể đồng tình, không đồng tình hay có cách giải quyết khác, nhưng cần phải có lí lẽ, căn cứ xác đáng và nhất là có thái độ đúng đắn, bàn luận nghiêm túc có thiện chí.

- Từ vấn đề tìm hiểu, thí sinh biết tìm ra nguyên nhân chính:

+ Do bất đồng quan điểm, cách nhìn nhận từ hai phía.

+ Bạn trẻ vẫn chưa chịu áp lực từ gia đình người thân, chưa có bản lĩnh và thật sự chưa đam mê với nghề.

+ Do áp lực từ nhu cầu xã hội về vấn đề nghề nghiệp hiện nay,...

** Bài học nhận thức và hành động:*

Từ suy nghĩ của bản thân, thí sinh có thể rút ra nhiều bài học hành động khác nhau. Có thể tham khảo một số định hướng:

- Phụ huynh và học sinh phải cần tìm ra tiếng nói chung từ hai phía.

- Phụ huynh không nên áp đặt hay kì vọng vào con cái quá nhiều mà phải thấu hiểu năng lực, đam mê cũng như sở trường của con em mình.

- Cần phải có bản lĩnh, quan điểm lập trường vững vàng với những gì mình lựa chọn, không vì một tác động khác mà thay đổi đam mê của mình,...

- Phê phán những hiện tượng sống thiếu ý chí, tinh thần lạc quan và không biết xác định nghề nghiệp tương lai mà sống phụ thuộc quá nhiều vào người khác,...

2. Câu 2

a. Yêu cầu chung

- Câu này kiểm tra năng lực viết bài nghị luận văn học của thí sinh nên đòi hỏi phải huy động những kiến thức về tác phẩm văn học, lí luận văn học để viết bài bình luận ý kiến bàn về văn học.

- Thí sinh có thể trình bày ý kiến của bản thân theo nhiều cách khác nhau nhưng cần chú trọng bám sát vào văn bản và trình bày thành bài văn với ngôn ngữ trong sáng, bố cục rõ ràng...

b. Yêu cầu cụ thể

* *Vài nét về tác giả, tác phẩm:*

- Nguyễn Trung Thành là nhà văn trường thành trong thời kì kháng chiến. Tác phẩm của ông thường viết về con người và thiên nhiên Tây Nguyên mang đậm khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn.

- *Rừng xà nu* được sáng tác năm 1965 nói về cuộc nổi dậy của buôn làng Xô Man và nhất là ca ngợi vẻ đẹp của nhân vật Tnú, trích dẫn hai nhận định khi bàn về vẻ đẹp Tnú.

* *Giải thích về ý kiến*

- Ý kiến thứ nhất: tập trung đề cao, ca ngợi những biểu hiện của vẻ đẹp con người sử thi, con người anh hùng.

- Ý kiến thứ hai: tập trung đề cao vẻ đẹp giản dị đời thường của nhân vật.

- Hai ý kiến tưởng chừng như mang tính chất đối lập nhưng lại thống nhất, bổ sung với nhau làm nên nét riêng của nhân vật nói riêng và tác phẩm nói chung.

* *Bình luận ý kiến:*

- Hai ý kiến trên là hai cách đánh giá, nhìn nhận về hai vẻ đẹp của nhân vật Tnú trong tác phẩm.

+ Ý kiến một: tập trung đề cao, ca ngợi những biểu hiện của vẻ đẹp con người sử thi (gắn bó với những biến cố lớn của dân làng Xô Man: được dân làng nuôi dưỡng, chở che và trở thành người con ưu tú của buôn làng; Tnú chịu nhiều đau thương mất mát, tiêu biểu cho nỗi đau thương của dân tộc; một con người

điền hình cho lí tưởng cách mạng của nhân dân Tây Nguyên); con người anh hùng (có niềm tin sắt đá vào cách mạng; luôn đặt lợi ích của cộng đồng trên tình cảm riêng; mang khí phách phi thường, tinh thần chiến đấu dũng cảm vô song).

+ Ý kiến hai: tập trung đề cao vẻ đẹp giản dị đời thường của nhân vật (nóng nảy, bộc trực; tình yêu chân thành, mộc mạc mà cũng nồng nàn mãnh liệt đối với Mai; một nỗi đau của người cha, người chồng khi chứng kiến những đau đớn, hi sinh mà mẹ con Mai phải chịu đựng; luôn dành tình yêu, sự gắn bó với mảnh đất và con người nơi núi rừng Tây Nguyên,...).

* *Đánh giá chung:*

- Tác phẩm đã ca ngợi vẻ đẹp của một con người anh hùng, con người lịch sử nhưng ẩn trong vẫn là vẻ đẹp giản dị, đời thường của Tnú.

- Để xây dựng vẻ đẹp hình tượng nhân vật Tnú, tác giả đã sử dụng những hình thức nghệ thuật độc đáo và nó được thể hiện qua ngôn ngữ, hình ảnh; xây dựng nhân vật; kết cấu; giọng điệu...

ĐỀ 23

I. Phần đọc hiểu

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi hoặc thực hiện các yêu cầu phía dưới:

“Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa.

Bởi thế cho nên, chúng tôi, Lâm thời Chính phủ của nước Việt Nam mới, đại diện cho toàn dân Việt Nam, tuyên bố thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt Nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam.

Toàn dân Việt Nam, trên dưới một lòng kiên quyết chống lại âm mưu của bọn thực dân Pháp.”

(*Tuyên ngôn độc lập*, Hồ Chí Minh, Ngữ văn 12, tập 1,
Nhà xuất bản Giáo dục)

Câu 1. Em hãy cho biết, qua đoạn văn trên, Chủ tịch Hồ Chí Minh muốn tuyên ngôn điều gì?

Câu 2. Theo em, đoạn văn trên là sự kết hợp giữa các phong cách ngôn ngữ nào? Nó tạo nên giá trị gì?

Câu 3. Câu văn “*Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị*” có âm hưởng nhịp điệu như thế nào?

Câu 4. Tại sao Hồ Chí Minh không dùng từ “*với*” mà lại dùng từ “*về*” trong cụm từ “*xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt Nam*”.

Câu 5. Cảm nhận của em về tư tưởng yêu nước của Hồ Chí Minh qua đoạn văn trên.

II. Phần làm văn

Câu 1. “*Tha thứ là sức mạnh kỳ diệu có thể hàn gắn những gì đã rạn nứt và làm thanh khiết những gì từng hoen ố*”.

Hãy viết một bài văn để trao đổi, bàn luận và đưa ra những ý kiến của cá nhân về quan niệm trên.

Câu 2. Có những cảnh vật, tâm trạng trong thơ tuy buồn nhưng rất đẹp. Hãy cảm nhận điều ấy qua hai đoạn thơ sau:

- “*Người đi Châu Mộc chiều sương ấy
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ
Có nhớ dáng người trên độc mộc
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa.*”

(*Tây Tiến*, Quang Dũng, Ngữ văn 12, tập 1,
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam)

- “*Nhớ bản sương giăng, nhớ đèo mây phủ
Nơi nao qua lòng lại chẳng yêu thương?
Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở
Khi ta đi, đất đã hóa tâm hồn.*”

(*Tiếng hát con tàu*, Chế Lan Viên, Ngữ văn 12, tập 1,
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam)

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phần đọc hiểu

1. Yêu cầu chung

Có kĩ năng đọc hiểu văn bản chính luận, nắm được phương pháp lập luận, nghệ thuật lập luận và sự kết hợp giữa phong cách ngôn ngữ chính luận và phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.

2. Yêu cầu cụ thể

Câu 1. Tuyên ngôn của Hồ Chí Minh qua đoạn văn:

- Dân tộc Việt Nam đã đánh đổ thực dân, phong kiến để giành độc lập và lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa.
- Tuyên bố xóa bỏ mọi tàn dư của thực dân Pháp.
- Quyết tâm giữ vững nền độc lập của dân tộc.

Câu 2. Đoạn văn trên là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa phong cách ngôn ngữ chính luận và phong cách ngôn ngữ nghệ thuật. Nó tạo cho văn bản vừa sắc bén thuyết phục, vừa nồng nàn tình yêu nước.

Câu 3. Câu văn gồm 3 vế, ngắt nhịp nhanh, kết hợp với thanh trắc tạo nên một âm hưởng nhanh, mạnh, chắc khỏe. Nó thể hiện sự sụp đổ nhanh chóng và chiến thắng mạnh mẽ, hào hùng của dân tộc.

Câu 4. Đó là một cách dùng từ độc đáo của Hồ Chí Minh:

- Dùng từ “về”: Đó là hiệp ước do Pháp ký một phía, Pháp chủ động đặt ra một cách bất công.
- Dùng từ “vớ”: Là bình đẳng như nhau.

Do vậy, Hồ Chí Minh dùng từ “về” là đúng với bản chất của hiệp ước mà Pháp đã ký ép triều đình nhà Nguyễn ký trước họng súng của chúng.

Câu 5. Học sinh có thể cảm nhận theo nhiều cách khác nhau, nhưng phải nói lên được tư tưởng yêu nước nồng nàn của Hồ Chí Minh qua lời lẽ vừa hùng hồn vừa thiết tha, cháy bỏng, qua một quyết tâm không gì lay chuyển nổi.

II. Phần làm văn

1. Câu 1

a. Yêu cầu chung

- *Về kĩ năng:* Có kĩ năng làm bài nghị luận xã hội về một tư tưởng đạo lí. Biết vận dụng tốt các thao tác lập luận giải thích, bình luận, chứng minh. Bài viết có bố cục đầy đủ, rõ ràng, mạch lạc; có đủ các ý, các ý liên kết chặt chẽ với nhau. Văn viết phải hấp dẫn, thuyết phục, suy nghĩ, tình cảm sâu sắc chân thành.

- *Về kiến thức:* Có những hiểu biết, quan niệm sống đúng đắn, có ý nghĩa. Học sinh phải xác định rõ sống tha thứ là một cách sống đẹp cho xã hội và cho bản thân. Biết tha thứ là biết bỏ qua quá khứ không đẹp đẽ, hướng tới tương lai. Học sinh biết vận dụng các giá trị sống này để hình thành một kĩ năng sống đẹp, sống có ích.

b. Yêu cầu cụ thể

- *Giải thích:* Học sinh giải thích cơ bản hai ý sau:

+ Trong cuộc sống, con người luôn phải nếm trải những tổn thương trong các mối quan hệ. Ai đó đã có lỗi với ta, hiểu lầm ta, làm cho ta đau khổ, điều ấy luôn ở trong lòng ta.

+ Tha thứ tức là quên đi những lỗi lầm của người khác đối với mình. Do đó, các tình cảm, các mối quan hệ bị đổ vỡ sẽ được hàn gắn lại, những sai lầm sẽ được sửa chữa, những gì hoen ố sẽ trở nên trong sạch hơn. Tha thứ là để trở lại với nhau.

- *Bình luận:*

+ Tha thứ sẽ làm cho tâm hồn của chúng ta trở nên bao dung rộng lượng hơn. Nó là một cách sống đẹp và cao thượng. Người được tha thứ cũng cảm nhận tốt hơn sai lầm của mình để sửa chữa.

+ Tha thứ làm cho tâm hồn của ta trở nên thanh thản hơn, cuộc sống sẽ trở nên tươi đẹp hơn. Tha thứ chính là một cách để hàn gắn các mối quan hệ, làm sống lại các mối quan hệ tốt đẹp.

+ Ngược lại, nếu giữ mãi lòng căm thù, con người sẽ luôn cảm thấy nặng nề, uất hận, tâm hồn không thanh thản. Nó sẽ giết chết các mối quan hệ, tình cảm mà đáng ra chưa bị đánh mất. Lòng căm thù còn có thể dẫn chúng ta đi đến con đường tội lỗi. Tha thứ là bỏ qua quá khứ hướng đến tương lai.

+ Tuy nhiên, có điều nào mà con người không thể tha thứ? Tội ác dã man có tha thứ được không? Sự phản bội đê hèn có tha thứ được không? Đó là những câu hỏi mà mỗi người phải tự tìm ra câu trả lời.

- *Bài học về nhận thức và hành động:*

+ Phải biết tha thứ để vượt qua tổn thương, tâm hồn thanh thản, giữ được các mối quan hệ tình cảm tốt đẹp.

+ Khi được người khác tha thứ: Phải biết đáp nhận, biết ăn năn và sửa chữa những lỗi lầm của mình.

2. Câu 2

a. Yêu cầu chung

- *Về kĩ năng:* Có kĩ năng cảm nhận cái hay, cái đẹp của thơ qua thể thơ, ngôn ngữ, tình cảm, tâm trạng của nhà thơ. Từ đó, biết cách viết một bài nghị luận văn học có kết cấu đầy đủ, rõ ràng, mạch lạc. Bài viết phải có những cảm nhận tinh tế, văn viết lưu loát, cảm xúc chân thành.

- Về kiến thức: Có những hiểu biết cơ bản về hoàn cảnh sáng tác và vị trí đoạn trích của hai đoạn thơ. Học sinh phải nắm rõ đặc trưng phong cách thơ của Quang Dũng và Chế Lan Viên cũng như những hiểu biết cơ bản về thể thơ bảy chữ và tám chữ.

b. Yêu cầu cụ thể

- Về tác giả, hoàn cảnh sáng tác:

+ Quang Dũng là nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Pháp. Thơ của ông vừa hồn hậu, vừa lãng mạn, tài hoa. Bài thơ *Tây Tiến* được sáng tác giữa cảnh rừng núi Tây Bắc hoang sơ, hùng vĩ mà đoàn quân Tây Tiến đã đi qua với một cảm hứng vừa lãng mạn vừa bi tráng.

+ Sau 1954, cảm hứng chủ đạo trong thơ Chế Lan Viên là niềm hạnh phúc của cuộc sống mới với một mạch thơ đầy chất suy tư triết luận. Đoạn trích trong bài *Tiếng hát con tàu* là tiếng gọi lên đường. Đoạn thơ vẫn là hình ảnh của Tây Bắc hoang sơ, hùng vĩ trong khát vọng chinh phục của con người.

+ Cả hai đoạn thơ đều là cảm hứng về núi rừng Tây Bắc với một tình cảm thiêng liêng, sâu nặng, gắn bó không rời. Đó cũng chính là tình yêu quê hương, đất nước.

- Hình ảnh Tây Bắc qua đoạn thơ của Quang Dũng:

+ Một vùng sông nước mênh mông, mờ ảo xa xăm đầy sức ám ảnh. Nó là tâm hồn, là kỉ niệm, là những hoài niệm luôn ẩn chứa trong tâm hồn. Thời gian, địa điểm vừa mờ ảo (*chiều sương ấy, nẻo bến bờ*) vừa gần gũi (*Châu Mộc, dòng sông*).

+ Hình ảnh con người vừa huyền hoặc (*hồn lau*) vừa rất cụ thể (*dáng người*) gợi một tâm trạng, một tình cảm sâu nặng. Thiên nhiên và con người vừa mờ ảo, vừa rõ ràng, vừa xa xăm, vừa gần gũi. Nó chính là hoài niệm luôn sống trong lòng người.

+ Thể thơ bảy chữ gợi một cảm giác Đường thi sâu lắng, kết hợp với một âm hưởng miên man, bất tận. Nó gợi lên một nhân vật trữ tình đầy lãng mạn, một tâm thế tuổi trẻ dấn thân giữa rừng sâu, núi thẳm.

- Hình ảnh Tây Bắc qua đoạn thơ của Chế Lan Viên:

+ Cảm xúc tâm trạng chủ đạo của đoạn thơ là nỗi nhớ. Nỗi nhớ như tràn ngập cả không gian, thời gian và tâm hồn của tác giả.

+ Cảnh Tây Bắc cũng hiện lên mờ ảo trong sương khói với sương giăng mây

phủ. Nó gợi một thiên nhiên hoang sơ, khắc nghiệt mà thiêng liêng, sâu nặng. Câu hỏi tu từ của tác giả chính là cái thiêng liêng, sâu nặng ấy.

+ Từ cảnh vật và tâm trạng nhớ tác giả đã bộc lộ các suy tư của tâm hồn. Tình yêu quê hương, yêu đất nước đã trở thành tâm hồn và máu thịt. Ta không thể quên điều đó và ta phải trở lại đó như là một ân nghĩa thủy chung.

+ Thể thơ tám chữ mang đầy chất suy tư triết luận kết hợp với sự khái quát bằng hình ảnh rất thơ, làm cho đoạn thơ nồng nàn chất suy tưởng, thấm đẫm tình quê hương.

- So sánh hai đoạn thơ:

+ Cả hai đoạn thơ đều thể hiện một tâm trạng là nỗi nhớ. Và nỗi nhớ ấy bắt đầu từ tình yêu thương gắn bó với thiên nhiên và con người Tây Bắc.

+ Cả hai đoạn thơ đều được viết bằng những thể thơ rất cổ điển của thơ mới nhưng biểu hiện hai trạng thái khác nhau: một tình cảm nồng nàn và một tình cảm sâu lắng.

+ Cả hai đoạn thơ đều thể hiện rõ phong cách của mỗi nhà thơ.

ĐỀ 24

I. Phần đọc hiểu

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi hoặc thực hiện các yêu cầu phía dưới:

“VŨ NHƯ TÔ: Làm sao tôi cần phải trốn? Bà nói rõ cho là vì sao? Khi trước tôi nhờ bà mách đường chạy trốn, bà khuyên không nên, bây giờ bà bảo tôi đi trốn, thế là nghĩa gì?”

ĐAN THIÊM: - Có nghĩa lắm. Tôi không làm việc gì vô lý cả. Khi trước trốn đi thì ông nguy, bây giờ trốn đi thì ông thoát chết.

VŨ NHƯ TÔ: - Sao thế?

ĐAN THIÊM: - Loạn đến nơi rồi. Dân gian đói kém nổi lên tứ tung. Giặc Trần Cao trước đã bị quan quân đuổi đánh, nay lại về đóng ở Bồ Đề, thanh thế rất mạnh. Trong triều, Nguyễn Quận công Trịnh Duy Sản vì can vua mà bị đánh, nay mưu với mấy tên đồng chí, giả mượn tiếng đi dẹp giặc rồi quay binh về làm loạn.

VŨ NHƯ TÔ: - Tôi làm gì nên tội?

ĐAN THIÊM: - *Vậy mà ai ai cũng cho ông là thủ phạm. Vua xa xỉ là vì ông, công khổ hao hụt là vì ông, dân gian lầm than là vì ông, man di oán giận là vì ông, thần nhân trách móc là vì ông. Cừu Trùng Đài, họ có cần đâu? Họ dấy nghĩa cốt giết ông, phá Cừu Trùng Đài.*”

VŨ NHƯ TÔ: - *Phá Cừu Trùng Đài? Không đời nào! Mà tôi thì không làm gì nên tội. Họ hiểu nhầm*”.

(Vũ Như Tô - Vĩnh biệt Cừu Trùng Đài, Ngữ văn 11)

Câu 1. Em hãy cho biết mục đích của Đan Thiềm trong đoạn đối thoại trên? Thái độ của Vũ Như Tô như thế nào?

Câu 2. Ở lượt lời thứ 3 của Đan Thiềm, tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó?

Câu 3. Câu hỏi của Vũ Như Tô “*Tôi làm gì nên tội?*” trong ngữ cảnh trên có mấy nghĩa?

Câu 4. Câu “*Cừu Trùng Đài, họ có cần đâu?*” khác với câu “*Họ có cần đâu Cừu Trùng Đài?*” về ngữ pháp và nghĩa như thế nào?

Câu 5. Theo em, mâu thuẫn kịch trong đoạn trích được thể hiện ở những điểm nào? Nó đã được giải quyết chưa?

II. Phần làm văn

Câu 1: *Mark Zuckerberg - Ông chủ tỉ phú của mạng xã hội lớn nhất thế giới facebook - vừa mở đầu năm 2015 bằng một quyết tâm: mỗi tuần đọc xong một quyển sách.*

Em có cảm thấy lạ không đối với một CEO của thế giới mạng? Hãy viết một bài văn đề trao đổi cùng Mark Zuckerberg.

Câu 2: *Khuyh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn qua hai tác phẩm: Rừng xà nu (Nguyễn Trung Thành) và Những đứa con trong gia đình (Nguyễn Đình Thi).*

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phần đọc hiểu

1. Yêu cầu chung

Học sinh có kĩ năng đọc hiểu một đoạn của văn bản kịch và có những kiến thức cơ bản về nhân vật, ngôn ngữ, mâu thuẫn kịch. Ngoài ra, học sinh vận dụng

các kiến thức về tu từ và nghĩa của câu để hiểu được giá trị các lời thoại trong văn bản.

2. Yêu cầu cụ thể

Câu 1: Mục đích của Đan Thiềm trong đoạn đối thoại là khuyên Vũ Như Tô đi trốn. Vũ Như Tô không chấp nhận đi trốn với một niềm tin mãnh liệt là mình không có tội.

Câu 2: Tác giả sử dụng phép lặp cú pháp tạo nên một âm hưởng thiết tha, dồn dập thể hiện một thái độ tình cảm mãnh liệt, mục đích là tác động mạnh mẽ đến Vũ Như Tô.

Câu 3: Câu “*Tôi làm gì nên tội*” trong văn bản có thể hiểu theo loại nghĩa:

- Đó là một câu nghi vấn với mục đích là để hỏi và mong được trả lời về tội của người hỏi.

- Là một câu khẳng định: Tôi không làm gì có tội.

Câu 4: Cả hai câu đều khác nhau về ngữ pháp và nghĩa.

- Câu “*Cừ Trùng Đài, họ có cần đâu?*” thì cụm Cừ Trùng Đài được tách ra đặt ở đầu câu là một thành phần biệt lập. Nó có tác dụng nhấn mạnh cụm từ Cừ Trùng Đài và đạt mục đích giao tiếp cao hơn.

- Câu “*Họ có cần đâu Cừ Trùng Đài?*” thì cụm Cừ Trùng Đài là thành phần bổ nghĩa cho vị ngữ của câu. Do đó, nó không có tác dụng nhấn mạnh và hiệu quả giao tiếp sẽ không cao.

Câu 5: Mâu thuẫn kịch được thể hiện qua những điểm sau:

- *Đối lập gay gắt giữa Đan Thiềm và Vũ Như Tô:* Đan Thiềm muốn Vũ Như Tô trốn đi, Vũ Như Tô thì không muốn trốn đi.

- *Sai lầm trong nhận thức của Vũ Như Tô:* Ông nghĩ rằng mình không có tội, không bị giết và Cừ Trùng Đài sẽ tồn tại mãi mãi.

- Các mâu thuẫn trên chưa được giải quyết trong đoạn trích.

II. Phần làm văn

1. Câu 1

a. Yêu cầu chung

- *Về kĩ năng:* Có kĩ năng viết bài nghị luận về một hiện tượng trong đời sống. Đây là một hiện tượng gần gũi nhưng độc đáo. Bài làm của học sinh có kết cấu đầy đủ, rõ ràng, mạch lạc, chặt chẽ. Bài làm phải vận dụng nhuần nhuyễn các

thao tác lập luận, giải thích, bình luận, chứng minh, bác bỏ để tạo được sự thuyết phục cao. Văn viết lưu loát, mạch lạc vừa có chất trí tuệ vừa thể hiện được tình cảm chân thành.

- *Về kiến thức:* Đọc sách là một vấn đề không mới. Đã có nhiều bài viết, học sinh cũng trải nghiệm thường xuyên hơn. Tuy nhiên, đây là tuyên bố của một nhà quản trị kinh tế về thế giới mạng. Do đó, học sinh phải có hiểu biết về văn hóa của doanh nhân, văn hóa đọc trong thời đại công nghệ thông tin.

b. Yêu cầu cụ thể

- *Giải thích:*

+ Ai cũng đọc sách và ít nhiều đều thấy tác dụng to lớn của đọc sách. Đọc sách là tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại và ứng dụng nó vào trong cuộc sống. Sách là người bạn tri thức lớn, là người thầy trong cuộc sống của chúng ta.

+ Tuy nhiên, Mark là một doanh nhân lớn, thời gian chủ yếu của ông là kinh doanh. Mặt khác, ông lại kinh doanh trong thế giới Internet. Mà ngày nay thế giới Internet đã làm cho nhiều người xa rời sách. Do đó, tuyên bố mỗi tuần đọc một quyển sách của Mark đáng để cho chúng ta suy ngẫm và tự nhìn lại chính mình.

- *Bình luận:*

+ Là một CEO của một tập đoàn lớn, thời gian của Mark là vô cùng quý báu. Vậy mà mỗi tuần ông quyết tâm đọc xong một quyển sách. Điều này chứng tỏ ông rất quý trọng giá trị mà sách mang lại. Chúng ta phải nhận ra giá trị đó để rồi hình thành thói quen đọc sách với một mục tiêu rõ ràng, biết lựa chọn sách để đọc và phải biết cách đọc sách.

+ Bất cứ ai, muốn tồn tại và phát triển đều phải có tri thức và văn hóa. Tri thức và văn hóa đến với chúng ta bằng nhiều con đường, trong đó con đường đọc sách là quan trọng nhất. Là một doanh nhân, không chỉ có hiểu biết về khoa học, kinh tế mà phải có văn hóa. Một doanh nhân như Mark đáng để chúng ta ngưỡng mộ.

+ Trong thời đại bùng nổ của các phương tiện truyền thông và Internet, một số người đã quên hoặc mất đi thói quen đọc sách, thậm chí xa lánh sách. Thực ra, các kiến thức mà ta thu lượm được qua truyền thông và Internet là bỏ ích nhưng chưa đầy đủ về nội dung và chiều sâu. Đọc sách không chỉ là một thú vui giải trí mà còn giúp chúng ta nghiền ngẫm, suy tư và nuôi dưỡng tâm hồn tốt hơn.

+ Mỗi lần đọc sách là một lần chúng ta trải nghiệm cái hay, cái độc đáo của ngôn ngữ. Nó không chỉ làm sâu sắc thêm tâm hồn mà còn làm phong phú thêm

trí tuệ và tư duy ngôn ngữ. Ngược lại không đọc sách thì không chỉ kiến thức nông cạn, tâm hồn chai sạn mà ngôn ngữ cũng không phát triển được.

- *Bài học về nhận thức và hành động:*

+ Phải dành thời gian đọc sách, đọc có mục đích và luôn yêu quý sách, coi sách như người bạn, người thầy.

- Đọc và biến những kiến thức trong sách thành của mình, hình thành văn hóa đọc, đọc những loại sách bổ ích và cần thiết cho bản thân và xã hội.

2. Câu 2

a. Yêu cầu chung

- *Về kĩ năng:* Có kĩ năng viết bài nghị luận văn học về một vấn đề trong văn học. Bài viết có kết cấu đầy đủ, rõ ràng, văn viết lưu loát, cảm xúc chân thành. Học sinh phải biết vận dụng các hiểu biết về tác giả, tác phẩm, các giá trị nội dung, nghệ thuật để phân tích làm nổi bật vấn đề. Bài viết phải có dẫn chứng thuyết phục, ý tưởng sáng tạo.

- *Về kiến thức:* Có những hiểu biết căn bản về văn học giai đoạn 1954 - 1975, nắm chắc được phong cách nghệ thuật của hai tác giả, giá trị nội dung và nghệ thuật của hai tác phẩm. Mỗi tác phẩm đều thể hiện rõ đặc điểm khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn theo những cách riêng.

b. Yêu cầu cụ thể

- *Về tác giả, tác phẩm:*

+ *Về tác giả:* Nguyễn Trung Thành và Nguyễn Đình Thi đều là những nhà văn trưởng thành trong kháng chiến chống Mĩ. Mỗi nhà văn đều gắn với những vùng đất khác nhau. Nếu như Nguyễn Trung Thành am hiểu về đất và người Tây Nguyên thì Nguyễn Đình Thi am hiểu sâu sắc về người nông dân Nam Bộ.

+ *Về tác phẩm:* Cả hai tác phẩm đều mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn. Cả hai đều phản ánh cuộc chiến đấu dũng cảm của dân tộc, xây dựng những hình tượng anh hùng với những con người mang lý tưởng thời đại.

- *Khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn qua Rừng xà nu.*

+ *Rừng xà nu* phản ánh cuộc đấu tranh anh dũng của đồng bào dân tộc Tây Nguyên. Mỗi con người đều mang tầm vóc vĩ đại với lời hiệu triệu "*Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo mác*". Đó là tiếng nói của lịch sử, của thời đại, là vận mệnh của một dân tộc.

+ Hình tượng rừng xà nu, hình tượng nhân vật Tnú là những hình tượng đẹp, kỳ vĩ. Mỗi con người đều mang những nỗi đau của thời đại và lý tưởng cao đẹp của cách mạng. Nhà văn xây dựng hình tượng ấy, cùng với hình tượng cụ Mết, bé Heng, Mai là những thế hệ nối tiếp nhau bằng cảm hứng đầy chất lãng mạn.

+ Nghệ thuật kể chuyện mang đậm chất sử thi: Chuyện một đời người được kể một đêm bên bếp lửa. Lời văn gọt giũa, giàu âm hưởng và nhạc điệu, nhiều hình ảnh giàu chất tạo hình cũng làm cho tác phẩm mang đậm chất sử thi và cảm hứng lãng mạn.

- *Khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn qua tác phẩm Những đứa con trong gia đình.*

+ Đó là một gia đình nông dân Nam Bộ có truyền thống cách mạng, lòng căm thù giặc sâu sắc.

+ Đó là một trong hàng vạn gia đình nông dân Nam Bộ trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước thần thánh.

+ Hai nhân vật Việt và Chiến tuy nhỏ tuổi nhưng đã có lòng căm thù giặc sâu sắc, có lý tưởng, khát vọng của thời đại. Tất cả mọi chuyện riêng tư (nhà cửa, bàn thờ má...) đều được xếp lại để tòng quân giết giặc. Vẻ đẹp của hai nhân vật vừa mang cái hồn nhiên, bình dị của người con Nam Bộ vừa mang vẻ đẹp của thời đại chống Mĩ. Tất cả đều muốn giết giặc, muốn lập công nhưng không vì thành tích cá nhân. Đó là những người anh hùng giữa đời thường.

+ Nghệ thuật kể chuyện mang đầy âm hưởng của sử thi. Truyện được kể qua lời của Việt giữa chiến trường vang dội bom đạn, giữa những cơn mê, tỉnh của Việt. Truyện còn có những hình ảnh mang biểu tượng của thời đại. Đó là hình ảnh Việt và Chiến khiêng bàn thờ má đi gửi.

- *So sánh hai tác phẩm:*

+ Cả hai tác phẩm đều mang âm hưởng của thời đại, phản ánh số phận của dân tộc, của thời đại và lý tưởng cao đẹp của con người.

+ Cả hai đều xây dựng được những hình tượng lý tưởng mang tầm vóc sử thi. Hình tượng trong “Rừng xà nu” thì kì vĩ, hình tượng trong “Những đứa con trong gia đình” thì gần gũi, hồn nhiên. Đó đều là những hình tượng cao đẹp.

+ Cả hai tác phẩm đều chọn ngôi kể mang đậm chất sử thi và cảm hứng lãng mạn.

ĐỀ 25

I. Phần đọc hiểu

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi hoặc thực hiện các yêu cầu phía dưới:

“Chiều, chiều rồi. Một chiều êm ả như ru, văng vẳng tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng ruộng theo gió nhẹ đưa vào. Trong cửa hàng hơi tối, muỗi đã bắt đầu vo ve. Liên ngồi yên lặng bên mấy quả thuốc sơn đen, đôi mắt chị bóng tối ngập đầy dần và cái buồn của buổi chiều quê thấm thía vào tâm hồn ngây thơ của chị. Liên không hiểu sao, nhưng chị thấy lòng buồn man mác trước cái giờ khắc của ngày tàn.

- Em thấp đèn lên chị Liên nhé?

Nghe tiếng An, Liên đứng dậy trả lời:

- *Hẵng thong thả một lát nữa cũng được. Em ra ngồi đây với chị kéo ở trong ấy muỗi.*

An bỏ bao diêm xuống bàn cùng chị ra ngoài chõng ngồi; chiếc chõng nan lún xuống và kêu cọt két.

- *Cái chõng này sắp gãy rồi chị nhỉ?*

- *Ừ để rồi chị bảo mẹ mua cái khác thay vào.”*

(Hai đứa trẻ, Thạch Lam, Ngữ văn 11, NXB Giáo dục)

Câu 1. Hãy cho biết không gian, thời gian và tâm trạng của nhân vật qua đoạn văn trên?

Câu 2. Câu “*Cái chõng này sắp gãy rồi chị nhỉ?*” có các nghĩa tình thái nào?

Câu 3. Qua đoạn đối thoại trên, em hãy cho biết vị thế, mối quan hệ, tính cách của nhân vật Liên và An?

Câu 4. Tìm các từ tượng thanh trong đoạn văn và cho biết giá trị biểu cảm của chúng?

Câu 5. Cảm nhận của em về tình quê, tình người qua đoạn văn?

II. Phần làm văn

Câu 1. Ngày nay, bạn phải đối diện với một thực tế: quảng cáo trên các phương tiện thông tin, trong các chương trình mà bạn yêu thích.

Bạn chấp nhận hay không chấp nhận? Hãy viết một bài văn để bày tỏ điều đó.

Câu 2: Truyện ngắn thường kết thúc bằng những hình ảnh có giá trị tư tưởng rất lớn. Hãy phân tích hình ảnh kết thúc của các tác phẩm *Vợ nhặt* (Kim Lân), *Chiếc thuyền ngoài xa* (Nguyễn Minh Châu) và *Chí Phèo* (Nam Cao) để làm rõ ý kiến trên.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phần đọc hiểu

1. Yêu cầu chung

Học sinh có kỹ năng đọc hiểu một đoạn của văn bản truyện. Đây là một văn bản truyện theo phong cách nghệ thuật của Thạch Lam. Học sinh vận dụng các kiến thức về nghĩa của câu, về ngữ cảnh và nhân vật giao tiếp, về giá trị biểu cảm của từ ngữ để nắm được giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn văn.

2. Yêu cầu cụ thể

Câu 1. Học sinh cơ bản trả lời được các ý sau:

- Không gian: Đó là một ga xép ở một phố huyện nghèo. Nơi đó có gian hàng tạp hóa của chị em Liên.
- Thời gian: Đang chuyển dần từ chiều về tối và bóng tối bao trùm cả phố huyện.
- Tâm trạng của nhân vật: Cảnh buồn, tâm trạng của Liên và An cũng buồn, cô cút giữa phố huyện.

Câu 2. Có hai nghĩa tình thái:

- Từ “*sắp*”: Nghĩa tình thái chỉ sự việc dự kiến sẽ diễn ra rất gần.
- Từ “*nhỉ*”: Thái độ gần gũi, thân mật của người nói.

Câu 3. Qua đoạn đối thoại với hai lượt hỏi của An, hai lượt trả lời của Liên có thể thấy vị thế, quan hệ, tính cách của họ như sau:

- Vị thế, quan hệ: An ở vị thế thấp (em), Liên ở vị thế cao (chị). Cả hai đều rất gần gũi, thân thuộc và yêu thương lẫn nhau.
- An là một đứa trẻ có tâm hồn nhưng còn vô tư và chỉ biết hỏi chị. Liên tuy còn trẻ nhưng có tâm hồn nhạy cảm, chín chắn, lo toan và có khả năng giải quyết những câu hỏi do An đưa ra.

Câu 4. Các từ tượng thanh trong đoạn văn: *văng vẳng*, *vo ve*, *cót két*. Tác giả dùng cái động để tả cái tĩnh, mang lại giá trị biểu cảm rõ nét. Đó chỉ là những âm

thanh rất nhỏ càng làm nổi bật cảnh phố huyện đìu hiu, vắng vẻ với cái buồn man mác. Nó làm cho đoạn văn mang đậm chất thơ.

Câu 5. Học sinh có thể cảm nhận bằng nhiều cách, ở nhiều góc độ khác nhau nhưng phải là những cảm nhận về một quê hương yên tĩnh, sâu lắng với những xúc cảm mong manh, mơ hồ và đượm buồn.

II. Phần làm văn

1. Câu 1

a. Yêu cầu chung

- *Về kĩ năng:* Có kĩ năng làm bài nghị luận xã hội về một hiện tượng trong đời sống và các tác động lớn đến mỗi cá nhân và xã hội. Bài làm phải có kết cấu đầy đủ, rõ ràng, mạch lạc. Học sinh phải vận dụng nhuần nhuyễn các thao tác lập luận giải thích, bình luận, chứng minh, bác bỏ. Bài viết phải có lời văn trong sáng, thuyết phục, dẫn chứng hấp dẫn, sự phân tích toàn diện, sâu sắc, có tình có lý.

- *Về kiến thức:* Đây là một vấn đề gần gũi, thường xảy ra hàng ngày và ai cũng từng trải nghiệm. Tuy mỗi người có cách nhìn nhận, đánh giá khác nhau nhưng phải thể hiện được những hiểu biết về quảng cáo trong đời sống kinh tế, nội dung, hình thức, cách thức quảng cáo ...

b. Yêu cầu cụ thể

- Giải thích:

+ Quảng cáo là một nhu cầu không thể thiếu trong nền kinh tế thị trường. Quảng cáo là một nghệ thuật Marketing mang sản phẩm, dịch vụ đến với người tiêu dùng. Do đó, quảng cáo là một phần của cuộc sống hiện nay.

+ Có nhiều hình thức và phương tiện quảng cáo, nhưng quảng cáo trong các chương trình trên các phương tiện truyền thông là cách được sử dụng thường xuyên nhất. Một chương trình trực tiếp thể thao gay cấn, một game show đang diễn và hấp dẫn, một bộ phim đầy kịch tính luôn là mảnh đất “chen ngang” cho quảng cáo.

+ Thực tế có những người thích và không thích quảng cáo trong các chương trình. Họ thích vì đó là mẫu quảng cáo hay hấp dẫn, vì đó là sản phẩm mà họ yêu thích. Họ không thích vì nó cắt ngang chương trình đang xem, hình thức nội dung quảng cáo không hay, sản phẩm đó họ không yêu thích... Đó chính là quyền cá nhân mỗi người trong tiếp nhận các chương trình quảng cáo.

- *Bàn luận:*

+ Quảng cáo là một phần tất yếu trên các chương trình truyền hình. Có quảng cáo thì sản phẩm, dịch vụ mới nhanh chóng đến tay người tiêu dùng, người tiêu dùng chọn được sản phẩm mình yêu thích. Mặt khác, chính các chương trình mà người xem yêu thích được “nuôi sống” bởi quảng cáo. Không có quảng cáo, chúng ta không có các chương trình hấp dẫn để xem. Do đó, chúng ta phải chấp nhận quảng cáo như là một phần của truyền hình.

+ Có những mẫu quảng cáo rất hay, hấp dẫn từ hình ảnh, âm thanh, slogan đến tính gần gũi, tính chân thật và giá trị văn hóa, nhân văn của nó. Thực tế, có những mẫu quảng cáo đã đi vào đời sống văn hóa, được công chúng yêu thích, trở thành biểu tượng và sự thành công cho sản phẩm. Giá trị của nó không thể tính bằng tiền.

+ Tuy nhiên, có những mẫu quảng cáo phản cảm, thiếu trung thực gây ra tác dụng ngược. Có những chương trình lạm dụng quảng cáo quá lâu, quá nhiều lần cũng gây phản ứng không tốt đối với người xem. Họ bấm qua, hoặc chuyển kênh, thậm chí không xem chương trình đó. Đây chính là mặt trái của quảng cáo.

- *Bài học về nhận thức và hành động:*

+ Chấp nhận quảng cáo như một phần tất yếu của cuộc sống. Ủng hộ những mẫu quảng cáo hay, có giá trị văn hóa.

+ Chống những mẫu quảng cáo “rẻ tiền”, phản cảm, thiếu trung thực.

2. Câu 2

a. Yêu cầu chung

- *Yêu cầu về kỹ năng:* Có kỹ năng làm bài nghị luận văn học. Bài làm có kết cấu đầy đủ, rõ ràng, văn viết lưu loát, có cảm xúc, sáng tạo, ý tưởng độc đáo, mới lạ. Học sinh phải biết vận dụng các thao tác lập luận phân tích, bình luận, chứng minh để làm nổi bật được giá trị nghệ thuật trong những hình ảnh kết thúc tác phẩm.

- *Yêu cầu về kiến thức:* Học sinh cần nắm vững:

+ Phong cách nghệ thuật của Kim Lân, Nguyễn Minh Châu và Nam Cao.

+ Nắm được cơ bản giá trị nội dung và nghệ thuật của các tác phẩm *Vợ nhặt*, *Chiếc thuyền ngoài xa*, *Chí Phèo*.

+ Nhớ được hình ảnh kết thúc các tác phẩm trên và phân tích được giá trị tư tưởng, nghệ thuật của nó.

b. Yêu cầu cụ thể

- Về tác giả và tác phẩm:

+ Về tác giả: Nam Cao là nhà văn hiện thực xuất sắc với nghệ thuật miêu tả tâm lí độc đáo, Kim Lân là nhà văn am hiểu sâu sắc cảnh ngộ tâm lí, tình cảm của người nông dân còn Nguyễn Minh Châu là nhà văn tinh anh và tài năng nhất của văn học Việt Nam thời kì đổi mới.

+ Về tác phẩm: *Chí Phèo* là tâm bi kịch của người nông dân bị tha hóa, lưu manh hóa, *Vợ nhặt* là số phận bi thảm của người nông dân trong nạn đói 1945, còn *Chiếc thuyền ngoài xa* là những suy tư chiêm nghiệm về cuộc đời, con người và nghệ thuật của tác giả.

+ Cả ba tác phẩm đều xây dựng những hình ảnh kết thúc độc đáo, có giá trị tư tưởng, tầm khái quát lớn và có sức ám ảnh kì lạ.

- Kết thúc tác phẩm *Chí Phèo*:

+ Đó là cái chết đầy bất ngờ và dữ dội của Bá Kiến và Chí Phèo. Mọi người bàn về cái chết của Bá Kiến, bà cô đang đay nghiến nhưng Thị Nở vẫn lặng lẽ nghĩ về cái chết của Chí Phèo.

+ Hình ảnh kết thúc: Thị Nở nhìn xuống bụng mình và thoáng nghĩ đến cái lò gạch cũ. Đây là kiểu kết thúc đầu cuối tương ứng, kết thúc khép kín. Chí Phèo là đứa con hoang của cái lò gạch cũ, Chí Phèo chết đi sẽ có những thằng Chí Phèo con sinh ra từ cái lò gạch đỏ nát ấy.

+ Hình ảnh kết thúc có giá trị tố cáo mãnh liệt. Còn cái xã hội thực dân phong kiến thối nát đó, còn những định kiến xấu của xã hội thì sẽ còn những người dân lương thiện bị tha hóa, lưu manh hóa. Đó là một chi tiết có giá trị phê phán sâu sắc.

+ Hình ảnh có sức ám ảnh kì lạ. Mọi người xa lánh Chí Phèo như một con vật, họ không tin Chí Phèo có thể làm người. Chỉ có Thị Nở tin vào điều đó. Đó là niềm tin nhân văn của một con người vừa xấu ma chê quỷ hờn vừa đàn độn.

- Kết thúc tác phẩm *Vợ nhặt*:

+ Nạn đói khủng khiếp tràn qua xóm ngụ cư với người chết như rạ. Trong bối cảnh đó, Tràng nhật được vợ. Tuy hạnh phúc, nhưng bữa ăn sáng của họ vô cùng thảm hại.

+ Hình ảnh kết thúc: Là hình ảnh những đoàn người đi phá kho thóc và hình ảnh lá cờ đỏ sao vàng. Đó là niềm tin, là hi vọng về một ngày mai tươi sáng. Bởi vì, trong cái đói, họ luôn nghĩ về sự sống và luôn tin vào cuộc sống.

+ Đó là một kết thúc mở, một kết thúc mang tư tưởng nhân đạo, tư tưởng cách mạng lạc quan sâu sắc.

- *Kết thúc tác phẩm Chiếc thuyền ngoài xa.*

+ Sau hòa bình, Phùng trở lại chiến trường xưa. Tại đây, Phùng đã chụp được một tấm ảnh tuyệt đẹp về chiếc thuyền giữa biển mờ sương. Tuy nhiên, Phùng cũng cay đắng nhận ra nghịch cảnh: Trên chiếc thuyền ấy là cái nghèo đói, là người đàn ông độc ác đánh vợ thành lệ, là người đàn bà xấu xí, cam chịu và luôn thấu hiểu mọi lẽ đời.

+ Hình ảnh kết thúc: Mỗi lần ngắm kĩ tấm ảnh Phùng nhìn thấy hiện lên cái màu hồng của sương mai và hình ảnh người đàn bà xấu xí, cam chịu bước ra từ tấm ảnh.

+ Cái màu hồng của sương mai ấy là cái đẹp vĩnh viễn của nghệ thuật. Nghệ thuật chân chính luôn tồn tại và càng ngày càng đẹp hơn.

+ Người đàn bà ấy đã đi từ nghệ thuật vào cuộc sống. Nghệ thuật phải hướng vào cuộc sống, và người nghệ sĩ phải dũng cảm nhìn vào sự thật, vào số phận con người.

+ Đó là những hình ảnh có sức ám ảnh kì lạ, thể hiện những suy tư, chiêm nghiệm về cuộc đời, con người và nghệ thuật.

- *Sơ sánh ba hình ảnh kết thúc:*

+ Tất cả các hình ảnh kết thúc đều có sức ám ảnh kì lạ, đều góp phần làm nổi bật tư tưởng của tác phẩm.

+ Kết thúc tác phẩm *Chí Phèo* là kết thúc khép kín mang ý nghĩa tố cáo sâu sắc, cái kết thúc *Vợ nhặt* và *Chiếc thuyền ngoài xa* là kết thúc mở và mang giá trị thức tỉnh.

ĐỀ 26

I. Phần đọc hiểu

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi hoặc thực hiện các yêu cầu phía dưới:

“Có những ngã ba nơi những dòng sông lớn của một đại châu; sóng dựng trùng trùng;

Có những ngã ba nối những con đường dài chạy từ các thủ đô to
Như những mạch máu khổng lồ
Trên thân hình trái đất
Trong đó mỗi con người là một hạt hồng cầu đỏ chói
Có những ngã ba là nơi gặp gỡ của những dòng văn minh lớn, đông, tây,
kim, cổ...
Tất cả những ngã ba trên con có thể học biết (trong sách địa dư, trên bản đồ)
Mai sau lớn lên con có thể đến thăm và chụp ảnh nữa ...
Xong rồi, con có thể quên ...
Nhưng con ơi, chớ quên ngã ba **Đồng Lộc**”.

(Ngã ba **Đồng Lộc**, Huy Cận, 1971)

Câu 1. Đoạn thơ trên là lời của ai nói với ai? Nói về điều gì?

Câu 2. Em hãy cho biết phép liên kết nội dung và liên kết hình thức của đoạn thơ trên?

Câu 3. Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào? Tác dụng của nó trong biểu lộ cảm xúc?

Câu 4. Hãy chỉ ra các phép tu từ trong đoạn thơ và cho biết giá trị của các phép tu từ đó?

Câu 5. Theo em, tác giả muốn nói điều gì qua lời khuyên “*Chớ quên ngã ba Đồng Lộc*”?

II. Phân làm văn

Câu 1. Khi tôi cho bằng một tay và nhân vật đáp trả bằng tay còn lại, tôi chỉ cho một nửa và nhận một nửa. Vì vậy, tôi sẽ cho đi bằng cả đôi tay.

Còn bạn, bạn sẽ cho như thế nào? Hãy viết bài văn để trả lời cho câu hỏi đó.

Câu 2. Cảm nhận của em về đoạn văn sau:

“Rời khỏi kinh thành, sông Hương chếch về hướng chính bắc, ôm lấy đèo Cồn Hến quanh năm mờ màng trong sương khói, đang xa dần thành phố để lưu luyến ra đi giữa màu xanh biếc của tre trúc và của những vườn cau vùng ngoại ô Vĩ Dạ. Và rồi, như sự nhớ lại một điều gì chưa kịp nói, nó đột ngột đổi dòng, rẽ ngoặt sang hướng đông tây để gặp lại thành phố lần cuối ở góc thị trấn Bao Vinh xưa cổ. Đến với Huế, nơi đây chính là chỗ chia tay đôi xa ngoài mười dặm trường đình. Riêng với sông Hương, vốn đang xuôi chảy giữa cánh đồng phù sa

êm ái của nó, khúc quanh này thực bất ngờ biết bao. Có một điều gì đó rất lạ với tự nhiên và rất giống con người ở đây; và để nhân cách hóa nó lên, tôi gọi đây là nỗi vương vấn, cả một chút lẳng lơ kín đáo của tình yêu. Và giống như nàng Kiều trong đêm tình tự, ở ngã rẽ này, sông Hương đã chỉ tình trở lại tìm Kim Trọng của nó, để nói một lời thề trước khi về biển cả: “Còn non, còn nước, còn dài, còn về, còn nhớ ...” Lời thề ấy vang vọng khắp lưu vực sông Hương thành giọng hò dân gian; ấy là tấm lòng người dân nơi Châu Hóa xưa mãi mãi chung tình với quê hương xứ sở”.

(Ai đã đặt tên cho dòng sông, Hoàng Phủ Ngọc Tường)

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phân đọc hiểu

1. Yêu cầu chung

Có kĩ năng đọc hiểu văn bản thơ trữ tình nhưng đậm chất tự sự. Học sinh biết vận dụng các kiến thức về liên kết trong văn bản, các phép tu từ, thể thơ để hiểu sâu hơn giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ.

2. Yêu cầu cụ thể

Câu 1. Đoạn thơ là lời của người cha - thế hệ đi trước nói với người con thế hệ đi sau. Đó là lời khuyên đừng quên những người đã ngã xuống để bảo vệ độc lập dân tộc, đừng quên lịch sử hào hùng của dân tộc.

Câu 2. Đoạn thơ sử dụng cả phép liên kết nội dung và hình thức:

- Về nội dung: là lời của người cha nói với con về những ngã ba và kết thúc là ngã ba Đồng Lộc.

- Về hình thức: phép lặp các cụm từ, các cấu trúc ngữ pháp.

Câu 3. Bài thơ được viết bằng thể thơ tự do. Nó phù hợp với lời tâm sự, khuyên răn của người cha và bộc lộ cảm xúc một cách tự do.

Câu 4. Có hai phép tu từ trong đoạn thơ.

- Phép so sánh: “Như những mạch máu khổng lồ”

- Phép ẩn dụ: Hạt hồng cầu đỏ chói

Các phép tu từ làm cho đoạn thơ vừa trừu tượng vừa cụ thể, vừa sống động vừa bộc lộ được niềm tự hào mãnh liệt.

Câu 5. Học sinh tự do bộc lộ cảm xúc nhưng cảm xúc phải chân thành phù hợp với nội dung đoạn thơ, với thời đại ngày nay. Chủ đề chính là phải luôn ân nghĩa thủy chung, tự hào với truyền thống yêu nước của dân tộc.

II. Phần làm văn

1. Câu 1

a. Yêu cầu chung

- *Về kĩ năng:* Học sinh có kĩ năng làm bài nghị luận xã hội về một tư tưởng đạo lý. Bài làm có kết cấu đầy đủ, rõ ràng, chặt chẽ, văn viết lưu loát, diễn đạt trong sáng. Học sinh biết vận dụng tổng hợp các thao tác lập luận giải thích, bình luận, phân tích, chứng minh làm cho bài văn hấp dẫn, thuyết phục. Suy nghĩ cảm xúc phải sâu sắc, chân thành, có ý tưởng mới lạ, độc đáo.

- *Về kiến thức:* Có những hiểu biết những trải nghiệm về một trong những giá trị sống quan trọng: cho và nhận. Học sinh phải hiểu được ý tứ, câu chữ của đề, có những phân tích, đánh giá thấu đáo; có những dẫn chứng cụ thể, thuyết phục.

b. Yêu cầu cụ thể

- *Giải thích:*

+ Cho và nhận là những điều xảy ra thường xuyên trong cuộc sống. Cho và nhận là một sự chia sẻ, một cách sống vị tha, một lối sống đầy chất nhân văn. Tuy nhiên, cho là quan trọng, nhưng cách cho còn quan trọng hơn.

+ Cho bằng một tay và nhận bằng một tay mang ý nghĩa là trao đổi sòng phẳng, thực dụng, nó không phải là sự sẻ chia xuất phát từ tình cảm, từ tấm lòng và điều cho đi ấy không còn là món quà tinh thần. Cho như vậy là chỉ cho một nửa, cho không hết lòng, không thực tâm và điều ta nhận lại cũng không phải là một tấm lòng.

+ Cho bằng cả hai tay là cho bằng tất cả tấm lòng, là cách cho đầy chất vị tha, là cho và quên đi, không nhận lại, không thực dụng. Đây là cách cho mang lại hạnh phúc cho cả người cho và người nhận.

- *Bình luận:*

+ Sống là cho, đâu chỉ nhận riêng mình là một cách sống đẹp, có ý nghĩa nhân văn cao cả. Mỗi con người phải luôn biết sẻ chia và tìm được niềm vui, hạnh phúc trong chính sự sẻ chia đó. Cho đi mà không cần nhận lại, cho đi và quên rằng mình đã cho đó mới là cách sống tốt nhất, đẹp nhất.

+ Tuy nhiên vẫn có sự cho theo kiểu *Bánh ít đi, bánh quy lại* sòng phẳng, thực dụng. Đó không phải là cho, đó là trao đổi theo kiểu có qua có lại. Có những sự cho đi kèm với mục đích trục lợi. Nhiều người đã lợi dụng quà cáp, biếu xén để mong nhận lại được một cái gì đó lớn hơn thế. Đây là sự cho giả dối, thậm chí vi phạm đạo đức, pháp luật.

+ Có ý kiến cho rằng: *Không ai cho không cái gì*. Thực ra, đây là một thái độ nghi kị, một sự đánh mất niềm tin vào con người và cuộc sống. Vẫn còn đó nhiều người tốt cho ta tin tưởng, chỉ khi có niềm tin thì chúng ta mới nhận được niềm tin từ người khác.

- *Suy nghĩ, hành động bản thân:*

+ Trong cuộc sống phải luôn biết cho đi và đừng bao giờ cho bằng một tay. Hãy cho bằng cả tấm lòng để cảm nhận được hạnh phúc.

+ Của cho là quan trọng nhưng cách cho quan trọng hơn. Nó thể hiện tình cảm, sự tôn trọng và cách sống đẹp, nhân văn.

2. Câu 2

a. Yêu cầu chung

- *Về kĩ năng:* Có kĩ năng phân tích một đoạn văn, đoạn thơ và phát hiện ra cái hay, cái đẹp của ngôn ngữ của tâm hồn. Học sinh biết vận dụng các kĩ năng phân tích, giải thích, bình luận, chứng minh để viết bài văn vừa thuyết phục, vừa hấp dẫn. Bài viết có kết cấu đầy đủ, mạch lạc, rõ ràng, văn viết trôi chảy, lưu loát có chất trí tuệ sâu sắc và có cảm xúc chân thành.

- *Về kiến thức:* Nắm được những kiến thức cơ bản về phong cách của tác giả và giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật của tác phẩm. Học sinh phải có những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ, các biện pháp tu từ, phong cách ngôn ngữ nghệ thuật làm phương tiện để đọc - hiểu đoạn văn.

b. Yêu cầu cụ thể

+ Về tác giả: Hoàng Phủ Ngọc Tường là một người có tâm hồn nghệ sĩ tinh tế, vốn văn hóa phong phú về Huế. Ông là một nghệ sĩ tài hoa, hướng nội với trí tưởng tượng lãng mạn, phóng khoáng.

+ Về tác phẩm và đoạn trích *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*, viết theo thể tùy bút với văn chương phóng túng và một cái tôi đậm chất trữ tình của tác giả. Đoạn trích là vẻ đẹp mơ màng, chung tình của sông Hương khi nó rời xa kinh thành Huế.

- Hình ảnh sông Hương khi rời xa kinh thành Huế:

+ Đó là một vẻ đẹp mơ màng trong sương khói. Đó không chỉ là cái mơ màng đầy quyến rũ của cảnh sắc thiên nhiên mà còn là cái mơ màng của dòng sông, của tâm hồn trước cuộc chia tay đầy lưu luyến giữa dòng sông và người tình xứ Huế.

+ Đó là vẻ đẹp của một người con gái đa tình mà kín đáo, mãnh liệt mà dịu dàng sâu sắc, lãng lợ nhưng rất mực chung tình. Ra đi nhưng dòng sông ấy vẫn cứ “ôm lấy”, rồi đột ngột quay lại đầy lưu luyến. Chính vì vậy, tác giả đã liên tưởng đến mối tình giữa nàng Kiều và Kim Trọng với lời thề biển cả.

- Một cái tôi hướng nội tài hoa:

+ Dòng chảy được nhìn như một cuộc chia tay đầy lưu luyến giữa một cặp tình nhân chung thủy với lời thề vang vọng. Kết thúc dòng chảy là sự sống lại của cô gái Di-gân, của người mẹ phù sa, của vùng văn hóa xứ sở.

+ Dòng sông hiện lên với những liên tưởng, tưởng tượng vừa hướng nội, vừa phóng túng lãng mạn. Dòng sông chia tay người tình giữa mơ màng sương khói biệt ly, giữa màu xanh biếc của hi vọng, giữa vang vọng lời thề nàng Kiều - Kim Trọng.

+ Đoạn văn tràn đầy chất thơ với những hình ảnh nên thơ, với những phép tưởng tượng nhân hóa tài hoa. Đoạn văn có lối hành văn nhẹ nhàng, sâu lắng với âm hưởng dạt dào của thơ văn xuôi. Tác giả sử dụng nhiều phép ngắt câu nhịp nhàng tạo nên âm điệu miên man, như kéo dài, như vẩn vương.

ĐỀ 27

I. Phần đọc hiểu

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi hoặc thực hiện các yêu cầu phía dưới:

“Nhưng bây giờ thì hẩn tỉnh. Hẩn băng khuâng như tỉnh dậy sau một cơn say rất dài. Cũng như những người say tỉnh dậy, hẩn thấy miệng đắng, lòng mơ hồ buồn. Người thì bủn rủn, chân tay không buồn nhấc. Hay là đói rượu? Nghĩ đến rượu, hẩn hơi rùng mình. Ruột gan lại nôn nao lên một tí. Hẩn sợ rượu cũng như những người ốm thường sợ cơm. Tiếng chim hót ngoài kia vui vẻ quá! Có tiếng cười nói của những người đi chợ. Anh thuyền chài gõ mái chèo đuổi cá.

Những tiếng quen thuộc ấy hôm nào chả có. Nhưng hôm nay, hẳn mới nghe thấy... Chao ôi là buồn!

- Vải hôm nay bán mấy?
- Kém ba xu, dì ạ.
- Thế thì còn ăn thua gì!
- Có khéo co mới được một tấm năm xu.
- Thật thế đấy. Nhưng chẳng lẽ rằng lại chơi ...

Chí Phèo đoán chắc rằng một người đàn bà hỏi một người đàn bà khác đi bán vải ở Nam Định về. Hẳn lại nao nao buồn, là vì mẩu chuyện ấy nhắc cho hẳn một cái gì rất xa xôi. Hình như có một thời hẳn đã ao ước có một gia đình nho nhỏ. Chồng cuốc mướn cày thuê, vợ dệt vải. Chúng lại bỏ một con lợn nuôi để làm vốn liếng. Khá giả thì mua dăm ba sào ruộng làm.”

(Chí Phèo, Nam Cao, Ngữ văn 11, NXB Giáo dục)

Câu 1. Đoạn văn trên miêu tả tâm trạng nào của Chí Phèo? Tại sao Chí Phèo lại có tâm trạng đó?

Câu 2. Câu “Hình như có một thời hẳn đã ao ước có một gia đình nho nhỏ” có những nghĩa tình thái nào?

Câu 3. Dựa vào ngữ cảnh giao tiếp trên, hãy cho biết nghĩa hàm ẩn của câu “Nhưng chẳng lẽ rằng lại chơi...”

Câu 4. Trong đoạn văn tác giả thường sử dụng từ láy để miêu tả Chí Phèo. Đó là những từ nào và cho biết giá trị biểu cảm của chúng?

Câu 5. Cảm nhận của em về sự thức tỉnh của Chí Phèo qua đoạn văn trên.

II. Phần làm văn

Câu 1. Luôn có hai con đường cho bạn lựa chọn: Con đường đang đi quá quen thuộc, con đường sẽ đi đầy thử thách, chông gai và bất ngờ.

Bạn sẽ chọn con đường nào? Hãy viết một bài văn để nói rõ sự lựa chọn đó của mình.

Câu 2. Cảm nhận của em về hai đoạn thơ sau:

“Cuộc đời tuy dài thế
Năm tháng vẫn đi qua
Như biển kia dẫu rộng
Mây vẫn bay về xa

Làm sao được tan ra
Thành trăm con sóng nhỏ
Giữa biển lớn tình yêu
Để ngàn năm còn vỗ”

(Sóng - Xuân Quỳnh)

“Sao anh không về chơi thôn Vĩ
Nhấn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền.”

(Đây thôn Vĩ Dạ - Hàn Mặc Tử)

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phần đọc hiểu

1. Yêu cầu chung

Có kĩ năng đọc hiểu một đoạn trong văn bản nghệ thuật. Học sinh nhớ những kiến thức đã học về tác phẩm *Chí Phèo*, vị trí đoạn trích, vận dụng các kiến thức về ngữ cảnh giao tiếp, nghĩa của câu và từ để hiểu toàn bộ giá trị nội dung, giá trị nghệ thuật của đoạn văn.

2. Yêu cầu cụ thể

Câu 1. Tâm trạng của Chí là buồn, một nỗi buồn nao lòng. Đó là tâm trạng của buổi sáng Chí Phèo tỉnh rượu sau khi gặp Thị Nở. Chí nghe âm thanh của cuộc sống nhớ lại những ước mơ trong quá khứ. Tất cả đã bỏ Chí Phèo ra đi, Chí Phèo không còn là con người lương thiện bình thường nữa.

Câu 2. Câu “*Hình như có một thời hẳn đã ao ước có một gia đình nho nhỏ*” Có hai nghĩa tình thái.

- Sự việc không chắc chắn “*hình như*”.
- Sự việc đã diễn ra trong quá khứ từ rất lâu “*có một thời*”.

Câu 3. Đặt trong ngữ cảnh đoạn văn, câu “*Nhưng chẳng lẽ rằng lại chơi...*” có nghĩa hàm ẩn là dù rẻ mặt thì vẫn cứ phải làm (Dù vải có kém thì cũng cứ phải dệt chứ không thể ngồi chơi).

Câu 4. Tác giả sử dụng các từ láy: *bâng khuâng, bùn rún, nôn nao, nao nao* để miêu tả Chí Phèo. Những từ láy này mang lại giá trị biểu cảm rất lớn, thể hiện một nỗi buồn âm ỉ và chất chứa nhiều nỗi niềm.

Câu 5: Chí Phèo đi từ sự tỉnh rượu đến thức tỉnh bởi sự tác động về cả ngoại cảnh và nội tâm. Nó chỉ thấy bản chất lương thiện ở Chí Phèo chưa bao giờ đánh mất. Chúng ta, dù trong hoàn cảnh nào, vẫn còn một góc của con người. Học sinh có thể cảm nhận theo nhiều góc độ khác nhau nhưng phải chân thành sâu sắc và cơ bản có những ý như trên.

II. Phần làm văn

1. Câu 1

a. Yêu cầu chung

- *Về kĩ năng:* Có kĩ năng làm bài văn nghị luận xã hội bàn về một quan phương pháp, một cách sống. Bài làm có bố cục đầy đủ, rõ ràng, mạch lạc, văn viết lưu loát, hấp dẫn. Học sinh phải biết vận dụng tổng hợp các thao tác lập luận giải thích, bình luận, chứng minh để bài văn có sức thuyết phục, lập luận chặt chẽ, ý tứ sâu sắc, quan điểm rõ ràng.

- *Về kiến thức:* Có những hiểu biết và trải nghiệm sống nhất định trong chọn lựa con đường mà mình sẽ đi. Thực chất đề bài đưa ra một phương pháp tư duy: tư duy theo lối mòn hay tư duy sáng tạo; chọn con đường bình an hay con đường chông gai thử thách. Dù chọn con đường nào, lối tư duy nào học sinh cũng đều phải có vốn sống, vốn hiểu biết nhất định.

b. Yêu cầu cụ thể

- *Giải thích:*

+ Trong cuộc sống, mỗi người đều có quyền chọn cho mình một cách sống. Tuy nhiên cách sống ấy phải phù hợp với cá nhân mình, với xã hội và mang lại những điều tốt đẹp nhất. Vậy thì chúng ta sẽ chọn con đường nào: an phận thủ thường với con đường nhàm chán quen thuộc hay tìm một đường mới để khám phá, dẫn thân và thử thách.

+ Con đường mà chúng ta đã và đang đi là con đường quen thuộc. Trên con đường ấy chúng ta sẽ tìm được cảm giác bình an, chúng ta sẽ thấy mọi thứ trở nên gần gũi thân thuộc. Tuy nhiên, đó lại là con đường của lối mòn nhàm chán tẻ nhạt và có khả năng làm thui chột sự khát vọng khám phá, sáng tạo của con người.

+ Con đường mà chúng ta sẽ đi là con đường mới lạ có nhiều trắc trở, nhiều bất ngờ và ẩn chứa nguy cơ thất bại. Tuy nhiên, đó lại là con đường của khát

vọng sáng tạo, con đường của tương lai, phát triển. Đây chính là con đường mà nhân loại đã lựa chọn trong hành trình tiến hóa của mình.

- *Bình luận:*

+ Sở dĩ con người vượt trội hơn các loài vật khác, tiến hóa theo hướng ngày càng văn minh hơn là do con người luôn có khát vọng sáng tạo. Con người không bao giờ chấp nhận đi trên lối mòn của mình, của người khác mà luôn muốn đương đầu với thử thách chông gai. Có được điều này là do con người có bản lĩnh, sự dũng cảm, khát vọng sáng tạo, ước mơ bay bổng.

+ Có những sự thay đổi mà mỗi người chúng ta phải chấp nhận rủi ro. Và bằng trí tuệ và niềm tin, con người đã hạn chế tới đa sự rủi ro. Có những nỗi sợ hãi ở con người khi đứng trước một ngã rẽ, một điều mới mẻ. Chỉ có lòng dũng cảm mới giúp con người vượt qua nỗi sợ hãi đó. Chấp nhận sự thay đổi và vượt qua nỗi sợ hãi đã giúp con người hoàn thành khát vọng chinh phục và sáng tạo.

+ Chọn con đường quen thuộc lạc hậu, tầm thường là chọn một cuộc sống bế tắc, tẻ nhạt. Chỉ có những người hèn nhát, không có niềm tin và khát vọng vươn lên mới chọn con đường ấy. Nó là con đường dẫn đến nghĩa địa của sự thất bại.

- *Suy nghĩ, hành động của bản thân:*

+ Đừng bao giờ chọn con đường cũ kỹ, lạc hậu, nhàm chán. Hãy biết chọn con đường của ước mơ và khát vọng sáng tạo.

+ Luôn rèn luyện để có đủ niềm tin, sự dũng cảm, óc sáng tạo để vượt qua mọi sự thay đổi, vượt qua nỗi sợ hãi để được đi và thành công trên những con đường mới.

2. Câu 2

a. Yêu cầu chung

- *Về kĩ năng:* Biết cách làm bài nghị luận văn học phân tích, cảm nhận về một đoạn thơ, bài thơ. Bài làm có bố cục đầy đủ, rõ ràng, văn viết hấp dẫn vừa giàu chất trí tuệ vừa thể hiện được cảm xúc sâu lắng, nồng nàn. Bài làm phải kết hợp nhuần nhuyễn giữa phong cách chính luận và phong cách trữ tình, giữa thao tác lập luận phân tích, chứng minh với thao tác giải thích, bình luận...

- *Về kiến thức:* Có những kiến thức cơ bản về thể thơ, ngôn ngữ thơ và tứ thơ để vận dụng trong quá trình cảm nhận thơ. Học sinh phải nắm chắc phong cách của hai tác giả, tư tưởng chủ đạo của hai bài thơ và vị trí của mỗi đoạn trích.

b. Yêu cầu cụ thể

- Về tác giả, tác phẩm và đoạn trích:

+ Tác giả: Hàn Mặc Tử là một hiện tượng thơ kỳ lạ nhất của phong trào thơ mới. Thơ của ông là một tình yêu vừa thanh khiết vừa đau đớn hướng về cuộc đời trần thế.

Xuân Quỳnh là nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Mĩ. Thơ bà là tiếng nói của một tâm hồn đầy nữ tính, giàu trắc ẩn, của một tình yêu thiết tha, mãnh liệt, đầy khát vọng.

+ *Đây thôn Vĩ Dạ* là một bài thơ vừa mang vẻ đẹp của một tình yêu vừa tinh khôi, thanh khiết vừa hư ảo, đau đớn. *Sóng* là tiếng lòng của một tình yêu vừa mãnh liệt, vừa sâu lắng, vừa đầy những âu lo, trăn trở về tình yêu. Cả hai bài thơ là những cung bậc khác nhau của tâm trạng, của tình yêu và của tâm hồn đang yêu.

- Về đoạn thơ của Hàn Mặc Tử:

+ Bài thơ *Đây thôn Vĩ Dạ* thể hiện một tình yêu vừa nhẹ nhàng, thanh khiết, vừa đau đớn bi thương của Hàn Mặc Tử với thôn Vĩ Dạ, với người con gái xứ Huế.

+ Mở đầu là một câu hỏi tu từ, một lời mời chào trong một lời trách móc trong mộng tưởng. Dù là lời nào thì vẫn là một tâm hồn đang yêu, một thứ tình yêu nhẹ nhàng mà rất gần gũi.

+ Hai câu tiếp theo là cảnh đẹp xứ Huế. Đó là một cảnh đẹp vừa tươi mới vừa thơ mộng, vừa thanh khiết, tinh khôi. Đó cũng là cái thanh khiết tinh khôi của tâm hồn con người.

+ Câu thơ cuối là hình ảnh người con gái xứ Huế với vẻ đẹp vừa thanh cao, vừa hồn hậu, vừa kín đáo. Câu thơ vừa có ý nghĩa tượng trưng, vừa giàu chất tạo hình, vừa đầy thi vị.

+ Thể thơ bảy chữ với cách ngắt nhịp truyền thống mang dư vị vừa gần gũi, vừa thiết tha, sâu đậm với một tình yêu phảng phất nỗi buồn.

- Đoạn thơ của Xuân Quỳnh:

+ Bài thơ là âm hưởng của con sóng lúc dữ dội, lúc dịu êm, sâu lắng. Đoạn thơ chính là âm hưởng của con sóng lúc dịu êm, sâu lắng. Con sóng với những suy tư trăn trở và âu lo về cuộc đời, về tình yêu.

+ Khổ thơ đầu là những suy tư chiêm nghiệm về cuộc đời. Cuộc đời tuy dài nhưng thời gian sẽ cuốn đi tất cả. Ở đó, chỉ có tình yêu là trường tồn, là vĩnh cửu.

+ Tình yêu gắn liền với sự hi sinh như con sóng kia hòa tan vào biển lớn. Đó chính là tâm hồn đầy nữ tính, đầy khát vọng dâng hiến trong tình yêu. Đó là một thứ tình yêu vượt qua mọi thử thách của thời gian.

+ Đoạn thơ mang đầy chất nữ tính với khát vọng yêu vừa sâu lắng, vừa dữ dội, vừa thiết tha, vừa bồn chồn suy tư. Hình tượng con sóng miên man giữa biển cả rộng lớn chính là tâm hồn của người con gái đang yêu.

- So sánh hai đoạn thơ:

+ Hai phong cách thơ khác nhau ở hai thời đại khác nhau với thể loại khác nhau nhưng gặp nhau ở một điểm: tình yêu. Tình yêu là tiếng nói muôn thuở của thơ ca.

+ Cả hai đoạn thơ đều bộc lộ một tâm trạng đang yêu và mang đầy nữ tính. Với Hàn Mặc Tử là một tình yêu thanh khiết còn Xuân Quỳnh là một tình yêu rạo rực, cháy bỏng.

ĐỀ 28

I. Phần đọc hiểu

Đọc đoạn thơ và thực hiện các yêu cầu sau:

*“Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ
Cỏ đón giêng hai, chim én gặp mùa,
Như đưa trẻ thơ đói lòng gặp sữa
Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa.”*

(Tiếng hát con tàu - Chế Lan Viên,

Ngữ văn 12, Tập một, NXB Giáo dục 2014, tr.144)

Câu 1. Đoạn thơ thể hiện tư tưởng, tình cảm gì của tác giả?

Câu 2. Xác định các biện pháp tu từ trong đoạn thơ và nêu tác dụng của chúng.

Câu 3. Theo anh/chị, “con” và “nhân dân” trong đoạn thơ đề cập đến ai? Cách xưng hô như thế thể hiện tâm tư, tình cảm gì của “con”?

II. Phần làm văn

Câu 1. Trong cuộc sống, ta thường thấy đâu đó có nhiều bạn trẻ lãng phí

thời gian, sức khỏe, tiền bạc, cơ hội, năng lực, tình cảm,... Hãy viết bài văn (khoảng 600 từ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về hiện tượng lãng phí của giới trẻ trong cuộc sống hiện nay.

Câu 2. “*Cuộc đời tuy dài thế
Năm tháng vẫn đi qua
Như biển kia dẫu rộng
Mây vẫn bay về xa*

*Làm sao được tan ra
Thành trăm con sóng nhỏ
Giữa biển lớn tình yêu
Để ngàn năm còn vỗ.*”

(*Sóng* - Xuân Quỳnh, *Ngữ văn 12*,
Tập một, NXB Giáo dục 2014, tr. 156)

Phân tích đoạn thơ trên. Qua việc phân tích đoạn thơ, anh/chị hãy lý giải vì sao bài thơ *Sóng* ra đời giữa những năm tháng hào hùng của cuộc kháng chiến chống Mỹ ác liệt nhưng vẫn được đón nhận nồng nhiệt.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phân đọc hiểu

1. Yêu cầu chung

- Biết huy động kiến thức và kỹ năng đọc hiểu một văn bản văn học thuộc thể thơ trữ tình để làm bài.

- Đề không yêu cầu đọc hiểu mọi phương diện của đoạn trích, chỉ kiểm tra một số khía cạnh. Cảm nhận của thí sinh có thể phong phú nhưng cần nắm bắt được tâm tình của tác giả, thấy được tác dụng của các biện pháp nghệ thuật được dùng trong đoạn trích, cũng như cách xưng hô của các từ “con”, “nhân dân”.

2. Yêu cầu cụ thể

Câu 1. Đoạn thơ thể hiện niềm vui, niềm hạnh phúc lớn lao của nhà thơ khi được trở về với nhân dân.

Câu 2. Các biện pháp tu từ và tác dụng của chúng trong đoạn thơ.

- Các biện pháp tu từ: tác giả sử dụng liên tiếp những hình ảnh so sánh:

+ “*Nai về suối cũ*”;

+ “*Cỏ đón giêng hai, chim én gặp mùa*”;

+ “*Trẻ thơ đói lòng gặp sữa*”;

+ “*Nôi ngừng gặp cánh tay đưa*”.

- Tác dụng: Những hình ảnh này vừa có vẻ đẹp thơ mộng, mượt mà, vừa có sự hòa hợp giữa nhu cầu, khát vọng của bản thân với hiện thực, nhằm nhấn mạnh niềm hạnh phúc lớn lao và ý nghĩa sâu xa của việc trở về với nhân dân. Điều đó, phù hợp với quy luật, bởi vì về với nhân dân là về với ngọn nguồn của sự sáng tạo nghệ thuật, về với những gì thân thiết nhất của lòng mình.

* *Lưu ý*: Nếu thí sinh không giải thích tại sao phải về với nhân dân thì vẫn đạt đủ điểm.

Câu 3.

- “*Con*” chính là nhà thơ Chế Lan Viên; “*nhân dân*” là đồng bào Tây Bắc như “*người anh du kích*”, “*thằng em liên lạc*”, “*mé*”,...

- Cách xưng hô này thể hiện tình cảm thân tình, ruột thịt của nhà thơ đối với đồng bào, nhân dân Tây Bắc - những người đã từng cuu mang, đùm bọc, che chở mình trong những năm kháng chiến chống Pháp gian khổ.

II. Phần làm văn

Câu 1.

a. Yêu cầu chung

- Biết huy động những kiến thức về đời sống xã hội, kỹ năng tạo lập văn bản và khả năng bày tỏ suy nghĩ của mình để làm bài.

- Thí sinh có thể làm bài theo nhiều cách khác nhau, nhưng phải có lí lẽ và căn cứ xác đáng; được tự do bày tỏ suy nghĩ của mình nhưng phải có thái độ chân thành, nghiêm túc, phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.

b. Yêu cầu cụ thể

- *Giới thiệu vấn đề cần nghị luận.*

- *Giải thích*: “*Lãng phí*”: làm hao phí, tốn kém một thứ gì đó, nhưng kết quả lại vô ích, chẳng thu lại được gì cho bản thân và mọi người xung quanh.

- *Bàn luận:*

+ Hiện tượng lãng phí trong giới trẻ hiện nay: bỏ thức ăn thừa, mở vòi nước quên khóa, thức thâu đêm để xem một bộ phim, lãng phí chất xám, không biết trân trọng tình cảm...

+ Nguyên nhân dẫn đến sự lãng phí: bản thân không biết quý trọng những gì mình đang có, thấy người khác lãng phí nên cũng lãng phí,...

+ Tác hại: hao tổn tiền của, thời gian, sức khỏe,...

+ Biện pháp ngăn chặn: ý thức con người là điều tiên quyết. Biết quý trọng thời gian, đặt năng lực của mình vào những mục tiêu phù hợp, quý trọng và gìn giữ tình cảm, tài nguyên thiên nhiên, của cải vật chất;...

+ Phản đề: những người sống lãng phí chỉ chiếm một phần nhỏ, bên cạnh đó vẫn có những tấm gương biết trân quý những gì mình đang có, không ngừng nỗ lực và sống trọn vẹn từng ngày,...

- *Bài học nhận thức và hành động*

+ Nhận thức được lãng phí gây tác hại lớn đến cuộc sống của bản thân, của mọi người.

+ Thực hành tiết kiệm trên mọi lĩnh vực nhưng không có nghĩa là keo kiệt, bủn xỉn, ích kỉ mà nên dành thời gian để động viên bạn bè, giải trí sau những giờ học tập và lao động mệt mỏi; cân bằng các giá trị của cuộc sống và sử dụng chúng một cách có ý nghĩa;...

Câu 2.

a. Yêu cầu chung

- Phải huy động kiến thức về tác phẩm văn học, kĩ năng tạo lập văn bản và khả năng cảm thụ văn chương để làm bài.

- Thí sinh có thể phân tích và kiến giải theo những cách khác nhau, nhưng phải có lí lẽ, có căn cứ xác đáng, không được thoát li văn bản tác phẩm.

b. Yêu cầu cụ thể

Giới thiệu khái quát về tác giả Xuân Quỳnh, bài thơ *Sóng*, vị trí đoạn thơ và dẫn dắt vấn đề đặt ra trong đề bài.

* *Phân tích*

Nội dung:

- Nỗi khắc khoải, lo âu trước sự hữu hạn của đời người và sự mong manh của tình yêu, hạnh phúc.

- Dù lo lắng, trăn trở không yên, thơ Xuân Quỳnh vẫn là tiếng nói thiết tha với cuộc đời, là khao khát tình yêu của mình được hòa với tình yêu của mọi người. “*Tan ra*” không phải là mất đi mà là sự hòa hợp giữa cái chung và cái riêng.

Nghệ thuật:

- Thể thơ 5 chữ có khả năng gợi ra nhịp của sóng; âm điệu sâu lắng, dạt dào.
- Kiểu câu nhượng bộ “*tuy... vẫn...*”, “*dẫu... vẫn...*” khẳng định nhu cầu gắn bó trong tình yêu. Xuân Quỳnh tin vào cái đích cuối cùng của một tình yêu lớn.
- Giọng điệu thơ có sự thay đổi, giọng thơ như sự lặng lẽ, dịu êm của con sóng lúc hạ xuống; ở khổ thơ cuối cùng, giọng điệu lại như có sự xôn xao khởi đầu của một con sóng mới đang dâng lên.
- Biện pháp tu từ ẩn dụ gợi nhiều liên tưởng ở người đọc,...

** Đánh giá chung*

Với giọng thơ chân thật, tự nhiên đầy suy tưởng, Xuân Quỳnh đã thể hiện một quan niệm mới mẻ trong tình yêu. *Sóng* là hiện tượng thiên nhiên vĩnh cửu, như tình yêu là khát vọng muôn đời của con người. Người phụ nữ - nhân vật trữ tình - muốn dâng hiến cả cuộc đời cho tình yêu đích thực, muốn hòa vào cái chung của thời đại, của dân tộc. Tình yêu như thế không bao giờ cô đơn, lẻ loi mà luôn bất diệt, vĩnh cửu, trường tồn.

Lưu ý: Trong quá trình làm bài, thí sinh cần phân tích các yếu tố nghệ thuật để làm nổi bật giá trị nội dung của đoạn thơ.

** Lý giải vì sao bài thơ ra đời giữa những năm tháng hào hùng của cuộc kháng chiến chống Mĩ ác liệt nhưng vẫn được đón nhận nồng nhiệt.*

- Tình yêu của sóng, của người phụ nữ không phải là thứ tình yêu vị kỉ, hẹp hòi mà đã trở thành tình yêu cao thượng, trong sáng.

- Tình yêu ấy sẽ luôn vĩnh cửu, bất diệt bởi đó là tình yêu biết san sẻ, biết đồng cảm, hòa vào dòng chảy yêu thương của cuộc đời.

Đến khổ thơ kết, cái “tôi” của nhân vật trữ tình đã dần *tan ra* hòa vào cái “ta” chung của thời đại, của dân tộc. Với những dòng thơ kết này, Xuân Quỳnh đã làm nổi bật vẻ đẹp cao thượng của người phụ nữ khi yêu.

Giá trị nhân văn của bài thơ toát lên ở đoạn kết này.

Lưu ý: Thí sinh chỉ đạt điểm tối đa khi đạt được cả yêu cầu về kĩ năng và kiến thức.

ĐỀ 29

I. Phần đọc hiểu

Đọc văn bản:

Xuân

Luồng đất thơm hương mùa mới dậy,

Bên đường chân rộn bước trai tơ.

Cây xanh cành đẹp xui tay với;

Sông mát tràn xuân nước đậm bờ.

Ồ những người ta đi hóng xuân;

Cho tôi theo với, kéo tôi gần!

Rộn ràng bước nhịp hương vương gót,

Nhựa mạnh tuôn trào tường dính chân.

Bắt gặp mùa tươi lên rún rẩy,

Trong cành hoa trẻ, cổ chim non.

- Có ai gửi ý trong xuân cũ,

Đất nở muôn xuân vẫn chẳng mòn.

(Xuân - Tuyển tập thơ Huy Cận - NXB Văn học, Hà Nội, 1978)

Thực hiện các yêu cầu sau:

1. Xác định các phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản. Văn bản viết về cảnh xuân, song theo anh/chị, nhà thơ trực tả cảnh mùa xuân hay đó là cảm nhận trong tâm thức thi nhân về mùa xuân?

2. Văn bản trên thể hiện cảm xúc gì của tác giả về mùa xuân? Chữ “hóng” trong dòng thơ “Ồ những người ta đi hóng xuân” nghĩa là gì?

3. Sinh thời, nhà thơ Xuân Diệu viết rất nhiều về mùa xuân. Hãy kể tên một bài thơ viết về đề tài này mà anh/chị đã được học trong chương trình Ngữ văn THPT. Từ đó, chỉ ra sự khác biệt lớn nhất trong cách thể hiện cảnh xuân trong bài thơ này của Huy Cận với bài thơ mà anh/chị vừa kể tên của nhà thơ Xuân Diệu.

II. Phần làm văn

Câu 1. Có phù phiếm không, khi ta nuôi khát vọng trở thành người nổi tiếng?

Câu 2. Dít và Chiến là những hình tượng đẹp trong hai tác phẩm *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành và *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi. Anh, chị hãy so sánh để làm rõ những khám phá, sáng tạo riêng của mỗi nhà văn trong cách viết về vẻ đẹp người phụ nữ Việt Nam trong chiến tranh.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phần đọc hiểu

1. Yêu cầu về kĩ năng

- Thí sinh có kĩ năng đọc hiểu văn bản.
- Diễn đạt rõ ý, không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

2. Yêu cầu về kiến thức

Câu 1.

Các phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản: biểu cảm và miêu tả.

Văn bản viết về cảnh xuân nhưng hầu như tác giả không trực tả cảnh mùa xuân bằng những cảm nhận của giác quan mà bộc lộ cảm nhận của tâm thức, của chiều sâu tâm hồn về mùa xuân.

Câu 2.

Cảm xúc của tác giả vừa thiết tha vừa lâng lâng, phơi phới, rạo rực trước cảnh xuân của đất trời.

Chữ “*hóng*” trong dòng thơ “*Ồ những người ta đi hóng xuân*” không chỉ là sự chờ đợi, không chỉ là nghe mà bộc lộ nỗi mong mỏi, náo nức, là niềm khao khát thiêu đốt trong tâm hồn.

Câu 3.

Nhà thơ Xuân Diệu viết rất nhiều về mùa xuân, bài thơ *Vội vàng* mặc dù không lấy tiêu đề là *Xuân* hay *Cảnh xuân* nhưng lại có không ít câu thơ hay về cảnh mùa xuân.

Sự khác biệt trong cách thể hiện cảnh xuân của nhà thơ Huy Cận trong bài thơ *Xuân* và Xuân Diệu trong tác phẩm *Vội vàng*:

Nếu cảnh xuân trong *Vội vàng* của Xuân Diệu động và trẻ trung, hiện đại thì trong *Xuân* của Huy Cận, cảnh lại tĩnh và giàu chất cổ điển. Viết về cảnh xuân, nếu bút pháp của Xuân Diệu thiên về tả thì bút pháp của Huy Cận lại cốt gợi hơn tả.

II. Phần làm văn

Câu 1.

1. Yêu cầu về kỹ năng

- Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận xã hội dạng đề mở.
- Thí sinh có thể lựa chọn các phương thức biểu đạt khác nhau, vận dụng tốt các thao tác lập luận, miễn là hợp lí và thuyết phục.
- Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.
- Khuyến khích những bài viết sáng tạo.

2. Yêu cầu về kiến thức

Có thể trình bày, đánh giá theo nhiều cách khác nhau, miễn là có lí. Sau đây là một phương án tham khảo (sử dụng phương thức biểu đạt nghị luận, thao tác lập luận chủ yếu là bình luận):

* Giải thích:

- Phù phiếm: viên vông, không có nội dung, giá trị thực tế.
- Nổi tiếng: là có tiếng đồn xa, được rất nhiều người biết đến.

Nội dung phát ngôn: Nghĩa đen thể hiện sự băn khoăn trước khát vọng nổi tiếng của con người. Nghĩa hàm ẩn khuyên con người phải cân nhắc kỹ khi theo đuổi những khát vọng lớn lao.

* Bình luận:

- Khát vọng trở thành người nổi tiếng là một nhu cầu chính đáng.
- + Không sai khi con người có khát vọng được nổi tiếng. Khát vọng là sự mong muốn, đòi hỏi với một sức thôi thúc mạnh mẽ vươn tới mục đích tốt đẹp. Sống không có khát vọng thôi thúc, con người sẽ trở nên trì trệ, thiếu ý chí vươn lên, ảnh hưởng tiêu cực tới sự phát triển của cá nhân và xã hội.
- + Khát vọng nổi tiếng dù chưa đạt được cũng không hoàn toàn viên vông, phù phiếm mà trong chừng mực nào đó vẫn có tác động tích cực đối với con người. Bởi vì, có khát vọng nổi tiếng nghĩa là sống có mục đích, có lí tưởng, có lòng đam mê và sự quyết tâm, mơ ước có thể trở thành hiện thực. Nói cách khác, khát vọng chính là động lực thúc đẩy sự sáng tạo, gợi ý cho con người khám phá những giá trị tiềm ẩn của bản thân và thế giới. Nó giúp ta biến “điều không thể” thành có thể.

- Khát vọng nổi tiếng trở nên phù phiếm khi:

+ Quá xa vời với năng lực bản thân. Lúc này khát vọng nổi tiếng đã làm cho con người tự huỷ hoại, mất phương hướng trong cuộc sống.

+ Không có thực tài nhưng bằng mọi giá để được nổi tiếng, như tự đánh bóng tên tuổi mình, có thể bằng một xì căng đan (một hành vi hay một phát ngôn thiếu văn hoá,... cốt gây sự chú ý của mọi người).

+ Chỉ có những người tài năng mới thực sự đem lại lợi ích thiết thực cho đời sống cộng đồng. Bởi tài năng tạo nên các giá trị vật chất cũng như tinh thần cho xã hội. Nhiều khi những tài năng lớn có khả năng làm thay đổi đời sống của một đất nước, thậm chí của cả nhân loại. Vì thế, họ được nhiều người biết đến và tôn vinh.

+ Phê phán những kẻ tạo các xì căng đan để nổi tiếng.

* *Bài học nhận thức và hành động:*

- Cần phải sống thực tế nhưng cũng phải có hoài bão để vượt qua giới hạn của bản thân, vươn tới những mục đích lớn lao trong cuộc sống.

- Con người không chỉ có khát vọng mà quan trọng hơn là phải biết hành động. Bởi, có khát vọng mà không dám hành động thì chỉ là mơ mộng viễn vông.

Câu 2.

1. Yêu cầu về kĩ năng

- Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận văn học.

- Vận dụng tốt các thao tác lập luận.

- Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- Khuyến khích những bài viết sáng tạo.

2. Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở hiểu biết sâu sắc về các tác giả Nguyễn Trung Thành, Nguyễn Thi và hai tác phẩm: *Rừng xà nu*, *Những đứa con trong gia đình*, đặc biệt là hai nhân vật nữ Dít và Chiến, từ đó thí sinh biết so sánh để làm rõ những khám phá, sáng tạo riêng của mỗi nhà văn trong cách thể hiện vẻ đẹp người phụ nữ Việt Nam trong chiến tranh.

- Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần làm nổi bật các ý sau đây:

* *Giới thiệu hai tác giả và hai tác phẩm nói trên.*

* *Phân tích vẻ đẹp của các nhân vật:*

- Vẻ đẹp nhân vật Dít (*Rừng xà nu* - Nguyễn Trung Thành): hội tụ được

nhiều vẻ đẹp của người con gái Tây Nguyên. Đó là vẻ đẹp cương nghị, rắn rỏi của một cô gái từng trải qua đau thương mất mát. Đặc biệt là vẻ đẹp của tính cách: dũng cảm, gan dạ trong chiến đấu, chín chắn, nguyên tắc,... trong lãnh đạo. Ngoài ra, ở Dít còn toát lên vẻ đẹp đầy nữ tính: sống nội tâm, lạnh lẽ, kín đáo nhưng rất giàu tình cảm.

Dít là người phụ nữ anh hùng, trưởng thành trong đấu tranh, trong mất mát, đau thương. Dít tiêu biểu cho người phụ nữ Tây Nguyên thời đại mới - thời đại tiến công cách mạng.

- Vẻ đẹp nhân vật Chiến (*Những đứa con trong gia đình* - Nguyễn Thi): người con gái anh hùng với vẻ đẹp đời thường. Ngoại hình của Chiến mang vẻ đẹp của người sinh ra để gánh vác, để chống chọi, chịu đựng và chiến thắng, với *hai bắp tay tròn vo sạm đỏ màu cháy nắng*,... nhất là vẻ đẹp tính cách: dũng cảm can trường trong chiến đấu, đảm đang tháo vát và chu tất trong công việc gia đình. Chiến còn là một thiếu nữ, tính cách đôi lúc cũng rất trẻ con, song ở cô có cái duyên dáng của một người con gái mà mất mát đau thương không làm chai sạn tâm hồn giàu nữ tính.

Chiến là hình ảnh sinh động của người con gái Việt Nam trong cuộc sống đời thường những năm chống Mĩ: trẻ trung duyên dáng, đáng yêu nhưng cũng rất mực anh hùng, dũng cảm. Cô đã tiếp nối và làm rạng rỡ truyền thống đánh giặc cứu nước của gia đình và cũng là của cả dân tộc.

* *Tương đồng*

- Mang vẻ đẹp vốn có của người phụ nữ Việt Nam, giàu tình yêu thương
- Là những phụ nữ mang phẩm chất anh hùng, trưởng thành từ trong đau thương.
- Là hình ảnh tiếp nối và kế tục truyền thống.
- Được xây dựng với bút pháp sử thi, đại diện cho cả một thế hệ trong chiến tranh.

* *Khác biệt*

- *Rừng xà nu*: Nhân vật được khắc họa gắn liền với hình tượng rừng xà nu nối tiếp nhau. Nhà văn Nguyễn Trung Thành xây dựng nhân vật Dít nhằm khẳng định lòng yêu tự do, sức sống quật cường của người Tây Nguyên và chân lí thời đại.

- *Những đứa con trong gia đình*: Gắn liền với dòng sông truyền thống và tính cách bộc trực thẳng thắn của người Nam Bộ. Nhà văn Nguyễn Thi xây dựng nhân vật Chiến nhằm khẳng định: truyền thống gia đình và tình cảm với cách mạng là cội nguồn của sức mạnh giúp con người vượt qua đau thương, làm nên chiến thắng.

ĐỀ 30

I. Phần đọc hiểu

Đọc văn bản:

*Chỉ có thuyền mới hiểu
Biển mênh mông nhường nào
Chỉ có biển mới biết
Thuyền đi đâu, về đâu*

*Những ngày không gặp nhau
Biển bạc đầu thương nhớ
Những ngày không gặp nhau
Lòng thuyền đau - rạn vỡ*

(*Thuyền và biển* - Xuân Quỳnh, *Thơ viết tặng anh*,
NXB Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 1988)

Thực hiện các yêu cầu sau:

1. Những tâm tư, tình cảm nào của nhân vật trữ tình được bộc lộ qua văn bản? Thông điệp về tình yêu được Xuân Quỳnh gửi gắm qua văn bản trên?
2. Những biện pháp tu từ nào được sử dụng trong khổ sau của văn bản (bốn câu cuối)? Tác dụng của những biện pháp đó?
3. Đọc văn bản trên, anh/chị liên tưởng đến câu ca dao nào? Hãy ghi lại câu ca dao đó và cho biết: Sự khác biệt trong sáng tạo hình tượng thơ của Xuân Quỳnh với câu ca dao trên.

II. Phần làm văn

Câu 1. Một công nhân làm cho một công ty Nhật ở Việt Nam kể lại, khi một kỹ sư Nhật về nước, ông ấy không ngần ngại nói với người công nhân Việt Nam: “*Người Việt các anh sẽ muôn đời khổ. Đây là vì các anh chỉ biết nghĩ đến những cái lợi lộc nhỏ của cá nhân mà không biết nghĩ đến cái lợi lớn của chung.*”

(Ghi theo lời kể của anh P.V.M, 40 tuổi, công nhân tại một doanh nghiệp Nhật Bản - Khu công nghiệp Bắc Thăng Long, Hà Nội - Theo *Sức khỏe và Đời sống*)

Anh/chị có đồng ý với ý kiến trên không? Hãy viết một bài văn ngắn (không quá 600 từ) bày tỏ suy nghĩ của mình.

Câu 2. *Thời nào cũng thế, thân phận người phụ nữ là hình ảnh nổi bật cho thân phận con người.*"

Từ cảm nhận về nỗi thống khổ của nhân vật Mị (*Vợ chồng A Phủ* - Tô Hoài) và nhân vật người vợ nhặt (*Vợ nhặt* - Kim Lân), anh/chị hãy bình luận ý kiến trên.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phần đọc hiểu

1. Yêu cầu về kĩ năng

- Thí sinh có kĩ năng đọc hiểu văn bản.
- Diễn đạt rõ ý, không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

2. Yêu cầu về kiến thức

Câu 1.

Những tâm tư, tình cảm của nhân vật trữ tình được bộc lộ qua văn bản: khát vọng và tình cảm tha thiết về một tình yêu mãnh liệt, thủy chung.

Thông điệp về tình yêu của Xuân Quỳnh muốn gửi gắm qua văn bản trên: Tình yêu phải dựa trên sự thấu hiểu, đồng cảm, khát khao gắn gũi, đồng thời gắn liền với niềm tin và nỗi nhớ.

Câu 2.

Những biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ sau của văn bản (bốn câu cuối):

- Biện pháp tu từ về từ: nhân hoá, ẩn dụ.
- Biện pháp tu từ về câu: Hình thức điệp (điệp ngữ, điệp cấu trúc).

Tác dụng của những biện pháp đó: Khẳng định một tình yêu thủy chung, mãnh liệt, dữ dội.

Câu 3.

Đọc văn bản trên, thí sinh có thể liên tưởng đến nhiều câu ca dao khác nhau, miễn là hai văn bản có sự gắn gũi nhau về nội dung, hình tượng, hình ảnh, đồng thời, sự khác biệt cũng tùy thuộc vào từng ngữ liệu. Dưới đây là một phương án có thể lựa chọn:

Liên tưởng đến câu ca dao:

Thuyền ơi có nhớ bến chăng?

Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.

Sự khác biệt trong sáng tạo hình tượng thơ của Xuân Quỳnh so với câu ca dao trên:

- Ca dao là cặp đôi *thuyền - bến*, thuyền thì long đong, phiêu dạt. Do đó, bến là nơi neo đậu, là chỗ dựa của thuyền. Vì vậy có thể xác định: *thuyền* là ẩn dụ về người con trai, còn *bến* là người con gái.

- Thơ Xuân Quỳnh: là cặp đôi *thuyền - biển*, cũng là ẩn dụ nhưng không tách bạch được, không minh định được cho từng đối tượng, chỉ biết là đôi bên yêu nhau. Song sự sáng tạo độc đáo mang dấu ấn Xuân Quỳnh là chỗ: *Biển* thì vô biên, vô tận không ngơi nghỉ. Không có bắt đầu, cũng không có chấm dứt, lấy *biển* để diễn tả tình yêu, đó là sự lựa chọn rất hợp lý của Xuân Quỳnh.

II. Phần làm văn

Câu 1.

1. Yêu cầu về kỹ năng

- Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận xã hội.
- Vận dụng tốt các thao tác lập luận.
- Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.
- Khuyến khích những bài viết sáng tạo.

2. Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở những hiểu biết về các vấn đề xã hội và thực tế đời sống, đề bài yêu cầu thí sinh bày tỏ quan điểm, thái độ của mình về nhận xét của một người nước ngoài đối với người Việt Nam. Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần làm nổi bật các ý sau đây:

* Giải thích ý kiến:

- Lợi lộc nhỏ của cá nhân: Món lợi nhỏ, lợi ích riêng tư của một người hay một nhóm người. Nó đối lập với lợi ích chung.

- Lợi lớn của chung: Là chi lợi ích của tập thể, của cộng đồng.

- Nội dung ý kiến: Đây là ý kiến của một người nước ngoài (kỹ sư người Nhật) nhìn nhận đánh giá người lao động Việt Nam nói riêng và người Việt nói chung. Họ phê phán người Việt làm việc gì cũng chỉ lo cho lợi ích riêng của

mình, không quan tâm đến lợi ích của người khác cũng như quyền lợi chung của tập thể, cộng đồng. Đây là nguyên nhân kìm hãm sự phát triển về kinh tế cũng như mọi mặt của cá nhân và đất nước.

** Bình luận:*

- Đây là ý kiến đáng để chúng ta phải suy nghĩ:

+ Thực trạng: Nhận thức và hành động của công nhân Việt Nam nói riêng, người Việt Nam nói chung là luôn thu vén lợi ích cá nhân mà không xem trọng lợi ích cộng đồng, đáng tiếc là hiện tượng này đã trở thành một thực trạng khá phổ biến, trở thành một lối sống.

+ Nguyên nhân: Xuất phát từ nền sản xuất nhỏ, manh mún, người Việt thường có tâm lí tiểu nông; thêm vào đó là những áp lực của cuộc sống hiện tại và sự tác động của nền kinh tế thị trường khiến con người mãi mê chạy theo những giá trị vật chất.

+ Hậu quả: Lối sống cá nhân sẽ sinh ra mọi tính hư nết xấu như: lười biếng, suy bì, kiêu căng, kèn cựa, nhút nhát, lãng phí, tham ô..., làm băng hoại các giá trị đạo đức xã hội truyền thống; kìm hãm sự tiến bộ xã hội.

Dĩ nhiên, mặt nào đó, theo hướng tích cực, lợi ích cá nhân cũng góp phần tạo nên các giá trị và các chuẩn mực đạo đức mới.

- Tuy nhiên, ý kiến trên vẫn có phần cực đoan, phiến diện khi cho rằng: *người Việt sẽ muôn đời khổ, người Việt chỉ biết...*

+ Đây là nhận xét nóng vội, phiến diện, ít nhiều mang tư tưởng “nước lớn” khi nhìn nhận, đánh giá những nước đang phát triển.

+ Nguyên nhân: Do chưa hiểu đúng bản chất cũng như bản sắc văn hóa của người Việt.

+ Thực chất: Nhận thức và hành động nói trên của người công nhân Việt Nam là có thực, nhưng không phải là bản chất cố hữu của người Việt. (Người Việt từ xưa vẫn sống đùm bọc, cứu mang nhau; trong những hoàn cảnh đặc biệt như chiến tranh, người Việt sẵn sàng hy sinh quyền lợi cá nhân, thậm chí là cả tính mạng cho Tổ quốc).

** Bài học nhận thức và hành động:*

- Lợi ích tập thể và lợi ích cá nhân thường không đi đôi với nhau. Dung hòa được chúng là điều cực kỳ khó khăn.

- Cần phải có những nhận thức đúng đắn, tránh ảo tưởng về người Việt

(nhận thức được những nhược điểm của người Việt); nhưng cũng không quá bi quan về người Việt Nam.

- Cần có hành động phê phán những hành vi, lối sống vun vén cho quyền lợi cá nhân; đề cao những tấm gương biết hy sinh cho quyền lợi chung của cộng đồng.

Câu 2.

1. Yêu cầu về kĩ năng

- Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận văn học.
- Vận dụng tốt các thao tác lập luận.
- Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.
- Khuyến khích những bài viết sáng tạo.

2. Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở những hiểu biết sâu sắc về các tác giả Tô Hoài, Kim Lân và hai tác phẩm: *Vợ chồng A Phủ*, *Vợ nhặt*, đặc biệt là qua nỗi thống khổ của hai nữ nhân vật Mị và người “vợ nhặt”, làm sáng tỏ ý kiến: *Thời nào cũng thế, thân phận người phụ nữ là hình ảnh nổi bật cho thân phận con người.*

- Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần làm nổi bật các ý sau đây:

* *Vài nét về tác giả và tác phẩm.*

* *Giải thích ý kiến:*

- Thân phận là nỗi đau khổ của kiếp người, là cảnh ngộ không may mắn mà do số phận định đoạt, con người phải trải qua.

- Ý khái quát: Nỗi khổ đau đã trở thành thân phận của người phụ nữ là nét tiêu biểu cho nỗi đau khổ của thân phận con người.

* *Cảm nhận về nỗi thống khổ của nhân vật Mị và người “vợ nhặt”*

- Nỗi khổ đau của nhân vật Mị

+ Mị là cô gái Mèo trẻ trung, xinh đẹp, có tài, có khát vọng tình yêu, tự do nhưng vì món nợ truyền kiếp, Mị bị bắt làm con dâu gạt nợ.

+ Sống kiếp làm dâu nhà giàu, Mị bị hành hạ về thể xác, đày đọa về tinh thần, bị vùi dập đến mức tê liệt sức sống và khát vọng.

+ Nghệ thuật: Nhân vật được đặt trong tình huống bi kịch, qua đó làm nổi bật thân phận; nội tâm nhân vật được diễn tả vừa tinh tế vừa phong phú, phức tạp; lời kể của nhà văn hòa vào dòng tâm tư nhân vật.

- Nỗi khổ của người vợ nhặt:

+ Cuộc sống bần cùng, thê thảm, chấp nhận theo không về làm vợ một người vốn xa lạ mà vẫn bị cái đói rượt đuổi, thậm chí đe dọa cả tính mạng.

+ Thân phận nhỏ bé, bèo bọt, vô danh,... như một đồ vật rơi vãi trên đường được người ta nhặt về làm vợ.

+ Nghệ thuật: Tạo tình huống bất ngờ, oái oăm, qua đó làm nổi bật số phận của nhân vật. Miêu tả tâm lí nhân vật một cách tinh tế. Ngôn ngữ đối thoại tự nhiên, sinh động, phù hợp với tâm lí, hoàn cảnh.

* *Bình luận ý kiến*

- Khẳng định ý kiến đúng. Tô Hoài và Kim Lân đều là những nhà văn có tư tưởng nhân đạo sâu sắc, quan tâm đến số phận con người, đặc biệt là thân phận người phụ nữ.

- Hình tượng nhân vật Mị và nhân vật người “vợ nhặt” thể hiện những đóng góp quan trọng của các nhà văn. Đây là những khám phá sâu sắc về thân phận người phụ nữ ở những cảnh ngộ, tình huống khác nhau, nhưng đều tiêu biểu cho nỗi khổ đau của thân phận con người trong mọi hoàn cảnh

- Nỗi thống khổ của hai nhân vật được khắc họa bằng nghệ thuật điều luyện nên càng có ý nghĩa tiêu biểu.

ĐỀ 31

I. Phần đọc hiểu

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:

“Thanh lách cánh cửa gỗ để khép, nhẹ nhàng bước vào. Chàng thấy mát hẳn cả người: trên con đường gạch Bát Tràng rêu phủ, những vòng ánh sáng lọt qua vòm cây xuống nhảy múa theo chiều gió. Một mùi lá tươi non phảng phất trong không khí. Thanh rút khăn lau mồ hôi trên trán - bên ngoài trời nắng gắt - rồi thong thả đi bên bức tường hoa thấp chạy thẳng đến đầu nhà. Yên tĩnh quá, không một tiếng động nhỏ trong căn vườn, tựa như bao nhiêu sự ồn ào ở ngoài kia đều ngừng lại trên bức cửa.

Thanh bước lên thềm, đặt va li trên chiếc trường kỉ, rồi ngó đầu nhìn vào trong nhà: bóng tối dịu và man mát loáng qua những màu sắc rực rỡ chàng đem

ở ngoài trời vào; Thanh chưa nhìn thấy rõ gì cả; một lát, quen bóng tối, chàng mới nhận thấy cảnh tượng gian nhà cũ không có gì thay đổi, cũng y nguyên như chàng đi xưa. Sự yên lặng trầm tịch đến nỗi Thanh trở nên nghẹn họng, mãi chàng mới cất được tiếng gọi khẽ:

- Bà ơi!

Một cái bóng lẹ làng từ trong vụt ra, rơi xuống mặt bàn. Thanh định thân nhìn rõ: con mèo của bà chàng, con mèo già vẫn chơi đùa với chàng ngày trước. Con vật nép chân vào mình khẽ phe phẩy cái đuôi, rồi hai mắt ngọc thạch xanh giương lên nhìn người. Thanh mỉm cười lại gần vuốt ve con mèo:

- Bà mày đâu?

Thanh bước xuống dưới giàn thiên lí. Có tiếng người đi, rồi bà chàng, mái tóc bạc phơ, chống gậy trúc, ở ngoài vườn vào. Thanh cảm động và mừng rỡ, chạy lại gần.

- Cháu đã về đây ư?

Bà cụ thôi nhai trầu, đôi mắt hiền từ dưới làn tóc trắng đưa lên nhìn cháu, âu yếm và mến thương.

- Đi vào trong nhà kéo nắng, cháu!

Thanh đi bên bà, người thẳng, mạnh, cạnh bà cụ gầy còng. Tuy vậy chàng cảm thấy chính bà che chở cho chàng, cũng như những ngày chàng còn nhỏ.

- Nhà không có ai ư bà?

- Vẫn có thằng Nhân, hôm nay nó đi đong thóc bên kia xóm. Để chốc nó về. Con đã ăn cơm chưa?

- Dạ chưa. Con ở tàu về đây ngay. Nhưng con không thấy đói.

Bà nhìn cháu, giục:

- Con rửa mặt đi, rồi đi nghỉ không mệt. Trời nắng thế này mà con không đi xe ư?

Thanh cười:

- Có một tí đường đất, cần gì phải xe. Con đi bộ hằng ngày cũng được.

Nhưng Thanh cũng vẫn theo lời bà. Chàng đến bên bể múc nước vào thau rửa mặt. Nước mát rượi và Thanh cúi nhìn bóng chàng lay động trong lòng bể với những mảnh trời xanh tan tác. "...

(Dưới bóng hoàng lan - Thạch Lam)

Câu 1. Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ nào?

Câu 2. Xác định các phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản.

Câu 3. Tìm trong đoạn trích một câu văn có sử dụng phép chêm xen và phân tích tác dụng.

Câu 4. Liên hệ với tác phẩm *Hai đứa trẻ*, rút ra kết luận về phong cách nghệ thuật truyện ngắn Thạch Lam.

Câu 5. “*Thanh đi bên bà, người thẳng, mạnh, cạnh bà cụ gầy còm. Tuy vậy chàng cảm thấy chính bà che chở cho chàng, cũng như những ngày chàng còn nhỏ.*”

Nội dung của những câu văn trên gợi cho anh (chị) điều gì về chỗ dựa của con người trong cuộc sống?

II. Phần làm văn

Câu 1. *Khoan nghĩ chuyện xa vời phần đầu trở thành người tài năng xuất chúng, mà trước hết, hãy làm một người tử tế.*

Hãy viết một bài văn ngắn (khoảng 600 từ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến trên.

Câu 2. Cảm nhận của anh/chị về hai đoạn văn sau:

(...) Nhưng bây giờ thì hẳn tỉnh. Hẳn băng khuâng như tỉnh dậy sau một cơn say rất dài. Cũng như những người say tỉnh dậy, hẳn thấy miệng đắng, lòng mơ hồ buồn. Người thì bủn rủn, chân tay không buồn nhấc. Hay là đói rượu? Nghĩ đến rượu, hẳn hơi rùng mình. Ruột gan lại nôn nao lên một tí. Hẳn sợ rượu cũng như những người ốm thường sợ cơm. Tiếng chim hót ngoài kia vui vẻ quá! Có tiếng cười nói của những người đi chợ. Anh thuyền chài gõ mái chèo đuổi cá. Những tiếng quen thuộc ấy hôm nào chả có. Nhưng hôm nay hẳn mới nghe thấy... Chao ôi là buồn!...

(*Chí Phèo* - Nam Cao, *Ngữ văn 11*, tập 1, NXB Giáo dục 2010, tr.149)

(...) Sáng hôm sau, mặt trời lên bằng con sào, Tràng mới trở dậy. Trong người êm ái lừng lờ như người vừa ở trong giấc mơ đi ra. Việc hẳn có vợ đến hôm nay hẳn vẫn còn ngỡ ngàng như không phải.

Hắn chấp hai tay sau lưng lững thững bước ra sân. Ánh nắng buổi sáng mùa hè sáng lóa xói vào hai con mắt còn cay sè của hắn. Hẳn chớp chớp liên hồi mấy cái và bỗng vừa chợt nhận ra xung quanh mình có cái gì vừa thay đổi mới mẻ, khác lạ. Nhà cửa, sân vườn hôm nay đều được quét tước, thu dọn sạch sẽ

gọn gàng. Máy chiếc quần áo rách như tổ đĩa vẫn vắt khươm mười niên ở một góc nhà đã thấy đem ra sân hong. Hai cái ang nước vẫn để khô cong ở dưới gốc ổi đã kín nước đầy âm ỉp. Đống rác mùn tung bành ngay lối đi đã hót sạch...

(Vợ nhặt - Kim Lân, Ngữ văn 12, tập hai, NXB Giáo dục 2010, tr.30)

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phần đọc hiểu

- Thí sinh có kỹ năng đọc hiểu văn bản.
- Diễn đạt rõ ý, không mắc các lỗi 1. ***Yêu cầu về kỹ năng***

2. ***Yêu cầu về kiến thức***

chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

Câu 1. Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.

Câu 2. Các phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản: tự sự, biểu cảm.

Câu 3. Câu văn trong văn bản có sử dụng phép chêm xen: Đó là câu (4) với bộ phận chêm xen “*bên ngoài trời nắng gắt*”.

Tác dụng: bổ sung thông tin.

Câu 4. Phong cách nghệ thuật truyện ngắn Thạch Lam: truyện gần như không có cốt truyện, chú trọng diễn tả thế giới tâm hồn của nhân vật, đặc biệt là những cảm giác hết sức tinh tế, mơ hồ, mong manh...

Câu 5. Học sinh cần nêu được suy nghĩ riêng, hợp lí. Tuy nhiên, câu trả lời phải thể hiện người viết đã hiểu ý nghĩa của hai câu văn:

“*Thanh đi bên bà, người thẳng, mạnh, cạnh bà cụ gầy còm. Tuy vậy chàng cảm thấy chính bà che chở cho chàng, cũng như những ngày chàng còn nhỏ.*”

(Nhấn mạnh vai trò quan trọng của những chỗ dựa về mặt tinh thần).

II. Phần làm văn

Câu 1.

1. ***Yêu cầu về kỹ năng***

- Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận xã hội.
- Vận dụng tốt các thao tác lập luận.
- Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- Khuyến khích những bài viết sáng tạo.

2. Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở những hiểu biết các vấn đề xã hội và thực tế đời sống, đề bài yêu cầu thí sinh bày tỏ quan điểm, thái độ của mình về vấn đề liên quan đến hai giá trị: phẩm chất đạo đức và tài năng. Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần làm nổi bật các ý sau đây:

* Giải thích ý kiến:

- Người tài năng xuất chúng là người có năng lực làm việc xuất sắc, có khả năng sáng tạo hơn người.

- Người tử tế là người biết ứng xử một cách có văn hóa, có đạo đức, nhân hậu, có những phẩm chất cần thiết để được coi trọng.

- Về thực chất, ý kiến này đề cao việc rèn luyện, tu dưỡng văn hóa, đạo đức. Đây là điều kiện tiên quyết để làm người có ích cho xã hội.

* Bàn luận ý kiến:

- Ý kiến “khoan nghĩ chuyện xa vời, phấn đấu trở thành người tài năng xuất chúng” không phải không khuyến khích hay phê phán những người cố gắng phấn đấu để trở thành những tài năng xuất chúng, mà chỉ nhằm nhấn mạnh, trước khi trở thành người tài, hãy là người biết sống tử tế.

+ Người có tài, cho dù là tài năng xuất chúng mà không có đạo đức thì cũng vô dụng, thậm chí tài năng đó có thể phục vụ cho những thế lực làm hại con người.

+ Khát vọng trở thành người tài năng xuất chúng là chính đáng, song không phải ai cũng có khả năng, hay trong một thời gian ngắn mà đạt được.

+ Hơn nữa, tôn trọng và biết làm những điều nhỏ bé một cách tử tế thì mới đủ khả năng làm những điều to lớn.

- Trước hết, hãy làm một người tử tế. Sống tử tế là yếu tố đầu tiên, có tính tiên quyết. Trong bất cứ thời đại nào, người ta cũng đề cao đạo đức. Bởi, đạo đức chi phối mọi ý nghĩ và hành động của con người - hướng về cái thiện, cái hữu ích cho loài người.

+ Sống có văn hóa, có đạo đức dễ dàng hướng tài năng của con người vào mục đích cao thượng, đẹp đẽ và nhờ đó, tài năng lại càng được phát huy.

+ Không có đạo đức, dẫu có tài cũng trở nên vô dụng, thậm chí gây hại đối với xã hội, bởi tài năng ấy có thể phục vụ cho những mục đích thấp hèn, xấu xa vị kỷ.

- Mở rộng vấn đề

+ Đề cao lối sống tử tế, đặt đạo đức lên hàng đầu nhưng không được coi nhẹ tài năng. Con người biết sống tử tế, có đạo đức nhưng bất tài, thiếu năng lực thì cũng vô dụng, không giúp ích được gì cho mọi người, cho xã hội; không thể đóng góp gì vào sự nghiệp chung của đất nước, của dân tộc.

+ Một người toàn diện phải có sự phát triển hài hòa kết hợp đạo đức và tài năng. Con người vừa có đức vừa có tài sẽ dễ dàng phát triển, thăng tiến trong xã hội. Trong thời đại ngày nay phải hiểu tài năng công hiến, phục vụ đất nước cũng là một biểu hiện cụ thể của đạo đức con người.

* *Bài học nhận thức và hành động:*

+ Ý kiến trên có ý nghĩa như một lời nhắc nhở bản thân cũng như mọi người phải tu dưỡng sao cho đạo đức ngày càng trong sáng, phải biết sống sao cho đúng là một người tử tế, nhất là khi đạo đức xã hội đang bị thoái hóa, xói mòn.

+ Thường xuyên rèn luyện đạo đức, trau dồi tài năng để cống hiến được nhiều nhất cho xã hội, cho đất nước.

Câu 2.

1. Yêu cầu về kĩ năng

- Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận văn học.

- Vận dụng tốt các thao tác lập luận.

- Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- Khuyến khích những bài viết sáng tạo.

2. Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở hiểu biết sâu sắc về các tác giả Nam Cao, Kim Lân và hai tác phẩm: “*Chí Phèo*”, “*Vợ nhặt*” thí sinh biết cảm nhận, so sánh để làm rõ những đặc sắc về nội dung cũng như nghệ thuật của hai đoạn văn tiêu biểu.

- Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần làm nổi bật các ý sau đây:

* *Giới thiệu khái quát về hai tác giả, hai tác phẩm và vấn đề nghị luận.*

* *Cảm nhận đoạn văn trong tác phẩm “Chí Phèo” của Nam Cao:*

- Về nội dung: Đoạn văn miêu tả sự thức tỉnh, sự hồi sinh nhân tính trong tâm hồn Chí Phèo sau đêm chung tình với Thị Nở.

+ Lần đầu tiên, sau bao năm chìm trong cơn say dài vô tận, tâm hồn Chí như được phục sinh, nhân tính được đánh thức. Hắn cảm nhận được những âm thanh

cuộc đời êm ái, bình yên đang diễn ra xung quanh. Cõi lòng thâm kín của Chí Phèo được bộc lộ tự nhiên, nhân vật tự nhận thức rõ mình, phô diễn lòng mình.

+ Đây là đoạn văn đầy chất thơ, tập trung thể hiện tư tưởng nhân đạo sâu sắc của ngòi bút Nam Cao. Tác giả đã phát hiện và miêu tả tinh tế sự thức tỉnh trong tâm hồn Chí Phèo, từ đó khẳng định sức sống mãnh liệt của nhân tính.

- Về nghệ thuật:

+ Nghệ thuật miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật sắc sảo, tinh tế.

+ Nghệ thuật trần thuật chi tiết, sống động, hấp dẫn.

+ Lời văn nửa trực tiếp, độc đáo với khung cú pháp đặc thù: hần + động từ tâm lí.

+ Ngôn từ vừa đa thanh vừa giàu tính biểu cảm.

* *Cảm nhận đoạn trích tác phẩm Vợ nhặt của Kim Lân*

- Về nội dung: Diễn biến tâm trạng của Tràng sau hôm đầu tiên có vợ.

+ Cảm giác hạnh phúc của Tràng trong buổi sáng đầu tiên sau khi có vợ: Đó là cảm giác mới mẻ, lạ lẫm, ngỡ ngàng, ngạc nhiên, cùng với niềm vui, niềm hạnh phúc của người vừa tìm thấy ý nghĩa cuộc đời mình.

+ Cảm nhận cuộc sống xung quanh thay đổi mới mẻ: Tình cảm gia đình, niềm vui, niềm hạnh phúc đã thay đổi cách nhìn cuộc sống của nhân vật. Hạnh phúc đang hiện hữu ngay trên mảnh sân được quét dọn. Đây là biểu hiện của một người yêu sống, khao khát sống, khao khát hạnh phúc.

+ Tác giả nâng niu, phát hiện những rung động nhân tính trong con người Tràng, trân trọng tâm hồn trong sáng, yêu sống, nâng đỡ khát vọng, niềm hạnh phúc của con người.

- Nghệ thuật:

+ Miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế, sâu sắc.

+ Giọng văn vừa hóm hỉnh vừa chan chứa yêu thương.

+ Ngôn ngữ mộc mạc, giản dị, sinh động nhưng được chắt lọc kĩ lưỡng, giàu tính biểu cảm.

* *So sánh điểm tương đồng và điểm khác biệt*

- Điểm tương đồng của hai đoạn văn:

+ Cả hai nhà văn đều miêu tả sự thức tỉnh, sự thay đổi lớn lao của con người khi được sống trong hạnh phúc; khẳng định vẻ đẹp tâm hồn con người, nâng niu, trân trọng những rung động hạnh phúc của người lao động.

- Miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế, sắc sảo, đặt nhân vật vào những tình huống độc đáo, cụ thể.

* Điểm khác biệt:

- Đoạn trích tác phẩm *Chí Phèo*: Nam Cao chú ý diễn tả cảm xúc được hồi sinh nhân tính của nhân vật bị tha hóa đến mức tương đã bán linh hồn cho quỷ dữ; thể hiện niềm tin mãnh liệt vào tính hướng thiện của con người. Giọng văn khách quan, lạnh lùng mà vẫn đằm thắm trữ tình.

- Đoạn trích tác phẩm *Vợ nhặt*: Kim Lân tập trung diễn tả niềm vui, niềm hạnh phúc của con người trước những đổi thay của cuộc sống dẫu chưa có gì sáng sủa; thể hiện niềm tin vào tương lai, vào cuộc sống. Giọng văn hóm hỉnh, nhân hậu, thống thiết.

ĐỀ 32

I. Phần đọc hiểu

(...) Đặc biệt nhất trong khoa nấu nướng Việt Nam là cách pha chế nước chấm, và làm các món ăn để lâu như dưa, cà, tương, mắm. Nước chấm thì có nước mắm chanh ớt, nước mắm gừng, nước mắm cà cuống, nước mắm dấm tỏi, mắm tôm, mắm tép, mắm cá, tương gừng.

Tương làm từ hạt đậu nành. Ngon nhất là tương bần (Hải Hưng) và tương Nam Đàn (Nghệ Tĩnh). Có tương nếp, màu sẫm, và tương ngô màu vàng tươi.

Dưa ít ra cũng có mười loại phổ biến: dưa cải muối xổi, dưa cải củ muối xổi, dưa cải nén, hành nén, kiệu nén, dưa giã, dưa chuột, bắp cải, rau cần muối xổi, dưa góp...

Cà thì có cà pháo muối xổi, cà bát muối xổi, cà pháo nén, cà bát nén, cà bát muối ướp xì dầu, cà bát ngâm tương, củ cải dầm nước mắm.

Mắm thì có mắm tép, mắm tôm chua, mắm gừng, mắm thu, mắm mò, mắm mực, mắm cáy.

Nhiều người đi ra nước ngoài, cao lương mỹ vị không thiếu thứ gì, nhưng thèm đĩa rau muống luộc chấm tương, thèm đĩa mắm tôm chua, quả cà pháo nén cần giòn tan. Những thức ấy gợi nhớ đến quê hương xứ sở.

(Sổ tay Văn hóa Việt Nam, Trương Chính - Đặng Đức Siêu, NXB Văn hóa, 1978, tr. 111)

Câu 1. Xác định nội dung, phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2. Nêu biện pháp nghệ thuật chủ yếu được sử dụng trong văn bản và tác dụng biểu đạt của nó.

Câu 3. Đọc hai câu cuối văn bản trên, anh/chị liên tưởng đến câu ca dao quen thuộc nào? Chép theo trí nhớ câu ca dao đó và cho biết, vai trò của âm thực trong việc thể hiện bản sắc văn hóa dân tộc.

II. Phần làm văn

Câu 1. Trong thư gửi thầy giáo của con, một vị phụ huynh viết:

Xin thầy hãy giúp cháu có đủ sức mạnh để không chạy theo đám đông khi tất cả mọi người đều chạy theo như thế.

Anh, chị hiểu nguyện vọng của vị phụ huynh này như thế nào? Hãy phát biểu suy nghĩ của mình về điều đó.

Câu 2. Bàn về bi kịch của nhân vật Chí Phèo trong tác phẩm cùng tên của nhà văn Nam Cao, có ý kiến cho rằng: Đó là bi kịch của con người bị từ chối quyền làm người. Lại có ý kiến khác khẳng định: Bi kịch của nhân vật Chí Phèo, hơn thế còn là bi kịch của con người tự từ chối quyền làm người.

Từ việc cảm nhận về nhân vật Chí Phèo, anh/chị hãy bình luận ý kiến trên.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phần đọc hiểu

1. Yêu cầu về kỹ năng

- Thí sinh có kỹ năng đọc hiểu văn bản.
- Diễn đạt rõ ý, không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

2. Yêu cầu về kiến thức

Câu 1.

Nội dung của văn bản: Giới thiệu những món ăn dân dã, một nét văn hóa ẩm thực của người Việt Nam.

Phương thức biểu đạt chính: Phương thức thuyết minh.

Câu 2.

Biện pháp nghệ thuật chủ yếu được sử dụng trong văn bản: Sử dụng kiểu câu có khởi ngữ và phép liệt kê.

Tác dụng: Nhấn mạnh sự dồi dào, phong phú của các món ăn.

Câu 3.

Đọc hai câu cuối của văn bản trên, (có thể) liên tưởng đến câu ca dao:

Anh đi anh nhớ quê nhà

Nhớ canh rau muống nhớ cà dầm tương.

Vai trò của ẩm thực trong việc thể hiện bản sắc văn hóa dân tộc: Ẩm thực là một thành tố quan trọng trong việc tạo nên và góp phần làm phong phú bản sắc văn hóa từng dân tộc. Bối dưới góc độ văn hóa, ẩm thực được xem là những nét truyền thống lịch sử, truyền thống văn hóa của dân tộc, của địa phương. Ẩm thực là thành tố quan trọng tạo nên phong vị dân tộc, phong vị quê hương, đồng thời có tác động không nhỏ đến tâm tư, tình cảm và cách ứng xử của mỗi cộng đồng.

II. Phần làm văn

Câu 1.

1. Yêu cầu về kĩ năng

- Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận xã hội.
- Vận dụng tốt các thao tác lập luận.
- Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.
- Khuyến khích những bài viết sáng tạo.

2. Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở những hiểu biết các vấn đề xã hội và thực tế đời sống, đề bài yêu cầu thí sinh bày tỏ quan điểm, thái độ của mình trước một hiện tượng đời sống khá phổ biến của thanh niên hiện nay: chạy theo đám đông, a dua...

Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần làm nổi bật các ý sau đây:

*** Giải thích**

- Sức mạnh: khả năng tác động hoặc chịu/không chịu tác động một cách mạnh mẽ, tạo hiệu quả ở mức độ cao.
- Chạy theo đám đông: làm theo người khác một cách thiếu suy nghĩ, dễ dãi, làm theo mà không biết chuyện gì đang xảy ra.
- Ý của vị phụ huynh: mong muốn con mình có đủ khả năng, bản lĩnh, có chính kiến để không bị ảnh hưởng bởi những tác động xấu của đời sống.

* *Bình luận*

- Một nguyện vọng đúng đắn, chính đáng và hết sức tha thiết của người cha yêu thương con, có trách nhiệm, có hiểu biết sâu sắc.

+ Đám đông chạy theo nhau (*tất cả mọi người*) mà vị phụ huynh nói ở đây là một xu thế a dua, nhiều người cùng tham gia một sự việc nhưng hoàn toàn không có chính kiến, không hiểu bản chất sự việc. Họ chiếm ưu thế về số lượng nhưng không có sự liên kết, không có sự đồng tâm hiệp lực nên không tạo ra sức mạnh bền vững. Sức mạnh này có tính nhất thời, song có thể gây hậu quả nghiêm trọng.

+ Những người chạy theo đám đông là những người thiếu bản lĩnh, thiếu niềm tin vào bản thân, dễ bị lôi kéo, kích động. Hành vi chạy theo đám đông là hành vi đáng phê phán...

+ Khi có sức mạnh (được tạo nên bởi ý thức về giá trị, về năng lực... của bản thân), con người tin vào khả năng của bản thân, có bản lĩnh để không chạy theo người khác một cách mù quáng.

- Người thầy có vai trò vô cùng quan trọng trong việc giúp học trò có được sức mạnh trên, được phụ huynh đề cao: *xin thầy hãy giúp cháu.*

* *Liên hệ*

- Thực tế hiện nay: xu thế chạy theo đám đông trong cuộc sống là khá phổ biến, nhất là trong giới trẻ.

- Tác hại của việc chạy theo đám đông, của thói a dua: hình thành một thói quen xấu là chỉ biết làm theo người khác. Lối hành xử ấy dễ dẫn đến việc đánh mất bản ngã, thiếu bản lĩnh, thiếu tính tiên phong,... trong cuộc sống.

* *Bài học nhận thức và hành động*

- Cần phân biệt đúng sai, tốt xấu trong các mối quan hệ xã hội, giữa cá nhân và cộng đồng.

- Rèn luyện bản lĩnh sống, nâng cao tinh thần tự chủ.

Câu 2.

1. Yêu cầu về kỹ năng

- Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận văn học.

- Vận dụng tốt các thao tác lập luận.

- Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- Khuyến khích những bài viết sáng tạo.

2. Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở hiểu biết sâu sắc về tác giả Nam Cao, tác phẩm Chí Phèo, đặc biệt là bi kịch của nhân vật Chí Phèo, thí sinh trình bày quan điểm riêng của bản thân: có thể đồng tình với một trong hai ý kiến hoặc bổ sung, kết hợp giữa hai ý kiến để có cái nhìn đầy đủ, toàn diện về bi kịch của Chí Phèo, miễn là lí giải có sức thuyết phục. Sau đây là một số phương án thí sinh có thể lựa chọn .

Phương án 1. *Bi kịch Chí Phèo là bi kịch bị cự tuyệt quyền làm người.*

- Đây là quan niệm có tính truyền thống được nhiều người chấp nhận.

- Bàn luận:

+ Xã hội thực dân phong kiến tiếp tay cho bọn cường hào ác bá (Bá Kiến) đã đẩy Chí Phèo vào con đường tha hóa, trở thành *quý dũ* của làng Vũ Đại.

+ Định kiến xã hội đã chặn đứng con đường hoàn lương của Chí Phèo ngay cả khi Chí Phèo mong mỏi, khao khát được làm người *lương thiện* nhất.

⇒ Xã hội thực dân phong kiến cùng bọn cường hào ác bá và ngay cả những người dân hiền lành ở làng Vũ Đại không thể “vô can” trong việc đẩy Chí Phèo đến bi kịch, đến cái chết.

Phương án 2. *“Bi kịch Chí Phèo, hơn thế, còn là bi kịch của con người tự từ chối quyền làm người.”*

- Đây là ý kiến mới mẻ, có phần táo bạo khi nhìn nhận đánh giá về bi kịch số phận của nhân vật Chí Phèo.

- Bàn luận:

+ Xuất phát từ đặc điểm thời đại: Thời đại Nam Cao, ý thức về con người cá nhân có điều kiện phát triển. Nam Cao thể hiện tinh thần thời đại đó bằng cách chỉ ra rằng: nếu quá lệ thuộc vào cộng đồng, con người sẽ tự thủ tiêu mình; và nếu cộng đồng can thiệp quá sâu vào đời sống cá nhân, nó sẽ hủy diệt cá nhân đó.

+ Ý kiến trên xuất phát từ số phận nhân vật Chí Phèo

* Số phận cô độc và nỗi sợ cô đơn

* Cái chết của Chí Phèo và sự yếu đuối về ý thức cá nhân.

⇒ Ý kiến trên thể hiện cái nhìn sâu sắc về tấn bi kịch của người nông dân Chí Phèo. Rõ ràng Chí cũng phải chịu trách nhiệm về bản thân cũng như về cái chết của mình.

Phương án 3.

- Hoàn toàn đổ lỗi cho Chí Phèo là chỉ coi trọng nguyên nhân chủ quan, và

ngược lại, đổ lỗi hoàn toàn cho xã hội là chỉ coi trọng nguyên nhân khách quan. Trong khi đó, nguyên nhân dẫn đến bi kịch và cái chết của Chí bao gồm cả chủ quan và khách quan, chỉ coi trọng một mặt nào đó cũng là phiến diện. Chí Phèo vừa là nạn nhân của xã hội thực dân phong kiến và bọn địa chủ thống trị nham hiểm, tàn ác, vừa là hệ quả của sự yếu đuối về ý thức cá nhân.

- Viết về bi kịch người nông dân Chí Phèo, Nam Cao thể hiện quan niệm đầy đủ hơn, toàn diện hơn về con người, về giá trị của sự sống. Đó là những nhân tố mới mẻ, độc đáo trong chủ nghĩa nhân đạo của Nam Cao.

ĐỀ 33

I. Phần đọc hiểu

Trung Trắc, Trung Nhị là đàn bà, hô một tiếng mà các quận Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố và 65 thành ở Lĩnh ngoại đều hưởng ứng, việc dựng nước xưng vương dễ như trở bàn tay, đủ biết là hình thế đất Việt ta có thể dựng được cơ nghiệp bá vương. Tiếc rằng nối sau họ Triệu cho đến trước họ Ngô, trong khoảng hơn nghìn năm, bọn đàn ông chỉ cúi đầu, bó tay, làm tôi tớ cho người phương Bắc, há chẳng xấu hổ với hai chị em họ Trưng là đàn bà ư! Ôi, có thể gọi là tự mình bỏ mình vậy.

(Đại Việt sử ký - Lê Văn Hưu, do Ngô Sĩ Liên sao lục trong Đại Việt sử ký toàn thư, tập III, NXB Khoa học Xã hội, 1972).

Câu 1. Xác định nội dung của văn bản.

Câu 2. Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản.

Câu 3. Chỉ trong một đoạn văn ngắn, sử gia hai lần biểu lộ ý rằng: hai vị tiên bói là đàn bà. Điều này có ý nghĩa gì?

Câu 4. Theo anh/chị điểm khác biệt giữa văn bản sử trung đại và văn bản sử hiện đại là gì?

Câu 5. Ở văn bản trên, ngữ đoạn *đủ biết là hình thế đất Việt ta có thể dựng được cơ nghiệp bá vương* đã thể hiện quan niệm gì của sử gia? Hạn chế của quan niệm này trong việc đánh giá công lao của nhân vật lịch sử như thế nào?

II. Phần làm văn

Câu 1. Từ hiện tượng một số ca sĩ, người mẫu... trong làng giải trí Việt tạo

xì-căng-đan đề nổi tiếng được các trang mạng xã hội nhắc nhiều thời gian qua, anh/chị hãy viết một bài văn ngắn (khoảng 600 từ) trình bày suy nghĩ của mình về sự nổi tiếng và tài năng.

Câu 2. Về bài thơ *Từ ấy* của Tố Hữu, có ý kiến cho rằng: “*Đó là lời tâm nguyện của người thanh niên yêu nước đi theo cách mạng*”. Lại có ý kiến khẳng định: “*Đó là tiếng hát trong trẻo của tuổi mười tám, đôi mươi giác ngộ lí tưởng*”.

Bằng sự cảm nhận về bài thơ, anh/chị hãy bình luận các ý kiến trên.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phân đọc hiểu

1. Yêu cầu về kĩ năng

- Thí sinh có kĩ năng đọc hiểu văn bản.
- Diễn đạt rõ ý, không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

2. Yêu cầu về kiến thức

Câu 1. Nội dung của văn bản: Ca ngợi công lao và sức mạnh phi thường của Hai Bà Trưng, đồng thời phê phán những kẻ (đàn ông) hèn nhát cam tâm làm tay sai cho giặc.

Câu 2. Phong cách ngôn ngữ của văn bản: Phong cách ngôn ngữ chính luận.

Câu 3.

Ý nghĩa của việc sử dụng hai lần đề cập đến: hai vị tiền bối là đàn bà.

Thể hiện nhân quan phong kiến: *nam tôn nữ ti*, xem việc nước không thuộc bổn phận của nữ giới.

Vô hình trung, điều đó đã làm phương hại đến hình ảnh của Hai Bà.

Câu 4.

Điểm khác biệt giữa văn bản sử trung đại và văn bản sử hiện đại:

Sử trung đại: Gắn với văn học, ngắn gọn cô đúc, vừa chép sự thực vừa đánh giá.

Sử hiện đại: Tách biệt hẳn với văn học, mang tính khách quan.

Câu 5.

Ngữ đoạn “*đủ biết là hình thế đất Việt ta có thể dựng được cơ nghiệp bá vương*” đã thể hiện quan niệm địa linh nhân kiệt, đồng thời cũng thể hiện nhân quan phong thủy.

Vô hình trung, nhân quan này cũng đã làm phương hại đến vai trò, nhất là không đánh giá hết công lao của hai bậc tiền bối.

II. Phần làm văn

Câu 1.

1. Yêu cầu về kĩ năng

- Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận xã hội.
- Vận dụng tốt các thao tác lập luận.
- Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.
- Khuyến khích những bài viết sáng tạo.

2. Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở những hiểu biết về các vấn đề xã hội và thực tế đời sống, đề bài yêu cầu thí sinh bày tỏ quan điểm, thái độ của mình trước hai giá trị: sự nổi tiếng và tài năng trong cuộc sống.

Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần làm nổi bật các ý sau:

* *Giải thích:*

- Nổi tiếng: có tiếng đồn xa, được rất nhiều người biết đến.
- Tài năng: có năng lực xuất sắc, khả năng làm tốt và có sáng tạo trong một công việc nào đó.

* *Suy nghĩ của bản thân về sự nổi tiếng và tài năng*

Qua văn bản, người viết thể hiện nhận thức cũng như quan điểm đánh giá của mình trước hiện tượng trên, đồng thời bàn luận về hai phương diện thuộc phạm trù giá trị: nổi tiếng và tài năng. Có thể nhận thức về mối quan hệ giữa nổi tiếng và tài năng:

+ Sự nổi tiếng có thể xuất phát từ tài năng, nhờ tài năng mà đem lại nhiều lợi ích cho cộng đồng, nên được nhiều người biết đến. Song nhiều khi, sự nổi tiếng lại do cá nhân tự đánh bóng tên tuổi mình bằng một xì căng đan. Sự nổi tiếng này là một giá trị ảo, làm xói mòn, thậm chí làm băng hoại đạo đức, văn minh xã hội, do đó bị cộng đồng lên án, phản đối.

+ Tài năng đích thực mới tạo nên danh tiếng vững bền. Bởi chỉ có những người tài năng mới thực sự đem lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng, từ lợi ích vật chất đến lợi ích tinh thần. Nhiều khi những tài năng lớn có khả năng làm thay đổi đời sống của một đất nước, thậm chí của cả nhân loại. Vì thế, họ được nhiều người biết đến và tôn vinh.

+ Bày tỏ thái độ của bản thân như: phê phán những kẻ tạo các xi căng đan để nổi tiếng, và ngợi ca những tài năng đích thực.

** Bài học nhận thức và hành động:*

- Cần phân biệt nổi tiếng và tài năng, tránh sự ngộ nhận để tạo ra môi trường đời sống xã hội lành mạnh.

- Luôn có ý thức tạo lập và thường xuyên bồi đắp những giá trị tốt đẹp cho bản thân để hoàn thiện nhân cách, góp phần xây dựng xã hội lành mạnh, tiến bộ và văn minh.

Câu 2.

1. Yêu cầu về kĩ năng

- Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận văn học.
- Vận dụng tốt các thao tác lập luận.
- Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.
- Khuyến khích những bài viết sáng tạo.

2. Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở hiểu biết sâu sắc về tác giả Tố Hữu và bài thơ *Từ ấy*, thí sinh trình bày quan điểm riêng của bản thân: có thể đồng tình với một trong hai ý kiến hoặc bổ sung, kết hợp giữa hai ý kiến để có cái nhìn đầy đủ, toàn diện về giá trị của tác phẩm, miễn là lí giải có sức thuyết phục. Sau đây là một phương án có thể lựa chọn.

** Vài nét về tác giả, tác phẩm*

** Giải thích ý kiến*

- Ý kiến “Đó là lời tâm nguyện của người thanh niên yêu nước đi theo cách mạng” đề cập đến nội dung bài thơ: thể hiện nhiệt huyết và thái độ quyết tâm của người thanh niên yêu nước, một lòng một dạ đi theo cách mạng để chiến đấu cho hạnh phúc của nhân dân.

- Ý kiến “Đó là tiếng hát trong trẻo của tuổi mười tám đôi mươi giác ngộ lí tưởng” đề cập đến vẻ đẹp tâm hồn say mê, trong sáng của người trai trẻ khi mới được giác ngộ lí tưởng.

** Cảm nhận về bài thơ*

- Đó là lời tâm nguyện của người thanh niên yêu nước đi theo cách mạng:

+ Tự nguyện gắn bó với nhân dân lao khổ bằng tình cảm yêu thương giai cấp, để tạo thành sức mạnh *khởi* đời lớn lao.

+ Chia sẻ và cùng chiến đấu với nhân dân bằng tình cảm ruột thịt đậm đà, như con, em, anh.

- Đó là tiếng hát trong trẻo của tuổi mười tám, đôi mươi giác ngộ lí tưởng:

+ Tâm hồn thay đổi kỳ diệu khi bắt gặp lí tưởng cách mạng, coi lí tưởng là ánh sáng mặt trời chân lí, tác động mạnh mẽ đến tâm hồn, tình cảm, nhận thức: “Hồn tôi là một vườn hoa lá”.

+ Tâm hồn khi được giác ngộ lí tưởng vừa sôi nổi, say mê, chân thành vừa có sự bông bột đáng yêu của tuổi trẻ.

- Nghệ thuật: Hình ảnh thơ tươi sáng bay bổng, từ ngữ gợi cảm, giọng thơ náo nức say mê, giàu nhạc điệu.

* *Bình luận về hai ý kiến*

- Hai ý kiến trên đề cập đến những khía cạnh khác nhau nhưng không đối lập mà bổ sung cho nhau; hợp thành sự nhìn nhận đúng và toàn diện về bài thơ *Từ ấy*.

- Bài thơ *Từ ấy* diễn tả niềm vui sướng, say mê mãnh liệt của Tố Hữu trong buổi đầu gặp gỡ lí tưởng cách mạng. Sự kết hợp ánh sáng diệu kì của lí tưởng và nhiệt huyết trong sáng của tuổi trẻ làm nên vẻ đẹp đặc sắc này.

ĐỀ 34

I. Phần đọc hiểu

Đọc văn bản:

Bóng chữ

“Chia xa rồi anh mới thấy em

Như một thời thơ thiếu nhỏ

Em về trắng đầy cong khung nhớ

Mưa mấy mùa

Mây mấy độ thu

Vườn thừ một mùa hoa đi vắng

Em vẫn đây mà em ở đâu

Chiều Âu Lâu

Bóng chữ đọng chân cầu”

(Trích *Bóng chữ* - Lê Đạt, NXB Hội Nhà văn 1994, tr.27)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định thể thơ của văn bản. Hình thức thể thơ của văn bản này giống với văn bản nào mà anh/chị được học trong chương trình Ngữ văn 12?

Câu 2. Tìm nghĩa thực và nghĩa biểu tượng của nhan đề “*Bóng chữ*”.

Câu 3. Nêu đặc sắc nghệ thuật và giá trị biểu đạt của nó trong câu thơ sau:

Mưa mấy mùa

Mây mấy độ thu.

II. Phần làm văn

Câu 1. *Người tự ti thật đáng thương, kẻ tự đại còn đáng thương hại hơn.*

Anh/chị hãy viết một bài văn ngắn (khoảng 600 từ) trình bày suy nghĩ của mình về ý kiến trên.

Câu 2. Bàn về bài thơ *Tràng giang* của Huy Cận, có ý kiến cho rằng: “*Tràng giang là niềm khắc khoải không gian, là nỗi buồn mênh mang của con người khi nhận ra cái hữu hạn của đời mình trước đất trời bao la, vô tận*”. Lại có ý kiến khác khẳng định: “*Tràng giang là bài thơ ca ngợi non sông đất nước, do đó dọn đường cho lòng yêu giang sơn đất nước*”.

Bằng việc cảm nhận bài thơ, anh/chị hãy bình luận những ý kiến trên.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phần đọc hiểu

1. Yêu cầu về kĩ năng

- Thí sinh có kĩ năng đọc hiểu văn bản.
- Diễn đạt rõ ý, không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

2. Yêu cầu về kiến thức

Câu 1.

Thể thơ của văn bản: Thơ trữ tình hiện đại.

Văn bản trong Ngữ văn 12 có hình thức giống văn bản *Bóng chữ* là: “Đàn ghi ta của Lor-ca” của nhà thơ Thanh Thảo.

Câu 2.

Nghĩa thực và nghĩa biểu tượng của nhan đề *Bóng chữ*.

- Nghĩa thực: *Bóng* là ánh chiếu của *chữ*, là sự hắt loang những nét nghĩa ra

ngoài vỏ ngôn từ để người đọc tự do cảm nhận theo vốn hiểu của cá nhân, nói gọn lại là nghĩa đằng sau ngôn từ.

- Nghĩa biểu tượng: *chữ* cũng có thể là nàng (một cô gái cụ thể), cũng có thể là nàng thơ. Bóng em hay bóng nàng thơ cũng đều mong manh, xa vời, khó nắm bắt.

Câu 3.

Đặc sắc nghệ thuật và giá trị biểu đạt của câu thơ:

Mưa mấy mùa

Mây mấy độ thu.

- Đặc sắc nghệ thuật: Hình thức điệp phụ âm đầu và câu thơ vắt dòng.

- Tác dụng biểu đạt: Thí sinh có thể lí giải theo nhiều nghĩa khác nhau, miễn là hợp lí. Sau đây là một cách hiểu có thể tham khảo: Điệp phụ âm “*m*” tạo cảm giác mờ nhòe của sương khói thời gian, không gian cũng như mờ rộng, kéo dài không gian, thời gian ấy.

II. Phần làm văn

Câu 1.

1. Yêu cầu về kĩ năng

- Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận xã hội.
- Vận dụng tốt các thao tác lập luận.
- Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.
- Khuyến khích những bài viết sáng tạo.

2. Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở những hiểu biết về các vấn đề xã hội và thực tế đời sống, đề bài yêu cầu thí sinh bày tỏ quan điểm, thái độ của mình trước hai tính cách đối lập nhau nhưng đều là những biểu hiện tiêu cực trong cuộc sống.

Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần làm nổi bật các ý sau đây:

* *Giải thích:*

- Tự ti: Tự cho là mình hèn kém, thiếu tự tin.
- Tự đại: Tự cho là mình hơn người, coi thường người khác.
- Nội dung ý kiến: Người tự cho mình là hèn kém, từ đó thiếu tự tin trong cuộc sống thật đáng thương; nhưng kẻ luôn tự cho mình là hơn, từ đó coi thường người khác còn đáng thương hại hơn.

** Bàn luận:*

- Tại sao người tự ti thật đáng thương?

+ Tự ti là thiếu tự tin. Người thiếu tự tin dễ thoái chí nản lòng, giảm sút ý chí, không dám đảm nhiệm trách nhiệm. Người tự ti sẽ mất hết sự hăng hái, tin tưởng, hy vọng trong cuộc sống.

+ Người tự ti vì không tin vào khả năng của mình, luôn cảm thấy mình hèn kém nên thường dựa dẫm vào người khác, vì thế mà rất đáng thương. Ở đây không chỉ là sự thương hại mà còn ngầm ý phê phán.

- Tại sao kẻ tự đại còn đáng thương hại hơn?

+ Kẻ tự đại luôn cho là mình hơn người, vì thế không có ý thức cầu tiến, học hỏi người khác, thậm chí còn có thái độ coi thường người khác.

+ Kẻ tự đại luôn cho mình là đúng, không thấy được sai sót của bản thân, nhất là không chịu tiếp thu ý kiến của người khác.

+ Những kẻ tự đại sẽ thất bại trong cuộc sống và không được mọi người tôn trọng, quý mến.

** Bài học nhận thức và hành động:*

- Cần phân biệt tự ti với khiêm tốn, tự đại với tự tin để từ đó có ý thức tu dưỡng, điều chỉnh hành vi ứng xử của bản thân cho phù hợp với đạo đức xã hội.

- Thường xuyên giúp đỡ những người xung quanh có tư tưởng mặc cảm, tinh thần yếm thế để họ biết vươn lên, tự tin trong cuộc sống. Đồng thời đấu tranh, phê phán những kẻ tự kiêu, tự đại, giúp họ tiến bộ, trở thành người có ích cho xã hội.

Câu 2.

1. Yêu cầu về kĩ năng

- Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận văn học.

- Vận dụng tốt các thao tác lập luận.

- Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- Khuyến khích những bài viết sáng tạo.

2. Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở hiểu biết sâu sắc về nhà thơ Huy Cận và bài thơ *Tràng giang*, thí sinh trình bày quan điểm riêng của bản thân: có thể đồng tình với một trong hai ý kiến hoặc bổ sung, kết hợp giữa hai ý kiến để có cái nhìn đầy đủ, toàn diện về giá

trị tác phẩm, miễn là lí giải có sức thuyết phục. Sau đây là một phương án thí sinh có thể lựa chọn.

* *Giới thiệu tác giả, tác phẩm:*

* *Giải thích ý kiến:*

- Nội dung ý kiến thứ nhất nhấn mạnh phong cách thơ Huy Cận qua bài thơ *Tràng giang*: nỗi ám ảnh không gian và nỗi buồn, nỗi cô đơn rợn ngợp của kiếp người.

- Nội dung ý kiến thứ hai nhấn mạnh ý nghĩa tư tưởng của tác phẩm: thông qua việc ca ngợi non sông, đất nước để bộc lộ và thức tỉnh tình yêu quê hương, đất nước.

* *Bình luận:*

- Nhận định thứ nhất:

+ “Tràng giang là niềm khắc khoải không gian”:

• Không gian “tràng giang” (không gian thiên nhiên): không gian “trời rộng - sông dài”.

• Không gian cuộc sống: vắng lặng, hiu hắt, thiếu hơi ấm.

+ “Tràng giang là nỗi buồn mênh mang...”:

• Tự cảm được cái bé nhỏ, đơn côi của con người trước sự rộng lớn của cuộc đời.

• Cảm giác lạc loài, xa lạ của những con người sống trên quê hương mình mà cảm giác “thiếu quê hương”.

- Nhận định thứ hai:

+ “Tràng giang là bài thơ ca ngợi non sông, đất nước”:

• Hình ảnh non sông, đất nước.

• Cảm xúc, thái độ: Nhớ thương da diết.

+ “Tràng giang dọn đường cho lòng yêu giang sơn, đất nước”:

• Tác động của bài thơ đối với người đọc.

• Tâm sự yêu nước thầm kín của tác giả Huy Cận.

• Đặt bài thơ trong bối cảnh đất nước thời kỳ đó.

• Dấy lên trong lòng người đọc tình yêu đất nước.

- Thực chất, hai ý kiến có sự bổ sung, hỗ trợ cho nhau làm hoàn thiện thêm nội dung tư tưởng của bài thơ.

- Nghệ thuật thể hiện bài thơ: thủ pháp đối lập, hình ảnh thơ vừa cổ điển, vừa hiện đại,...

ĐỀ 35

I. Phần đọc hiểu

Đọc văn bản và thực hiện các yêu cầu sau:

“Sáng nay ra trận lên Tây Bắc

Hai đứa ta cùng đi đánh giặc

Tay dao tay súng gạo đầy bao

Chân cứng đạp rừng gai đá sắc

Rất đẹp hình anh lúc nắng chiều

Bóng dài lên đỉnh dốc cheo leo

Núi không đè nổi vai vươn tới

Lá ngụy trang reo với gió đèo”

(*Lên Tây Bắc* - Tố Hữu, *Thơ Tố Hữu*, NXB Giáo dục, 1986, tr. 136)

Câu 1. Xác định bút pháp miêu tả được sử dụng trong văn bản? Tác dụng của nó?

Câu 2. Mối quan hệ của nhân vật trữ tình và đối tượng trữ tình trong văn bản? Tình cảm của họ như thế nào?

Câu 3. Ở khổ thơ thứ hai, hình ảnh người lính hiện lên như thế nào? Hãy ghi lại cảm xúc của nhà thơ mà anh/chị cảm nhận được.

II. Phần làm văn

Câu 1. Anh/ chị hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 600 từ) bàn về ý kiến: *Gây ra những điều sai trái là tội lỗi, còn ngụy biện cho những điều sai trái là tội ác.*

Câu 2. Cảm nhận của anh/chị về vẻ đẹp của nhân vật viên quản ngục trong truyện ngắn *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân và nhân vật Đan Thiềm trong *Vĩnh biệt cửu Trùng Đài* trích *Vũ Như Tô* của Nguyễn Huy Tưởng.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phần đọc hiểu

1. Yêu cầu về kỹ năng

- Thí sinh có kỹ năng đọc hiểu văn bản.

- Diễn đạt rõ ý, không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

2. Yêu cầu về kiến thức

Câu 1.

- Bút pháp miêu tả được sử dụng trong văn bản: bút pháp hiện thực kết hợp với bút pháp lãng mạn cách mạng.

- Tác dụng: Tạo nên bức tượng đài về người lính rất thực, lớn lao, đẹp đẽ.

Câu 2.

- Mối quan hệ của nhân vật trữ tình và đối tượng trữ tình: Họ là đồng chí của nhau, cùng chung lí tưởng đánh giặc giữ nước, cùng chia sẻ gian khổ, khó khăn trong cuộc sống kháng chiến.

- Tình cảm của họ: Tình đồng chí nồng thắm, gần gũi, thân thiết và gắn bó.

Câu 3.

- Hình ảnh người lính hiện lên qua khổ thơ thứ hai mang vẻ đẹp kì vĩ, lớn lao, mạnh mẽ như một nhân vật thần thoại mà vẫn bình dị, gần gũi, hài hòa giữa thiên nhiên và cuộc sống.

- Cảm xúc của nhà thơ: Vừa tự nhiên, thân tình vừa yêu mến, ngưỡng mộ.

II. Phần làm văn

Câu 1.

1. Yêu cầu về kĩ năng

- Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận xã hội.

- Vận dụng tốt các thao tác lập luận.

- Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- Khuyến khích những bài viết sáng tạo.

2. Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở những hiểu biết về các vấn đề xã hội và thực tế đời sống, đề bài yêu cầu thí sinh bày tỏ quan điểm, thái độ của mình trước hai hành vi ứng xử tiêu cực: gây ra những điều sai trái và nguy hiểm cho việc làm sai trái. Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần làm nổi bật các ý sau đây:

* *Giải thích ý kiến:*

- Sai trái là những điều không đúng, không phù hợp với lẽ phải, không nên làm, không nên có. *Tội lỗi* là tội phạm phải. *Nguy hiểm* là cố gắng dùng những lí

lẽ bề ngoài có vẻ đúng nhưng thực ra là sai, để rút ra những kết luận xuyên tạc sự thật, nhằm phủ nhận tội lỗi. *Tội ác* là tội rất nghiêm trọng, cả về mặt luật pháp và đạo đức.

- Nội dung ý kiến: phê phán những kẻ gây ra sai trái, đã không hỏi cái, sửa chữa lại cố tình ngụy biện cho những điều sai trái đã phạm phải. Thái ngụy biện suy cho cùng là một tội ác, vì cố tình che giấu tội lỗi là hành vi làm băng hoại đạo đức, cản trở sự phát triển của xã hội.

** Bàn luận về ý kiến*

- Gây ra những điều sai trái là tội lỗi.

+ Gây ra sai trái dù vô tình hay cố ý đều là những sai lầm đáng tiếc.

+ Một xã hội nhiều tội lỗi là bởi tồn tại nhiều kẻ không có lương tâm, thiếu trách nhiệm trước cộng đồng. Tội lỗi nếu không được kiểm chế và kiểm soát sẽ gây ra những hiểm họa khôn lường cho xã hội.

- Ngụy biện cho những điều sai trái là tội ác.

+ Thái ngụy biện là cách hành xử của những kẻ luôn cố gắng lấp liếm, che giấu những sai trái do mình gây ra.

+ Kẻ ngụy biện thường sợ sự thật, sợ chân lí nên thường tìm mọi lí lẽ để xuyên tạc sự thật nhằm bảo vệ địa vị và lợi ích của mình. Ngụy biện cho tội lỗi là một tội ác, mở đường cho cái xấu chiếm lĩnh, ngự trị đời sống; là mối hiểm họa trong đời sống.

** Bài học nhận thức và hành động*

- Nhận rõ mối nguy hại của thái ngụy biện.

- Cần rèn luyện bản thân để có thái độ ứng xử đúng đắn trong cuộc sống: có tinh thần cầu thị dám nhìn thẳng vào sự thật, vào sai lầm của mình để sửa chữa, khắc phục cái sai, không ngừng hoàn thiện bản thân.

- Nhận biết và có tinh thần phê phán, đấu tranh với những biểu hiện sai trái, hiện tượng ngụy biện trong cuộc sống.

Câu 2.

1. Yêu cầu về kĩ năng

- Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận văn học.

- Vận dụng tốt các thao tác lập luận.

- Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- Khuyến khích những bài viết sáng tạo.

2. Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở hiểu biết sâu sắc về các tác giả Nguyễn Tuân, Nguyễn Huy Tưởng và hai tác phẩm: truyện ngắn *Chữ người tử tù*, vở bi kịch lịch sử *Vĩnh biệt Cửu Trùng Đài*, thí sinh biết cảm nhận, so sánh để làm rõ vẻ đẹp của hai nhân vật: quản ngục và Đan Thiềm - những người có tấm lòng *biệt nhỡn liên tài*.

- Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần làm nổi bật các ý sau đây:

* *Giới thiệu khái quát:*

- Tác giả Nguyễn Tuân, tác phẩm *Chữ người tử tù*, nhân vật viên quản ngục.

- Tác giả Nguyễn Huy Tưởng, tác phẩm *Vũ Như Tô*, nhân vật Đan Thiềm trong đoạn trích.

* *Cảm nhận về đẹp của hai nhân vật:*

- Về đẹp của nhân vật viên quản ngục:

+ Có sở thích cao quý: biết say mê và quý trọng cái đẹp, có tâm hồn nghệ sĩ, khao khát cái đẹp (đưa và phân tích dẫn chứng).

+ Biết cảm phục tài năng, nhân cách và có tấm lòng biệt nhỡn liên tài (đưa và phân tích dẫn chứng).

Đánh giá:

+ Nghệ thuật xây dựng nhân vật: bút pháp lãng mạn (thủ pháp đối lập, lí tưởng hoá), đặt nhân vật trong tình huống độc đáo.

+ Thái độ của nhà văn: khẳng định trong mỗi người đều ẩn chứa tâm hồn yêu cái đẹp, cái tài. Cái đẹp chân chính trong bất cứ hoàn cảnh nào vẫn giữ được phẩm chất, nhân cách.

- Về đẹp nhân vật Đan Thiềm:

+ Là người trân trọng, đam mê, hết mực yêu quý cái tài - tài năng sáng tạo ra cái đẹp, hết lòng bảo vệ, sẵn sàng chết cho cái tài (đưa và phân tích dẫn chứng).

+ Là người tinh táo, sáng suốt, thức thời, biết thích ứng với hoàn cảnh (đưa và phân tích dẫn chứng).

Đánh giá:

+ Nghệ thuật: Vẻ đẹp của nhân vật được bộc lộ qua ngôn ngữ, hành động kịch điều luyện có tính tổng hợp, hành động cao, không gian cung cấm với các tên đất, tên người cụ thể, gợi không khí lịch sử.

+ Thái độ của tác giả: vừa bày tỏ sự trân trọng, cảm mến, cảm thông vừa bày tỏ sự không đồng tình đối với nhân vật bi kịch.

* So sánh

- Điểm tương đồng:

+ Họ đều là những người yêu quý, trân trọng cái tài, cái đẹp - cái đẹp văn hóa của dân tộc.

+ Phẩm chất, tính cách trái ngược với hoàn cảnh, thân phận.

+ Qua hai nhân vật, cả hai nhà văn đều thể hiện quan niệm của mình về cái đẹp, vẻ đẹp phẩm chất, tính cách của hai nhân vật đối lập với thân phận của họ.

- Điểm khác biệt:

+ Quàn ngục:

• Đã đạt được sở nguyện cao quý của mình, có được cái đẹp.

• Cái đẹp mà quàn ngục khao khát gắn liền với nhân cách - thiên lương, tài hoa, khí phách. Cái đẹp tỏa sáng bất tử.

+ Đan Thiềm:

• Sở nguyện khát khao cái đẹp không thành, rơi vào bi kịch.

• Cái đẹp mà Đan Thiềm khao khát là cái đẹp thuần túy, không gắn liền với cái thiện, không gắn với giá trị sự sống nên không tồn tại.

ĐỀ 36

I. Phân đọc hiểu

Đọc văn bản:

*“Chót trên cành cao vót
Mây quả sấu con con
Như mấy chiếc khay lục
Trên áo trời xanh non.*

*Trời rộng lớn muôn trùng
Đóng khung vào cửa sổ
Làm mấy quả sấu tơ
Càng nhỏ xinh hơn nữa.*

*Trái con chưa đủ nặng
Để đeo oằn nhánh cong
Nhánh hãy giờ lên thẳng
Trông ngây thơ lạ lùng.*

*Cứ như thế trên trời
Giữa vô biên sáng nắng
Mấy chú quả sấu non
Giỡn cả cùng mây trắng..."*

(*Quả sấu non trên cao* - Xuân Diệu,

Thơ chống Mĩ cứu nước 1965 - 1967, NXB Văn học 1968, tr.83)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định nội dung và các phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản?

Câu 2. Biện pháp nghệ thuật chính được sử dụng trong khổ thơ đầu và cho biết đâu là nét đặc sắc của biện pháp nghệ thuật này?

Câu 3. Hình ảnh quả sấu non trên cao được khắc họa trong thế tương quan với bầu trời như thế nào? Ý nghĩa của sự tương quan đó?

II. Phần làm văn

Câu 1. *Mãi chạy theo những lợi ích thực dụng trước mắt, quên bồi đắp những giá trị nhân văn lâu bền sẽ là thảm họa.*

Hãy viết một bài văn ngắn (khoảng 600 từ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến trên.

Câu 2. Cảm nhận của anh/ chị về hình tượng ánh sáng và bóng tối trong truyện ngắn *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân và *Hai đứa trẻ* của Thạch Lam.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phần đọc hiểu

1. Yêu cầu về kỹ năng

- Thí sinh có kỹ năng đọc hiểu văn bản.
- Diễn đạt rõ ý, không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

2. Yêu cầu về kiến thức

Câu 1.

- Nội dung văn bản: Hình ảnh chùm quả sấu non trên cao.
- Các phương thức biểu đạt: miêu tả, biểu cảm.

Câu 2.

- Biện pháp nghệ thuật chính được sử dụng trong khổ thơ đầu: Biện pháp so sánh.
- Nét đặc sắc của biện pháp so sánh trong khổ thơ đầu là: So sánh liên tưởng song đôi (trời - áo; quả - khuy áo) giúp nhà thơ tạo ra hình ảnh độc đáo, bất ngờ, thú vị. Giữa hai sự vật, hai đối tượng quan sát tưởng rất xa nhau bỗng được liên kết lại trên cùng một hình ảnh.

Câu 3.

- Hình ảnh chùm sấu non được khắc họa trong thế tương quan với bầu trời. Đó là những quả sấu con con như những chiếc khuy lục của áo trời, cái *rộng lớn muôn trùng* của bầu trời càng làm nổi rõ cái nhỏ xinh, bé bỏng, tơ non của chùm sấu. Giữa cái *vô biên sáng nắng* là *mấy chú sấu non, trông ngây thơ lạ lùng, bé nhỏ (chưa đủ nặng để đeo oằn nhánh cong)* đang *Giỡn cả cùng mây trắng*.

- Ý nghĩa của sự tương quan (quả sấu non - bầu trời): Thiên nhiên và sự sống là kì diệu và vô cùng vô tận, không chỉ có bầu trời vô biên chứa đựng cả thiên hà mới kì diệu mà ngay cả mấy quả sấu non bình thường kia cũng chứa đựng cái vô cùng kì diệu của sự sống. Nếu không có “đôi mắt xanh non” và tấm lòng trân quý, nâng niu sự sống thì không thể phát hiện ra sự tương quan ẩn chứa những triết lí nhân sinh sâu sắc như thế.

II. Phần làm văn

Câu 1.

1. Yêu cầu về kĩ năng

- Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận xã hội.
- Vận dụng tốt các thao tác lập luận.
- Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.
- Khuyến khích những bài viết sáng tạo.

2. Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở những hiểu biết về các vấn đề xã hội và thực tế đời sống, đề bài yêu cầu thí sinh bày tỏ quan điểm, thái độ của mình trước một hành vi ứng xử

tiêu cực có tính thực dụng. Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần làm nổi bật các ý sau đây:

** Giải thích ý kiến*

- “Lợi ích thực dụng trước mắt” là mưu cầu về vật chất thiết thực, trước mắt cho bản thân, không quan tâm đến những giá trị khác; “giá trị nhân văn” là những lợi ích tốt đẹp, cao cả cho con người.

- Về nội dung, ý kiến một mặt khẳng định ý nghĩa của việc thường xuyên bồi đắp những giá trị tốt đẹp, cao cả cho con người, mặt khác phê phán và chỉ ra hậu quả của việc mãi chạy theo những lợi ích vật chất thực dụng trước mắt mà quên đi những giá trị cao đẹp.

** Bàn luận*

- *Hậu quả của việc mãi chạy theo lợi ích thực dụng trước mắt:*

+ Đối với cá nhân, mãi chạy theo những lợi ích thực dụng trước mắt sẽ khiến tâm hồn khô cứng, mất đi lí tưởng sống cao đẹp.

+ Đối với xã hội, khi con người chỉ quan tâm đến vật chất, nền tảng đạo đức sẽ bị suy thoái, đời sống cộng đồng thiếu đi sự thân thiện.

- *Hậu quả của việc không chú ý bồi đắp những giá trị nhân văn lâu bền:*

+ Đối với cá nhân, không chú ý bồi đắp những giá trị nhân văn sẽ dẫn đến lệch lạc trong nhận thức, tình cảm và dễ sai lầm trong hành động.

+ Đối với xã hội, nếu con người không quan tâm đến những giá trị nhân văn cao cả, lâu bền thì sự phát triển sẽ phiến diện.

** Bài học nhận thức và hành động*

- Cần nhận thức được những hậu quả to lớn của việc mãi chạy theo những lợi ích thực dụng trước mắt, biết kiềm chế những ham muốn vật chất tầm thường.

- Luôn bồi đắp những tình cảm tốt đẹp, những giá trị tinh thần cao quý để hoàn thiện bản thân, xây đắp một cuộc sống giàu tính nhân văn.

Câu 2.

1. Yêu cầu về kĩ năng

- Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận văn học.

- Vận dụng tốt các thao tác lập luận.

- Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- Khuyến khích những bài viết sáng tạo.

2. Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở hiểu biết sâu sắc về các tác giả Nguyễn Tuân, Thạch Lam và hai tác phẩm: truyện ngắn *Chữ người tử tù*, *Hai đứa trẻ*, từ đó thí sinh biết cảm nhận, so sánh hai hình ảnh có tính biểu tượng là *bóng tối* và *ánh sáng* trong hai thiên truyện.

- Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần làm nổi bật các ý sau đây:

* *Giới thiệu vài nét về tác giả và tác phẩm:*

- Trong văn học Việt Nam hiện đại giai đoạn 1930 - 1945, Nguyễn Tuân và Thạch Lam giữ vị trí khá quan trọng - là hai cây bút xuất sắc nhất đại diện cho dòng văn xuôi lãng mạn.

- Trong *Chữ người tử tù* và *Hai đứa trẻ*, ánh sáng và bóng tối được Nguyễn Tuân và Thạch Lam sử dụng không chỉ như một nguyên tắc tạo tình huống truyện mà còn vươn đến ý nghĩa biểu tượng về cái đẹp trong cuộc đời. Tuy nhiên, mỗi nhà văn lại có cách xử lý nghệ thuật riêng, tạo nên những thế giới nghệ thuật riêng biệt.

* *Cảm nhận về bóng tối và ánh sáng trong "Chữ người tử tù" và Hai đứa trẻ*

- Bóng tối và ánh sáng trong *Chữ người tử tù*:

+ Không gian nghệ thuật của *Chữ người tử tù* chủ yếu được xây dựng dựa trên không gian nhà tù - một trại giam tối om, khung cảnh nền ấy ngập tràn bóng tối quanh quẽ và tối mịt, hôi hám, bản thiú, tất cả nhuốm vẻ âm thầm, u ám.

+ Tương quan ánh sáng và bóng tối: bóng tối nhiều hơn ánh sáng, ánh sáng chỉ là một ngọn đèn leo lét lọt thỏm giữa bóng tối mịt mù, chỉ là một vại vì tinh tú nhấp nháy xa xa, trong đó có một ngôi sao chính vị muón từ biệt vũ trụ. Cuối cùng là ánh sáng của bó đuốc tẩm dầu sáng rõ trong nhà lao tăm tối, bản thiú. Xây dựng mối tương quan có vẻ không cân đối ấy, tác giả muón gửi gắm niềm tin về chút ánh sáng, dù le lói nhưng không bao giờ tắt - ánh sáng của thiên lương.

+ Hai nhân vật chính xuất hiện trong tác phẩm như một kiểu song trùng của sự tồn tại không thể thiếu nhau giữa hai khách thể đối cực, như ánh sáng và bóng tối. Song, chính vì là đối cực nên bản thân sự khác nhau này đã hàm chứa sự tương liên bổ sung cho nhau, thậm chí chuyển hóa từ bóng tối ra ánh sáng như một quy luật tất yếu. Cuộc gặp gỡ giữa hai con người tương như đối địch quyết liệt nhưng lại hoà hợp vô cùng ở phần kết thúc của truyện. Nó chứng tỏ ánh sáng của thiên lương tuy nhỏ nhoi nhưng cuối cùng vẫn chiến thắng.

- Bóng tối và ánh sáng trong “Hai đứa trẻ”:

+ Ánh sáng và bóng tối trong “Hai đứa trẻ” được biểu hiện qua bối cảnh tác phẩm - không gian phố huyện buồn tẻ. Thời gian là một buổi chiều quê đang sắp nhường chỗ cho bóng tối gợi không khí buồn hiu hắt đơn điệu của cuộc sống nơi đây: đám mây hồng như hòn than sắp tàn, dẫy tre làng đen kịt lại; đường phố tịch mịch đầy bóng tối. Bóng tối tượng trưng cho cuộc sống nghèo khó buồn hiu hắt đang đè nặng lên cuộc đời những con người phố huyện.

+ Ánh sáng được xây dựng như một hình tượng nghệ thuật độc đáo, gây nhiều ám ảnh. Gồm ba loại ánh sáng:

• Ánh sáng nơi phố huyện: những quãng sáng giới hạn, nhỏ nhoi, leo lét, những hột sáng... tượng trưng cho số phận mòn mỏi của những con người nơi đây.

• Ánh sáng đô thị: vừa là quá khứ, vừa là tương lai, là niềm mơ ước của hai đứa trẻ.

• Ánh sáng con tàu: Ánh sáng thức tỉnh đời sống tỉnh lẻ. Từ đây, ánh sáng và bóng tối không còn mang nghĩa thực nữa mà mang nghĩa biểu tượng của ước mơ, của khát khao hạnh phúc và những điều tốt đẹp trong cuộc sống.

+ Tương quan giữa ánh sáng và bóng tối: bóng tối lấn át ánh sáng và cuối cùng, bóng tối ngập đầy không gian phố huyện.

* *Điểm tương đồng, khác biệt về hình tượng bóng tối và ánh sáng trong hai tác phẩm*

- Điểm tương đồng:

+ Cả hai nhà văn đều xây dựng hình tượng ánh sáng và bóng tối để biểu hiện đời sống, đồng thời sử dụng ánh sáng và bóng tối như một nguyên tắc đối lập, một thủ pháp nghệ thuật trong xây dựng tình huống truyện.

+ Ánh sáng và bóng tối trong hai tác phẩm vừa mang nghĩa thực vừa mang ý nghĩa tượng trưng và ít nhiều có nghĩa tương đồng.

- Điểm khác biệt:

+ Ánh sáng trong hai tác phẩm đều biểu trưng cho cái đẹp. Song, cái đẹp ở *Chữ người tử tù* là cái đẹp có tính chất thiêng liêng, sang trọng, có giá trị như một bảo vật văn hóa dân tộc. Ánh sáng trong *Chữ người tử tù* là ánh sáng của chân lí, của thiên lương, của cái đẹp trong tài hoa, nhân cách. Còn ánh sáng trong *Hai đứa trẻ* lại biểu tượng cho ước mơ của khát vọng hạnh phúc và những điều tốt đẹp trong cuộc sống.

+ Bóng tối trong hai tác phẩm đều biểu hiện cuộc sống tù đống, quanh, mòn mỏi, âm u. Song, ở mỗi tác phẩm, bóng tối lại mang những hàm nghĩa khác nhau. Ở *Chữ người tử tù*, bóng tối là hiện thân cho cái xấu, cái ác trong bản chất con người, còn ở *Hai đứa trẻ*, bóng tối vừa mang nghĩa biểu trưng cho cuộc sống tù đống, quanh nơi phố huyện, vừa được sử dụng như phong nền nhằm nổi bật ba loại ánh sáng: ánh sáng nơi phố huyện, ánh sáng đô thị và ánh sáng đoàn tàu.

ĐỀ 37

I. Phần đọc hiểu

Đọc văn bản:

“Bộ sử kí của Tư Mã Thiên mà các nhà Nho vẫn công nhận là kiểu mẫu văn hay kia nếu không phát sinh từ trong buồng gan uất ức của ông “Thái sử” kia thì ở đâu ra. Gắn chúng ta hơn là các nhà tiền bối như: Nguyễn Du, Cao Bá Nha, Nguyễn Công Trứ, Yên Đổ, Tú Xương, Phan Sào Nam, Nguyễn Khắc Hiếu cũng vậy. Những câu văn mà hiện còn truyền tụng cùng đều biểu hiện những buồng tim đã chán chê hay tê tái với thế cuộc nhân tình. Không có một khối óc sôi nổi, không có một thể giới quan, nhân sinh quan sinh động thì không thể sản sinh được một áng danh văn.”

(Đặng Thai Mai)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định nội dung và phương thức biểu đạt của văn bản trên.

Câu 2. Hình thức lập luận và cách triển khai luận cứ của văn bản trên như thế nào?

Câu 3. Anh/chị có đồng ý với quan quan điểm trên của nhà phê bình nghiên cứu văn học Đặng Thai Mai không? Vì sao?

II. Phần làm văn

Câu 1. Tìm chỗ dựa cho mình là cần thiết nhưng làm chỗ dựa cho người khác còn cao quý và cần thiết hơn nhiều.

Hãy viết bài văn ngắn (khoảng 600 từ) bàn về ý kiến trên.

Câu 2. Có ý kiến cho rằng: “*Truyện ngắn Vợ nhặt của Kim Lân là bức tranh cảnh đời thê thảm về người dân lao động trong nạn đói năm Ất Dậu*”, lại có ý kiến khác khẳng định: “*Tác phẩm Vợ nhặt là bài ca ca ngợi cuộc sống người lao động - dù trong hoàn cảnh khốn khổ nào, họ vẫn khao khát vươn lên trên cái chết, cái thâm đạm để mà vui mà hi vọng.*”

Bằng cảm nhận của mình về truyện ngắn *Vợ nhặt*, anh/chị hãy bình luận những ý kiến trên.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phân đọc hiểu

1. Yêu cầu về kỹ năng

- Thí sinh có kỹ năng đọc hiểu văn bản.
- Diễn đạt rõ ý, không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

2. Yêu cầu về kiến thức

Câu 1.

- Nội dung văn bản: Vai trò quan trọng của thế giới quan và nhân sinh quan trong sáng tạo nghệ thuật.
- Phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản: Phương thức nghị luận.

Câu 2.

- Hình thức lập luận của văn bản: Hình thức quy nạp.
- Cách triển khai luận cứ: Để đi đến kết luận khẳng định vai trò của thế giới quan và nhân sinh quan, đầu tiên, tác giả đưa ra hai luận cứ sự thực, sau đó là một luận cứ lí lẽ.

Câu 3.

- Đồng tình, khẳng định quan điểm đúng đắn của tác giả.
- Giải thích lí do:
 - + Về mặt lí luận: Thế giới quan và nhân sinh quan là kim chỉ nam cho mọi sáng tạo nghệ thuật.
 - + Về thực tiễn: Những nhà văn, nhà thơ lớn, người sáng tạo nên những kiệt tác vô giá đều là những người có một khối óc vĩ đại và một trái tim thấm đẫm tâm lòng nhân thế.

II. Phần làm văn

Câu 1.

1. Yêu cầu về kỹ năng

- Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận xã hội.
- Vận dụng tốt các thao tác lập luận.
- Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.
- Khuyến khích những bài viết sáng tạo.

2. Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở những hiểu biết về các vấn đề xã hội và thực tế đời sống, đề bài yêu cầu thí sinh bày tỏ quan điểm, thái độ của mình trước một hành vi ứng xử đúng đắn mang tính vị tha. Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần làm nổi bật các ý sau đây:

* Giải thích:

- “Dựa” là nhờ ai/điều gì đó để bản thân có được sức mạnh và hành động hiệu quả; chỗ dựa là điểm tựa để có được sức mạnh và thể đứng vững chắc.
- Về nội dung, ý kiến này khẳng định việc làm chỗ dựa cho người khác là hành vi tốt đẹp, thể hiện đức hy sinh, lòng vị tha.

* Bàn luận:

- Tìm chỗ dựa cho mình trong cuộc sống là điều cần thiết.
- + Tùy theo hoàn cảnh và cách sống, mỗi người tìm đến những chỗ dựa khác nhau: chỗ dựa về vật chất, tinh thần; chỗ dựa ở bên ngoài, dựa vào chính mình...
- + Tầm quan trọng của chỗ dựa:
 - Về khách quan: cuộc sống chứa đựng nhiều biến động và những thử thách khó lường, con người rất cần chỗ dựa để tăng thêm sức mạnh, vượt qua khó khăn.
 - Về chủ quan: cần có chỗ dựa để được sẻ chia, tiếp sức, tìm thấy niềm vui, niềm tin và ý nghĩa của cuộc sống.
- Làm chỗ dựa cho người khác tốt đẹp và cần thiết hơn.
- + Đem lại cho người khác nguồn động viên, sự giúp đỡ về vật chất, tinh thần để họ vượt qua khó khăn, lấy lại niềm tin vào cuộc sống; tạo nên tảng phát triển cho cuộc sống của mỗi cá nhân, gia đình, dân tộc... đồng thời tạo nên mối quan hệ xã hội tốt đẹp là cách sống nhân văn.

** Bài học nhận thức, hành động:*

- Điều quan trọng là phải dựa vào chính mình, biết biến ngoại lực thành nội lực; phê phán những kẻ có lối sống ỷ lại, dựa dẫm.

- Cần phải trân trọng và có ý thức vun đắp những chỗ dựa tinh thần bền vững.

- Có ý thức trở thành chỗ dựa tốt đẹp cho người khác; phê phán lối sống vị kỉ.

Câu 2.

1. Yêu cầu về kĩ năng

- Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận văn học.

- Vận dụng tốt các thao tác lập luận.

- Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

- Khuyến khích những bài viết sáng tạo.

2. Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở hiểu biết sâu sắc về tác giả Kim Lân và tác phẩm: truyện ngắn *Vợ nhặt*, từ đó thí sinh biết bàn luận hai ý kiến tuy khác nhau nhưng đều làm nổi rõ giá trị nội dung tư tưởng của tác phẩm.

- Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần làm nổi bật các ý sau đây:

** Vài nét về tác giả, tác phẩm:*

** Giải thích ý kiến:*

- “Vợ nhặt là bức tranh cảnh đời thê thảm”: Cuộc sống khốn khổ, nhếch nhác, thê thảm của người dân trong nỗi ám ảnh về cái đói, cái chết.

- “Dù trong hoàn cảnh khốn khổ nào, họ vẫn khao khát vươn lên trên cái chết, cái thảm đạm đê mà vui mà hi vọng”: Dù trong tình cảnh bi đát đến đâu, người dân nghèo khổ vẫn là những người giàu lòng nhân ái, yêu thương, vượt lên trên hoàn cảnh để sống, để vui và hi vọng.

** Cảm nhận và bình luận:*

- Khẳng định hai ý kiến đánh giá đúng hai phương diện nội dung chủ yếu của tác phẩm.

- Bức tranh hiện thực đời sống người lao động trong nạn đói năm 1945:

+ Không khí chết chóc đầy ám ảnh của nạn đói.

+ Trong tình cảnh đó, cuộc sống trở nên nhếch nhác, tình yêu, hạnh phúc cũng đượm màu chua chát, xót xa.

- Niềm khao khát vươn lên, luôn hướng về niềm vui, hạnh phúc và tương lai:
- + Đời sống tâm hồn, tình cảm đáng quý và cảm động của người lao động (thái độ trân trọng, tình cảm cuu mang của Tràng đối với vợ; tình thương dâu, con của bà cụ Tứ).
- + Niềm khao khát hạnh phúc, mái ấm gia đình (cảm xúc thiết tha hơi ấm hạnh phúc, cuộc sống gia đình của vợ chồng Tràng, sự vun vén hạnh phúc cho con cái của bà cụ Tứ).
- + Niềm tin vào cuộc sống, vào tương lai, đặc biệt là tương lai cách mạng.
- Nghệ thuật: Tất cả nội dung trên được thể hiện bằng nghệ thuật viết truyện ngắn đặc sắc: từ tạo không khí, tả người, dựng chi tiết đến ngôn ngữ đối thoại và lời dẫn truyện đầy tài hoa của tác giả. Cao hơn là tấm lòng thương cảm của nhà văn đối với kiếp người đau khổ, là cái nhìn thật xót xa, trĩu mền ẩn sau nụ cười buồn.

ĐỀ 38

I. Phần đọc hiểu

Đọc văn bản:

“Nền văn hóa Đông Sơn (huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa) là một nền văn hóa đồ đồng và đồ sắt nổi tiếng trên thế giới. Dù loại vũ khí, dụng cụ, đồ trang sức, tác phẩm nghệ thuật được phát hiện: đục vũa bằng đồng, lưỡi cày đồng, dao găm đồng, vòng tay đồng, rìu sắt, cuốc sắt. Đặc biệt có những chiếc trống đồng. Chiếc to như chiếc trống đồng Ngọc Lũ, cao 0,63 mét, đường kính mặt trống 0,79 mét. Mặt trống và tang trống trang trí hình người, hình động vật và các đồ dùng khác. Có nhiều hoa văn hình học, hình răng cưa, hình vắn, hình tròn tiếp tuyến. Lại có những cảnh trong đời sống thể hiện phong cách nghệ thuật cách điệu hóa.

Chủ nhân nền văn hóa ấy không ai khác là người Lạc Việt, sống bao đời nay trên miền trung du, đồng bằng Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, và đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển từ buổi đầu thời đại đồng thau cho đến cuối thời đại đồng thau - đầu thời đại đồ sắt. Bấy giờ tổ tiên chúng ta chưa chịu ảnh hưởng của nền văn hóa Trung Quốc. Sự tiếp xúc của ta với Trung Quốc chỉ bắt đầu từ khi Triệu Đà

chiếm nước Âu Lạc của vua An Dương, tức là từ thế kỉ thứ II trước công nguyên. Thời kì cực thịnh của nền văn hóa Đông Sơn là thời kì vua Hùng, vua Thục.”

(Văn hóa Đông Sơn - Trương Chính, Đặng Đức Siêu,
Sổ tay văn hóa Việt Nam, NXB Văn hóa, 1978, tr. 29-30)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định nội dung và các phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản?

Câu 2. Trong các di vật tìm thấy ở Đông Sơn, các tác giả quan tâm nhất là vật gì? Vật đó nói lên điều gì về văn hóa Việt Nam?

Câu 3. Việc các tác giả khẳng định: “*Chủ nhân nền văn hóa ấy không ai khác là người Lạc Việt... Bấy giờ tổ tiên chúng ta chưa chịu ảnh hưởng của nền văn hóa Trung Quốc*” có ý nghĩa gì? Anh/chị có cảm nhận gì về thái độ của các tác giả?

II. Phần làm văn

Câu 1. Nhà văn Nguyễn Khải cho rằng: “*Để sống được hàng ngày tất nhiên phải nhờ vào những “giá trị tức thời”. Nhưng sống cho có phẩm hạnh, có cốt cách nhất định phải dựa vào những “giá trị bền vững”.*”

Hãy viết một bài văn ngắn (khoảng 600 từ), trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến trên.

Câu 2. “*Những thế hệ cha anh trưởng thành từ cuộc kháng chiến chống Pháp luôn là tấm gương sáng ngời về chủ nghĩa anh hùng cách mạng, họ vừa lưu giữ truyền thống vừa truyền lại cho con cháu truyền thống bất khuất của dân tộc.*”

Bằng cảm nhận của mình về nhân vật cụ Mết trong truyện ngắn *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành và nhân vật chú Năm trong truyện ngắn *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi, anh/chị hãy bình luận ý kiến trên.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phần đọc hiểu

1. Yêu cầu về kĩ năng

- Thí sinh có kĩ năng đọc hiểu văn bản.
- Diễn đạt rõ ý, không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

2. Yêu cầu về kiến thức

Câu 1.

- Nội dung văn bản: Giới thiệu nền văn hóa Đông Sơn, nền văn hóa đồ đồng, đồ sắt nổi tiếng của người Lạc Việt (Việt Nam).
- Các phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản: phương thức thuyết minh, phương thức chính luận.

Câu 2.

- Trong các di vật tìm thấy ở Đông Sơn, các tác giả đặc biệt chú ý tới trống đồng.
- Bởi vì, trống đồng phản ánh trình độ văn minh của người Lạc Việt. Những họa tiết trên bề mặt tang trống và mặt trống không chỉ phản ánh sự phát triển của nghề đúc đồng mà còn cho thấy hoạt động văn hóa của người Việt cổ.

Câu 3.

- Việc các tác giả khẳng định: “*Chủ nhân nền văn hóa ấy không ai khác là người Lạc Việt... Bấy giờ tổ tiên chúng ta chưa chịu ảnh hưởng của nền văn hóa Trung Quốc*”, có ý nghĩa: khẳng định nền văn hóa Lạc Việt là một nền văn hóa độc lập và bác bỏ quan điểm sai trái: người phương Bắc đem kĩ thuật đúc đồ đồng vào Việt Nam thời cổ.

- Thái độ của các tác giả: vừa khách quan khoa học, vừa bày tỏ niềm tự hào, tự tôn về nền văn hóa lâu đời của dân tộc Việt Nam.

II. Phần làm văn

Câu 1.

1. Yêu cầu về kĩ năng

- Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận xã hội.
- Vận dụng tốt các thao tác lập luận.
- Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.
- Khuyến khích những bài viết sáng tạo.

2. Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở những hiểu biết về các vấn đề xã hội và thực tế đời sống, đề bài yêu cầu thí sinh bày tỏ nhận thức, thái độ của mình trước các giá trị đời sống. Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần làm nổi bật các ý sau đây:

** Giải thích:*

- Giá trị tức thời: là những giá trị vật chất và tinh thần chưa trải qua sự thử thách, sàng lọc của thời gian, mới có ý nghĩa trong thời điểm hiện tại, thỏa mãn những nhu cầu cuộc sống sinh hoạt hàng ngày như: cơm, áo, gạo, tiền, vui chơi, giải trí, các mối quan hệ... Đây là những giá trị rất cần thiết vì thiếu nó, con người không thể tồn tại.

- Giá trị bền vững: Chỉ những giá trị tinh thần đã trải qua thử thách, sàng lọc của thời gian mới có ý nghĩa lâu bền, trở thành nền tảng văn hóa, đạo lí của dân tộc và nhân loại như: tinh thần yêu nước, lòng nhân ái, tình cảm tri ân, sự ngay thẳng trong sạch, phẩm Mĩ tinh tế,... Đây là những giá trị quan trọng giúp con người sống có phẩm hạnh, có cốt cách.

- Mối quan hệ giữa hai giá trị: Vừa đối lập vừa thống nhất. Con người cần có những *giá trị tức thời* để duy trì cuộc sống, cũng rất cần những *giá trị bền vững* để sống có ý nghĩa.

** Bàn luận:*

- Muốn tồn tại con người cần phải tạo ra và nhờ vào những *giá trị tức thời*. Tuy nhiên nếu quá coi trọng những giá trị đó, con người sẽ bị chi phối bởi lối sống thực dụng, coi trọng vật chất, chỉ nhìn thấy những lợi ích trước mắt.

- Để cuộc sống thật sự có ý nghĩa, con người phải vươn tới những giá trị tinh thần tốt đẹp. Tuy nhiên, cốt cách, phẩm giá của con người không thể có tức thời trong ngày một ngày hai, đó là kết quả của quá trình học tập, rèn luyện, bồi đắp lâu dài về tâm hồn, trí tuệ, hành động... Đó cũng là cách để con người có một cuộc sống bền vững, không chỉ giới hạn trong thời gian đời người mà còn trong sự ghi nhận lâu dài của cộng đồng.

- Những *giá trị tức thời*, nếu có ý nghĩa tích cực, được xã hội đón nhận, gìn giữ, lưu truyền sẽ trở thành những *giá trị bền vững*. Trong khi đó, có những giá trị đã được hình thành từ lâu, qua thực tiễn không còn phù hợp, trở nên lạc hậu, lỗi thời sẽ bị đào thải. Cứ thế, các giá trị được sàng lọc, chuyên hóa, làm cho cuộc sống của con người ngày càng tốt đẹp hơn.

** Bài học nhận thức và hành động.*

- Nhận thức được vai trò, ý nghĩa của mỗi loại giá trị.
- Hình thành kĩ năng sống, biết tiếp nhận hợp lí các giá trị của cuộc sống.
- Phải có bản lĩnh để sống có phẩm giá, cốt cách dựa theo nền tảng những giá trị bền vững về văn hóa, đạo lí... của dân tộc và nhân loại.

Câu 2.

1. Yêu cầu về kỹ năng

- Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận văn học.
- Vận dụng tốt các thao tác lập luận.
- Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.
- Khuyến khích những bài viết sáng tạo.

2. Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở hiểu biết sâu sắc về các tác giả Nguyễn Trung Thành, Nguyễn Thi và hai tác phẩm: *Rừng xà nu*, *Những đứa con trong gia đình*, đặc biệt là hai nhân vật cụ Mết và Chú Năm, thí sinh biết so sánh để làm nổi bật chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam trong chiến tranh, sự lưu giữ và trao truyền giá trị truyền thống của thế hệ cha anh cho các thế hệ tiếp nối.

- Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần làm nổi bật các ý sau đây:

* *Vài nét về tác giả và tác phẩm*

- Nguyễn Trung Thành là nhà văn tiêu biểu cho khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn của văn học Việt Nam thời kháng chiến. *Rừng xà nu* là truyện ngắn xuất sắc của ông, viết về cuộc chiến đấu kiên cường bất khuất của nhân dân Tây Nguyên thời chống Mỹ.

- Nguyễn Thi là nhà văn của nông thôn Nam Bộ với những sáng tác vừa giàu chất hiện thực vừa đậm thắm trữ tình. *Những đứa con trong gia đình* là truyện ngắn xuất sắc của ông, viết về nguồn gốc tạo nên sức mạnh của con người Việt Nam trong thời chống Mỹ.

* *Giải thích ý kiến*

- Chủ nghĩa anh hùng cách mạng: Tinh thần dũng cảm kiên cường, không lùi bước trước nguy hiểm, hy sinh để thực hiện những hành động lớn lao có ý nghĩa đối với cách mạng và nhân dân.

- Những thế hệ đi trước trong cuộc kháng chiến chống Pháp luôn nêu cao tinh thần cách mạng kiên cường, bất khuất, đi đầu trong đấu tranh chống kẻ thù chung của dân tộc. Họ vừa lưu giữ truyền thống, vừa có ý thức giáo dục truyền thống cách mạng cho con cháu mai sau.

** Cảm nhận về nhân vật cụ Mết và nhân vật chú Năm*

- Cụ Mết và chú Năm là những tấm gương sáng ngời về chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

+ Nhân vật cụ Mết: Cụ Mết là già làng, tiêu biểu cho thế hệ cách mạng đi trước của làng Xô Man, mang vẻ đẹp siêu phàm, kì ảo của những thủ lĩnh anh hùng trong các trường ca Tây Nguyên.

- Cụ Mết là người Tây Nguyên yêu làng, yêu nước, khao khát tự do.
- Cụ Mết tiêu biểu cho trí tuệ và sức mạnh của con người Tây Nguyên; là chỗ dựa vững chắc cho cả cộng đồng.
- Cụ có niềm tin tuyệt đối vào sự lãnh đạo tài tình của Đảng và tương lai của cách mạng.

+ Nhân vật chú Năm:

• Chú Năm là người lớn duy nhất trong một gia đình giàu truyền thống cách mạng, chú là chỗ dựa cho con cháu như Việt và Chiến.

• Chú tiêu biểu cho những phẩm chất tốt đẹp của người nông dân Nam Bộ: khảng khái, bộc trực, trọng đạo nghĩa, giàu lòng yêu nước, yêu cách mạng, tin ở ngày mai, tin vào con cháu.

- Cụ Mết và chú Năm là những người đã lưu giữ truyền thống và truyền lại truyền thống tốt đẹp cho con cháu.

+ Cụ Mết là người giàu kinh nghiệm sống cũng như kinh nghiệm đấu tranh cách mạng. Cụ luôn có ý thức, bằng hình thức kể chuyện - qua những câu chuyện kể - đúc kết thành những bài học cách mạng.

+ Chú Năm là người từng trải, cuốn sổ gia đình do chú ghi chép và lưu giữ đã cho chúng ta thấy: chú là một chứng nhân lịch sử của hai cuộc kháng chiến, chống Pháp và chống Mĩ.

Chú Năm là người lưu giữ và tiếp thêm ngọn lửa truyền thống cho Chiến và Việt qua những câu hò, đặc biệt qua cuốn sổ gia đình - những bằng chứng chân thực về nợ máu của kẻ thù và về sự dũng cảm kiên cường của cả một dòng họ trong chiến đấu.

** Bình luận ý kiến*

Khẳng định ý kiến đúng. Nguyễn Trung Thành và Nguyễn Thi đều là những nhà văn chiến sĩ, luôn có mặt ở những nơi chiến tranh nóng bỏng, ác liệt nhất. Nguyễn Trung Thành là nhà văn của người dân Tây Nguyên, còn Nguyễn Thi là

nhà văn của người dân Nam Bộ. Họ yêu mảnh đất Tây Nguyên cũng như mảnh đất cực Nam Tổ quốc và người dân nơi đây bằng một tình yêu máu thịt.

- Nhân vật cụ Mết và nhân vật chú Năm, mỗi người một cá tính, một hoàn cảnh khác nhau, song cả hai đều là tấm gương sáng ngời về tình yêu quê hương đất nước, tình yêu cách mạng sâu nặng. Tình cảm này được biểu hiện cụ thể bằng lòng tự hào về quê hương và truyền thống gia đình, bằng ý thức giáo dục con cháu để các thế hệ mai sau gìn giữ được ngọn lửa truyền thống quý báu đó.

- Với tình cảm quý mến và cảm phục, các nhà văn đã khắc họa hai nhân vật một cách đậm nét, tạo ấn tượng sâu đậm trong lòng người đọc.

ĐỀ 39

I. Phần đọc hiểu

Đọc văn bản:

“Cũng vào khoảng cuối tháng ba, các cây sấu đầu mọc ở các vùng quê Bắc Kỳ đâm hoa và người ta thấy hoa sấu đầu nở như cười. Hoa nhỏ bé, lấm tấm mấy chấm đen, nở từng chùm, đu đưa như đu đưa vông mỗi khi có gió. Có người cho hoa đó là một thứ hoa không vương giả như hoa đào, phong lan, mai mận... Nhưng các cụ thực biết thưởng hoa lại quả quyết không có một loài hoa nào thơm một cách chân thật, quê mùa như thế. Bây giờ nhắc đến loại hoa này, tôi vẫn còn nhớ in những buổi chiều vàng đi thơ thẩn về miền quê, bỗng lạc bước tới một vùng cát trắng ở Xuân Trường, Hải Hậu, ở Phố Cát, Lương Đường, ở Bình Thủy, Mai Động... san sát những căn nhà nhỏ bé xanh um cây cối, trắng xóa tường vôi, mà nhà nào cũng có vài gốc sấu đầu vượt lên như ngạo nghễ khoe với trời cao ngất ngất những chùm bông phơn phớt màu hoa cà êm êm.

Hỡi ơi du khách đã xuân tứ! Tôi đó anh nhìn thấy những cái cây mảnh mai yếu điệu mang từng chùm hoa diễm kiều như thế mà lại không dùng chân đứng lại! Tự nhiên anh thấy tim anh nhói nhói.

Ở đời thịnh thoàng ta lại có cảm giác như thế mỗi khi sung sướng quá, mỗi khi yêu nhiều quá. Yêu hoa sấu đầu không để vào đâu cho hết, nhớ hoa sấu đầu ở quê hương ta không biết mấy mươi! Người mắc bệnh lưu lý đã xa cách phần tư mấy chục năm rồi mà lạ thay sao cứ đến tháng ba, nhớ đến sấu đầu mình vẫn cảm như còn thấy thoàng thoàng đầu đây một mùi thơm mát mẽ, dịu dàng, mát mẽ còn

hơn cả hương cau, mà dịu dàng có khi hơn cả mùi thơm hoa mộc! Mùi thơm huyền diệu đó hòa với mùi của đất ruộng cây vờ ra, mùi đậu đã già mà người nông phu hái về phơi nắng, mùi mạ non lên sớm xanh màu hoa lý và đẹp như những bức tranh lập thể, mùi khoai sắn, mùi rau cần ở các ruộng xâm xấp nước đưa lên... Bao nhiêu thứ đồ, bấy nhiêu thương yêu... có phải đã có một lúc anh cảm thấy như ngây ngất, như nhức đầu, như say một thứ men gì phải không?"

(Trích: *Tháng Ba, rét Nàng Bân* - Vũ Bằng, *Thương nhớ mười hai*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1989)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định nội dung và phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản.

Câu 2. Tìm một số từ ngữ, chi tiết miêu tả hoa sấu đầu và cho biết nét đặc sắc trong bút pháp miêu tả của tác giả?

Câu 3. Đọc văn bản trên, anh/chị hiểu gì về nhà văn Vũ Bằng?

II. Phần làm văn

Câu 1. “Cuộc đời bạn sẽ trôi qua một cách vô nghĩa nếu mãi chìm đắm trong những lối mòn của quá khứ hay quá lo lắng cho tương lai.”

Hãy viết một bài văn ngắn (khoảng 600 từ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến trên.

Câu 2.

“Ta về, mình có nhớ ta
Ta về, ta nhớ những hoa cùng người.
Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng.
Ngày xuân mơ nở trắng rừng
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang.
Ve kêu rừng phách đổ vàng
Nhớ cô em gái hái măng một mình
Rừng thu trăng rọi hòa bình
Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.”

(*Việt Bắc* - Tô Hữu, *Ngữ văn 12*, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2013, tr. 111)

Về đoạn thơ trên, có ý kiến cho rằng: “*Đoạn thơ tựa một khúc hát dân gian.*” Ý kiến khác thì khẳng định “*Đoạn thơ như một bức tử bình cổ điển.*”

Bằng sự cảm nhận về đoạn thơ, anh/chị hãy bình luận các ý kiến trên.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phần đọc hiểu.

1. Yêu cầu về kĩ năng

- Thí sinh có kĩ năng đọc hiểu văn bản.
- Diễn đạt rõ ý, không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

2. Yêu cầu về kiến thức

Câu 1.

- Hoài niệm về cây sấu đầu tháng ba ở các vùng quê miền Bắc.
- Phương thức biểu đạt: miêu tả kết hợp với biểu cảm.

Câu 2.

Những từ ngữ, chi tiết miêu tả hoa sấu đầu trong văn bản: *Hoa nở như cười, hoa nhỏ bé, lấm tấm mấy chấm đen, nở từng chùm, đu đưa như đưa vông mỗi khi có gió, những chùm bông phơn phớt màu hoa cà êm êm, từng chùm hoa diễm kiều, một mùi thơm mát mẻ, dịu dàng, mát mẻ còn hơn cả hương cau, mà dịu dàng có khi hơn cả mùi thơm hoa mộc, mùi thơm huyền diệu...*

Nét đặc sắc trong bút pháp miêu tả: Hình ảnh hoa sấu đầu không được khắc họa bằng cảm giác trực tiếp của hiện tại mà là những cảm giác của quá khứ. Điều đặc biệt là hình ảnh trong tiềm thức nhưng lại hiện lên sinh động chân thực đến lạ lùng. Đó là kết quả của sự cảm nhận tinh tế, nhạy cảm bằng tất cả các giác quan, kết hợp với cách miêu tả kĩ lưỡng, chính xác những ấn tượng, xúc cảm đã có.

Câu 3.

Qua văn bản, nhất là qua hình ảnh hoa sấu đầu, Vũ Bằng đã chứng tỏ:

- + Là một nhà văn có tài.
- + Là người tinh tế, nhạy cảm trước mọi biến thái tinh tế, vi diệu của thiên nhiên và cuộc sống.
- + Là người có tấm lòng nhớ thương đau đáu, da diết tới quê hương miền Bắc.

II. Phần làm văn

Câu 1.

1. Yêu cầu về kĩ năng

- Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận xã hội.
- Vận dụng tốt các thao tác lập luận.
- Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.
- Khuyến khích những bài viết sáng tạo.

2. Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở những hiểu biết về các vấn đề xã hội và thực tế đời sống, đề bài yêu cầu thí sinh bày tỏ nhận thức, thái độ của mình trước những lối sống thiếu tích cực. Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần làm nổi bật các ý sau đây:

* *Giải thích ý kiến*

- Cuộc đời trôi qua một cách vô nghĩa: là cuộc đời không có ý nghĩa, giá trị đối với bản thân và cộng đồng; mãi chìm đắm hay quá lo lắng là những trạng thái tâm lí bị đè nặng, không thoát ra được sự ám ảnh.

- Về thực chất, ý kiến này khẳng định con người phải sống hết mình với hiện tại và phải thoát ra khỏi những mặc cảm về sai lầm, khuyết điểm trong quá khứ hay những lo lắng thái quá cho tương lai.

* *Bàn luận về ý kiến*

- Mặc cảm về quá khứ sẽ khiến con người mất ý chí vươn lên, bỏ quên hiện tại; quá khứ không thể thay đổi hay sửa chữa nhưng cho con người những kinh nghiệm sống quý giá để thực hiện những khát vọng trong cuộc sống.

- Nhận thức đúng những sai lầm trong quá khứ để rút kinh nghiệm cho hiện tại và tương lai là cần thiết.

- Quá lo lắng cho tương lai sẽ triệt tiêu sự phấn đấu vươn lên của con người.

- Cần suy nghĩ về tương lai một cách tỉnh táo để có những định hướng đúng đắn cho hiện tại. Không nên quá lo lắng cho tương lai mà bỏ qua những hành động thiết thực cho cuộc sống hiện tại của bản thân.

* *Bài học về nhận thức và hành động*

- Cần nhận thức được sự tác động, chi phối tiêu cực của trạng thái tâm lí quá nặng nề về quá khứ hay tương lai đối với hiện tại.

- Biết vượt qua những trạng thái tâm lí không tốt để có những suy nghĩ và hành động tích cực ở hiện tại.

Câu 2.

1. Yêu cầu về kĩ năng

- Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận văn học.
- Vận dụng tốt các thao tác lập luận.
- Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.
- Khuyến khích những bài viết sáng tạo.

2. Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở hiểu biết sâu sắc về nhà thơ Tố Hữu và bài thơ *Việt Bắc*, từ đó thí sinh biết bàn luận hai ý kiến tuy khác nhau nhưng đều làm nổi rõ giá trị nội dung tư tưởng tác phẩm.

- Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần làm nổi bật các ý sau đây:

*** Vài nét về tác giả, tác phẩm:**

- Tố Hữu là nhà thơ lớn của nền thơ ca cách mạng. Thơ Tố Hữu tiêu biểu cho khuynh hướng thơ trữ tình chính trị, đậm đà tính dân tộc.
- Bài thơ *Việt Bắc* là đỉnh cao của thơ Tố Hữu và cũng là thành tựu xuất sắc của thơ ca kháng chiến chống Pháp.

*** Giải thích ý kiến**

- “Đoạn thơ tựa một khúc hát dân gian” nhấn mạnh vẻ đẹp giàu nhạc điệu, tính chất bình dị, đi vào lòng đông đảo nhân dân của bài thơ. “Đoạn thơ như một bức tứ bình cổ điển” nhấn mạnh vẻ đẹp giàu chất tạo hình, hài hòa, cân xứng như một bức tranh bốn mùa có tính chất cổ điển, mẫu mực.

- Hai ý kiến có nội dung khác nhau nhưng bổ sung cho nhau, cùng khẳng định những nét đặc sắc của đoạn thơ, đó là sự hài hòa giữa vẻ đẹp giản dị, gần gũi với vẻ đẹp mẫu mực, cổ điển, là sự hài hòa giữa họa và nhạc.

*** Cảm nhận đoạn thơ và bình luận hai ý kiến**

- Cảm nhận đoạn thơ:

+ Đoạn thơ tựa một khúc hát dân gian

• Miêu tả cuộc chia tay đầy lưu luyến giữa kẻ ở, người đi, giọng thơ ngọt ngào đậm thắm; nỗi nhớ cảnh và người Việt Bắc của người ra đi sâu nặng nghĩa

ình. Cảnh sắc thiên nhiên và khung cảnh làng bản đẹp thân thương, gần gũi; con người bình dị, chịu thương chịu khó, nghĩa tình. Cảnh và người hài hòa. Tất cả gợi nhớ cảnh chia tay trong những khúc hát giao duyên của người bình dân xưa.

- Thể thơ lục bát êm đềm, kết cấu đối đáp và cách xưng hô *minh - ta* đậm thắm, những cách chuyển nghĩa quen thuộc như ca dao dân ca trữ tình, thơ giàu nhạc điệu.

- + Đoạn thơ như một bức tứ bình cổ điển

- Nổi nhớ của người ra đi gắn với cảnh và người Việt Bắc trong bốn mùa: đông, xuân, hạ, thu. Cảnh sắc tiêu biểu cho từng mùa. Con người xuất hiện giữa thiên nhiên, làm đẹp thêm cho thiên nhiên. Cảnh và người hài hòa. Tất cả làm thành vẻ đẹp của một bức tranh tứ bình cổ điển.

- Hình ảnh thơ trong sáng, có sự chuyển hóa màu sắc sinh động: rừng xanh - rừng trắng - rừng vàng - rừng bạc; ngôn ngữ giàu chất tạo hình.

- Bình luận hai ý kiến

- + Hai ý kiến đều đúng, tuy có nội dung khác nhau, tưởng như đối lập nhưng thực ra là bổ sung cho nhau, cùng khẳng định những đặc sắc của đoạn thơ: vừa bình dị, có yếu tố dân gian, vừa mẫu mực cổ điển.

- + Đoạn thơ có được sự hòa hợp đó là do Tô Hữu là nhà thơ nghiêng về truyền thống; luôn tìm kiếm và kế thừa những tinh hoa của nghệ thuật dân gian, đồng thời kết hợp hài hòa với nghệ thuật cổ điển.

ĐỀ 40

I. Phân đọc hiểu

Đọc văn bản:

“Khăng định, ca ngợi có sức cổ vũ, động viên lớn, làm cho người ta tự tin, phấn chấn, hướng theo cái tốt mà suy nghĩ, hành động, qua đó hạn chế, khắc phục cái tiêu cực, cái xấu trong cuộc sống. Khăng định có nhiều thuận lợi trong việc thực hiện và dễ được sự ủng hộ của xã hội. Nhưng khăng định cũng có cái khó của nó. Khăng định dễ có nguy cơ rơi vào tô hồng, công thức. Cái tốt, cái mới thường đang trong quá trình hình thành, chưa có những đường nét ổn định, chưa thành phổ biến, lắm khi bị che lấp, chèn ép, nghệ sĩ phải có con mắt tinh đời mới phát hiện ra được. Hấp dẫn người đọc, làm cho họ thích thú với cái hay,

cái tốt phổ biến, “hiển nhiên”, cái đẹp mà tự họ cũng biết được do kinh nghiệm bản thân hoặc do các nguồn thông tin khác, đây cũng chẳng phải việc dễ. Đến với nghệ thuật, tâm lý người đọc, luôn chờ đợi một cái gì mới mẻ, bất ngờ, sâu sắc hơn, ngay cả khi tiếp xúc với những điều quen thuộc, bình thường nhất. Người ta nói nghệ thuật là ngạc nhiên, nó làm cho tâm hồn con người luôn tươi trẻ, nhạy cảm trước cuộc sống muôn màu muôn vẻ. Nghệ thuật kỳ sự trùng lặp, bằng phẳng, đơn điệu là vì vậy.

Viết về cái tốt, cái đẹp chưa thành phổ biến, hiển nhiên, mà mới đang là cái mầm, cái nụ, đang phải lách qua bao nhiêu thành kiến, thói tục cũ để phát triển, để chứng minh lẽ phải sâu xa của nó, việc này lại càng khó. Ở đây lý tưởng chưa đủ, mà phải có dũng khí, có hiểu biết sâu sắc, có trình độ nghệ thuật cao, thì miêu tả mới có sức thuyết phục, tranh thủ được sự đồng tình rộng rãi của người đọc đối với những điều cần khẳng định.”

(Suy nghĩ về văn học - Nguyễn Văn Hạnh,
NXB Văn học, 1979, tr. 14-15)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định nội dung, phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản trên.

Câu 2. Dựa vào văn bản, hãy cho biết những thuận lợi và khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ khẳng định cuộc sống mới.

Câu 3. Theo anh/chị, vì sao văn học phải khẳng định cuộc sống mới, đồng thời phải phê phán cái tiêu cực còn rơi rớt trong xã hội ta hiện nay?

II. Phần làm văn

Câu 1. “Nơi nào có ý chí, nơi đó có con đường.”

Hãy viết một bài văn ngắn (khoảng 600 từ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến trên.

Câu 2. Cảm nhận của anh/chị về khát vọng sống của hai người phụ nữ Mị và người đàn bà vợ Tràng trong tác phẩm *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài và *Vợ nhặt* của Kim Lân.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phần đọc hiểu

1. Yêu cầu về kỹ năng

- Thí sinh có kỹ năng đọc hiểu văn bản.

- Diễn đạt rõ ý, không mắc các lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

2. Yêu cầu về kiến thức

Câu 1.

- Nội dung văn bản: Nhiệm vụ khẳng định của văn học.

- Phương thức biểu đạt: Phương thức nghị luận.

Câu 2.

- Những thuận lợi trong việc thực hiện nhiệm vụ khẳng định cuộc sống mới:

+ Nhiệm vụ hàng đầu của nền văn nghệ mới là khẳng định cái mới của cách mạng, của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta.

+ Khẳng định cái mới luôn được xã hội ủng hộ.

- Những khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khẳng định cuộc sống mới:

+ Khẳng định dễ có nguy cơ rơi vào tô hồng, công thức mà nghệ thuật thì không chấp nhận sự trùng lặp, đơn điệu.

+ Cái tốt, cái mới thường đang trong quá trình hình thành, chưa có những đường nét ổn định, chưa thành phổ biến, lắm khi bị che lấp, chèn ép.

Câu 3.

Nhiệm vụ của văn học phải khẳng định cuộc sống mới, đồng thời phải phê phán cái tiêu cực còn rơi rớt trong xã hội ta hiện nay.

- Văn học phải khẳng định cái mới vì:

+ Cảm hứng chủ đạo của nền văn nghệ hiện thực xã hội chủ nghĩa là khẳng định cuộc sống mới và con người mới.

+ Khẳng định, ca ngợi có sức cổ vũ, động viên lớn, làm cho người ta tin, phấn chấn hướng theo cái tốt mà suy nghĩ, hành động, qua đó hạn chế, khắc phục cái tiêu cực, cái xấu xa trong cuộc sống.

- Văn học phải phê phán cái tiêu cực còn rơi rớt trong xã hội ta hiện nay vì:

+ Nếu văn nghệ không làm hoặc không làm tốt nhiệm vụ phê phán cái tiêu cực trong đời sống xã hội ta hiện nay thì văn nghệ sẽ mất lòng tin của quần chúng.

+ Văn nghệ không làm hoặc làm yếu nhiệm vụ phê phán cái xấu thì tự nó sẽ giảm dần độ nhạy cảm và tính chiến đấu, mất thăng bằng và chậm phát triển.

II. Phần làm văn

Câu 1.

1. Yêu cầu về kỹ năng

- Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận xã hội.

- Vận dụng tốt các thao tác lập luận.

- Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.
- Khuyến khích những bài viết sáng tạo.

2. Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở những hiểu biết về các vấn đề xã hội và thực tế đời sống, đề bài yêu cầu thí sinh bày tỏ nhận thức, quan điểm, thái độ của mình về vai trò của ý chí và nghị lực trong cuộc sống. Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách nhưng cần làm nổi bật các ý sau đây:

*** Giải thích ý kiến**

Giải thích khái niệm “ý chí”, “con đường” và nội hàm của nó:

+ “Ý chí”: Là nghị lực tinh thần thuộc phần nội tại của con người, có tác dụng giúp họ kiên trì theo đuổi mục đích đã được đặt ra, thực hiện được lí tưởng, sự nghiệp đã hướng tới.

+ “Con đường” được đề cập ở đây là con đường đi tới thành công, đạt được mục đích, thực hiện được lí tưởng cao quý của cuộc đời.

+ Nội dung câu nói trên: Ý chí, niềm tin là yếu tố tạo nên thành công trên mọi con đường. Nói cách khác, để tìm ra con đường đi tới thành công trong cuộc đời cần có ý chí, sự nỗ lực, quyết tâm, kiên trì theo đuổi mục đích.

*** Bàn luận ý kiến:**

- Ý chí là nghị lực tinh thần giúp con người kiên trì theo đuổi mục đích cao quý của cuộc đời. Khi kiên trì theo đuổi mục đích, chúng ta sẽ tìm ra con đường đi tới thành công.

- Có ý chí và lòng quyết tâm, con người sẽ vượt qua tất cả mọi khó khăn ngáng trở trên đường đời.

- Không có ý chí, chúng ta sẽ nản lòng, chùn bước, gục ngã trước những khó khăn.

*** Bài học nhận thức và hành động:**

- Đây không phải là tư tưởng duy ý chí mà là một nhân sinh quan tích cực.

- Ý kiến trên thực sự là một chân lí, là kim chỉ nam hành động cho mọi người, nhất là đối với thanh niên chúng ta.

Câu 2.

1. Yêu cầu về kĩ năng

- Thí sinh biết cách làm bài văn nghị luận văn học.
- Vận dụng tốt các thao tác lập luận.

- Không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.
- Khuyến khích những bài viết sáng tạo.

2. Yêu cầu về kiến thức

Trên cơ sở hiểu biết sâu sắc về các tác giả Tô Hoài, Kim Lân và hai tác phẩm: *Vợ chồng A Phủ*, *Vợ nhặt*, đặc biệt là qua việc cảm nhận về hai nhân vật nữ: Mị và người “vợ nhặt”, bài viết cần làm nổi bật khát vọng sống mãnh liệt của hai người đàn bà khốn khổ này.

- Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần làm nổi bật các ý sau đây:

* *Vài nét về tác giả, tác phẩm*

- Tô Hoài là nhà văn lớn trong nền văn học Việt Nam hiện đại. *Vợ chồng A Phủ* là tác phẩm xuất sắc tiêu biểu cho sáng tác của ông sau Cách mạng tháng Tám, phản ánh số phận bi kịch của người lao động miền núi Tây Bắc, ca ngợi khát vọng và sức sống mãnh liệt của họ.

- Kim Lân là cây bút chuyên viết truyện ngắn. Ông được xem là nhà văn của nông thôn Việt Nam. *Vợ nhặt* là tác phẩm xuất sắc của Kim Lân, viết về tình cảnh bi thảm của người nông dân và khát vọng sống mãnh liệt của họ trước sự đe dọa của cái đói, cái chết.

* *Về khát vọng sống của nhân vật Mị*

- Số phận bi kịch:

+ Vôn là người con gái trẻ trung, xinh đẹp, có khát vọng tình yêu, tự do nhưng vì món nợ truyền kiếp, Mị bị bắt làm con dâu gạt nợ.

+ Sống kiếp làm dâu nhà giàu nhưng Mị bị hành hạ về thể xác, đày đọa về tinh thần, bị vùi dập sức sống và khát vọng. Mị hiện lên vật vờ như bóng ma ủ rũ, nhàu nát, khổ đau và lầm lũi như “con rùa nuôi trong xó cửa” ở nhà Pá Tra.

- Sự trỗi dậy của khát vọng sống:

+ Vào đêm mùa xuân ở Hồng Ngài: Không khí mùa xuân, tiếng sáo gọi bạn tình,... đã khiến tâm hồn Mị hồi sinh; đánh thức niềm khát khao một cuộc sống tự do, đánh thức sức sống tiềm tàng bấy lâu. Đồng thời, Mị nhận thức được số phận bi kịch của mình, từ đó nảy sinh ý thức phản kháng lại cường quyền.

+ Vào đêm mùa đông ở Hồng Ngài: Giọt nước mắt của A Phủ đã đánh thức mọi giác quan - thường ngày bị chai lì, vô cảm - ở Mị. Không chỉ thương mình, Mị còn đồng cảm, xót xa cho người đàn bà bị trói cho đến chết trong nhà thống lí

Pá Tra, cho A Phù chỉ *ngày mai, ngày kia là phải chết, chết đau, chết đói, chết rét...* Mị nhận rõ tội ác và sự vô lí bất công mà cha con thống lí gây ra. Lòng căm thù, tình thương người đã tạo nên sức mạnh dám liều mình cời trời cho A Phù của Mị. Khát vọng sống, khát vọng tự do đã vẫy gọi Mị chạy theo bước chân tự do của A Phù.

- Nghệ thuật thể hiện:

+ Nhân vật được đặt trong tình huống bi kịch, qua đó làm nổi bật sức sống tiềm tàng và khát vọng sống mãnh liệt.

+ Tâm lí nhân vật được miêu tả sắc sảo, ngôn ngữ sinh động, chọn lọc, giàu tính tạo hình, giàu chất thơ.

* *Về khát vọng sống của nhân vật người đàn bà vợ Tràng*

- Số phận bi kịch:

+ Cuộc sống bản cùng, thâm trầm bị cái đói rượt đuổi, đe dọa.

+ Số phận nhỏ bé, bèo bọt, vô danh... như một cái gì đó rơi vãi trên đường đời được người ta nhặt về làm vợ.

- Khát vọng sống:

+ Đánh mất cả sĩ diện thường có của người con gái cũng chỉ để được tồn tại, để được sống. Quyết định “theo không” một cách táo tợn, bất ngờ và hình như chủ động khiến người đọc phải nghi ngại, thiếu cảm tình cũng là để chạy trốn cái đói, sự đe dọa của cái chết.

+ Kể từ khi theo chân Tràng về làm vợ, thị dường như “lột xác” thành một người khác. Người đàn bà *cong cón, danh đá, đảo để, đốp chát, chông lòn* mới lúc sáng, nay như biến mất, nhường chỗ cho một người có lòng tự trọng, *hiền hậu đúng mực*, một người vợ nghĩa tình, biết chia sẻ, biết lo toan.

- Nghệ thuật biểu hiện:

Tạo dựng tình huống oái oăm qua đó làm nổi bật số phận và phẩm chất của nhân vật. Miêu tả tâm lí phức tạp của nhân vật một cách tinh tế. Ngôn ngữ đối thoại tự nhiên, sinh động, phù hợp với tâm lí, hoàn cảnh của từng người.

* *So sánh nét tương đồng và khác biệt*

- Tương đồng: Mỗi người một hoàn cảnh song cả hai người phụ nữ này đều có số phận bi kịch và cố gắng vượt thoát số phận. Cả hai nhà văn cùng sử dụng bút pháp hiện thực và có ngòi bút miêu tả tâm lí sắc sảo, tinh tế.

- Khác biệt: Nếu Mị là nạn nhân trực tiếp của giai cấp phong kiến mường bản thì người đàn bà vợ Tráng lại là nạn nhân của thực dân, phát xít; *Vợ chồng A Phủ* lấy bối cảnh xã hội nông thôn miền núi những năm trước khi cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi, còn *Vợ nhặt* lại là bối cảnh xã hội Việt Nam trong nạn đói năm 1945.

ĐỀ 41

I. Phần đọc hiểu

Đọc đoạn thơ sau:

*Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng
Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá.
Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã
Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang.
Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng
Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...*

(*Quê hương* - Tế Hanh)

Câu 1. Căn cứ vào đoạn thơ trên, hãy cho biết bài thơ *Quê hương* của Tế Hanh được làm theo thể thơ nào?

Câu 2. Có thể đặt tiêu đề cho đoạn thơ trên là gì?

Câu 3. Diễn đạt ngắn gọn nội dung của đoạn thơ.

Câu 4. Trong đoạn thơ trên, tác giả sử dụng những biện pháp tu từ gì?

II. Phần làm văn

Câu 1. Đọc câu chuyện sau:

Khung cửa lấp lánh

Có một cậu bé nọ sống trong một nông trại xa xôi hẻo lánh. Mỗi sáng, cậu phải thức dậy trước lúc mặt trời mọc để phụ giúp việc lật vật. Đến chiều, cậu lại ra khỏi nhà để làm việc cho đến khi trời tối.

Ngày nào cũng vậy, lúc mặt trời đứng bóng, cậu dừng tay một lát và leo lên hàng rào nhìn ngắm ngôi nhà có những khung cửa sổ bằng vàng ở tít đằng xa.

“Phải chi mình được sống trong ngôi nhà đó nhỉ!”. Chắc là tuyệt lắm, cậu thầm nghĩ. Rồi cậu thả hồn hình dung ra những đồ dùng trong ngôi nhà. Nếu có thể trang trí những cửa sổ bằng vàng như thế thì hẳn đồ đạc trong nhà cũng phải sang trọng lắm. Cậu tự hứa một ngày nào đó nhất định mình sẽ đến thăm ngôi nhà lộng lẫy ấy.

Một buổi sáng, cha cậu bảo cậu hãy ở nhà để ông làm việc một mình. Hiếm khi có dịp rảnh việc thế này, cậu lập tức gói bánh mì đem theo và băng qua cánh đồng, hướng thẳng tới ngôi nhà có những chiếc cửa sổ bằng vàng.

Đến quả trưa, cậu đã đứng ngay trước ngôi nhà. Cậu tàn nhẫn tưởng mình đi nhầm. Ngôi nhà này chẳng có chiếc cửa sổ bằng vàng nào hết! Thay vào đó chỉ là một căn nhà tồi tàn, loang lổ màu sơn, được quây kín bằng hàng rào đồ nát. Cậu bé bước đến cánh cửa treo tấm màn rách tả tơi và đưa tay lên gõ. Một cậu bé trạc tuổi cậu ra mở cửa. Cậu bé mới đến hỏi:

- Có phải ngôi nhà này có những khung cửa sổ bằng vàng không?

- Tớ hiểu rồi cậu bé kia đáp rồi mời cậu ngồi lên hiên nhà. Ở đó, cậu nhìn lại phía ngôi nhà của mình và trông thấy ánh nắng chiều rọi chiếu, khiến những khung cửa sổ trở nên óng ánh như được làm bằng vàng.

(Hạt giống tâm hồn, Nhiều tác giả, tập 2, NXB Tổng hợp TP HCM, 2013)

Từ gợi ý của câu chuyện trên, anh (chị) hãy viết bài văn bàn luận về câu nói của Douglas Jerrold: *Hoa hạnh phúc mọc ngay bên cạnh chúng ta, chứ đâu cần phải đi hái ở vườn người.*

Câu 2. Đọc hai đoạn văn sau:

“Con Sông Đà tuôn dài tuôn dài như một áng tóc trữ tình, đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn mù khói núi Mèo đốt nương xuân. Tôi đã nhìn say sưa làn mây mùa xuân bay trên Sông Đà, tôi đã xuyên qua đám mây mùa thu mà nhìn xuống dòng nước Sông Đà. Mùa xuân dòng xanh ngọc bích, chứ nước Sông Đà không xanh màu xanh canh hến của Sông Gâm, Sông Lô. Mùa thu nước Sông Đà lừ lừ chín đỏ như da mặt một người bầm đi vì rượu bữa, lừ lừ cái màu đỏ giận dữ ở một người bất mãn bực bội gì mỗi độ thu về”.

(Người lái đò Sông Đà - Nguyễn Tuân)

“Từ Tuần về đây, sông Hương vẫn đi trong dư vang của Trường Sơn, vượt qua một lòng vực sâu dưới chân núi Ngọc Trản để sắc nước trở nên xanh thẳm, và từ đó nó trôi đi giữa hai dãy đồi sừng sững như thành quách, với những điểm

cao đột ngột như Vọng Cảnh, Tam Thai, Lưu Bảo mà từ đó, người ta luôn luôn nhìn thấy dòng sông mềm như tấm lụa, với những chiếc thuyền xuôi ngược chỉ bé vừa bằng con thoi. Những ngọn đồi này tạo nên những mảng phản quang nhiều màu sắc trên nền trời tây nam thành phố, “sớm xanh, trưa vàng, chiều tím” như người Huế thường miêu tả”.

(Ai đã đặt tên cho dòng sông? - Hoàng Phủ Ngọc Tường)

Từ hiểu biết về Nguyễn Tuân và tùy bút *Người lái đò sông Đà*, Hoàng Phủ Ngọc Tường và bút ký *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*, hãy trình bày cảm nhận về sự độc đáo trong phong cách nghệ thuật của mỗi nhà văn.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phần đọc hiểu

1. Yêu cầu chung

Có kỹ năng đọc hiểu văn bản thơ trữ tình, phát hiện và nhận diện chính xác các biện pháp tu từ được sử dụng để biểu đạt nội dung trong văn bản.

2. Yêu cầu cụ thể

Câu 1. Căn cứ vào đoạn thơ trên, có thể thấy, bài thơ *Quê hương* của Tế Hanh được làm theo thể thơ tự do.

Câu 2. Có thể đặt tiêu đề cho đoạn thơ trên là: *Cảnh ra khơi*.

Câu 3. Nội dung của đoạn thơ:

Đoạn thơ vẽ ra một bức tranh tươi sáng của cảnh bình minh ở một làng quê miền biển. Nổi bật trên nền cảnh ấy là hình ảnh những người dân chài khoẻ khoắn, đầy sức sống đang cùng những đoàn thuyền vươn mình ra khơi đánh cá.

Câu 4. Trong đoạn thơ trên, tác giả đã sử dụng:

- Biện pháp tu từ so sánh: *Chiếc thuyền ... như con tuấn mã*.
- Biện pháp tu từ ẩn dụ: *Cảnh buồm - mảnh hồn làng*.
- Biện pháp nhân hoá: *Con thuyền - rướn thân*.

II. Phần làm văn

Câu 1.

a. Yêu cầu chung

- Về kỹ năng: Có kỹ năng làm bài nghị luận xã hội về một hiện tượng đời

sống. Biết vận dụng tốt các thao tác lập luận giải thích, bình luận, chứng minh. Bài viết có bố cục đầy đủ, rõ ràng, mạch lạc ; có đủ các ý, các ý phải liên kết chặt chẽ với nhau. Văn viết phải hấp dẫn, thuyết phục, gợi sự suy ngẫm, tình cảm sâu sắc chân thành.

- *Về kiến thức*: Có những hiểu biết, quan niệm về hạnh phúc một cách đúng đắn. Học sinh phải xác định rõ niềm hạnh phúc trong cuộc sống đến từ những việc làm rất nhỏ nhưng có ý nghĩa đối với bản thân hoặc những người xung quanh. Từ đó, học sinh xác định được phương châm sống, học tập và làm việc sao cho có ý nghĩa nhất.

b. Yêu cầu cụ thể

- Giải thích ý nghĩa của câu chuyện:

Truyện khai thác tình huống nhằm lẫn của một cậu bé nông dân: cậu làm tường ngôi nhà ở tít phía xa có những khung cửa sổ bằng vàng và tường tượng bên trong ngôi nhà ấy có những đồ đạc vô cùng sang trọng, tuy nhiên, khi cậu đến gần thì thực tế lại không như vậy, một ngôi nhà cũ kĩ, loang lổ màu sơn đang hiện ra trước mắt. Đến đây, cậu còn phát hiện thêm một điều đặc biệt nữa: đó là, đứng từ đây nhìn về ngôi nhà của cậu, cậu cũng thấy ánh lên những khung cửa sổ màu vàng.

Từ tình huống này, câu chuyện nêu lên ý nghĩa: hạnh phúc ở ngay bên cạnh mỗi chúng ta, song nhiều khi chúng ta cứ mãi miết đi kiếm tìm ở một nơi nào khác.

- Bàn luận về câu nói của Douglas Jerrold: *Hoa hạnh phúc mọc ngay bên cạnh chúng ta, chứ đâu cần phải đi hái ở vườn người.*

+ Câu nói của Douglas Jerrold tương đồng với ý nghĩa của câu chuyện. Nó khẳng định niềm vui, niềm hạnh phúc luôn ở bên cạnh mỗi chúng ta, hãy biết nhận ra, biết nâng niu và trân trọng nó.

+ Từ ý nghĩa của câu nói và của câu chuyện, học sinh trình bày quan niệm của mình về hạnh phúc. Yêu cầu thể hiện quan điểm rõ ràng, đúng đắn, phù hợp với chuẩn mực đạo đức, lí giải hợp lí.

+ Phần bàn luận cần có một vài dẫn chứng để làm sáng tỏ các luận điểm đề ra.

- Nêu bài học nhận thức và phương hướng hành động của bản thân.

Câu 2.

a. Yêu cầu chung

- *Về kĩ năng*: Có kĩ năng cảm nhận cái hay, cái đẹp của những áng văn xuôi đậm chất trữ tình (ở đây là một đoạn văn trong một tác phẩm văn xuôi được viết theo thể tùy bút). Từ đó, biết cách viết bài văn nghị luận văn học, kết cấu đầy đủ, rõ ràng, mạch lạc, văn viết lưu loát, cảm xúc chân thành.

- *Về kiến thức*: Học sinh cần nắm chắc phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân và Hoàng Phủ Ngọc Tường. Từ những hiểu biết đó, kết hợp với những hiểu biết về nội dung và nghệ thuật của hai bài tùy bút, bài viết cần thể hiện được những cảm nhận tinh tế, so sánh để thấy được những nét đặc sắc riêng trong nghệ thuật miêu tả, nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ của mỗi nhà văn.

b. Yêu cầu cụ thể

Có thể trình bày bài viết theo nhiều cách nhưng về cơ bản cần làm rõ được các ý chính sau:

- Vài nét về tác giả và tác phẩm:

+ Nguyễn Tuân là một nghệ sĩ lớn, với phong cách nghệ thuật độc đáo, nổi bật là nét tài hoa, uyên bác, đặc biệt sở trường về tùy bút. *Người lái đò Sông Đà* là một tùy bút đặc sắc, kết tinh nhiều mặt của phong cách Nguyễn Tuân, viết về vẻ đẹp và tiềm năng của thiên nhiên và con người Tây Bắc.

+ Hoàng Phủ Ngọc Tường là một nghệ sĩ tài hoa, có nhiều thành tựu về thể kí với phong cách tự sự - trữ tình mang đậm chất Huế. *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* là một bút ký giàu chất trữ tình viết về vẻ đẹp sông Hương với bề dày lịch sử và văn hoá Huế, rất tiêu biểu cho phong cách của ông.

- Về đoạn văn trong tác phẩm *Người lái đò Sông Đà*:

+ Nội dung:

. Đoạn văn tập trung miêu tả vẻ đẹp đầy chất tạo hình của Sông Đà với dáng thơ mộng, đường nét mềm mại, ẩn hiện; màu sắc dòng nước biến đổi tương phản theo mùa, gây ấn tượng mạnh.

. Hiện diện một cái tôi Nguyễn Tuân đắm say, nồng nhiệt với cảnh sắc thiên nhiên, tinh tế và độc đáo trong cảm nhận cái đẹp.

+ Nghệ thuật:

. Hình ảnh, ngôn từ mới lạ; câu văn căng tràn, trùng điệp mà vẫn nhịp nhàng về âm thanh và nhịp điệu.

. Cách so sánh, nhân hoá táo bạo mà kì thú; lối tạo hình giàu tính mỹ thuật, phối hợp nhiều góc nhìn theo kiểu điện ảnh.

- Về đoạn văn trong tác phẩm *Ai đã đặt tên cho dòng sông?*

+ Nội dung:

. Đoạn văn miêu tả vẻ đẹp sông Hương theo thủy trình của nó, với những vẻ uyển chuyển, linh hoạt của dòng chảy; vẻ biến ảo của màu sắc; vẻ uy nghi trầm mặc của cảnh quan đôi bờ.

. Thể hiện một cách cảm nhận bình dị mà tinh tế, toát lên một tình yêu xứ sở sâu nặng, đắm thắm của Hoàng Phủ Ngọc Tường.

+ Nghệ thuật:

. Hình ảnh chân thực mà gợi cảm; câu văn kéo dài mà khúc chiết, thanh điệu hài hoà, tiết tấu nhịp nhàng.

. Lối so sánh gần gũi và xác thực, sử dụng nhuần nhuyễn các địa danh và cách nói của người Huế.

- Về sự tương đồng, khác biệt giữa hai đoạn văn và phong cách miêu tả của mỗi nhà văn:

+ Tương đồng: Cùng miêu tả vẻ đẹp phong phú và biến ảo của sông nước, cùng bộc lộ tình yêu mãnh liệt dành cho thiên nhiên xứ sở với một mỹ cảm tinh tế, dồi dào; cùng bao quát sông nước trên nền cảnh khoáng đạt của không gian và thời gian, cùng được viết bằng thứ văn xuôi đậm chất trữ tình, giàu hình ảnh, âm thanh và nhịp điệu.

+ Khác biệt:

. Đoạn văn của Nguyễn Tuân trội về cảm xúc nồng nàn, cảm giác sắc mạnh, liên tưởng phóng túng, so sánh táo bạo; cảnh sắc được bao quát từ nhiều góc nhìn khác nhau, theo nhiều mùa trong năm.

. Đoạn văn của Hoàng Phủ Ngọc Tường trội về cảm xúc sâu lắng, cảm giác thanh nhẹ gắn với suy tư; cảnh sắc được bao quát từ cùng một góc nhìn mà nương theo thủy trình để nắm bắt sự biến đổi của sông nước qua từng chặng, từng buổi trong ngày.

ĐỀ 42

I. Phần đọc hiểu

Dưới đây là năm đoạn của một truyện ngắn đã bị người chép lại cố ý thay đổi trật tự:

(1) Có một chủ tiệm khá thông minh, chủ luôn đặt những câu hỏi xung quanh cuộc sống. Một ngày nọ, chủ hỏi sư thầy của mình:

- Thưa thầy, giá trị cuộc sống của một con người là gì ạ? Con hỏi vậy vì thường ngày thấy mọi người lên chùa đều cầu mong cuộc sống có giá trị.

(2) Sư thầy cười và nói:

- Tốt lắm, ngày mai con hãy mang hòn đá vào cửa hàng bán vàng và bán cho chủ cửa hàng vàng, nhớ là dù chủ cửa hàng vàng có mua thì cũng không được bán, rồi còn sẽ hiểu thế nào là giá trị cuộc sống.

Vì tò mò, chủ tiệm lại làm theo lời sư thầy. Hôm sau, chủ mang hòn đá đi vào một cửa hàng vàng, vừa đi vừa nghĩ, tại sao sư phụ lại bảo mình mang hòn đá này vào bán trong cửa hàng vàng trong khi cả ngày qua chủ ngồi ngoài chợ bán mà không ai mua, dù mua cũng không đáng giá. Dù rất ái ngại nhưng vì tò mò nên chủ quyết định làm theo lời sư phụ.

Và thật bất ngờ, khi chủ mang vào bán trong một cửa hàng vàng, chủ tiệm đã trả giá hòn đá là 500 đô la. Rất bất ngờ vì một hòn đá qua một ngày từ chỗ bán không ai mua giờ lại có giá như vậy, nhớ lời sư phụ dặn chủ tiệm đã không bán và mang về.

Chủ vội vàng hỏi tại sao lại như vậy và giá trị cuộc sống là gì mà tại sao một hòn đá từ không giá trị qua một ngày lại có giá trị rất lớn như vậy.

(3) Sư phụ cười và nói:

- Nếu con muốn hiểu giá trị cuộc sống là gì thì ngày mai con hãy mang hòn đá này tới một tiệm đồ cổ và bán, nhớ là dù với bất kỳ giá nào thì con cũng không được bán và mang về cho ta. Con sẽ hiểu giá trị cuộc sống là gì.

Chủ tiệm càng tò mò hơn. Hôm sau, chủ mang hòn đá tới một tiệm đồ cổ. Sau một hồi xem xét thì chủ tiệm vô cùng ngạc nhiên khi chủ hiệu trả giá hòn đá là cả gia sản hiện có. Chủ nhất quyết không bán và vội về kể lại với sư phụ:

- Vậy hòn đá này là gì, mà từ một thứ không giá trị không ai mua giờ nó có giá cả một gia tài.

- Đó chính là giá trị cuộc sống - Sư thầy nói.

(4) Giá trị cuộc sống của mỗi con người đều do chính chúng ta quyết định, cũng giống như chú tiểu do dự khi mang một hòn đá không có giá đi bán. Giá trị cuộc sống là do chính chúng ta tạo dựng và đặt ra. Vậy hãy tự đặt mình vào nơi mà mọi người hiểu ta và đó là nơi giá trị sống được tôn trọng.

Cuộc sống ở trong tất cả mọi sự việc, từ những điều to lớn cho đến điều đơn giản, thậm chí là ở trong những điều mà chúng ta không hề quan tâm đến. Cuộc sống luôn "nói chuyện" với chúng ta thông qua những điều giản dị nhất và không ngờ đến nhất. Đừng bỏ lỡ bất kỳ khoảnh khắc nào trong cuộc sống của bạn!

(5) Người thầy đi vào phòng rồi mang ra cho chú tiểu một hòn đá xấu xí và bảo:

- Con hãy mang hòn đá này ra chợ bán và hãy nhớ là dù có ai mua thì cũng không được bán và mang về cho ta.

- Tại sao lại phải vậy thưa sư phụ?

- Nếu con muốn biết giá trị cuộc sống là gì thì hãy làm như ta bảo.

Vì sự tò mò nên chú tiểu đã làm theo. Chú mang hòn đá ra chợ ngồi bán và trong suy nghĩ thì không hiểu tại sao nó lại liên quan đến giá trị của cuộc sống.

Chú ngồi bán hòn đá ở chợ cả ngày mà không hề có ai hỏi, mọi người còn thấy làm kỳ lạ không hiểu tại sao chú lại ngồi bán một hòn đá xấu xí mà không có giá trị gì. Ngồi cả một ngày, một người bán rong thấy vậy thương tình đã đến hỏi và trả giá hòn đá 1 đô la. Chú tiểu nhớ lời sư phụ dặn dù bất kỳ ai hỏi mua cũng không được bán. Mang hòn đá về, chú hỏi sư phụ:

- Hòn đá này có gì đặc biệt mà thầy lại bảo con mang bán. Cũng may đã có người hỏi mua với giá 1 đô la. Vậy giá trị cuộc sống là gì thưa thầy?

Anh (chị) hãy:

Câu 1. Khôi phục trật tự của truyện.

Câu 2. Chỉ ra những câu văn nói lên chủ đề của truyện.

Câu 3. Theo anh (chị), tại sao sư thầy không giải thích ngay thắc mắc của chú tiểu mà lại để cho chú tiểu tự đi tìm câu trả lời cho mình?

Câu 4. Đặt tiêu đề cho truyện.

II. Phần làm văn

Câu 1. Đọc câu chuyện sau:

Lựa chọn

Một người phụ nữ ra khỏi nhà và nhìn thấy ba người đàn ông râu dài bạc trắng đang ngồi trên băng ghế đá ở sân trước. Bà không hề quen ai trong số họ. Tuy nhiên, vốn là người tốt bụng, bà nói: “Tôi không biết các ông nhưng chắc là các ông đang rất đói, xin mời các ông vào nhà ăn một chút gì đó”.

“Ông chủ có ở nhà không?” - họ hỏi.

“Không, chồng tôi đi làm rồi” - bà trả lời.

“Thế thì chúng tôi không thể vào nhà được” - họ đáp.

Buổi chiều, khi chồng trở về bà kể lại câu chuyện. Người chồng muốn biết họ là ai nên bà lại ra mời ba người đàn ông - vẫn chờ từ sáng - vào nhà.

“Ba chúng tôi không thể vào nhà bà cùng một lúc được” - họ trả lời.

“Sao lại thế?” - người phụ nữ ngạc nhiên.

Một người giải thích: “Tên tôi là Tình Yêu, ông này là Giàu Sang, còn ông kia là Thành Công. Bây giờ hai vợ chồng bà hãy quyết định xem ai trong chúng tôi sẽ là người được mời vào nhà”.

Người phụ nữ đi vào và kể lại toàn bộ câu chuyện. “Tuyệt thật!” - người chồng vui mừng - “Đây đúng là một cơ hội tốt. Chúng ta hãy mời ngài Giàu Sang. Ngài sẽ ban cho chúng ta thật nhiều tiền bạc và của cải”. Nhưng người vợ không đồng ý: “Anh yêu, tại sao chúng ta lại không mời ngài Thành Công nhỉ? Chúng ta sẽ có quyền cao chức trọng và được mọi người kính nể”. Hai vợ chồng tranh cãi một lúc lâu mà vẫn chưa quyết định được. Cô con gái này giờ yên lặng đứng nghe trong góc phòng bỗng đề nghị: “Chúng ta nên mời ngài Tình Yêu là tốt hơn cả. Nhà mình sẽ tràn ngập tình thương yêu ấm áp và ngài sẽ cho chúng ta thật nhiều hạnh phúc”. “Có lẽ chúng ta nên nghe lời khuyên của con gái.” - người chồng suy nghĩ rồi nói với vợ - “Em hãy ra ngoài và mời ngài Tình Yêu, đây chính là người khách chúng ta mong muốn.”.

Người phụ nữ ra ngoài và hỏi: “Ai trong ba vị là Tình Yêu? Xin mời vào và trở thành khách của chúng tôi”. Thần Tình Yêu đứng dậy và đi vào ngôi nhà. Hai vị thần còn lại cũng đứng dậy và đi theo ông ta.

(Lắng nghe điều bình thường, Nhiều tác giả, NXB Trẻ, 2008)

Anh (chị) hãy viết bài văn nghị luận trình bày những suy nghĩ của mình về ý nghĩa của câu chuyện trên.

Câu 2. Thiên nhiên trong *Tràng giang* đậm màu sắc cổ điển mà vẫn gần gũi, thân thuộc.

Hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phần đọc hiểu

1. Yêu cầu chung

- Có kỹ năng đọc hiểu văn bản.
- Diễn đạt rõ ràng, mạch lạc.

2. Yêu cầu cụ thể

Câu 1. Trật tự đúng của truyện là: (1) - (5) - (2) - (3) - (4)

Câu 2. Các câu văn nói lên chủ đề của truyện nằm trong đoạn (4):

Giá trị cuộc sống của mỗi con người đều do chính chúng ta quyết định, cũng giống như chủ tiểu do dự khi mang một hòn đá không có giá đi bán. Giá trị cuộc sống là do chính chúng ta tạo dựng và đặt ra. Vậy hãy tự đặt mình vào nơi mà mọi người hiểu ta và đó là nơi giá trị sống được tôn trọng.

Câu 3. Sư thầy muốn chú tiểu mang hòn đá đi bán ở ba nơi khác nhau, từ đó tự tìm ra câu trả lời cho những thắc mắc của mình. Kết quả, chú tiểu nhận ra giá trị cuộc sống qua mỗi sự việc và với mỗi con người là ở cách nhìn nhận, đánh giá của chính bản thân họ. Ý nghĩa cuộc sống do chính chúng ta tạo dựng và đặt ra.

Câu 4. Có thể đặt tiêu đề cho truyện là: *Giá trị của cuộc sống; Chú tiểu và câu chuyện về giá trị của cuộc sống.*

II. Phần làm văn

Câu 1.

a. Yêu cầu chung

- *Về kỹ năng:* Có kỹ năng làm bài nghị luận xã hội. Biết vận dụng tốt các thao tác lập luận giải thích, bình luận, chứng minh. Bài viết có bố cục đầy đủ, rõ ràng, mạch lạc; có đủ các ý, các ý phải liên kết chặt chẽ với nhau. Văn viết phải hấp dẫn, thuyết phục, gợi sự suy ngẫm, tình cảm sâu sắc chân thành.

- *Về kiến thức:* Có những hiểu biết và quan niệm đúng đắn về giàu sang, thành công và đặc biệt là về tình yêu. Từ đó, học sinh xác định được phương châm sống sao cho đúng đắn, phù hợp và có ý nghĩa nhất.

b. Yêu cầu cụ thể

Trên cơ sở nội dung của câu chuyện, thí sinh có thể bày tỏ suy nghĩ của mình về vấn đề cần bàn luận theo những cách khác nhau nhưng phải hợp lí, có sức thuyết phục. Dưới đây là một số gợi ý:

- Giới thiệu vấn đề cần bàn luận.
- Giải thích ngắn gọn ý nghĩa câu chuyện:

Mỗi người trong gia đình người phụ nữ có một lựa chọn và cũng có những lí lẽ hợp lí lí giải cho sự lựa chọn của mình. Tuy nhiên, sự lựa chọn của cô con gái (chọn thần Tình Yêu) và đặc biệt qua chi tiết cuối cùng (Thần Tình Yêu đứng dậy và đi vào ngôi nhà. Hai vị thần còn lại cũng đứng dậy và đi theo ông ta), câu chuyện nhắn gửi tới người đọc một thông điệp: Tình yêu là điều quan trọng bậc nhất trong cuộc sống, có tình yêu, chúng ta sẽ có tất cả những điều mình mong muốn.

- Trình bày suy nghĩ về vấn đề: tình yêu.

Thí sinh cần trình bày được ý kiến của mình về vấn đề bàn luận, trong đó cần nêu được:

- + Tình yêu là gì? (theo nghĩa hẹp và theo nghĩa rộng).
- + Tình yêu mang đến cho con người những sức mạnh, giá trị và ý nghĩa gì?
- + Vì sao con người có thể đạt được tất cả khi có tình yêu?
- Bài học nhận thức và hành động rút ra từ câu chuyện.

Câu 2.

a. Yêu cầu chung

- *Về kĩ năng*: Có kĩ năng cảm nhận cái hay, cái đẹp của một tác phẩm thơ trữ tình. Từ đó, biết cách viết bài văn nghị luận văn học, kết cấu đầy đủ, rõ ràng, mạch lạc, văn viết lưu loát, cảm xúc chân thành.

- *Về kiến thức*: Học sinh cần nắm chắc nội dung bài thơ *Tràng giang* của Huy Cận, đặc biệt là nghệ thuật miêu tả cảnh thiên nhiên để triển khai bài viết. Bài viết cần thể hiện được những cảm nhận tinh tế, có sự so sánh, lí giải, chứng minh một cách hợp lí, sâu sắc và thuyết phục.

b. Yêu cầu cụ thể

Có thể triển khai bài viết theo nhiều cách khác nhau.

Dưới đây là một số gợi mở để tham khảo:

- Bài thơ tạo dựng được một bức tranh thiên nhiên cổ kính, hoang sơ với tầm vóc mênh mang vô biên, đậm chất Đường thi. Chất liệu để tạo nên bức tranh đó là hệ thống các hình ảnh ước lệ thường được sử dụng trong thơ cổ: *Tràng giang; thuyền về, nước lại; nắng xuống, trời lên; sông dài, trời rộng; mây đùn núi bạc; bóng chiều; vờ con nước; khói hoàng hôn,...* Bức tranh ấy hiện dần lên qua các khổ thơ, càng lúc càng thêm đậm màu cổ điển.

- Bài thơ có tựa đề là *Tràng giang*, câu thơ đầu tiên nhắc lại tựa đề (*Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp*). "*Tràng giang*" chứ không phải "*trường giang*" mặc dù hai từ đều có chung một nghĩa. Nhờ cách điệp vần "ang", "*tràng giang*" góp phần tạo nên dư âm vang xa, trầm buồn của câu thơ mở đầu, tạo nên âm hưởng chung cho giọng điệu của cả bài thơ, đặc biệt nó khơi gợi được xúc cảm và ấn tượng về một nỗi buồn triền miên kéo dài theo không gian.

- Huy Cận cũng như phần đông các thi sĩ trong phong trào Thơ mới đều chịu ảnh hưởng khá rõ của thơ tượng trưng phương Tây thế kỉ XX. Tuy vậy, Huy Cận còn là người rất thích thơ Đường và trân trọng vốn thi ca dân tộc. Trong sáng tác của ông, người ta dễ dàng cảm nhận được dấu ấn Đường thi, cũng như thơ tượng trưng Pháp. Có điều đáng chú ý là chúng đã được Việt hoá, nói cho đúng hơn là đã được Huy Cận hoá một cách nhuần nhị.

Nghệ thuật đối, dù đã được vận dụng uyển chuyển, linh hoạt, không khuôn sáo, cứng nhắc nhưng vẫn giúp tạo ra không khí trang trọng và sự cân xứng, nhịp nhàng cho thơ. Bên cạnh đó, nghệ thuật dùng từ láy như "*điệp điệp*", "*song song*",... cũng có hiệu quả nhất định gợi âm hưởng cổ kính.

- Trong khổ thơ thứ hai, chính Huy Cận đã thừa nhận: ở trong câu "*Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu*", ông đã học chữ "*đìu hiu*" trong bản dịch *Chinh phụ ngâm* (*Non Kì quạnh quẽ trăng treo - Bến Phì gió thổi đìu hiu mấy gò*). Hơn thế, các hình ảnh đối lập, hình ảnh chợ chiều vắng gợi cái buồn da diết, không gian vắng lặng, cô tịch rất cổ điển.

- Ở khổ thơ thứ ba và khổ cuối đều có thể tìm thấy những nét gợi lên hình ảnh bức tranh thiên nhiên thường gặp trong thơ xưa. Bài thơ có ý vị cổ điển, tạo được những âm hưởng kì lạ do tác giả chọn được thể thơ thích hợp, vận dụng tự nhiên lối đối, sử dụng có hiệu quả với tần số cao hệ thống từ láy (10 lần trong 16 dòng thơ) và cách ngắt nhịp truyền thống. Chất cổ điển của bài thơ đặc biệt rõ ở câu thơ cuối. Thôi Hiệu nhìn khói sóng mà nhớ đến quê hương - *Hoàng Hạc lâu*, Huy Cận không cần có khói sóng - tức không cần cái gợi nhớ - mà lòng vẫn dợn

dợn nhớ nhà. Rõ ràng nỗi nhớ của Huy Cận da diết hơn, thường trực hơn và cháy bỏng hơn.

- Cổ kính, trang nghiêm, đậm chất Đường thi, nhưng *Tràng giang* vẫn là một bài thơ rất Việt Nam, rất gần gũi và thân thuộc. Dòng sông sóng lượn, con thuyền xuôi mái chèo, cánh cù khô bông bèo, cánh bèo lênh đênh, chợ chiều của làng quê, cánh chim trong buổi chiều tà,... Tất cả thật gần gũi với mỗi người Việt chúng ta. Đọc bài thơ này có người nhớ đến cái làng vùng sơn cước heo hút bên bờ sông Ngân Sâu (thượng nguồn sông La), tỉnh Hà Tĩnh - nơi chôn nhau cắt rốn của Huy Cận.

Sự hoà quyện của hai hệ thống hình ảnh vừa cổ điển, vừa gần gũi thân thuộc nêu trên tạo nên cho bài thơ một vẻ đẹp độc đáo.

ĐỀ 43

I. Phần đọc hiểu

Đọc đoạn văn bản nháp sau đây:

“Nguyễn Hồng (1918 - 1982) tên khai sinh là Nguyễn Nguyên Hồng, quê ở thành phố Nam Định. Trước Cách mạng, ông sống chủ yếu ở thành phố cảng Hải Phòng, trong một xóm lao động nghèo. Ngay từ tác phẩm đầu tay đã hướng ngòi bút về những người cùng khổ gần gũi mà ông yêu thương thấm thiết. Sau Cách mạng, Nguyễn Hồng tiếp tục bền bỉ sáng tác, ông viết cả tiểu thuyết, kí, thơ, nổi bật hơn cả là các bộ tiểu thuyết sử thi nhiều tập. Nguyễn Hồng được Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (năm 1996).”

Câu 1. Người viết đoạn văn trên đã viết một câu văn không chính xác. Hãy chỉ ra câu văn mắc lỗi và cho biết nó thuộc loại lỗi nào?

Câu 2. Nêu cách sửa câu văn mắc lỗi mà anh (chị) vừa tìm được.

Câu 3. Nội dung chính của đoạn văn trên là gì?

II. Phần làm văn

Câu 1.

Trong cuộc sống chúng ta cần đến sự tự tin, nhưng đôi lúc sự tự tin đó lại mang đến cho người khác cảm giác bạn đang khoe khoang hay khuếch trương bản thân mình. Sự khác nhau giữa tự tin và tự tin thái quá chỉ là một ranh giới nhỏ.

Hãy trình bày ý kiến của anh (chị) về *tự tin* và *tự tin thái quá*.

Câu 2.

Hình tượng “sóng” trong bài thơ cùng tên của Xuân Quỳnh là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo. Phân tích các trạng thái của tâm hồn người phụ nữ đang yêu được biểu hiện trực tiếp qua hình tượng “sóng”.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phần đọc hiểu

1. Yêu cầu chung

- Có kĩ năng đọc hiểu văn bản, nhận diện lỗi và sửa lỗi trong văn bản.
- Diễn đạt rõ ràng, mạch lạc.

2. Yêu cầu cụ thể

Câu 1. Câu văn mắc lỗi là câu:

Ngay từ tác phẩm đầu tay đã hướng ngòi bút về những người cùng khổ gần gũi mà ông yêu thương thầm thiết.

Câu văn này mắc lỗi về cú pháp - thiếu chủ ngữ của câu.

Câu 2. Sửa lỗi:

- Cách 1: thêm chủ ngữ cho câu, đặt dấu phẩy sau phần trạng ngữ.

Ví dụ: *Ngay từ tác phẩm đầu tay, Nguyễn Hồng đã hướng ngòi bút về những người cùng khổ gần gũi mà ông yêu thương thầm thiết.*

- Cách 2: biến trạng ngữ thành chủ ngữ của câu.

Ví dụ: *Tác phẩm đầu tay của Nguyễn Hồng đã hướng ngay về những người cùng khổ gần gũi mà ông yêu thương thầm thiết.*

Câu 3. Đoạn văn giới thiệu ngắn gọn tiểu sử và sự nghiệp văn học của Nguyễn Hồng.

II. Phần làm văn

Câu 1.

a. Yêu cầu chung

- *Về kĩ năng:* Có kĩ năng làm bài nghị luận xã hội. Biết vận dụng tốt các thao tác lập luận giải thích, bình luận, chứng minh. Bài viết có bố cục đầy đủ, rõ ràng, mạch lạc; có đủ các ý, các ý phải liên kết chặt chẽ với nhau. Văn viết phải hấp dẫn, thuyết phục, gợi sự suy ngẫm, tình cảm sâu sắc chân thành.

- *Về kiến thức:* Có những nhận thức đúng đắn về hai khái niệm “tự tin” và “tự tin thái quá”. Từ đó, học sinh xác định được phương châm sống sao cho đúng đắn, phù hợp và có ý nghĩa nhất.

b. Yêu cầu cụ thể

Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách nhưng lí lẽ và dẫn chứng phải hợp lí; cần làm rõ được các ý chính sau:

- Nêu được vấn đề cần nghị luận: sự khác nhau giữa *tự tin* và *tự tin thái quá*.

- Giải thích:

+ *Tự tin* là hoàn toàn tin tưởng vào bản thân mình, nhận thức được năng lực của mình để có thể hoàn thành các mục tiêu mà mình đề ra trong cuộc sống.

+ *Tự tin thái quá* là khi bạn quá tin vào khả năng của bản thân mình, tin mình giỏi hơn, có thực lực hơn người khác để rồi thổi phồng mình trước người khác.

- Bàn luận:

+ Trong cuộc sống, sự tự tin giúp ta nhận thức được năng lực của bản thân từ đó kiểm soát được cuộc sống của mình. Tự tin là yếu tố cơ bản dẫn đến những thành công trong cuộc sống. Người tự tin là người có thể làm chủ trong mọi hoàn cảnh, họ có đủ năng lực để vượt qua những khó khăn và thử thách, dù ý chí để vượt qua những cam go và chạm bể.

+ Tuy nhiên, đừng biến sự tự tin thành tự mãn, thành thói khoe khoang, nó sẽ khiến ta không thể làm chủ được hành vi, ngôn ngữ của mình; khiến người khác cảm thấy khó chịu và lố bịch.

+ Trong cuộc sống, mỗi người cần đề cao sự tự tin nhưng cũng cần tỉnh táo để tránh biến tự tin thành tự tin thái quá.

- Bài học nhận thức và hành động: Cần tìm kiếm và xây dựng cho mình nền tảng của sự tự tin đúng mực, đừng bao giờ đánh mất niềm tin vào bản thân cũng như đừng bao giờ tự tin thái quá.

Câu 2.

a. Yêu cầu chung

- *Về kĩ năng:* Có kĩ năng cảm nhận cái hay, cái đẹp về một hình tượng nghệ thuật trong một tác phẩm thơ trữ tình. Từ đó, biết cách viết bài văn nghị luận văn học, kết cấu đầy đủ, rõ ràng, mạch lạc, văn viết lưu loát, cảm xúc chân thành.

- *Về kiến thức:* Học sinh cần nắm chắc nội dung bài thơ *Sóng* của Xuân Quỳnh cũng như cảm hứng nghệ thuật xuyên suốt nhiều bài thơ viết về tình yêu của nữ thi sĩ này để phục vụ nội dung bài viết. Bài viết cần thể hiện được những

cảm nhận tinh tế, có sự so sánh, lí giải, chứng minh một cách hợp lí, sâu sắc và thuyết phục.

b. Yêu cầu cụ thể

Có thể triển khai bài viết theo nhiều cách khác nhau.

Các ý chính:

- Có thể nói hình tượng *sóng* là một sự sáng tạo độc đáo của Xuân Quỳnh trong tác phẩm này. Trọng bài, *sóng* và *em* hợp thành cặp hình ảnh song hành, quán quát. *Sóng* là đối tượng, là cơ sở để thi sĩ tỏ bày mọi trạng thái bí ẩn và mãnh liệt của tình yêu - thứ tình cảm muôn thủa mà không bao giờ cũ của nhân loại.

Bài thơ dựa vào hình tượng *sóng*. Vì thế, mạch thơ cũng là các lớp sóng. Trong hai khổ thơ đầu, *sóng* là đối tượng để chia sẻ, giải bày, để cảm nhận. Tính cách của *sóng*, trong sự cảm nhận của nhân vật trữ tình rất giống với các cung bậc của tình yêu.

Nói tiếp mạch cảm xúc ở 2 khổ thơ đầu, từ khổ thơ thứ 3, hình tượng *sóng* trở thành đối tượng để ngẫm nghĩ, để suy tư, để truy nguyên cái ngọn nguồn của tình yêu và những cung bậc đầy màu sắc của nó.

Nếu như ở trên, *sóng* là đối tượng của sự suy tư, thì trong 3 khổ thơ cuối, *sóng* trở thành khát vọng. *Sóng* và *em* song trùng từ đầu bài thơ, đến đây *em* hoà tan vào *sóng* để đẩy con sóng tới chan chứa yêu thương.

- Bài thơ đúng là lời tự bạch của một tâm hồn phụ nữ đang yêu. Có thể hình dung rất rõ điều đó qua các cung bậc tình cảm của nhân vật trữ tình được biểu hiện trực tiếp qua hình tượng sóng.

Bài thơ mở đầu bằng việc khám phá các cung bậc của sóng (Dữ dội - dịu êm, Ôn ào - lặng lẽ) để rồi câu thơ cho người đọc hình dung về hình ảnh một người con gái đang yêu đang bộc bạch một cách táo bạo và đáng yêu. Từ chuyện của *sóng*, câu thơ chuyển tự nhiên sang chuyện tình yêu, từ đối tượng để cảm nhận, *sóng* giờ đây trở thành đối tượng để người con gái đang yêu giải bày và suy tư. Dòng suy tư bắt đầu bằng nỗi băn khoăn, trăn trở khát khao tìm đến ngọn nguồn của tình yêu. Nhưng thiên nhiên bí ẩn đôi khi còn có thể cắt nghĩa được, còn tình yêu thì: "Làm sao cắt nghĩa được tình yêu" (Xuân Diệu).

Không tìm được ngọn nguồn, nguyên nhân của sự yêu, người tìm về để vừa trăn trở, vừa say sưa với những cung bậc tình yêu muôn thủa, đó là nỗi nhớ, là sự thủy chung. Phần hai của bài thơ, quả thực đã diễn tả thật sâu sắc và tinh tế đúng tình yêu của một trái tim phụ nữ. Ở đó, có đầy đủ sự đam mê, khao khát nhưng đẹp nhất là sự dâng hiến - vẻ đẹp thánh thiện của người phụ nữ trong tình yêu.

ĐỀ 44

I. Phán đọc hiểu

Tại sao tôi không trở lại Việt Nam?

Anh Matthew Kepnes, một blogger du lịch nổi tiếng, chia sẻ về chuyến đi tới Việt Nam trên tờ Huffington Post:

Khi du lịch tới Đông Nam Á, mọi người thường quan tâm nơi bạn sẽ tới. "Khắp mọi nơi", tôi đã nói như vậy. Đó là chuyến phiêu lưu gần đây nhất của tôi tới khu vực này.

Tuy nhiên, tôi sẽ bỏ qua Việt Nam. Sau những trải nghiệm ở đây vào năm 2007, tôi sẽ không bao giờ quay lại đất nước này nữa. Không bao giờ. Một chuyến đi công tác hay một cô bạn gái có thể buộc tôi phải trở lại đây nhưng trong tương lai mà tôi có thể hoạch định, tôi sẽ không bao giờ trở lại đây.

Không một ai muốn trở lại nơi họ đã bị đối xử tồi tệ. Khi tôi ở Việt Nam, tôi đã bị làm phiền, bắt chẹt, bị gạt, bị đối xử tồi tệ.

Tôi gặp những người bán hàng rong cố bán đắt cho tôi. Có một người phụ nữ bán bánh mì từ chối trả tôi đúng số tiền thừa, người bán đồ ăn bán đắt gấp 3 lần cho tôi dù tôi đã nhìn thấy những hành khách khác trả bao nhiêu tiền, người lái xe taxi gian lận đồng hồ bấm cây số trên đường đưa tôi ra bến xe bus. Khi tôi mua áo phông ở Hội An, ba người phụ nữ đã cố giữ tôi ở cửa hàng của họ cho tới khi tôi mua một thứ gì đó, thậm chí, họ đã kéo cả áo tôi.

Trong chuyến đi ở vịnh Hạ Long, người dẫn tour không chuẩn bị nước uống trên tàu và cho quá nhiều người lên tàu. Bởi vậy, những người đặt phòng đơn bỗng thấy mình có bạn chung phòng, thậm chí, ngủ chung giường.

Một trong những trải nghiệm tồi tệ nhất của tôi là ở đồng bằng sông Cửu Long. Tôi bắt một chiếc xe bus quay về thành phố Hồ Chí Minh. Tôi khát nước nên mua một loại nước uống phổ biến ở Việt Nam gồm nước, chanh và đường đựng trong túi nilon. Bạn có thể thấy loại nước uống này ở khắp nơi, đặc biệt là ở các trạm trung chuyển. Tôi đi tới chỗ một người bán cạnh xe bus và chỉ vào loại nước tôi muốn mua. Cô ấy nhìn tôi và gạt đầu. Người phụ nữ này bắt đầu pha nước, quay sang phía bạn của mình, nói gì đó, cười, nhìn tôi cười, rõ ràng cô ấy không cho tất cả các loại nguyên liệu vào nước. Tôi biết mình tôi đã ngang nhiên bị lừa gạt.

"Cô ấy nói với bạn sẽ bán đất và gạt anh vì anh là người nước ngoài. Cô ấy nghĩ anh sẽ không để ý", một người Mỹ gốc Việt cùng xe bus nói với tôi.

"Đồ uống này giá bao tiền?", tôi hỏi anh ấy. Đó là một khoản tiền rất nhỏ, vài xu. Tôi đưa cho người bán hàng số tiền đó, nói với cô ấy rằng cô là người xấu và tôi lên xe bus. Không phải chuyện tiền nong mà tôi thất vọng về sự thiếu tôn trọng, khinh thường mà cô ấy dành cho tôi.

Tôi băn khoăn, liệu có phải chỉ riêng mình bị như vậy. Có thể chỉ tôi phải trải qua những điều tồi tệ và Việt Nam thật tuyệt vời. Có thể tôi không may. Tuy nhiên, sau khi nói chuyện với một số du khách khác, tôi nhận ra rằng chúng tôi có cùng câu chuyện. Họ đều có chuyện liên quan tới việc bắt chẹt, lừa gạt. Chúng tôi phải tranh đấu vì tất cả. Chúng tôi cảm thấy không được chào đón ở đây.

Tôi không ở đây để phân xét về Việt Nam hay người Việt Nam. Tôi chỉ có kinh nghiệm đã trải qua. Tuy nhiên, những câu chuyện mà tôi nghe từ người khác càng khẳng định thêm những cảm nhận của tôi.

Du lịch không phải lúc nào cũng cần sự hoàn hảo. Tôi thích khi phải trải nghiệm thử thách. Tôi thích sự tranh đấu và tìm ra con đường của mình. Tôi nghĩ nó sẽ xây dựng tính cách. Và tôi cũng không ngại phải trả thêm tiền. Một đô cho người khác có ý nghĩa hơn một đô với tôi. Tôi biết mình sẽ phải mặc cả ở chợ, cười vui vẻ và tôi sẽ vẫn trả cao hơn mức giá thật. Nhưng tôi không thích bị đối xử như không phải là con người. Tôi không thích bị thiếu tôn trọng và lừa gạt. Tôi không muốn phải nhìn vào tất cả mọi người và băn khoăn, liệu họ có đang cố lừa mình không. Mọi sự giao tiếp không nhất thiết phải là đấu tranh.

Sau 3 tuần ở Việt Nam, tôi hạnh phúc khi không bao giờ trở lại đây.

Lưu ý của anh Matt Kepnes: Khi tôi có những kinh nghiệm tồi tệ ở Việt Nam, nhiều người đã có trải nghiệm thú vị. Bạn cần tìm ra điều thích hợp cho chính mình. Tìm hiểu điều hay, dở để trở thành du khách thông thái và trải nghiệm. Tôi không ủng hộ bất cứ ai bỏ qua Việt Nam. Tôi chỉ nói mình không còn mong muốn trở lại đó.

(Theo Ngoisao.net)

Đọc bài viết và thực hiện các yêu cầu dưới đây:

Câu 1. Chỉ ra câu văn thể hiện rõ nhất nội dung của văn bản?

Câu 2. Đoạn văn đã chỉ ra những thói xấu của người Việt trong cách làm du lịch. Theo anh (chị), đây có phải chỉ là những hiện tượng cá biệt? Nếu không, anh (chị) hãy kể tên ít nhất 3 hiện tượng khác mà mình biết.

Câu 3. Vị khách du lịch chỉ quay trở lại Việt Nam trong hoàn cảnh bất buộc như thế nào?

Câu 4. Vị khách du lịch trong câu chuyện rất tức giận vì bị lừa gạt tiền lúc mua nước uống, đúng hay sai?

Câu 5. Vị khách du lịch viết bài viết này có phải là để phán xét du lịch Việt Nam và người Việt Nam?

Câu 6. Theo anh (chị), hậu quả tai hại nhất của những hiện tượng trên là gì?

II. Phần làm văn

Câu 1. Đọc đoạn nhật kí sau:

“Ba tôi là người lính biển! Tôi hét toáng lên, đôi mí mắt sưng mọng, hai bàn tay ghì chặt lại, nhưng không! Không! Không bao giờ tôi khóc...”

Tôi vẫn thường đi bộ về nhà trên con đường ấy và đám trẻ con cùng trường vẫn vậy, chúng cứ chọc ghẹo tôi hoài: “Không thèm chơi với đứa không có ba! Mày bảo mày có ba, sao ba mày không cùng đi chơi tết với mẹ con mày? Sao không cùng tham gia ngày hội thể thao ba và con? Không có ba thì nói là không có ba, cần gì phải nói dối thế?”.

Chẳng bao giờ chúng chịu dừng lại cho đến khi tôi ném trả chúng ánh mắt giận dữ đầy sắc lạnh. Tôi lao vào lũ bạn mà không cần biết chúng đông đến mức nào cho đến khi quần áo lấm lem, mặt đỏ phừng phừng. Lần nào cũng vậy, kết thúc mọi chuyện, tôi cúi gằm mặt và bước đi thật nhanh trong túi hổ. Về tới nhà, tôi chỉ còn biết nức nở trong lòng mẹ. Người mẹ nhân từ dường như cũng hiểu mọi chuyện, bà ôm chặt con vào lòng và cũng khóc. Chuyện đó xảy ra khi tôi 7 tuổi, những lúc ấy sao tôi thấy ghét ba đến thế.

Kỉ ức của tôi về ba thật hiếm hoi. Mẹ bảo: mẹ sinh tôi đúng vào mùa giông bão, ba không về được vì đơn vị cần ba, người dân hải đảo cần ba. Tình yêu của tôi với ba lớn dần chủ yếu qua lời mẹ kể. Năm tôi lên 9 tuổi, tôi được gặp ba lần đầu tiên. Nhưng khoảng thời gian ngắn ngủi một tuần lễ dường như không đủ cho tôi thoả mãn những khát khao sau nhiều năm chờ đợi. Ba trở lại đảo, còn tôi với mẹ ở lại trong khoảng trống mênh mông...”

(Trích nhật kí: *Ba tôi là lính đảo*)

Từ câu chuyện của gia đình người lính đảo, anh (chị) hãy viết bài văn nói về trách nhiệm của tuổi trẻ với chủ quyền biển đảo quê hương.

Câu 2.

Bản về thơ Xuân Diệu, Hoài Thanh đã khẳng định: “*Thơ Xuân Diệu còn là một nguồn sống rào rạt chưa từng thấy ở chốn nước non lặng lẽ này. Xuân Diệu say đắm tình yêu, say đắm cảnh trời, sống vội vàng, cuống quýt, muốn tận hưởng cuộc đời ngắn ngủi của mình. Khi vui cũng như khi buồn, người đều nồng nàn tha thiết*”.

Anh (chị) hãy phân tích bài thơ *Vội vàng* của nhà thơ Xuân Diệu để làm sáng tỏ ý kiến trên.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phần đọc hiểu

1. Yêu cầu chung

- Có kĩ năng đọc hiểu văn bản.
- Diễn đạt rõ ràng, mạch lạc.

2. Yêu cầu cụ thể

Câu 1. Câu văn thể hiện rõ nhất nội dung của văn bản là:

Không một ai muốn trở lại nơi họ đã bị đối xử tồi tệ. Khi tôi ở Việt Nam, tôi đã bị làm phiền, bắt chẹt, bị gạt, bị đối xử tồi tệ.

Câu 2. Đoạn văn đã chỉ ra những thói xấu của người Việt Nam trong cách làm du lịch. Đây không phải là những hiện tượng cá biệt mà là những hiện tượng khá phổ biến ở các điểm du lịch của nước ta hiện nay.

Có thể kể một số hiện tượng khác như:

- Giả làm ăn xin để xin tiền khách du lịch.
- Chen ngang khi xếp hàng vào các điểm tham quan.
- Nhiều hiện tượng mê tín, dị đoan có tính chất lừa đảo trong các lễ hội.

Câu 3. Vị khách du lịch chỉ quay trở lại Việt Nam trong hoàn cảnh bắt buộc như thế nào?

Một chuyến đi công tác hay một cô bạn gái có thể buộc tôi phải trở lại đây nhưng trong tương lai mà tôi có thể hoạch định, tôi sẽ không bao giờ trở lại đây.

Câu 4. Vị khách du lịch trong câu chuyện rất tức giận vì bị lừa gạt tiền lúc mua nước uống, đúng hay sai?

Sai. Vị khách nói: *Không phải chuyện tiền nong mà tôi thất vọng về sự thiếu tôn trọng, khinh thường mà cô ấy dành cho tôi.*

Câu 5. Vị khách du lịch viết bài viết này có phải là để phán xét du lịch Việt Nam và người Việt Nam?

“Tôi không ở đây để phán xét về Việt Nam hay người Việt Nam”, vị khách nói. Bài viết là một sự trải lòng, là sự chia sẻ những kinh nghiệm mà anh đã trải qua với mong muốn người Việt Nam cần nhìn lại và sửa chữa những thói xấu của mình.

Câu 6. Theo anh (chị) hậu quả tai hại nhất của những hiện tượng trên là gì?

Hậu quả tai hại nhất của những hiện tượng nêu trên là đã làm xấu đi hình ảnh của du lịch Việt Nam, của người Việt Nam trong mắt bạn bè quốc tế.

II. Phần làm văn

Câu 1.

a. Yêu cầu chung

- *Về kĩ năng:* Có kĩ năng làm bài nghị luận xã hội. Biết vận dụng tốt các thao tác lập luận giải thích, bình luận, chứng minh. Bài viết có bố cục đầy đủ, rõ ràng, mạch lạc; có đủ các ý, các ý liên kết chặt chẽ với nhau. Văn viết phải hấp dẫn, thuyết phục, gợi sự suy ngẫm, tình cảm sâu sắc chân thành.

- *Về kiến thức:* Có những nhận thức đúng đắn về vấn đề trách nhiệm của tuổi trẻ với chủ quyền biển đảo quê hương. Từ đó, học sinh xác định được bài học nhận thức và hành động đúng đắn, phù hợp và có ý nghĩa nhất.

b. Yêu cầu cụ thể

Có thể bộc lộ quan điểm của riêng mình theo những cách khác nhau, nhưng cần chân thành, thiết thực, hợp lí, chặt chẽ và thuyết phục. Về cơ bản, bài làm cần làm rõ được các ý chính sau:

- Nêu vấn đề:

+ Trong thời gian qua, chủ quyền biển đảo trở thành vấn đề thu hút được sự quan tâm của nhiều quốc gia, đặc biệt là các nước ở khu vực châu Á, Đông Nam Á.

+ Là chủ nhân tương lai của đất nước, ngoài việc trau dồi kiến thức, tu dưỡng bản thân, mỗi bạn trẻ chúng ta cũng cần xác định được trách nhiệm của mình với những vấn đề hệ trọng của đất nước. Nhận thức sâu sắc về sự toàn vẹn lãnh thổ, về ý nghĩa thiêng liêng chủ quyền biển đảo là vô cùng cần thiết với mỗi học sinh ngay khi còn ngồi trên ghế nhà trường.

- Bàn luận về vấn đề:

+ Đề có được những nhận thức đúng đắn, các bạn trẻ cần dành nhiều thời gian tìm hiểu, nghiên cứu về lịch sử Việt Nam, đặc biệt là lịch sử địa lí liên quan đến vấn đề chủ quyền biển đảo; tìm hiểu các cơ sở pháp lí từ những tài liệu trong nước cũng như những nội dung về chủ quyền biển đảo đã được xác định trong luật pháp quốc tế.

+ Thái độ hăng hái tham gia các phong trào, đóng góp sức lực để xây dựng biển đảo ngày càng thêm vững mạnh. Xác định tư tưởng: Thanh niên là hậu phương vững chắc đối với những người lính đảo; từ đó gửi những lời chia sẻ, động viên gia đình, người thân của những người lính đảo ấy.

+ Sẵn sàng tiếp sức cho các thế hệ đi trước để giữ gìn biển đảo quê hương.

+ Tích cực hưởng ứng và tham gia các diễn đàn hợp pháp khẳng định chủ quyền biển đảo của Việt Nam. Đồng thời cũng phê phán những hành vi lợi dụng vấn đề biển đảo để gây mất trật tự xã hội.

- Bài học nhận thức và hành động:

Nêu cảm xúc, xác định trách nhiệm,... của bản thân đối với vấn đề vừa nêu.

Câu 2.

a. Yêu cầu chung

- *Về kĩ năng*: Có kĩ năng cảm nhận nội dung tác phẩm thơ trữ tình. Từ đó, biết cách viết bài văn nghị luận văn học, kết cấu đầy đủ, rõ ràng, mạch lạc, văn viết lưu loát, cảm xúc chân thành.

- *Về kiến thức*: Học sinh cần nắm chắc nội dung bài thơ *Vội vàng* của Xuân Diệu cũng như những đặc điểm cơ bản về nội dung và nghệ thuật của thơ Xuân Diệu giai đoạn trước Cách mạng tháng Tám để phục vụ nội dung bài viết. Bài viết cần thể hiện được những cảm nhận tinh tế, lí giải, chứng minh một cách hợp lí, sâu sắc và thuyết phục.

b. Yêu cầu cụ thể

Có thể triển khai bài viết dựa theo dàn ý sau:

- Mở bài:

+ Xuân Diệu là một trong những tác giả nổi bật nhất của phong trào Thơ mới. Viết về ông trong cuốn *Thi nhân Việt Nam*, nhà phê bình Hoài Thanh đã có những ý kiến nhận xét thật tinh tế và xác đáng: “Thơ Xuân Diệu... nồng nàn tha thiết”.

+ Bài thơ *Vội vàng* mà chúng ta sẽ tìm hiểu dưới đây chính là một minh chứng rõ nét nhất cho nhận xét trên.

- Thân bài:

+ Xuân Diệu là “nhà thơ mới nhất trong các nhà Thơ mới”. Thơ Xuân Diệu uống dòng nước ngọt lành từ cuộc sống trần thế. Trước vẻ đẹp của cuộc đời, ông sống vội vàng, cuống quýt, muốn tận hưởng và khao khát đắm say:

+ Niềm thiết tha với cuộc đời - một “thiên đường trên mặt đất”.

. Nhà thơ muốn níu giữ hương sắc của cuộc đời: tắt nắng, buộc gió.

. Thủ pháp liệt kê (“*Này đây...*”) thể hiện nổi bật những cảm nhận phong phú, dồi dào của tác giả về vẻ đẹp của thiên nhiên.

. Niềm yêu sống còn thể hiện bằng những hình ảnh ẩn dụ, so sánh đầy đắm say: “tuần tháng mật”, “khúc tình si”, “ánh sáng chớp hàng mi”, “Tháng giêng ngon như một cặp môi gần”,...

. Từ niềm yêu đời tha thiết đó, bằng những cảm nhận rất nhạy bén của người thi sĩ, nhà thơ nhận ra bao điều nghịch lí giữa “cái tôi” và cuộc đời.

- Nhận thức sâu sắc về bước chuyển vô tình của thời gian:

+ Cảm nhận rõ về sự chia phối: “Còn trời đất nhưng chẳng còn tôi mãi”.

+ Thời gian cướp đi tuổi trẻ và hủy hoại sự sống đẹp đẽ, tình tứ.

+ Khao khát sống một cách cao độ mỗi phút giây của tuổi thanh xuân, muốn đoạt lấy sự sống.

+ Thái độ của cái Tôi cá nhân mạnh mẽ, dứt khoát để khẳng định mình: “Ta muốn...”.

+ Tình cảm thiết tha với đời được thể hiện mỗi lúc một mạnh mẽ hơn: “ôm” - “riết” - “thâu” - “cắn”.

- Kết luận:

+ Bằng niềm yêu sống và khao khát được sống có ích, sống mạnh mẽ, Xuân Diệu đã “tuyên chiến” với những “ao đời” tù túng. Đó là một thái độ sống tích cực trong hoàn cảnh lúc bấy giờ.

+ Cách nhận thức và hưởng thụ cuộc sống của Xuân Diệu đã làm nên một cái tôi sống động không lẫn vào bất kì ai. Nó là một nguồn sống rào rạt chưa từng thấy ở trước đó, tại thời điểm đó và mãi về sau.

ĐỀ 45

I. Phần đọc hiểu

Lịch sử thường sẵn những trang đau thương, mà hiếm những trang vui vẻ: bậc anh hùng hay gặp bước gian nguy, kẻ trung nghĩa thường lâm cảnh khốn đốn. Những khi ấy, trí tưởng tượng dân chúng tìm cách chữa lại sự thật để khỏi phải công nhận những tình thế đáng ưu uất.

Ta thử lấy truyện Hai Bà Trưng mà xét. Tuy trong lịch sử có chép rõ ràng Hai Bà phải tự vẫn sau khi đã thất trận, nhưng ngay ở làng Đồng Nhân nơi thờ Hai Bà vẫn chép rằng Hai Bà đều hoá đi, chứ không phải tử trận. Đối với các nữ tướng của Hai Bà cũng vậy, ta chỉ thấy các vị anh hùng đó hoá lên trời.

Nghe truyện Phù Đổng Thiên Vương, tôi thường tưởng tượng đến một trang nam nhi, sức vóc khác người, với tâm hồn chất phác và giản dị, như tâm hồn người thuở xưa. Tráng sĩ ấy gặp lúc nước nhà lâm nguy đã xông pha ra trận, đem sức khỏe mà đánh tan giặc, nhưng bị thương nặng. Tuy thế người trai làng Phù Đổng vẫn còn ăn một bữa cơm (chỗ ấy nay lập đền thờ ở làng Xuân Tảo) rồi nháy xuống Hồ Tây tắm, xong mới ôm vết thương lên ngựa đi tìm một rừng cây âm u nào, ngồi dựa gốc cây to, giấu kín nỗi đau đớn của mình mà chết.

(Sức sống của dân Việt Nam trong ca dao và cổ tích - Nguyễn Đình Thi)

Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi:

Câu 1. Văn bản gồm 3 đoạn văn. Hãy chỉ ra vai trò của từng đoạn.

Câu 2. Nêu chủ đề của văn bản.

Câu 3. Chủ đề của văn bản được triển khai theo phương pháp nào?

II. Phần làm văn

Câu 1.

Hiền, dữ phải đâu là tính sẵn,

Phần nhiều do giáo dục mà nên.

(*Nửa đêm* - Hồ Chí Minh)

Từ ý thơ của Bác, anh (chị) hãy trình bày suy nghĩ về vai trò của giáo dục đối với sự hình thành nhân cách con người.

Câu 2.

Đọc đoạn văn sau:

“... Đang ốm thế thì chỉ ăn cháo hành, ra được mồ hôi thì là nhẹ nhõm người ngay đó mà... Thế là vừa sáng thị đã chạy đi tìm gạo. Hành thì nhà thị may lại còn. Thị nấu bỏ vào cái rổ, mang ra cho Chí Phèo. [...] Hấn cầm lấy bát cháo đưa lên mũi. Trời ơi cháo mới thơm làm sao! Chỉ khói xông vào mũi cũng đủ làm người nhẹ nhõm. Hấn húp một húp và nhận ra rằng: những người suốt đời không ăn cháo hành không biết rằng cháo hành ăn rất ngon. Nhưng tại sao mãi đến tận bây giờ hắn mới nếm mùi vị cháo?”

(Chí Phèo - Nam Cao)

Trình bày cảm nhận của Anh (Chị) về chi tiết “bát cháo hành” mà nhân vật Thị Nở mang cho Chí Phèo trong truyện ngắn *Chí Phèo* của Nam Cao.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phần đọc hiểu

1. Yêu cầu chung

- Có kĩ năng đọc hiểu văn bản.
- Diễn đạt rõ ràng, mạch lạc.

2. Yêu cầu cụ thể

Câu 1. Vai trò của từng đoạn: đoạn đầu nêu chủ đề (luận điểm cần chứng minh), hai đoạn sau đưa luận cứ chứng minh cho luận điểm.

Câu 2. Văn bản nhằm chứng minh luận điểm: lịch sử thường có những trang đau thương nhưng bằng trí tưởng tượng, nhân dân đã tìm cách chữa lại sự thật để khỏi phải công nhận những tình thế đáng ưu uất. Đây cũng là chủ đề của văn bản.

Câu 3. Chủ đề của văn bản được triển khai theo phương pháp diễn dịch.

II. Phần làm văn

Câu 1.

a. Yêu cầu chung

- Về kĩ năng: Có kĩ năng làm bài nghị luận xã hội. Biết vận dụng tốt các thao tác lập luận giải thích, bình luận, chứng minh. Bài viết có bố cục đầy đủ, rõ ràng,

mạch lạc; có đủ các ý, các ý phải liên kết chặt chẽ với nhau. Văn viết phải hấp dẫn, thuyết phục, gợi sự suy ngẫm, tình cảm sâu sắc chân thành.

- *Về kiến thức*: Có nhận thức đúng đắn về vai trò của giáo dục đối với sự hình thành nhân cách con người. Từ đó, học sinh xác định được bài học nhận thức và hành động đúng đắn, phù hợp và có ý nghĩa nhất.

b. Yêu cầu cụ thể

Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách nhưng lí lẽ và dẫn chứng phải hợp lí; cần làm rõ được các ý chính sau:

- Giải thích ngắn gọn ý nghĩa câu thơ của Hồ Chí Minh.

- Nêu được vấn đề cần nghị luận.

- Con người khi mới sinh ra chưa hình thành nhân cách, nhân cách được hình thành trong quá trình sống, lao động và học tập, trong đó sự giáo dục đóng vai trò quyết định.

- Vai trò của giáo dục thể hiện ở chỗ: xây đắp, bồi dưỡng cho mỗi người những kiến thức về cuộc sống, những cách ứng xử cao đẹp,... khiến họ trở thành những người công dân tốt.

- Giáo dục có giáo dục trong nhà trường, trong gia đình và trong cuộc sống. Đó là quá trình học tập suốt đời không ngừng nghỉ.

- Cần đề cao giáo dục, đề cao tinh thần tự học, tự bồi dưỡng để mỗi chúng ta trở thành những người có ích cho xã hội.

Câu 2.

a. Yêu cầu chung

- *Về kĩ năng*: Có kĩ năng cảm nhận nội dung một đoạn trích trong tác phẩm văn xuôi. Từ đó, biết cách viết bài văn nghị luận văn học, kết cấu đầy đủ, rõ ràng, mạch lạc, văn viết lưu loát, cảm xúc chân thành.

- *Về kiến thức*: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học về tác phẩm *Chi Phèo* của Nam Cao để phục vụ nội dung bài viết. Bài viết cần thể hiện được những cảm nhận tinh tế, lí giải một cách hợp lí, sâu sắc và thuyết phục.

b. Yêu cầu cụ thể

Bài viết cần tập trung làm nổi bật các ý sau:

* Giới thiệu vài nét về tác giả và tác phẩm:

- Nam Cao là nhà văn hiện thực bậc thầy của văn học Việt Nam hiện đại.

Sáng tác của ông vừa chân thực, giản dị vừa thâm đượm ý vị triết lí nhân sinh. Ông là nhà văn có biệt tài phân tích, diễn tả tâm lí phức tạp của con người.

- *Chí Phèo* là một trong những truyện ngắn xuất sắc, rất tiêu biểu cho sáng tác của Nam Cao trước Cách mạng tháng Tám.

Trong truyện, chi tiết “bát cháo hành” rất đặc sắc và ấn tượng, góp phần quan trọng trong việc thể hiện tâm lí nhân vật, tư tưởng của tác phẩm và điển hình cho nghệ thuật viết truyện ngắn của Nam Cao.

* Cảm nhận về chi tiết “bát cháo hành”:

- Ý nghĩa về nội dung:

+ Thể hiện sự chăm sóc ân cần của thị Nở khi Chí Phèo ốm đau, trợ trợ.

+ Là biểu hiện của tình người hiếm hoi mà Chí Phèo nhận được, là hương vị của hạnh phúc tình yêu muôn màng mà Chí Phèo được hưởng.

+ “Bát cháo hành” đã đánh thức tính người bị vùi lấp lâu nay ở Chí Phèo:

. Gây ngạc nhiên, gây xúc động mạnh, khiến nhân vật ăn năn, suy nghĩ về tình trạng thê thảm hiện tại của mình.

. Khơi dậy niềm khát khao được làm hoà với mọi người; hy vọng vào một cơ hội trở về với cuộc sống lương thiện.

- Ý nghĩa về nghệ thuật:

+ Là chi tiết rất quan trọng thúc đẩy sự phát triển cốt truyện, khắc họa sắc nét tính cách, tâm lí và bi kịch của nhân vật.

+ Góp phần thể hiện sinh động tư tưởng Nam Cao: tin tưởng vào khả năng cảm hoá của tình người.

ĐỀ 46

I. Phần đọc hiểu

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:

... Chưa chữ viết đã vẹn tròn tiếng nói
Vàng trắng cao đêm cá lặn sao mờ
Ôi tiếng Việt như đất cày, như lụa
Óng tre ngà và mềm mại như tơ.

*Tiếng tha thiết, nói thường nghe như hát
Kể mọi điều bằng ríu rít âm thanh
Như gió nước không thể nào nắm bắt
Dấu huyền trầm, dấu ngã chênh vênh.*

*Dấu hỏi dựng suốt ngàn đời lửa cháy
Một tiếng vờn rợp bóng lá cành vươn
Nghe mát lịm ở đầu môi tiếng suối
Tiếng heo may gợi nhớ những con đường...*

(*Tiếng Việt* - Lưu Quang Vũ)

Câu 1. Xác định các phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn thơ?

Câu 2. Phân tích hiệu quả sử dụng biện pháp tu từ trong hai câu thơ:

*Ôi tiếng Việt như đất cày, như lụa
Óng tre ngà và mềm mại như tơ*

Câu 3. Qua đoạn thơ trên, anh/chị hiểu gì về tình cảm của nhà thơ với tiếng Việt?

Câu 4. Cùng nhắc đến tiếng Việt, có nhà nghiên cứu viết: "... Họ yêu vô cùng thứ tiếng trong mấy mươi thế kỉ đã chia sẻ vui buồn với cha ông. Họ dồn tình yêu quê hương trong tình yêu tiếng Việt. Tiếng Việt, họ nghĩ, là tấm lụa bạch hứng vong hồn bao thế hệ đã qua..."

- Hãy cho biết những câu văn trên nằm trong tác phẩm nào, của ai?

- "Họ" trong cách diễn đạt của tác giả là đối tượng nào?

II. Phần làm văn

Câu 1.

*"Ai chiến thắng mà không hề chiến bại,
Ai nên khôn mà chẳng dại đôi lần?"*

(*Dậy mà đi* - Tô Hữu)

Dựa vào ý thơ trên, anh (chị) hãy trình bày suy nghĩ của mình về *thắng* và *bại*, *khôn* và *dại* trong cuộc sống.

Câu 2.

Cảm nhận của anh (chị) về những vẻ đẹp của nhân vật người vợ nhặt (*Vợ*

nhật - Kim Lân) và nhân vật người đàn bà hàng chài (*Chiếc thuyền ngoài xa* - Nguyễn Minh Châu).

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phần đọc hiểu

1. Yêu cầu chung

- Có kỹ năng đọc hiểu văn bản.
- Diễn đạt rõ ràng, mạch lạc.

2. Yêu cầu cụ thể

Câu 1. Các phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn thơ là: Miêu tả, tự sự và biểu cảm.

Câu 2. Biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong hai câu thơ. Tiếng Việt được so sánh với *đất cày, lúa, tơ...* Điều đáng lưu ý là cái đưa ra để so sánh đều là những sự vật gắn liền với cuộc sống của người dân Việt, cư dân nông nghiệp lúa nước; gắn với nếp sống thanh bình ngàn đời của dân tộc với các hoạt động gieo trồng, thu hái, tầm tang canh cửi, dệt lụa nhuộm màu... quen thuộc của người lao động chốn thôn quê. Cách so sánh khiến ý thơ trở nên gợi hình, gợi cảm: tiếng Việt gắn với thôn quê, gần gũi với người quê, tình quê, mang đậm dáng dấp và linh hồn quê hương Việt Nam, giản dị, thuần hậu mà tinh tế và giàu chất thơ.

Có thể đưa ra những so sánh tương tự để thấy được nét đặc sắc của biện pháp nghệ thuật này; chẳng hạn những câu thơ của Chế Lan Viên trong *Tiếng hát con tàu*:

“Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ

Cỏ đón giêng hai, chim én gặp mùa

Như đưa trẻ thơ đói lòng gặp sữa

Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa”

Câu 3. Đoạn thơ đã thể hiện những tình cảm chân thành của nhà thơ với tiếng Việt. Đó là tình yêu và cảm xúc tự hào về vẻ đẹp của tiếng Việt. Trong cảm nhận của nhà thơ, tiếng Việt rất gần gũi, thân thương; đó là tiếng nói của nhân dân ta từ xưa, mang theo cả bề dày của lịch sử văn hóa dân tộc.

Câu 4. Những câu văn trên nằm trong tiêu luận *Một thời đại trong thi ca* của Hoài Thanh. (Chấp nhận phương án HS nêu tên tác phẩm là *Thi nhân Việt Nam* của Hoài Thanh, Hoài Chân).

- “*Họ*” trong cách diễn đạt của tác giả là chỉ các nhà thơ mới.

II. Phần làm văn

Câu 1.

a. Yêu cầu chung

- *Về kĩ năng*: Có kĩ năng làm bài nghị luận xã hội. Biết vận dụng tốt các thao tác lập luận giải thích, bình luận, chứng minh. Bài viết có bố cục đầy đủ, rõ ràng, mạch lạc; có đủ các ý, các ý liên kết chặt chẽ với nhau. Văn viết phải hấp dẫn, thuyết phục, gợi sự suy ngẫm, tình cảm sâu sắc chân thành.

- *Về kiến thức*: Có nhận thức đúng đắn về các vấn đề: thắng, bại, khôn, dại và ý nghĩa của những vấn đề ấy trong cuộc sống. Từ đó, học sinh xác định được bài học nhận thức và hành động đúng đắn, phù hợp và có ý nghĩa nhất.

b. Yêu cầu cụ thể

Có thể đưa ra những ý kiến riêng và trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần hợp lí, thiết thực, chặt chẽ và có sức thuyết phục. Cần nêu bật được các ý sau:

- Nêu được vấn đề cần nghị luận:

+ Con người luôn khao khát chiếm lĩnh chiến thắng và sự khôn ngoan.

+ Giới thiệu quan điểm của nhà thơ Tố Hữu, trích dẫn hai câu thơ.

- Giải thích từ ngữ:

+ Chiến thắng: là vượt qua, giành được thắng lợi trong một quá trình đấu tranh.

+ Chiến bại: Bỏ ra nhiều công sức song không đạt được mục đích.

+ Khôn: Khéo léo, nhanh nhẹn, giải quyết tốt mọi vấn đề.

+ Dại: Làm những điều sai sót, gây hại.

- Giải thích ý thơ của Tố Hữu: Cuộc sống của con người là hành trình khám phá thế giới và bản thân. Như một tất yếu: chẳng có ai chỉ có chiến thắng, khôn ngoan mà không thất bại, dại dột... “*Con người còn sống là còn mắc lỗi*”.

- Suy nghĩ và quan niệm của cá nhân:

+ Không có chiến thắng tuyệt đối vì khát vọng của con người là vô cùng, tri

thức nhân loại là vô hạn; không có thất bại hoàn toàn vì đằng sau sự thất bại ta lại có được nhiều bài học quý báu.

+ Cũng như vậy, không có khôn và dại tuyệt đối. Vấn đề là nhìn sự việc ở góc độ nào.

+ Mọi liên hệ giữa chiến thắng và chiến bại, khôn và dại: “Thất bại là mẹ thành công”, “Mỗi lần ngã (dại) là một lần bớt dại (khôn lên)”.

- Đánh giá: Ý thơ thể hiện quan niệm đúng đắn, biện chứng về các vấn đề chiến thắng, chiến bại, khôn ngoan, dại dột.

- Rút ra bài học: Luôn biết đứng dậy sau thất bại, biết nhìn lên để sửa chữa sai lầm... Và cũng biết khoan dung, độ lượng trước sai lầm của người khác. Con người phải học cách tiếp nhận để “*Thắng không kiêu, bại không nản*”.

Câu 2.

a. Yêu cầu chung

- *Về kĩ năng*: Có kĩ năng cảm nhận về đẹp nghệ thuật của hình tượng nhân vật trong tác phẩm văn học. Từ đó, biết cách viết bài văn nghị luận văn học, kết cấu đầy đủ, rõ ràng, mạch lạc, văn viết lưu loát, cảm xúc chân thành.

- *Về kiến thức*: Học sinh vận dụng những kiến thức đã học về các tác phẩm của Kim Lân và Nguyễn Minh Châu để phục vụ nội dung bài viết. Bài viết cần thể hiện được những cảm nhận tinh tế, lí giải một cách hợp lí, sâu sắc và thuyết phục.

b. Yêu cầu cụ thể

Các ý cơ bản cần tập trung làm rõ:

- Giới thiệu: vẻ đẹp người phụ nữ là một trong những đề tài quen thuộc của văn học Việt Nam. Trong văn học giai đoạn 1945 đến hết thế kỷ XX, nó được thể hiện qua nhiều nhân vật, trong đó có người vợ nhặt (*Vợ nhặt* - Kim Lân) và người đàn bà hàng chài trong truyện *Chiếc thuyền ngoài xa* của Nguyễn Minh Châu.

- Đây là hai nhân vật không phải là nhân vật chính của hai tác phẩm. Thoáng nhìn bên ngoài, cả hai đều không có vẻ đẹp gì đặc biệt. Cô vợ nhặt xuất hiện trước mặt Tràng trong lần thứ hai với thân hình gầy sọp, quần áo tả tơi như tổ đũa, khuôn mặt lưỡi cày xám xịt chỉ còn thấy hai con mắt. Còn người đàn bà hàng chài là một người phụ nữ miền biển trạc ngoài bốn mươi, thô kệch, rỗ mặt, lúc nào cũng xuất hiện với vẻ mệt mỏi tạo ấn tượng về một cuộc đời nhọc nhằn, lam lũ.

- Nhưng nhìn sâu vào bên trong tâm hồn của họ, người đọc sẽ tìm thấy được những nét cao đẹp đáng quý.

+ Người vợ nhặt:

. Một người phụ nữ nhanh nhẹn, hoạt bát, vui vẻ như chị đã thể hiện khi gặp anh Tràng lần đầu tiên.

. Một người phụ nữ ý tứ, nghiêm trang: thái độ của chị khi cùng Tràng đi về qua xóm ngụ cư: kéo nón che nghiêng nửa mặt, không được hài lòng khi bọn trẻ trêu đùa; khi đến nhà Tràng, chị chỉ ngồi nép nơi mép giường.

. Vì hoàn cảnh, có lúc chị phải gồng mình lên, đánh đá, chua ngoa, đốp chát nhưng chỉ cần một sự yêu thương, nương tựa, một mái ấm gia đình, chị đã trở về với bản tính tốt đẹp của một người phụ nữ hiền thực đảm đang, yêu cuộc sống: anh Tràng thấy chị không còn vẻ chao chát, chòng lòn, anh thấy chị đảm đang, hiền thực; chị dậy sớm, cùng mẹ chồng thu dọn nhà cửa cho quang quẻ, sạch sẽ. Trong bữa cơm ngày đói, miếng chè cám đắng xít cổ họng, chị điềm nhiên và vào miệng, cúi mặt xuống che giấu sự xúc động để khỏi làm đau lòng người mẹ chồng nghèo khổ, già nua, nhân hậu.

+ Người đàn bà hàng chài:

. Nhân vật được gọi một cách phiếm định: người đàn bà. Tuy không có tên cụ thể, vô danh như biết bao người đàn bà vùng biển khác, nhưng số phận của chị được tác giả tập trung thể hiện và được người đọc quan tâm nhất trong truyện ngắn này.

. Chị là một người phụ nữ đau khổ. Chị thường xuyên bị chồng đánh đập, ba ngày một trận nhỏ, năm ngày một trận lớn, nhưng chị vẫn thâm lặng chịu đựng, chị không hề kêu một tiếng, không chống trả, không tìm cách chạy trốn.

. Chị thương chồng. Chị hiểu được những đau đớn, day dứt của chồng do hoàn cảnh nghèo khổ, vất vả, khó khăn đến nỗi nó khiến anh từ một người đàn ông tuy cộc tính nhưng hiền lành và nhất là chưa bao giờ đánh vợ trở thành một kẻ vũ phu tàn ác. Chính vì vậy, chị đã hoàn toàn nhẫn nhục cam chịu khi bị chồng bạo hành.

. Chị là người mẹ thương con. Chị lo sợ thằng Phác sẽ có những hành động nông nổi với bố, chị đã gởi con cho bố ruột của mình nuôi. Không muốn con nhìn thấy cảnh cha đánh mẹ, chị xin với anh mỗi lần muốn đánh chị thì lên bờ mà đánh khi không có mặt con. Sở dĩ chị nhẫn nhục, chịu đựng như vậy là vì chị nghĩ đến đàn con bởi gia đình cần có một người đàn ông trong những lúc phong

ba bão táp, cùng chị nuôi nấng đàn con khôn lớn. Có thể nói đây là một sự hy sinh cao cả của chị đối với con.

. Chị là một người hiền thảo lễ đời, tuy ít học mà tinh táo và sáng suốt. Không chỉ hiểu mình, chị hiểu cả tấm lòng của những người phụ nữ hàng chài. Họ biết mình đau khổ nhưng vẫn nhẫn nại, hy sinh, bao dung chịu đau khổ để cho đàn con được dưỡng nuôi khôn lớn. Bởi người phụ nữ hàng chài không thể sống như những người phụ nữ khác, do hoàn cảnh rất riêng của họ, lúc nào cũng sống trên sóng nước, gia đình nào cũng trên dưới chục đứa con. Câu chuyện của chị ở tòa án huyện đã mang lại cho chánh án Đẩu và nghệ sĩ Phùng những nhận thức mới mẻ mà trước đó họ chưa từng nghĩ tới.

. Chị yêu thương gia đình và cuộc sống đầm ấm đùm bọc của gia đình. Như chị nói, trên thuyền cũng có những lúc cha con, chồng vợ vui vẻ với nhau, nhất là khi nhìn đàn con được ăn no. Chính vì vậy, khi chánh án Đẩu đề nghị chị ly hôn với chồng, chị đã nhất định không chấp nhận.

. Chị là người phụ nữ bao dung, vị tha, giàu lòng yêu thương và đức hy sinh - tiêu biểu cho vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam.

- Hai nhân vật có những nét riêng trong số phận, đặc điểm với những nét đậm nhạt khác nhau nhưng đều thể hiện được tâm hồn nhân hậu, hiền thực của người phụ nữ Việt Nam. Những hình ảnh như vậy mang lại cho người đọc đương thời và ngày nay những cảm nhận sâu sắc và bài học quý giá để noi gương.

ĐỀ 47

I. Phân đọc hiểu

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi ở dưới:

“ ...

*Hãy thù ghét
mọi ao tù
nơi thân ta rửa mực
mọi thói quen
nếp nghề - mù lòa!
Hãy sống như*

*những con tàu
phải lòng
muôn hải lý
mỗi ngày
bỏ
sau lưng
nghìn hải - cảng - mưa - buồn!...*

(*Bài thơ Việt Bắc - Trần Dần*)

Câu 1. Bài thơ được sáng tác theo thể thơ nào? Trong những tác phẩm sau đây, hãy chỉ ra bài thơ cùng được sáng tác bằng thể thơ đó: *Đây thôn Vĩ Dạ* (Hàn Mặc Tử), *Tây Tiến* (Quang Dũng), *Sóng* (Xuân Quỳnh), *Đàn ghi-ta của Lorca* (Thanh Thảo).

Câu 2. Hãy chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ trong đoạn trích.

Câu 3. Đoạn thơ đã đưa ra những lời khuyên gì với mỗi người? Hãy nêu cảm nhận của anh/chị về ý nghĩa của những lời khuyên ấy.

II. Phần làm văn

Câu 1.

Trong “*Bài kí đề danh tiến sĩ khoa Nhâm Tuất, niên hiệu Đại Bảo thứ ba - 1442*”, tác giả Thân Nhân Trung viết:

“Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh, rồi lên cao, nguyên khí suy thì thế nước yếu, rồi xuống thấp.”

Trình bày suy nghĩ của anh (chị) về ý kiến của tác giả Thân Nhân Trung. Theo anh (chị), vấn đề mà tác giả nêu có ý nghĩa thời sự như thế nào đối với thời đại ngày nay?

Câu 2.

Phân tích trình tự triển khai lập luận của Hồ Chí Minh trong văn bản *Tuyên ngôn Độc lập*.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phần đọc hiểu

1. Yêu cầu chung

- Có kĩ năng đọc hiểu văn bản.

- Diễn đạt rõ ràng, mạch lạc.

2. Yêu cầu cụ thể

Câu 1. Đoạn thơ (bài thơ) được sáng tác theo thể tự do. Trong số những bài thơ được liệt kê, có bài thơ *Đàn ghi - ta của Lorca* cùng viết bằng thể thơ này.

Câu 2. Các biện pháp tu từ có trong đoạn thơ:

- Ẩn dụ: *ao tù* (cuộc sống quanh, tù hãm); *thói quen - nếp nghĩ mù lòa* (cách nghĩ, cách làm thiếu tinh táo và sáng suốt); *ngành hải cảng mưa buồn* (nơi trú ngụ của nỗi buồn, sự trì trệ)...

- Nhân hóa: *những con tàu phải lòng muôn hải lý* (tình yêu và khát vọng được lên đường, đến với những chân trời rộng mở).

* Tác dụng của việc sử dụng các biện pháp tu từ: Khiến câu thơ trở nên gợi hình, gợi cảm. Những hình ảnh nhân hóa, ẩn dụ trong đoạn thơ đã mở ra hai thế giới đối lập: một thế giới tù hãm, trì trệ, nơi sẽ giết chết con người bằng nỗi buồn và sự vô nghĩa; một thế giới của khát vọng sôi nổi, của ý chí và quyết tâm lên đường đến với những chân trời rộng mở, khoáng đạt.

Câu 3. Đoạn thơ đã đưa ra những lời khuyên với con người:

- Phải biết thù ghét (bất bình, lên án, phủ định) cuộc sống giam hãm, mất tự do; tăm tối, trì trệ, ngột ngạt.

- Phải biết hướng tới một lẽ sống tích cực: Sống với ước vọng tự do, với khát khao chinh phục những chân trời xa rộng. Phải biết làm chủ cuộc đời mình, biết vượt qua những u buồn để sống lạc quan, vượt qua những trói buộc, giam hãm để sống sôi nổi, đầy ý nghĩa.

II. Phần làm văn

Câu 1.

a. Yêu cầu chung

- *Về kĩ năng:* Có kĩ năng làm bài nghị luận xã hội về một vấn đề tư tưởng, đạo lí. Biết vận dụng tốt các thao tác lập luận giải thích, bình luận, chứng minh. Bài viết có bố cục đầy đủ, rõ ràng, mạch lạc; có đủ các ý, các ý liên kết chặt chẽ với nhau. Văn viết phải hấp dẫn, thuyết phục, suy nghĩ, tình cảm sâu sắc chân thành.

- *Về kiến thức:* Có nhận thức đúng đắn về ý nghĩa của vấn đề trọng dụng nhân tài; vai trò, vị trí của người hiền tài đối với mỗi quốc gia. Từ đó, học sinh xác định được bài học nhận thức và hành động đúng đắn, phù hợp và có ý nghĩa nhất.

b. Yêu cầu cụ thể

Cần tập trung triển khai các ý sau:

* *Trình bày suy nghĩ của anh (chị) về ý kiến của tác giả Thân Nhân Trung*

- Giới thiệu về tác giả Thân Nhân Trung và bài kí.

- Nhấn mạnh: Thân Nhân Trung là người có nhiều quan điểm tiên bộ, sâu sắc, chăm lo cho sự nghiệp hưng thịnh của nước nhà. Một trong những tư tưởng ấy là tư tưởng tôn trọng, đề cao vai trò của hiền tài: *“Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh, rồi lên cao, nguyên khí suy thì thế nước yếu, rồi xuống thấp.”*

- Bày tỏ quan điểm của mình:

+ Khẳng định ý kiến của Thân Nhân Trung là hoàn toàn đúng đắn và sâu sắc.

+ Nêu ý nghĩa câu nói của Thân Nhân Trung: Người hiền tài là những người học rộng, tài cao, thông minh, sáng suốt, có thể coi họ là hạt nhân khí chất ban đầu làm nên sự sống còn và phát triển đối với mỗi quốc gia.

Người hiền tài có ảnh hưởng lớn đến sự thịnh suy của mỗi quốc gia. Ở Trung Hoa ngày trước, vào thời Xuân Thu - Chiến Quốc rồi thời Tam Quốc, các nước mạnh yếu khác nhau đều là nhờ vào việc trọng dụng nhân tài. Ở nước ta, thời nào người hiền tài được trọng dụng, triều đại nào, chế độ nào được nhiều người hiền tài giúp sức thì phát triển vững mạnh. Ngược lại, nếu thiếu đi những bậc hiền tài thì đất nước tất sẽ suy vong.

Người hiền tài quan trọng đối với đất nước như vậy nên từ xưa, các triều đại phong kiến hết sức quý trọng hiền tài, làm mọi việc để khuyến khích, phát triển nhân tài: đề cao danh tiếng, ban chức tước, cấp bậc, yến tiệc, ghi tên ở bảng vàng, khắc bia tiến sĩ lưu danh sử sách... Những việc làm trên đây đã khẳng định vai trò của người hiền tài đối với mỗi quốc gia.

+ Bài học rút ra từ tư tưởng của Thân Nhân Trung:

Thời nào thì “hiền tài cũng là nguyên khí của quốc gia”. Vì thế, cần phải biết quý trọng nhân tài, phải có những chính sách đãi ngộ phù hợp đối với họ, nhất là trong thời kì mở cửa, nạn chảy máu chất xám diễn ra khá phổ biến như ngày nay.

* *Ý nghĩa thời sự của vấn đề*

- Trong thời kì mở cửa, người hiền tài không chỉ có ý nghĩa sống còn đối với sự thịnh suy của đất nước nói chung mà vai trò của họ còn được thể hiện ở những cấp độ nhỏ hơn. Cơ quan, đơn vị nào biết trọng dụng người tài, có nhiều

người có năng lực tham gia vào công tác quản lý hoặc lao động trực tiếp thì có thể thúc đẩy công việc của tập thể một cách hiệu quả và nhanh chóng.

- Thấm nhuần tư tưởng ấy, nhà nước ta coi “giáo dục là quốc sách hàng đầu”, đồng thời tiếp tục có nhiều chính sách ưu đãi để người hiền tài có điều kiện được cống hiến hết mình cho đất nước.

- Vấn đề mà Thân Nhân Trung đặt ra vẫn và sẽ còn có ý nghĩa lâu dài đối với sự phát triển nói chung.

Câu 2.

a. Yêu cầu chung

- *Về kĩ năng*: Có kĩ năng đọc hiểu, phân tích nội dung tác phẩm nghị luận. Từ đó, biết cách viết bài văn nghị luận văn học, kết cấu đầy đủ, rõ ràng, mạch lạc, văn viết lưu loát, cảm xúc chân thành.

- *Về kiến thức*: Từ những hiểu biết về tác phẩm *Tuyên ngôn Độc lập*, bài viết cần làm rõ được hiệu quả nghệ thuật của việc triển khai trình tự lập luận của Hồ Chí Minh. Bài viết cần thể hiện được những phân tích sắc sảo, lí giải hợp lí và thuyết phục.

b. Yêu cầu cụ thể

Có thể tham khảo dàn ý sau:

** Trình tự lập luận*

- Nêu ý nghĩa của việc dẫn hai bản *Tuyên ngôn Độc lập* và *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Mĩ và Pháp.

- Bác đánh đổ các luận điểm “khai hoá”, “bảo hộ”, “thuộc địa” của thực dân Pháp.

- Bác phủ nhận vai trò Đồng minh và tính chất phản nhân đạo của thực dân Pháp, đồng thời khẳng định tính chất chính nghĩa và nhân đạo của nhân dân ta.

- Lời tuyên bố độc lập và khẳng định ý chí, quyết tâm bảo vệ quyền tự do độc lập của nhân dân ta.

Hệ thống và trình tự lập luận Bác đưa ra rất chặt chẽ, sắc sảo, hợp lí, hợp tình, vì thế văn bản rất giàu sức thuyết phục.

** Dẫn chứng*

- Bản *Tuyên ngôn Độc lập* không chỉ đọc trước đồng bào và một thể giới chung chung, cũng không phải chỉ để tuyên bố độc lập một cách đơn giản. Ngoài

đồng bào cả nước, đối tượng của bản Tuyên ngôn trước hết là bọn đế quốc Anh, Pháp, Mĩ. Thêm nữa, sự khẳng định quyền độc lập tự do của dân tộc ở đây còn đồng thời là một cuộc tranh luận nhằm bác bỏ những lí lẽ của bọn thực dân trước dư luận thế giới. Và tất nhiên, đó chính là lí do Bác dẫn hai bản *Tuyên ngôn Độc lập* của Pháp và Mĩ trong lịch sử, như một chiêu thức “gậy ông đập lưng ông”. Dẫn hai bản *Tuyên ngôn Độc lập* và *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Mĩ và Pháp ngay ở phần đầu bài viết của mình, Bác vừa ngầm nhắc nhở họ đừng làm điều phản bội lại với tổ tiên mình, vừa đặt cuộc cách mạng và nền độc lập của ta ngang hàng với các cuộc cách mạng và nền độc lập của Pháp và Mĩ. Đó là cách vào đề vừa khéo léo vừa kiên quyết.

Trong phần đầu, Người còn nêu ra một vấn đề có ý nghĩa quan trọng hơn, vấn đề được đưa ra để đối thoại với kẻ thù - vấn đề độc lập dân tộc. Từ lời của bản Tuyên ngôn của Mĩ, Bác viết: “*Lời bất hủ ấy trong bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mĩ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do*”. Lí lẽ rất chắc chắn và sắc sảo, giản dị mà vô cùng hiệu quả.

- Khi xâm chiếm nước ta, thực dân Pháp luôn lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái và dùng chiêu bài “bảo hộ”, “khai hóa”. Bản *Tuyên ngôn* đã lật tẩy bản chất đen tối và xảo quyệt đó của chúng bằng những lí lẽ và sự thật lịch sử không thể chối cãi được.

Thực dân Pháp muốn khoe khoang công lao “khai hoá” Đông Dương thì bản *Tuyên ngôn* lập tức vạch trần những hành động “trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa” của chúng trong hơn 80 năm thống trị nước ta: chúng thủ tiêu mọi quyền tự do, dân chủ; chia rẽ ba kì; tẩm các phong trào yêu nước trong bể máu; thi hành chính sách ngu dân; đầu độc dân ta bằng thuốc phiện, rượu cồn,...

Thực dân Pháp kể công “bảo hộ” Đông Dương thì bản *Tuyên ngôn* chỉ rõ: “Trong năm năm chúng đã bán nước ta hai lần cho Nhật”.

Thực dân Pháp tuyên bố Đông Dương là thuộc địa của chúng và chúng có quyền trở lại Đông Dương nhưng trên thực tế, Đông Dương đã là thuộc địa của Nhật, và nhân dân ta cũng giành được chính quyền từ tay Nhật.

Những lập luận bằng thực tiễn rất sắc sảo này dẫn đến lời tuyên ngôn đanh thép ở đoạn sau.

ĐỀ 48

I. Phân đọc hiểu

“... Rời khỏi kinh thành, sông Hương chéch về hướng chính bắc, ôm lấy đảo Cồn Hến quanh năm mơ màng trong sương khói, đang xa dần thành phố để lưu luyến ra đi giữa màu xanh biếc của tre trúc và của những vườn cau vùng ngoại ô Vĩ Dạ. Và rồi, như sức nhớ lại một điều gì chưa kịp nói, nó đột ngột đổi dòng, rẽ ngoặt sang hướng đông tây để gặp lại thành phố lần cuối ở góc thị trấn Bao Vinh xưa cổ...”

(Trích *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* - Hoàng Phủ Ngọc Tường)

Hãy đọc đoạn văn và thực hiện các nhiệm vụ nêu ở dưới:

Câu 1. “Nhân vật chính” được miêu tả trong đoạn văn? Được miêu tả trong hoàn cảnh nào?

Câu 2. Hãy chỉ ra và phân tích hiệu quả của biện pháp tu từ nổi bật được sử dụng trong đoạn văn?

Câu 3. Hãy phân tích tính cách, phẩm chất của dòng sông xứ Huế được đoạn văn đề cập đến?

Câu 4. Theo anh (chị), “điều chưa kịp nói” của sông Hương là điều gì? Hãy viết khoảng 2-4 câu văn tưởng tượng về điều sông Hương sẽ nói với thành phố Huế?

II. Phân làm văn

Câu 1.

“*Thất bại là mẹ thành công*” là châm ngôn sống mà mọi người đều biết. Trên cơ sở ý nghĩa của lời khuyên này, anh (chị) hãy trình bày suy nghĩ của mình về chuyện *đỡ, trượt* trong thi cử.

Câu 2.

Giáo sư Nguyễn Đăng Mạnh nhận xét: “*Trong thơ Bác, mạch thơ, hình ảnh thơ cũng như tư tưởng thơ ít khi tĩnh tại, thường luôn luôn vận động một cách khoẻ khoắn và bất ngờ hướng về sự sống và ánh sáng*”. Hãy phân tích bài thơ *Chiều tối* để làm sáng tỏ nhận định trên.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phần đọc hiểu

1. Yêu cầu chung

- Có kỹ năng đọc hiểu văn bản.
- Diễn đạt rõ ràng, mạch lạc.

2. Yêu cầu cụ thể

Vận dụng kiến thức và kỹ năng đọc hiểu một văn bản để xác định đối tượng, bối cảnh, ngôn ngữ,... và phát huy trí tưởng tượng để giải quyết yêu cầu của đề.

Câu 1. “Nhân vật” chính trong đoạn trích là “sông Hương” khi bắt đầu rời khỏi thành phố Huế, có thể coi là cảnh sông Hương chia tay với thành phố Huế.

Câu 2. Biện pháp tu từ nhân hoá được sử dụng: Sông Hương “ôm lấy đảo Cồn Hến”, “lưu luyến ra đi”, “sực nhớ lại điều gì chưa kịp nói”. Biện pháp nhân hoá khiến Sông Hương trở nên có linh hồn, ân tình và đằm thắm.

Câu 3. Sông Hương không chỉ là một dòng chảy mềm mại mà còn hiện lên sâu lắng, dịu dàng, đầy ân tình song cũng đầy ý tứ như một thiếu nữ đang yêu quyến luyến chia tay với người yêu - thành phố Huế - của mình.

Câu 4. Câu hỏi này khuyến khích trí tưởng tượng của học sinh. “Điều chưa kịp nói” của sông Hương có thể có nhiều, song trong bối cảnh dòng sông rời khỏi - chia tay với thành phố Huế, đó có thể là lời lưu luyến dặn dò, lời giải bày tâm sự, lời thề nguyện...

II. Phần làm văn

Câu 1.

a. Yêu cầu chung

- *Về kỹ năng:* Có kỹ năng làm bài nghị luận xã hội về một vấn đề tư tưởng, đạo lí. Biết vận dụng tốt các thao tác lập luận giải thích, bình luận, chứng minh. Bài viết có bố cục đầy đủ, rõ ràng, mạch lạc; có đủ các ý, các ý liên kết chặt chẽ với nhau. Văn viết phải hấp dẫn, thuyết phục, suy nghĩ, tình cảm sâu sắc chân thành.

- *Về kiến thức:* Có nhận thức đúng đắn về vấn đề thất bại và thành công trong cuộc sống. Từ đó, học sinh xác định được bài học nhận thức và hành động đúng đắn, phù hợp và có ý nghĩa nhất.

b. Yêu cầu cụ thể

Có thể đưa ra ý kiến riêng và trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần hợp lí, thiết thực, chặt chẽ và có sức thuyết phục. Cần nêu bật được các ý sau:

- Giải thích, bình luận ngắn gọn ý của câu châm ngôn:

+ Trong cuộc đời, chúng ta ai cũng từng gặp thất bại, nhưng đừng vì những thất bại đó mà nản lòng. Bởi vì, nếu gặp thất bại mà không bi quan, biết tích lũy kinh nghiệm và rút ra bài học sau mỗi thất bại để sửa đổi lối suy nghĩ, cách làm việc cho phù hợp, chúng ta sẽ tiến gần đến sự thành công.

+ Trên thực tế, nhiều người có được thành công trong cuộc sống đều là những người biết đi lên từ thất bại (có thể lấy một vài dẫn chứng từ cuộc đời của các nhà khoa học, các nhà kinh tế,...)

- Từ ý nghĩa của câu châm ngôn, suy nghĩ về chuyện đỗ, trượt trong thi cử:

+ Việc đỗ, trượt là điều thường xảy ra trong thi cử. Trượt là nỗi buồn, đổ đem lại niềm vui cho học trò và những người thân trong gia đình.

+ Đỗ cao trong thi cử là kết quả của trí thông minh, tài năng, sự nỗ lực của người thi và là biểu hiện bước đầu của sự thành đạt. Đây là niềm vui của cá nhân và người thân.

+ Tuy nhiên, không nên nghĩ rằng đỗ đạt trong thi cử là con đường duy nhất để có được chìa khoá mở cánh cửa tương lai. Do đó, nếu bị trượt cũng đừng nên bi quan thất vọng mà cần biết rút kinh nghiệm để tiếp tục vươn lên trong cuộc sống.

Cần trình bày suy nghĩ riêng của bản thân, học sinh cần luôn nỗ lực phấn đấu trong học tập (học qua nhà trường, sách vở, xã hội) để nâng cao tri thức và sử dụng kiến thức đó vào thực tiễn một cách hiệu quả nhất.

Câu 2.

a. Yêu cầu chung

- *Về kĩ năng*: Có kĩ năng cảm nhận, phân tích nội dung tác phẩm thơ trữ tình, từ đó biết cách viết bài văn nghị luận văn học. Kết cấu bài viết đầy đủ, rõ ràng, mạch lạc, văn viết lưu loát, cảm xúc chân thành.

- *Về kiến thức*: Từ những hiểu biết về nội dung bài thơ *Chiều tối* của Hồ Chí Minh, bài viết cần tập trung phân tích để làm sáng tỏ nhận xét của nhà nghiên cứu Nguyễn Đăng Mạnh. Bài viết cần thể hiện được những cảm nhận tinh tế, phân tích sắc sảo, lí giải hợp lí và thuyết phục.

b. Yêu cầu cụ thể

Tham khảo các ý chính sau đây để làm bài:

* Giới thiệu bài thơ, trích dẫn lời nhận xét

* Phân tích

- Bức tranh thiên nhiên trong hai câu thơ đầu của bài thơ:

+ Chiều tối là thời khắc cuối cùng của một ngày và với một tù nhân như Bác, đó cũng là chặng cuối cùng của một ngày đày ải. Thời gian và hoàn cảnh như thế dễ gây tâm trạng mệt mỏi, chán chường. Vậy mà ở đây, cảm hứng thơ lại đến với Bác thật tự nhiên. Trời về chiều, lại đi giữa nơi rừng núi, như một lẽ tự nhiên, người tù ngược lên cao để tìm chút ánh sáng cuối cùng của ngày, đó cũng chính là lúc Bác bắt gặp cánh chim mỏi mệt đang tìm bay về tổ ấm, bắt gặp chòm mây chậm chậm trôi qua lưng trời. Bài thơ không tả màu sắc mà người đọc vẫn cảm thấy sự âm u, không tả âm thanh mà vẫn gợi được sự vắng vẻ, quạnh hiu.

Có thể thấy sự gần gũi, tương đồng giữa con người và cánh chim kia: suốt một ngày bay đi kiếm ăn, cánh chim kia đã mệt mỏi và người tù cũng rã rời sau một ngày lê bước trên con đường đày ải - trong ý thơ có cả sự hoà hợp và cảm thông giữa con người với thiên nhiên, tạo vật mà cội nguồn của tình yêu thương ấy chính là tình yêu mệnh mông của Bác.

+ Câu thơ thứ hai gợi nhớ thơ Thôi Hiệu ("*Ngàn năm mây trắng bây giờ còn bay*" - *Hoàng Hạc lâu*) và thơ Nguyễn Khuyến ("*Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt*" - *Thu điếu*), chỉ có điều, trong thơ Bác không phải là áng mây trắng ngàn năm vẫn bay gợi sự vĩnh hằng, hay tầng mây lơ lửng gợi sự không vĩnh viễn, mà ẩn chứa bao nỗi khắc khoải của con người, nó gợi cảm giác về cái cao rộng, trong trẻo, êm ả của một chiều thu nơi cuối rừng Quảng Tây - với chòm mây ấy, không gian như mệnh mông vô tận và thời gian như ngừng trôi. Phải có một tâm hồn thật ung dung thư thái thì người tù mới có thể dõi theo một chòm mây thong thả giữa bầu trời bao la. Hơn thế, chòm mây như có hồn người, như mang tâm trạng. Nó cô đơn, lẻ loi và lặng lẽ trôi giữa không gian rộng lớn của trời chiều.

+ Hai câu thơ đầu của *Chiều tối* thấm đẫm nỗi buồn vì cảnh buồn và người buồn, vì cánh chim bay về tổ gợi niềm mong ước sum họp, chòm mây đơn độc trôi chậm chậm về phía trời xa gợi thân phận lênh đênh trôi dạt nơi đất khách quê người, vì không biết bao giờ nhà thơ mới được tự do như cánh chim và chòm mây trên bầu trời kia. Mặc dù vậy, vẻ đẹp cổ điển của hai câu thơ đã thể hiện

được bản lĩnh kiên cường của người chiến sĩ, bởi nếu không có ý chí và nghị lực, không có phong thái ung dung, tự chủ và sự tự do hoàn toàn về tinh thần thì không thể có những câu thơ cảm nhận thiên nhiên thật sâu sắc và tinh tế như thế trong hoàn cảnh tù đày khắc nghiệt như vậy.

- Bức tranh đời sống trong hai câu thơ sau:

+ Nếu trong hai câu thơ đầu, cảnh vật hiện ra trong những nét vẽ chấm phá, phần nào mang tính chất ước lệ cổ điển thì hình ảnh người phụ nữ lao động ở hai câu thơ sau lại được gợi tả một cách cụ thể, sinh động. Chính nét vẽ đời thường ấy đã tạo cho bài thơ có thêm dáng vẻ hiện đại, hơn thế, trong hình dung về sự chia li, về khoảng cách với cánh chim và chòm mây (ở xa), hình ảnh cô gái xay ngô, hình ảnh con người (ở gần) nổi bật lên, trở thành trung tâm của bức tranh thiên nhiên.

+ Bác đã quên đi cảnh ngộ đau khổ của mình để cảm nhận cuộc sống của nhân dân, cho thấy sự quan tâm, tình thương của Bác với những người lao động nghèo. Câu thơ thứ ba nguyên nghĩa là “*Cô gái xóm núi xay ngô*” - đó là câu thơ miêu tả chân thật, giản dị đời sống, nhịp sống hàng ngày. Đến đây, bài thơ từ bức tranh thiên nhiên chuyển sang bức tranh đời sống, từ cảnh trời mây chim muông chuyển sang cảnh con người lao động - đó là hướng vận động trong cấu trúc của bài thơ. Hình ảnh cô gái xay ngô toát lên vẻ trẻ trung, khoẻ mạnh, sống động và chính cuộc sống lao động bình dị đó càng trở nên đáng quý biết bao giữa núi rừng âm u, heo hút, mang lại cho người đi đường lúc chiều tối chút hơi ấm của sự sống, chút niềm vui trong lao động của con người.

+ Hai câu cuối có nhịp điệu đều và khoẻ khắn, đó là do sự vắt dòng giữa cụm từ “ma bao túc” ở câu ba với “bao túc ma hoàn” ở câu bốn. Sự nối âm liên hoàn, nhịp nhàng như diễn tả cái vòng quay không dứt của động tác xay ngô - qua đó có thể thấy cô gái thật chăm chỉ, cần mẫn với công việc của mình.

+ Hình ảnh cô gái xay ngô và bếp lửa tượng trưng cho cảnh gia đình, cho công việc đời thường, sự nghỉ ngơi và sum họp. Thấp thoáng trong những hình ảnh ấy là ước mơ thầm kín về mái ấm gia đình của người đang lưu lạc. Tâm hồn nhà cách mạng đã vượt lên hoàn cảnh khắc nghiệt để đồng cảm với niềm vui đời thường. Bài thơ vận động từ ánh chiều âm u, tăm tối đến ánh lửa hồng, rực rỡ, ấm áp; từ nỗi buồn đến niềm vui. Nó cho thấy cái nhìn tràn đầy niềm lạc quan yêu đời và tình yêu thương con người của Bác.

* Kết luận

Từ hai câu thơ đầu đến hai câu thơ cuối của bài thơ *Chiều tối* là sự vận động của tứ thơ từ nỗi buồn sang niềm lạc quan, từ bóng tối ra ánh sáng. Hai câu trên buồn, cảnh buồn và lòng người cũng không vui. Cảnh ấy, tình ấy thể hiện ở hình ảnh cánh chim mệt mỏi về rừng và chòm mây cô đơn chậm chậm trôi qua lưng trời. Hai câu thơ sau là niềm vui, thể hiện ở hình ảnh ánh lửa hồng rực sáng. Ánh lửa hồng và niềm vui bình dị của người lao động làm tan đi cái cô đơn, mệt mỏi, tàn lụi của buổi chiều nơi núi rừng hiu quạnh.

ĐỀ 49

I. Phân đọc hiểu

Đọc văn bản sau đây và trả lời những câu hỏi bên dưới:

“Cụ khê nâng vuông vài tây điều phù trên khay trà gổ trác có chân quỳ. Nhẹ nhàng, khoan thai, cụ Âm nhắc cả đĩa dầm, chén tổng, chén quân ra khỏi lòng khay. Đến lúc dờ tới cái ấm con chuyên trà thì cụ kên càng hơn. Cụ ngắm nghĩa mãi chiếc ấm màu đỏ da chu, bóng không một chút gợn. Dáng ấm làm theo hình quả sung và khi luyện đất cho vào lò lửa, người thợ Tàu lấy dáng cho ấm kia đã là một người thợ có hoa tay. Cụ Âm thử mãi da lòng tay mình vào mình cái ấm độc ấm, hình như cốt tìm tòi một chút gợn trên đất nung để được sung sướng hoàn toàn sau khi nhận thấy cái ấm độc ấm kia là nhẵn nhụi quá.

Nước sôi già lắm rồi. Nhưng thói quen vẫn bắt cụ Âm rót thử một chút nước xuống đất xem có thực là sôi hay không. Mở đầu cho công việc vụn vặt trong mỗi ngày tàn còn lại, ông già đã sợ nhất cái ấm trà tàu pha hóng lúc sớm mai. Từ trên bề cao gổ sập, dòng nước sôi trút mạnh xuống nền đất trị, tiếng kêu lộp bộp.

Trên chiếc hỏa lò để không, cụ đã đặt thêm một ấm đồng cò bay khác. Những người uống trà dùng cách thức trà đạo như cụ Âm bao giờ cũng có ít ra là hai cái ấm đồng đun nước. Ấm nước sôi nhắc ra khỏi lò than là đã có chiếc ấm thứ hai đặt lên đấy rồi. Và hai ấm đồng đó cứ được mãi mãi thay phiên nhau đặt lên lò than đỏ rực. Bữa nước trà cứ kéo dài không hết hồi, người ta luôn tay có một thứ nước sôi đủ độ nóng để pha một ấm trà ngon.

Nhưng có mấy khi cụ Âm uống trà tàu nhiều đến thế. Riêng về phần cụ, chỉ hai chén con là đủ rồi. Nhưng hai chén đó đã được cụ săn sóc đến nhiều quá.

Chưa bao giờ ông già này dám cầu thả trong cái thú chơi thanh đạm. Pha cho mình cũng như pha trà mời khách, cụ Âm đã để vào đây nhiều công phu. Những công phu đó đã trở nên lễ nghi. Trong ấm trà pha ngon, người ta chịu nhận thấy có một mùi thơ và một vị triết lí.”

(Chén trà trong sương sớm - Nguyễn Tuân)

Câu 1. “Cái thú chơi thanh đạm” mà nhà văn Nguyễn Tuân đã gọi lại trong văn bản trên là gì?

Câu 2. Để chỉ một đối tượng là cái ấm pha trà, tác giả đã dùng những cách gọi nào? Từ đó anh/chị hãy nhận xét về đặc điểm ngôn ngữ nghệ thuật của Nguyễn Tuân?

Câu 3. Tình cảm, thái độ của Nguyễn Tuân được thể hiện trong văn bản trên là gì?

II. Phần làm văn

Câu 1.

Từ câu chuyện một nhóm bạn trẻ dù bị khiếm thị vẫn miệt mài làm ra những tấm bưu thiếp đẹp với mong ước vươn lên trong cuộc sống, anh (chị) hãy viết bài văn trình bày suy nghĩ gì về ý chí và nghị lực sống của con người?

Câu 2.

Phân tích những thành công về nghệ thuật của Thạch Lam trong truyện ngắn *Hai đứa trẻ*.

GỢI Ý LÀM BÀI

I. Phần đọc hiểu

1. Yêu cầu chung

- Có kĩ năng đọc hiểu văn bản.
- Diễn đạt rõ ràng, mạch lạc.

2. Yêu cầu cụ thể

Câu 1. “Cái thú chơi thanh đạm” Nguyễn Tuân gọi lại trong văn bản là thú pha trà tàu lúc sớm mai.

Câu 2. Để chỉ cùng một đối tượng là cái ấm pha trà, nhà văn đã dùng nhiều cách gọi: *cái ấm con chuyên trà, chiếc ấm màu đỏ da chu, ấm, cái ấm độc ấm, cái ấm trà tàu, ấm đồng cò bay, ấm đồng*.

Đặc điểm ngôn ngữ nghệ thuật Nguyễn Tuân: Nguyễn Tuân có một kho từ vựng hết sức giàu có, phong phú. Vốn từ vựng ấy đã giúp nhà văn có những cách diễn đạt linh hoạt, biến hóa cho cùng một sự vật, sự việc, hiện tượng.

Câu 3. Nguyễn Tuân luôn gọi người pha trà là *cụ*, *cụ Ấm*; miêu tả chi tiết, cặn kẽ từng cử chỉ, từng công đoạn pha trà; đặc biệt, nhà văn đã cảm nhận một cách tinh tế cái *thú chơi thanh đạm, công phu, lễ nghi, để nhận thấy có một mùi thơ và một vị triết lí*.

→ Tình cảm, thái độ của nhà văn: yêu mến, trân trọng, thích thú, say mê... thú thưởng trà tàu sớm mai. Trong cái nhìn của Nguyễn Tuân, việc pha trà, thưởng trà đã được nâng lên thành nghệ thuật và ông *cụ Ấm* như một người nghệ sĩ tài hoa.

II. Phần làm văn

Câu 1.

a. Yêu cầu chung

- *Về kĩ năng:* Có kĩ năng làm bài nghị luận xã hội về một hiện tượng đời sống. Biết vận dụng tốt các thao tác lập luận giải thích, bình luận, chứng minh. Bài viết có bố cục đầy đủ, rõ ràng, mạch lạc; có đủ các ý, các ý liên kết chặt chẽ với nhau. Văn viết phải hấp dẫn, thuyết phục, suy nghĩ, tình cảm sâu sắc chân thành.

- *Về kiến thức:* Có nhận thức đúng đắn về ý chí và nghị lực của con người trong cuộc sống. Từ đó, học sinh xác định trách nhiệm của bản thân và xã hội cũng như rút ra những bài học nhận thức và hành động đúng đắn, phù hợp và có ý nghĩa.

b. Yêu cầu cụ thể

Thí sinh có thể bộc lộ quan điểm của riêng mình theo những cách khác nhau, nhưng cần chân thành, thiết thực, hợp lí, chặt chẽ và thuyết phục. Về cơ bản, bài viết cần làm rõ được các ý chính sau:

- Ý chí, nghị lực là sự dũng cảm, là bản lĩnh của con người khi đối diện với những hoàn cảnh khó khăn và thử thách trong cuộc sống, là sức mạnh phi thường của con người vượt qua khó khăn để vươn tới hạnh phúc, thành công trong cuộc sống.

- Những tấm gương là biểu tượng của ý chí, nghị lực dám sống, dám thành công giống như các bạn trẻ kiêu thị không hiềm trong cuộc sống của chúng ta,

ví như chàng trai không tay, không chân Nick Vujicic, thầy giáo Nguyễn Ngọc Ký, chàng trai Nguyễn Sơn Lâm,...

- Ý chí, nghị lực có vai trò quan trọng trong cuộc đời mỗi con người:

+ Thứ nhất, ý chí, nghị lực tạo cho ta bản lĩnh và lòng dũng cảm. Người có ý chí và nghị lực là người dám đương đầu với mọi khó khăn thử thách, là người dám nghĩ, dám làm, dám sống. Chàng trai Nguyễn Sơn Lâm chỉ cao chưa đầy một mét, đi phải chống nạng nhưng lại giỏi ba thứ tiếng, từng thi Việt Nam Idol 2010. Năm 2011, anh là người đã chinh phục đỉnh Phanxipăng và trở thành người khuyết tật Việt Nam đầu tiên đặt chân lên đỉnh núi này mà không cần đến sự giúp đỡ của người khác.

+ Thứ hai, ý chí, nghị lực giúp chúng ta khắc phục những khó khăn và thử thách, rèn cho ta niềm tin và thúc đẩy chúng ta luôn hướng về phía trước, vững tin vào tương lai. Nick Vujicic từng nói: *"Không có mục tiêu nào quá lớn, không có ước mơ nào quá xa vời"*. Bác sĩ Đặng Thùy Trâm cũng từng nhắn nhủ: *"Đời phải trải qua giông tố nhưng không được cúi đầu trước giông tố"*. Đó là những thông điệp lớn lao về ý chí và nghị lực.

+ Thứ ba, ý chí nghị lực giúp con người luôn tự tin về bản thân, tự tin với công việc mình làm, dù thất bại vẫn không nản chí. Câu chuyện Bill Gates bỏ dở đại học, lập công ty phần mềm rồi liên tiếp thất bại nhưng ông không lùi bước, quyết khắc phục những thất bại đó để vươn lên, trở thành nhà tỷ phú là minh chứng cho điều đó.

- Thiếu ý chí, nghị lực, con người sẽ trở nên hèn nhát, bi quan, chán nản và tuyệt vọng, trở thành người vô ích trong xã hội.

Xã hội ngày càng phát triển, nhiều cơ hội được mở ra nhưng ta vẫn thấy có những biểu hiện trái ngược. Bên cạnh những người có ý chí, nghị lực, đạt được thành công, có rất nhiều bạn trẻ thấy khó khăn thì nản chí, gặp thất bại thì suy sụp tinh thần, hủy hoại bản thân, sống thiếu niềm tin, thiếu ý chí, hèn nhát và dễ gục ngã. Đây là những biểu hiện cần bị lên án.

- Muốn có ý chí và nghị lực, chúng ta phải có tinh thần tự chủ, tự lập và tự tin. Được như vậy, chúng ta sẽ tự vươn lên, vượt qua những phong ba của cuộc đời. Giống như ngư dân Trần Minh Sang, dù phải đối diện với cái chết, anh nhất quyết không chịu bỏ nghề, vẫn bám biển để nuôi sống gia đình.

- Cuộc sống của chúng ta là một chuỗi khó khăn và thử thách. Nếu hèn nhát

và yếu đuối chắc chắn ta sẽ thất bại và gục ngã, nhưng nếu có ý chí và nghị lực chắc chắn chúng ta sẽ vươn tới hạnh phúc và thành công.

Câu 2.

a. Yêu cầu chung

- *Về kĩ năng*: Có kĩ năng cảm nhận, phân tích nghệ thuật của một tác phẩm văn xuôi, từ đó biết cách viết bài văn nghị luận văn học, kết cấu đầy đủ, rõ ràng, mạch lạc, văn viết lưu loát, cảm xúc chân thành.

- *Về kiến thức*: Từ những hiểu biết về nội dung và nghệ thuật truyện *Hai đứa trẻ* của Thạch Lam, bài viết tập trung phân tích để làm sáng tỏ những thành công về nghệ thuật của tác phẩm. Bài viết cần thể hiện được những cảm nhận tinh tế, phân tích sắc sảo, lí giải hợp lí và thuyết phục.

b. Yêu cầu cụ thể

Bài viết cần tập trung làm rõ các ý chính sau:

- Cũng như nhiều truyện ngắn khác của Thạch Lam, *Hai đứa trẻ* là một truyện ngắn không có cốt truyện. Toàn bộ truyện chủ yếu tập trung miêu tả tâm trạng thao thức của Liên và An, sự mong mỏi chờ đợi một chuyến tàu đêm đi ngang qua. Những trang viết miêu tả tâm trạng nhân vật, miêu tả những cảm xúc, cảm giác mơ hồ, mong manh,... rất sâu sắc và tinh tế.

- Trong truyện, Thạch Lam sử dụng khá thành công thủ pháp nghệ thuật đối lập, tương phản (giữa một bên là sự nhạt nhòa, buồn tẻ và bên kia là những “toa đèn sáng trưng”, là sự ồn ào, náo nhiệt), khiến cho khung cảnh phố huyện càng thêm nghèo nàn, vắng lặng.

- Truyện còn đặc sắc ở lối kể chuyện thủ thi, tâm tình đượm chất thơ của Thạch Lam. Ấn hiện kín đáo, lặng lẽ sau những hình ảnh và ngôn từ là một tâm hồn đôn hậu, tinh tế, hết sức nhạy cảm với mọi biến thái của lòng người và tạo vật. “*Hai đứa trẻ*” rất tiêu biểu cho loại truyện ngắn tâm tình của Thạch Lam. Truyện không có cốt truyện nhưng vẫn hấp dẫn bởi khả năng khai thác, tái hiện thế giới nội tâm nhân vật của nhà văn, từ đó khơi dậy sự đồng cảm, sẻ chia ở người đọc. Ngôn ngữ giàu chất thơ, lối viết nhẹ nhàng, điềm tĩnh mà lắng đọng, dư ba.

MỤC LỤC

	Trang		Trang
Lời nói đầu	3		
1. ĐỀ 1	5	26. ĐỀ 26	129
2. ĐỀ 2	9	27. ĐỀ 27	134
3. ĐỀ 3	14	28. ĐỀ 28	140
4. ĐỀ 4	20	29. ĐỀ 29	145
5. ĐỀ 5	25	30. ĐỀ 30	150
6. ĐỀ 6	29	31. ĐỀ 31	155
7. ĐỀ 7	34	32. ĐỀ 32	162
8. ĐỀ 8	38	33. ĐỀ 33	167
9. ĐỀ 9	42	34. ĐỀ 34	171
10. ĐỀ 10	47	35. ĐỀ 35	176
11. ĐỀ 11	52	36. ĐỀ 36	180
12. ĐỀ 12	57	37. ĐỀ 37	186
13. ĐỀ 13	64	38. ĐỀ 38	190
14. ĐỀ 14	68	39. ĐỀ 39	196
15. ĐỀ 15	73	40. ĐỀ 40	201
16. ĐỀ 16	77	41. ĐỀ 41	207
17. ĐỀ 17	83	42. ĐỀ 42	213
18. ĐỀ 18	87	43. ĐỀ 43	219
19. ĐỀ 19	93	44. ĐỀ 44	223
20. ĐỀ 20	98	45. ĐỀ 45	230
21. ĐỀ 21	103	46. ĐỀ 46	233
22. ĐỀ 22	108	47. ĐỀ 47	239
23. ĐỀ 23	113	48. ĐỀ 48	245
24. ĐỀ 24	118	49. ĐỀ 49	250
25. ĐỀ 25	124		

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
16 Hàng Chuối - Hai Bà Trưng - Hà Nội
Điện thoại: Biên tập - Chế bản: 04 3971 4896
Hành chính: (04) 3971 4899; Tổng biên tập: (04) 39715011
Fax: (04) 39714899

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng biên tập: TS. PHẠM THỊ TRÂM

Biên tập:	BÙI THƯ TRANG
Chế bản:	PHẠM HỒNG THÚY
Trình bày bìa:	BÙI MẠNH CHIẾN
Đối tác liên kết xuất bản:	CÔNG TY THƯƠNG MẠI ĐÔNG NAM

SÁCH LIÊN KẾT

ÔN LUYỆN THI TRUNG HỌC PHỔ THÔNG QUỐC GIA MÔN NGỮ VĂN

Mã số: 2L-138 ĐH2015

In 2.000 cuốn, khổ 17 x 24 cm, tại Công ty Cổ phần In Hà Nội - Lô 6B, CN5
cụm Công nghiệp Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội.

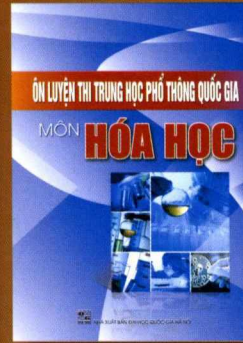
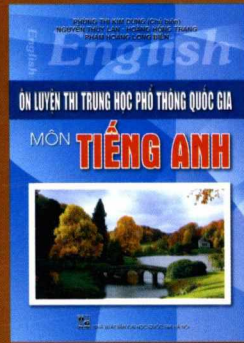
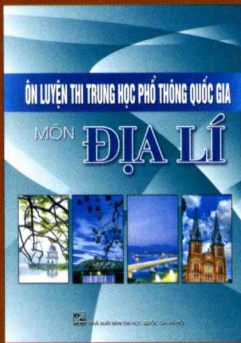
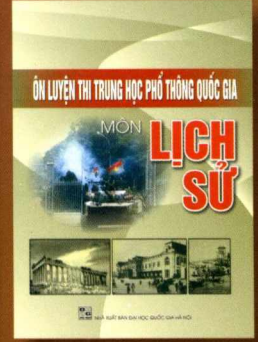
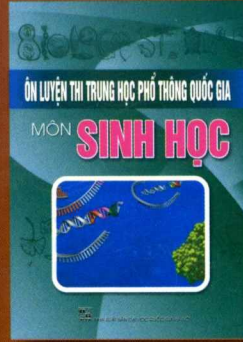
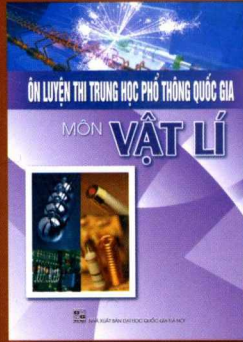
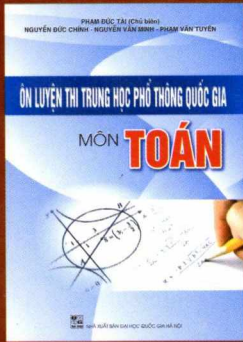
Số xuất bản: 445-2015/CXB/38-100/ĐHQGHN.

Quyết định xuất bản số: 121 LK-XH/QĐ-NXB ĐHQGHN ngày 09/3/2015.

In xong và nộp lưu chiểu quý II năm 2015.

Mã ISBN: 978-604-62-2351-1

Tim đọc



**SÁCH LIÊN KẾT VỚI CÔNG TY TNHH TM ĐÔNG NAM
ĐƯỢC PHÂN PHỐI TẠI:**

HÀ NỘI

Nhà sách Kinh Đô
93 Phùng Hưng

Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội

ĐT: 04.39360822 * Fax: 04.39360823

E-mail: nhasachkinhdo@vnn.vn

<http://www.nhasachkinhdo.com>

TP HỒ CHÍ MINH

Nhà sách Kinh Đô 2

225A Nguyễn Tri Phương - Phường 9

Quận 5 - Tp Hồ Chí Minh

ĐT: 08.38547462 * Fax: 08.38547467

E-mail: nhasachkinhdo2@vnn.vn

<http://www.nhasachkinhdo2.com>



8 935206 151566 4

Giá: 59.000đ